



BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM VỤ
GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG
KHU VỰC TÂY NGUYÊN

Mã số: B2022-VKG-02-MT.TĐ

Chủ trì nhiệm vụ: PGS.TS. Trần Huy Hoàng



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

.....

**BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM VỤ
GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN**

Mã số: B2022-VKG-02-MT.TĐ

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Trần Huy Hoàng

Hà Nội, 2024

DANH SÁCH NHÓM NGHIÊN CỨU

I. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên thực hiện chính

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Trần Huy Hoàng	Viện KHGD Việt Nam	Chủ nhiệm nhiệm vụ
2	TS Vương Thị Phương Hạnh	Viện KHGD Việt Nam	Thư ký
3	PGS.TS Nguyễn Thị Hồng Vân	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
4	CN Nguyễn Thị Kim Chi	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
5	TS Nguyễn Thị Kiều Oanh	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
6	ThS Nguyễn Thị Chi	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
7	TS Nguyễn Thị Hào	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
8	TS Nguyễn Lê Vân Dung	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
9	ThS Bùi Thanh Xuân	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ
10	ThS Dương Thị Oanh	Viện KHGD Việt Nam	Thành viên nhiệm vụ

II. Các thành viên phối hợp

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1	ThS. Nguyễn Thị Hương	Viện KHGD Việt Nam
2	TS. Phan Thanh Hà	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
3	TS. Hồ Thị Hồng Vân	Viện KHGD Việt Nam
4	ThS. Phan Thị Bích Lợi	Viện KHGD Việt Nam
5	ThS. Nguyễn Hoài Thu	Viện KHGD Việt Nam
6	ThS Vũ Thị Phương Thảo	Viện KHGD Việt Nam
7	ThS Hồ Huyền Trang	Viện KHGD Việt Nam
8	PGS.TS Chu Cẩm Thơ	Viện KHGD Việt Nam
9	ThS Vũ Thị Quỳnh Nga	Viện KHGD Việt Nam
10	ThS. Vương Hồng Hạnh	Viện KHGD Việt Nam
11	TS Nguyễn Thị Liên	Trường ĐH Giáo dục – ĐH Quốc gia Hà Nội
12	ThS Lê Anh Đức	Viện KHGD Việt Nam
13	TS Nguyễn Thanh Sơn	Hội Tâm lý Giáo dục Hà Nội.
14	TS Phạm Hà Thương	Viện KHGD Việt Nam
15	ThS. CVCC Lê Thu Phương	Bộ Giáo dục và Đào tạo

III. Các đơn vị phối hợp chính

- Vụ Giáo dục Tiểu học
- Vụ Giáo dục Trung học
- Vụ Giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên
- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo: Lâm Đồng, Đắk Lak, Kon Tum, Đắk Nông, Gia Lai.

MỤC LỤC

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	XI
INFORMATION ON RESEARCH RESULTS.....	XIV
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của nhiệm vụ.....	1
2. Mục tiêu của nhiệm vụ.....	4
2.1. Mục tiêu chung	4
2.2. Mục tiêu cụ thể	4
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	4
3.1 Đối tượng:	4
3.2 Phạm vi:.....	4
4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu.....	5
4.1. Cách tiếp cận.....	5
4.2. Phương pháp thực hiện nhiệm vụ.....	6
5. Nội dung nghiên cứu.....	8
5.1. Nghiên cứu biên soạn tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	8
5.2. Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên	8
5.3. Xây dựng, thử nghiệm mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	8
5.4. Truyềnthông về giáo dục học sinh bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên	8
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI.....	9
PHẦN 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	9
I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....	9
1. Một số khái niệm cơ bản.....	9
2. Định chế quốc tế và luật pháp Việt Nam về bảo tồn ĐVHD.....	11
2.1. Các quy định về quản lý	11
2.2. Các quy định về xử lý vi phạm và chế tài răn đe.....	13
II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	15
III. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN	34
1. Thông tin chung về khảo sát	34
1.1. Mục tiêu khảo sát.....	34

1.2. Thời gian và địa điểm khảo sát	34
1.3. Đối tượng và Phương pháp khảo sát.....	34
1.4. Nội dung khảo sát.....	35
1.5. Phương pháp phân tích số liệu.....	35
2. Kết quả khảo sát.....	36
2.1. Thực trạng nhận thức và sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các bên liên quan	36
2.2. Thực trạng về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường	39
2.3. Thực trạng về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD.....	46
2.4. Thực trạng về hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD của nhà trường, cộng đồng	53
2.5. Nhu cầu, mong đợi về hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của địa phương.....	64
3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng	66
PHẦN 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN	68
I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN.....	68
1. Căn cứ xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.....	68
1.1. Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật	68
1.2. Căn cứ vào yêu cầu của thực tiễn	69
2. Vai trò của việc xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.....	69
3. Nguyên tắc xây dựng mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.....	70
3.1. Đảm bảo mục tiêu của giáo dục bảo vệ động vật hoang dã	70
3.2. Đảm bảo tính khoa học	71
3.3. Đảm bảo tính khái quát và trực quan.....	71
3.4. Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi	71
3.5. Đảm bảo tính hiện đại	72
5. Cấu trúc của mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.....	73
6. Cách thức vận hành của mô hình	76
7. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong xây dựng và triển khai mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	78
8. Các điều kiện đảm bảo trong xây dựng và triển khai mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.....	79
8.1. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến nguồn lực con người.....	79
8.2. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến nguồn lực khác (vật lực, tài lực...)	80
8.3. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến các yếu tố tự nhiên, xã hội.....	81

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN.....	81
1. Vai trò, ý nghĩa của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD	Error! Bookmark not defined.
2. Mục đích và yêu cầu của hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD..	Error! Bookmark not defined.
3. Nội dung truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD ..	Error! Bookmark not defined.
4. Các hình thức và kỹ thuật tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD	Error! Bookmark not defined.
4.1. Giới thiệu một số hình thức truyền thông phù hợp trong nhà trường.....	Error! Bookmark not defined.
4.2. Một số kỹ thuật truyền thông hiệu quả.....	Error! Bookmark not defined.
III. XÂY DỰNG TÀI LIỆU VÀ TỔ CHỨC TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO GIÁO VIÊN VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN.....	92
1. Xây dựng tài liệu.....	92
2. Tổ chức tập huấn.....	93
2.1. Thông tin khóa tập huấn.....	93
2.2. Chương trình tập huấn	94
2.3 Kết quả tập huấn	96
2.4. Đánh giá chung về khóa tập huấn.....	101
2.5. Một số phát hiện qua hoạt động tập huấn.....	104
PHẦN III. THỬ NGHIỆM CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN	105
I. THỬ NGHIỆM DẠY HỌC	105
1. Nội dung dạy học tích hợp.....	105
2. Kết quả dạy học tích hợp	106
3. Một số vấn đề đặt ra.....	109
II. THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	110
1. Nội dung và hình thức tổ chức.....	110
2. Kết quả thử nghiệm.....	110
III. THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG	113
1. Mục đích thử nghiệm	113
2. Đánh giá kết quả thử nghiệm	113
2.1. Các kết quả cụ thể:	113
2.2. Về tính hiệu quả của hoạt động truyền thông bảo vệ động vật hoang dã.....	115

2.3. Nhận xét về những hình thức truyền thông hiệu quả và phù hợp nhất trong việc giáo dục về bảo vệ ĐVHD đối với HS của nhà trường	116
2.4. Về tính lan tỏa của hoạt động truyền thông	117
3. Một số đề xuất, khuyến nghị sau thử nghiệm	117
3.1. Đề xuất, khuyến nghị	117
3.2. Về hướng triển khai tiếp theo các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD tại nhà trường	118
IV. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG QUA THỬ NGHIỆM	118
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	120
I. KẾT LUẬN	120
II. KHUYẾN NGHỊ	121
1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý	121
2. Đối với các cơ sở giáo dục	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO	123

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1: Mong muốn của HS về hoạt động GDBVĐVHD</i>	64
<i>Bảng 2: Mong muốn của GV và CBQLGD về các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động GDBVĐVHD</i>	65

DANH MỤC BIỂU

<i>Biểu đồ 1: Nhận thức của các đối tượng về ĐVHD.....</i>	36
<i>Biểu đồ 2: Nhận thức của các đối tượng về lí do cần bảo vệ ĐVHD</i>	38
<i>Biểu đồ 3: Nhận thức của CBQL và GV về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã</i>	39
<i>Biểu đồ 4: Thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã</i>	40
<i>Biểu đồ 5: Các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã</i>	42
<i>Biểu đồ 6: Thực trạng nội dung quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường</i>	44
<i>Biểu đồ 7: Thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã</i>	45
<i>Biểu đồ 8: Các bước tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã</i>	45
<i>Biểu đồ 9: Điểm trung bình về mức độ tham gia của các đơn vị ở cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh ở trường.....</i>	47
<i>Biểu đồ 10: Điểm trung bình về mức độ tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh ở trường</i>	48
<i>Biểu đồ 11: Điểm trung bình của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học và hoạt động giáo dục</i>	49
<i>Biểu đồ 12: Điểm trung bình về những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để giáo dục bảo vệ ĐVHD.....</i>	50
<i>Biểu đồ 13: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường</i>	51
<i>Biểu đồ 14: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường</i>	52
<i>Biểu đồ 15: Tỷ lệ phần trăm mô tả các hoạt động tập huấn cho giáo viên liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	53
<i>Biểu đồ 16: Điểm trung bình của CBQL đánh giá về năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của giáo viên.....</i>	53
<i>Biểu đồ 17:Mục tiêu cơ bản các của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD... ..</i>	54
<i>Biểu đồ 18:Nội dung các hoạt động truyền thông đã tổ chức</i>	54
<i>Biểu đồ 19:Năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV</i>	55
<i>Biểu đồ 20: Điểm trung bình về mức độ thực hiện các hình thức truyền thông</i>	55
<i>Biểu đồ 21: Ý kiến của HS về hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	56
<i>Biểu đồ 22: Ý kiến của CBQL, GV về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	57
<i>Biểu đồ 23:Ý kiến của HS trung học về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	57

<i>Biểu đồ 24: Ý kiến của CBQL và GV về hiệu quả của các hình thức truyền thông trong việc giáo dục HS về bảo vệ ĐVHD</i>	58
<i>Biểu đồ 25: Ý kiến của GV về mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	58
<i>Biểu đồ 26: Ý kiến của HS về mức độ tích cực khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	59
<i>Biểu đồ 27: Ý kiến của HS về mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	59
<i>Biểu đồ 28: Vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông</i>	60
<i>Biểu đồ 29: Người thiết kế các thông điệp trong các hoạt động truyền thông</i>	61
<i>Biểu đồ 30: Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường</i>	61
<i>Biểu đồ 31: Các nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường ở Đắk Lắk và Lâm Đồng</i>	62
<i>Biểu đồ 32: Cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng</i>	63
<i>Biểu đồ 33: Ý kiến của CBQL và GV về mức độ tham gia của GV, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	63
<i>Biểu đồ 34: Sự tham gia, đóng góp của cha mẹ HS trong các hoạt động truyền thông của nhà trường</i>	64

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH

<i>Sơ đồ 1: Khung luật pháp Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ ĐVHD</i>	11
<i>Sơ đồ 2: Dòng thời gian của luật/quy định (màu cam), chương trình quốc gia (màu xanh lá cây), lệnh cấm (màu tím) và các sự kiện lớn (màu xanh) liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã ở Trung Quốc</i>	16
<i>Hình 1: Mô hình tổng thể về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông ở khu vực Tây Nguyên</i>	73
<i>Hình 2: Sự vận hành của các thành tố trong mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên</i>	78
<i>Hình 3. Quan niệm về ĐVHD</i>	96
<i>Hình 4. Những loại động vật ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên</i>	97
<i>Hình 5. Lý do cần phải bảo vệ ĐVHD</i>	98
<i>Hình 6. Giải pháp để giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	99
<i>Hình 7. Con đường/phương thức phù hợp để giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	100
<i>Hình 8. Các bước thực hiện giáo dục BVĐVHD qua các môn học</i>	100
<i>Hình 9. Kỹ thuật truyền thông được sử dụng trong hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD</i>	101
<i>Hình 10. Đánh giá về nội dung tập huấn</i>	102
<i>Hình 11. Đánh giá về phương pháp tập huấn</i>	103

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐVHD	Động vật hoang dã
MT	Môi trường
GDMT	Giáo dục môi trường
GDBVMT	Giáo dục bảo vệ môi trường
PPDH	Phương pháp dạy học
GV	Giáo viên
HSTH	Học sinh tiểu học
GDPT	Giáo dục phổ thông
CT GDPT	Chương trình giáo dục phổ thông

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên nhiệm vụ: *Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên*

Mã số: **B2022-VKG-02-MT.TĐ**

Chủ nhiệm: PGS. TS. Trần Huy Hoàng

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

2. Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Biên soạn nội dung giáo dục, xây dựng mô hình tổ chức giáo dục và hoạt động tuyên truyền bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên nhằm thực hành bảo vệ một số loài ĐVHD và môi trường sống của chúng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Xây dựng nội dung và biên soạn tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên;

(2) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên;

(3) Nghiên cứu mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD và hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD phù hợp với thực tiễn trường phổ thông khu vực Tây Nguyên;

(4) Thiết kế và hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông ở khu vực Tây Nguyên.

4. Nội dung chính

4.1. Nghiên cứu biên soạn tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Biên soạn tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

4.2. Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên

Biên soạn bộ tài liệu tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên và tiến hành tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán

bộ quản lý và giáo viên trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

4.3. Xây dựng, thử nghiệm mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên và thử nghiệm một số nội dung của mô hình.

4.4. Truyền thông về giáo dục học sinh bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Tổ chức một số hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

5. Sản phẩm chính

TT	Tên sản phẩm theo TM	Số lượng
1	Tài liệu: Giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên	01
2	Bộ tài liệu tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên (Tài liệu cho cấp TH và cấp Trung học) (được HĐTĐ cấp Bộ thông qua)	02
3	Tài liệu Hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
4	Tài liệu Hướng dẫn cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
5	Mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
6	Bộ tiêu chí về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
7	Bộ công cụ đánh giá mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
8	Báo cáo thực trạng giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên	
9	Báo cáo kết quả thử nghiệm tài liệu tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
10	Báo cáo kết quả thử nghiệm mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.	01

11	Báo cáo kết quả truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên	01
12	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ	01
13	Sản phẩm của nhiệm vụ được công bố trên website của đơn vị chủ trì	01

6. Hiệu quả

6.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tăng cường nhận thức của giáo viên, HS về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Cung cấp hiểu biết về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh khu vực Tây Nguyên.
- Cung cấp phương pháp giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh khu vực Tây Nguyên.

6.2. Đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Nâng cao ý thức giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh khu vực Tây Nguyên.
- Giảm thiểu các tác động xấu tới thiên nhiên và môi trường sống.

6.3. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

- Có đóng góp tích cực, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học đã được kiểm nghiệm trong thực tế, nhân rộng hỗ trợ ngành và địa phương.
- Góp phần gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn giáo dục và nhu cầu của xã hội về hoạt động bảo vệ môi trường.

Ngày 8 tháng 12 năm 2023

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Chủ nhiệm nhiệm vụ

PGS.TS Trần Huy Hoàng

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Task name: *Wildlife protection education in high schools in the Central Highlands region*

Code: **B2022-VKG-02-MT.TD**

Chairman: Associate Professor. Dr. Tran Huy Hoang

Lead agency: The Vietnam National Institute of Educational Sciences

2. Implementation time: From January 2022 to December 2023

3. Objectives

3.1. General objective

Compiling educational content, building educational organization models and wildlife protection propaganda activities at high schools in the Central Highlands region to practice the protecting some wildlife species and their habitats.

3.2. Specific objectives

(1) Develop content and compile educational materials on wildlife protection in the Central Highlands region;

(2) Develop documents and organize teacher training on wildlife protection education in the Central Highlands;

(3) Research the wildlife protection education model and guide the process of building a wildlife protection education model consistent with the reality of high schools in the Central Highlands region;

(4) Design and guide the organization of communication activities on wildlife protection for high school students in the Central Highlands region.

4. Main content

4.1. Research and compile documents on wildlife protection education in high schools in the Central Highlands region

Compiling documents on wildlife protection education at high schools in the Central Highlands region to provide knowledge and skills for administrators and high school teachers in wildlife protection education for high school students in the region. Central Highlands region.

4.2. Training to improve the capacity of teachers on wildlife protection education for high school students in the Central Highlands region

Compiling a set of teacher training materials on wildlife protection education for high school students in the Central Highlands region and conducting the training to improve the capacity of administrators and teachers in wildlife protection education for students. high school students in the Central Highlands region.

4.3. Building and testing a wildlife protection education model at high schools in the Central Highlands region

- Compile documents to guide the process of building a wildlife protection education model for high school students in the Central Highlands region.

- Build a wildlife protection education model in high schools in the Central Highlands region and test some of the model's contents.

4.4. Communication on educating students to protect wildlife in the Central Highlands region

- Compile documents to guide key managers and teachers in organizing communication activities on wildlife protection education for high school students in the Central Highlands region.

- Organize a number of communication activities to raise awareness and change the behavior of students, teachers, and administrators in educating wildlife protection in the Central Highlands region.

5. Main products

TT	Product names according to explanation	Quantity
1	Document: Wildlife protection education in the Central Highlands region	01
2	Set of teacher training materials on wildlife protection education in the Central Highlands region (Materials for primary and secondary levels) (approved by the Ministerial Council)	02
3	Guidance Document on the process of building a wildlife protection education model in high schools in the Central Highlands region	01
4	Document to guide key administrators and teachers to organize wildlife protection education and communication activities for high school students in the Central Highlands region	01
5	Model of wildlife protection education at high schools in the Central Highlands region	01
6	Set of criterias for wildlife protection education models in high schools in the Central Highlands region	01
7	Set of tools for evaluating wildlife protection education models in high schools in the Central Highlands region	01
8	Report on the current status of wildlife protection education for high school students in the Central Highlands region	
9	Report on the results of testing training materials for managers and core teachers of high schools in the Central Highlands region	01
10	Report on the results of testing the wildlife protection education model in high schools in the Central Highlands region.	01
11	Report on communication results on wildlife protection education for high school students in the Central Highlands region	01
12	Mission summary report	01

13	The products of the mission are announced on the website of the host institute	01
----	--	----

6. Efficiency

6.1. For the field of education and training

- Increase the awareness of teachers and students about wildlife protection education in the Central Highlands region.

- Provide understanding about wildlife protection education for students in the Central Highlands region.

- Provide wildlife protection education methods for students in the Central Highlands region.

6.2. For socio-economic development

- Raise awareness of wildlife protection education for students in the Central Highlands region.

- Minimize negative impacts on nature and the living environment.

6.3. For host organizations and facilities applying research results

- To be a positive contribution, implementing and applying scientific research results that have been tested in practice, replicating and supporting industry and localities.

- This mission research activity contributes to link scientific research activities with educational practice and social needs for environmental protection activities.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nhiệm vụ

Trong bối cảnh Trái đất đang ngày càng nóng hơn, thiên tai hoạn nạn (cháy rừng, hỏa hoạn, dịch bệnh, bão lũ,...) ngày càng biến đổi khó lường, việc cải thiện môi trường sống được coi là một trong các nhiệm vụ cấp thiết. Trong đó, bảo tồn động vật hoang dã (ĐVHD) là một nhiệm vụ trọng tâm, ảnh hưởng đến quá trình sinh tồn của Trái đất và loài người. Đây không chỉ là vấn đề sống còn của một cá nhân, một tập thể, một khu vực hay một quốc gia mà là vấn đề toàn cầu. Hệ sinh thái nói chung và ĐVHD nói riêng hiện đã và đang kêu cứu khẩn thiết, nhưng chưa nhận được những hồi đáp thực sự có hiệu quả từ phía con người. Các loài ĐVHD đang bị suy giảm đáng kể, thậm chí Gaia đã cảnh báo rằng, nếu tình trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, săn bắt ĐVHD trái phép... còn tiếp diễn, thì chỉ đến năm 2100 tất cả các loài thú lớn sẽ vĩnh viễn tuyệt chủng.

Ở Việt Nam các hoạt động săn bắt trái phép, buôn bán ĐVHD, phá hoại môi trường sống, phá rừng, rác thải,... khiến cho các loài động vật trong Sách đỏ Việt Nam cũng như trong công ước CITES (Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) đang dần mất đi và có nguy cơ tuyệt chủng. Nhà nước cũng đã ban hành nhiều luật (như Luật Lâm nghiệp 2017, Luật hình sự 2015, Luật bảo vệ môi trường 2015, Luật đa dạng sinh học 2008,...) tạo hành lang pháp lý nhằm triển khai các chương trình hành động khẩn nhằm cấp cứu, bảo vệ hệ sinh thái cũng như các loài ĐVHD trên toàn lãnh thổ nói chung, khu vực Tây Nguyên nói riêng.

Công văn số 2866/BGDĐT-KHCNMT ngày 5/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2020 tập trung vào việc phát triển hệ thống tài liệu, học liệu về các phương pháp, hình thức giáo dục bảo vệ môi trường; phát triển các giải pháp đẩy mạnh hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường và khắc phục ô nhiễm trong các cơ sở giáo dục; thúc đẩy xây dựng và phổ biến các mô hình điển hình, tiên tiến về giáo dục bảo vệ môi trường; tăng cường tập huấn về giáo dục bảo vệ môi trường và phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, giáo dục bảo vệ môi trường theo định hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững.

Vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích cao nguyên rộng lớn, những con sông đầu nguồn và những khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Khu vực này có tính đa dạng sinh học bậc nhất trong 200 vùng đa dạng sinh học trên thế giới, với sự đa dạng các hệ sinh thái rừng lá kim, rừng khộp, tre nứa, nguyên sinh, thứ sinh, rừng lá rộng rụng lá nhiệt đới, lá rộng thường xanh nhiệt đới,... Tài nguyên thực vật ở Tây Nguyên gồm 4.013 loài thuộc 201 họ, 127 chi thực vật bậc cao có mạch, chiếm hơn 30% tổng số loài thực vật ở Việt Nam. Trong đó lớp 2 lá mầm là 3.127 loài, và lớp 1 lá mầm là 866 loài¹.

¹ Nguồn: *Biến động tài nguyên sinh vật do tác động của công trình thủy lợi, thủy điện ở Tây Nguyên*, Nguyễn Lập Dân, Hà Quý Quỳnh - Tạp chí Các khoa học về Trái đất, số 36, 3-2014.

Tài nguyên động vật có mối quan hệ mật thiết với tài nguyên thực vật nói trên. Tây Nguyên là nơi sinh sống của 126 loài thú thuộc 31 họ, 14 bộ; 412 loài chim thuộc 71 họ, 19 bộ; 64 loài bò sát thuộc 20 họ, 3 bộ; 30 loài ếch nhái thuộc 8 họ, 2 bộ;... Các kiểu rừng ở Tây Nguyên là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam như các loài thuộc bộ Linh trưởng, bộ Dơi, bộ Ăn thịt, bộ Guốc chẵn. Một số loài quý hiếm ở Tây Nguyên gồm: Bò xám, Voi, Bò tót, Bò rừng, Trâu rừng, Hươu cà toong, Hươu vàng, Chà vá chân đen, Chà vá chân xám, Vượn má hung...; cùng một số loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền, cao cát, chim đuôi cụt...²

Khu vực này có 6 vườn quốc gia đó là: Chư Mom Ray (Kon Tum); Kon Ka Kinh (Gia Lai); Yok Đôn (Đắk Lắk, Đắk Nông); Chư Yang Sin (Đắk Lắk); Bidoup núi Bà (Lâm Đồng) và Cát Tiên (Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước); Tà Đùng (Đắk Nông). 5 khu bảo tồn thiên nhiên trong khu vực đó là: Ngọc Linh (Kon Tum); Kon Chư Răng (Gia Lai); Ea Sô và Nam Kar (Đắk Lắk); Nam Nung (Đắk Nông). Các vườn quốc gia và khu bảo tồn, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhiều loài ĐVHD quý hiếm nằm trong Sách Đỏ của thế giới và Việt Nam.

Tuy nhiên hơn bốn thập kỷ gần đây, có hai nguyên nhân chính đã khiến hệ sinh thái Tây Nguyên bị chuyển biến, khiến cho các loài ĐVHD đã và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng:

(i) Tây Nguyên đã xây dựng 638 hồ thủy lợi, thủy điện, trong đó Đắk Lắk có nhiều công trình nhất với 321 hồ, Đắk Nông 138 hồ, Lâm Đồng 84 hồ, Gia Lai 70 hồ và Kon Tum 25 hồ. Các hồ này phân bố khắp Tây Nguyên (chiếm diện tích 78.698 ha), nên tài nguyên sinh vật chịu 3 tác động chính là:

- Giảm diện tích phân bố của tài nguyên thực vật;
- Mất nơi sinh sống của nhiều loài động vật;
- Tăng diện tích mặt nước, nên phát triển các loài thủy sinh vật.

Những điều này ảnh hưởng tới đường di cư của động vật thể hiện qua: chia cắt đường di chuyển của các loài cá di cư; chia cắt đường di chuyển của các loài động vật sống trên cạn vì không biết bơi.

(ii) Tình trạng săn bắn, mua bán động vật, bắt ĐVHD (như voi, khỉ...) phục vụ nhu cầu du lịch, làm đồ trang sức,... đang diễn ra phổ biến ở các tỉnh Tây Nguyên.

Vì thế nhiều ĐVHD bị giảm số lượng đáng kể. Bò xám là động vật cực kỳ quý chỉ có với số lượng ít ỏi ở Đông Dương, trước đây chúng sống phổ biến trong rừng Yok Đôn (Đắk Lắk) và Chư Mom Ray (Kon Tum) nhưng ngày nay không còn. Loài Heo vòi đã từng có ở khu rừng Chư Mom Ray, nhưng đến nay đã bị tuyệt chủng hoàn toàn. Nai Cà toong trước đây sống khá phổ biến ở nhiều khu rừng, nay cũng biến mất khỏi Gia Lai và Kon Tum. Ở Đắk Lắk Nai Cà toong chỉ còn rất ít cá thể và số phận của loài động vật này đang tiếp tục bị đe dọa và cũng có nguy cơ bị tuyệt chủng. Cách đây không lâu, các loại hổ, báo, gấu sống ở nhiều khu rừng Kon Plông, Sa Thầy, Đắk Glei (Kon

² *Biến động tài nguyên sinh vật do tác động của công trình thủy lợi, thủy điện ở Tây Nguyên*, Nguyễn Lập Dân, Hà Quý Quỳnh - Tạp chí Các khoa học về Trái đất, số 36, 3-2014.

Tum), Chu Prông, K'bang, Krông Pa, Ia G'rai (Gia Lai), M'Đrăk, Ea Súp, Buôn Đôn, Nam Kar, Nam Nung...(Đăk Lăk) nhưng nay chúng đã bị giảm số lượng khá lớn. Khu bảo tồn đa dạng sinh học Ea Sô (Đăk Lăk) đang tồn tại một số ít cá thể hươu đầm lầy, nhưng vì không được bảo vệ chu đáo nên loại động vật quý hiếm này đã bị tuyệt chủng. Đối với các loài bò tót, bò rừng trước đây thường gặp quy mô đàn 5 - 7 con, nay không còn xuất hiện. Tại địa bàn tỉnh Đăk Nông, trong những năm 1976 - 1985 trâu rừng còn phổ biến trong các khu rừng và đồng cỏ tự nhiên, nay đàn trâu rừng hoàn toàn vắng bóng.

Nghiên cứu về giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên được chúng tôi lựa chọn bởi các lý do chủ yếu sau:

(i) Vì sự đa dạng sinh thái sẵn có của khu vực Tây Nguyên, vì sự tàn phá rừng và giết hại ĐVHD đang diễn ra trầm trọng ở Tây Nguyên nên nhiều tổ chức trong và ngoài nước đã có những hành động thiết thực như: tổ chức chương trình “Hồi đáp tiếng kêu của núi rừng”; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ ĐVHD cho người dân; tổ chức sự kiện hưởng ứng Ngày thế giới bảo tồn các loài hoang dã với chủ đề “Tây Nguyên kiêu hãnh, Tây Nguyên bảo vệ thú rừng”...Thúc đẩy phong trào này, ngành giáo dục cần có những hành động thiết thực để nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo tồn ĐVHD cho người dân.

(ii) Công tác bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên được coi là trọng điểm quốc gia, thông qua nhiều bộ Luật và chương trình hành động khẩn cấp nói trên. Tuy nhiên nguy cơ tuyệt chủng của ĐVHD vẫn hiện hữu và trở nên ngày càng trầm trọng.

(iii) Trong các hoạt động bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên, hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông được xác định là khâu trọng yếu bởi lẽ, một trong những lực lượng góp phần quan trọng trong bảo tồn ĐVHD là nhà giáo dục, học sinh, cha mẹ và người thân.

(iv) Thực tế việc giáo dục bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên nói riêng có những hạn chế cơ bản sau:

- Thiên nhiên (môi trường tự nhiên) liên tục biến đổi, nhưng người dân nói chung và nhà giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh nói riêng chưa được cập nhật đầy đủ thông tin để có những biện pháp thiết thực, kịp thời ứng phó với những thay đổi đó;

- Dù đã có nhiều công trình, dự án đã đề cập đến vấn đề bảo tồn ĐVHD trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào đề cập một việc biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông nói chung, cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Việc biên soạn và tích hợp những nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào chương trình GDPT 2018 mới ban hành cần được ưu tiên.

- Dù giáo dục môi trường là một trong các nội dung giáo dục đã được tích hợp vào từ chương trình giáo dục 2006, nhưng cho đến nay vẫn chưa công trình nào nghiên cứu và xây dựng được mô hình giáo dục giáo dục bảo vệ ĐVHD nói chung và cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Hoạt động truyền thông cũng chưa được chú trọng.

Với những lí do nêu trên, việc nghiên cứu nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên theo hướng tích hợp với chương trình phổ thông mới, xây dựng mô hình giáo dục bảo tồn ĐVHD và đẩy mạnh hoạt động truyền thông ở Tây Nguyên là cần thiết và cấp thiết.

2. Mục tiêu của nhiệm vụ

2.1. Mục tiêu chung

Biên soạn nội dung giáo dục, xây dựng mô hình tổ chức giáo dục và hoạt động tuyên truyền bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên nhằm thực hành bảo vệ một số loài ĐVHD và môi trường sống của chúng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- (1) Xây dựng nội dung và biên soạn tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên;
- (2) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên;
- (3) Nghiên cứu mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD và hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD phù hợp với thực tiễn trường phổ thông khu vực Tây Nguyên;
- (4) Thiết kế và hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông ở khu vực Tây Nguyên.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng:

Giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

3.2 Phạm vi:

a) Bên cạnh nghiên cứu nội dung giáo dục, mô hình tổ chức giáo dục và hoạt động truyền thông về bảo vệ các ĐVHD nói chung, đề tài tập trung đề xuất giải pháp bảo vệ, bảo tồn một số loài ĐVHD mang những nét đặc trưng của vùng Tây nguyên, nguy cơ đang bị con người săn bắt để phục vụ mục đích cá nhân, đại diện cho môi trường sống trong hệ sinh thái.

b) Nhiệm vụ sẽ biên soạn 4 loại tài liệu sau đây:

(i) Tài liệu “Giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên” trình bày ba nội dung chính là: Một số kiến thức cơ bản về bảo vệ ĐVHD; Giới thiệu một số loài ĐVHD đặc trưng của Tây Nguyên; Giải pháp bảo vệ một số loài ĐVHD ở Tây Nguyên.

(ii) Bộ tài liệu “Tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên” gồm 2 cuốn dành cho cấp Tiểu học và cấp trung học (THCS, THPT), trình bày các vấn đề cơ bản sau: Mục đích yêu cầu cần đạt; Định hướng giáo dục bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường ở vùng Tây Nguyên; Tổ chức hoạt động dạy học (tích hợp vào nội dung giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm trong chương trình) và đánh giá kết quả giáo dục.

(iii) Tài liệu “Hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên” trình bày các vấn đề cơ bản sau: Mục đích, yêu cầu cần đạt; Một số

mô hình giáo dục bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên; Quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD phù hợp với địa phương.

(iv) Tài liệu “Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên” trình bày các vấn đề cơ bản sau: Mục đích, yêu cầu cần đạt; Phương pháp, kỹ thuật thiết kế một số hoạt động truyền thông; Kỹ thuật xây dựng kế hoạch, kịch bản truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD; Quy trình tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong trường phổ thông.

c) Mẫu thử nghiệm các tài liệu gồm: 2 tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng; mỗi tỉnh chọn 1 huyện; mỗi huyện chọn 1 trường Tiểu học, 1 trường THCS và 1 trường THPT (tổng cộng 06 trường).

Bao gồm:

- Dạy học thử nghiệm nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD (mỗi trường 03 tiết); ghi hình 1 tiết học/ trường; đánh giá chất lượng giờ dạy.

- Thử nghiệm tài liệu truyền thông: 03 trường (1 trường Tiểu học, 1 trường THCS và 1 trường THPT).

- Thử nghiệm tài liệu về mô hình giáo dục BVĐVHD: 03 trường (1 trường Tiểu học, 1 trường THCS và 1 trường THPT)

4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

a) Tiếp cận năng lực

- Xây dựng nội dung và biên soạn tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD, biên soạn tài liệu tập huấn giáo dục bảo vệ ĐVHD theo hướng phát triển năng lực thực hành bảo vệ ĐVHD cho người học và người dạy;

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình tổ chức giáo dục bảo vệ ĐVHD theo hướng phát triển năng lực mô hình hóa cho cán bộ quản lý và giáo viên;

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn hoạt động truyền thông theo hướng phát triển năng lực truyền thông cho cán bộ quản lý.

b) Tiếp cận dạy học tích hợp

Xác định nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD, cách thức tổ chức giáo dục theo hướng tích hợp vào chương trình giáo dục phổ thông thông qua:

- Cấp Tiểu học: một số môn học và Hoạt động trải nghiệm.

- Cấp THCS và cấp THPT: một số môn học; Hoạt động trải nghiệm; Nội dung giáo dục địa phương.

c) Tiếp cận thực tiễn

Giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên cần gắn với các hoạt động thực tiễn để nâng cao năng lực thực hành bảo vệ ĐVHD và môi trường sống của chúng cho giáo viên và học sinh; cần biến nhận thức thành hành vi và kỹ năng sống (bảo vệ chính mình).

d) Tiếp cận phát triển bền vững

Kết quả nghiên cứu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên cần được phát triển bền vững thông qua việc:

- Có những nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD chung toàn quốc, có những nội dung đặc thù cho khu vực Tây Nguyên; có những nội dung đóng, có nội dung mở để mỗi địa phương có thể bổ sung phù hợp với điều kiện thực tiễn của mình.

- Đối tượng tập huấn không chỉ cán bộ, giáo viên thuộc mẫu thử nghiệm, mà còn cả giáo viên cốt cán theo các môn học và HĐGD.

4.2. Phương pháp thực hiện nhiệm vụ

(1) Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tổng quan các thành tựu lý thuyết, kết quả nghiên cứu đã đạt được, các chủ trương, chính sách liên quan nhằm hình thành khái niệm và cơ sở lý luận về:

- Hệ sinh thái, đa dạng sinh học và phương thức bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên.
- Xây dựng nội dung giáo dục, xây dựng mô hình tổ chức giáo dục và hoạt động truyền thông về giáo dục ĐVHD cho học sinh phổ thông.

(2) Phương pháp khảo sát thực trạng

a) Đề tài tổ chức 1 đợt khảo sát thực trạng và nhu cầu giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên bằng các phương pháp sau:

- Phỏng vấn gián tiếp quá trình triển khai nội dung giáo dục môi trường nói chung, giáo dục bảo vệ ĐVHD nói riêng và nhu cầu về nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong trường phổ thông, về các ĐVHD cần được ưu tiên ở Tây Nguyên.
- Toạ đàm, phỏng vấn trực tiếp về thực trạng và nhu cầu về mô hình tổ chức giáo dục môi trường, và các hoạt động truyền thông cho giáo dục bảo vệ ĐVHD.
- Phân tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo thực trạng, nhu cầu giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

b) Mẫu cung cấp thông tin và toạ đàm, phỏng vấn gồm:

- Đơn vị khảo sát (tổng số 12 trường): 2 tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng; 1 huyện/tỉnh; 2 trường Tiểu học, 2 trường THCS và 2 trường THPT.
- Đối tượng khảo sát:
 - Lãnh đạo và chuyên viên phòng Giáo dục Tiểu học và phòng Giáo dục Trung học của Sở GD&ĐT.
 - Lãnh đạo phòng GD&ĐT, 1 chuyên viên tiểu học, 1 chuyên viên THCS ; đại diện chính quyền địa phương, cộng đồng.
 - Tại mỗi trường Tiểu học: 1 lãnh đạo trường; 10 giáo viên và cán bộ/ giáo viên phụ trách công tác đoàn đội, công tác truyền thông; 10 học sinh lớp 4, 05 cha mẹ và cộng đồng.
 - Tại mỗi trường THCS: 1 lãnh đạo; 10 giáo viên và cán bộ/ giáo viên phụ trách công tác đoàn đội, công tác truyền thông; 10 HS lớp 7, 05 cha mẹ và cộng đồng.
 - Tại mỗi trường THPT: 1 lãnh đạo; 10 giáo viên và cán bộ/ giáo viên phụ trách công tác đoàn, công tác truyền thông; 15 HS lớp 10.

c) Công cụ khảo sát gồm:

- Phiếu hỏi cán bộ quản lý cấp Tiểu học và trung học.
- Phiếu hỏi giáo viên Tiểu học, giáo viên THCS và THPT.
- Phiếu hỏi học sinh Tiểu học, học sinh THCS và THPT.
- Đề cương phỏng vấn: Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cộng đồng.

(3) Phương pháp tập huấn và dạy học thử nghiệm

Đề tài sẽ tổ chức 1 đợt tập huấn và dạy thử nghiệm các tài liệu được biên soạn, bao gồm:

a) Thiết kế bộ tài liệu tập huấn gồm: Tập huấn giáo viên Tiểu học về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên; Tập huấn giáo viên THCS và THPT về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên; Hướng dẫn qui trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên; Hướng dẫn hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên.

b) Thành phần tham gia tập huấn:

- 05 tỉnh (Đắk Lắk, Kon Tum và Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông), mỗi tỉnh 40 người.

- Đối tượng tập huấn:

- Đại diện Lãnh đạo/Chuyên viên Phòng Tiểu học, Phòng Trung học – Sở GD&ĐT.

- Đại diện Lãnh đạo/Chuyên viên một số phòng GD&ĐT.

- Đại diện Lãnh đạo và giáo viên cốt cán một số trường Tiểu học, THCS, THPT: Tại mỗi trường Tiểu học.

c) Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên tại các tỉnh, với hình thức: 02 ngày (Nội dung: Giáo dục bảo vệ ĐVHD cấp Tiểu học; Giáo dục bảo vệ ĐVHD cấp THCS và THPT; qui trình xây dựng mô hình Giáo dục bảo vệ ĐVHD và hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên).

d) Sau khi kết thúc tập huấn sẽ tổ chức thử nghiệm tính khả thi của các tài liệu tại một số trường (06 trường) thuộc mẫu. Nội dung gồm:

- Dạy học thử nghiệm nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD (mỗi trường 03 tiết); ghi hình 1 tiết học/ trường; đánh giá chất lượng giờ dạy.

- Thử nghiệm một số nội dung trong mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD.

- Thực hành một số hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD.

(4) Phương pháp chuyên gia

a) Xin ý kiến chuyên gia giáo dục, chuyên gia môi trường... về tính khoa học và khả thi của nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD, mô hình tổ chức giáo dục và công tác truyền thông.

b) Xin tư vấn chuyên gia hình ảnh, chuyên gia ICT khi thực hành ghi hình tiết dạy, triển khai các hoạt động truyền thông...

(5) Phân tích, xử lý dữ liệu định tính và định lượng

Sử dụng các phần mềm SPSS, Access, Excel để phân tích, xử lý dữ liệu định lượng.

5. Nội dung nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu biên soạn tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Biên soạn tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

5.2. Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên

Biên soạn bộ tài liệu tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên và tiến hành tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

5.3. Xây dựng, thử nghiệm mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên và thử nghiệm một số nội dung của mô hình.

5.4. Truyền thông về giáo dục học sinh bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Tổ chức một số hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI

PHẦN 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. Một số khái niệm cơ bản

- **Động vật hoang dã** là những động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên (trên rừng, dưới biển...) phải tự kiếm ăn, tìm nơi trú ẩn để sinh sống hoặc trong môi trường nhân tạo có kiểm soát; trong đó có những loài động vật nguy cấp, quý hiếm ưu tiên bảo vệ, động vật hoang dã nguy cấp nằm trong danh mục CITES (ví dụ: hổ, gấu, voi, tê tê,...). ĐVHD thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- b) Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;
- d) Loài động vật rừng thông thường;
- đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

- **Loài hoang dã**

Trong thế giới tự nhiên, loài hoang dã là các động, thực vật hoặc các sinh vật khác sống trong tự nhiên và chưa được thuần hóa. Loài hoang dã sống khắp nơi trong các hệ sinh thái như sa mạc, đồng bằng, vùng băng cực và cả các khu dân cư vẫn có các loài hoang dã sinh sống. Nhưng các hệ sinh thái khác nhau sẽ có mức độ đa dạng khác nhau. Theo nghĩa thông thường, loài hoang dã nói chung và ĐVHD nói riêng là những loài không chịu tác động của con người (tuy nhiên, hầu hết các nhà khoa học đều cho rằng các loài hoang dã ngày nay đang sống khắp nơi trên Trái Đất đều chịu một sự tác động với một mức độ nhất định nào đó bởi các hoạt động của con người).

- **Tuyệt chủng** (tuyệt diệt) là khi một loài động vật nào đó đã bị biến mất hoàn toàn trên Trái Đất. Ví dụ: Trước đây có voi ma mút, khủng long tồn tại trên Trái đất. Nhưng đến hiện nay không còn bất kỳ con vật nào sống. Như vậy Voi ma mút và Khủng long đã bị tuyệt chủng.

- **Bảo tồn** là việc bảo vệ các loài động vật, nơi sống và nơi kiếm ăn của chúng để đảm bảo chúng có thể sinh sống yên ổn và tồn tại lâu dài, ngăn chặn mọi đe dọa sự tồn tại của các loài ĐVHD là bị săn bắt, buôn bán trái phép, nhốt nuôi làm cảnh, để làm thức ăn, sử dụng một số bộ phận cơ thể để làm thuốc, làm đồ trang sức,... hoặc góp phần giảm thiểu sự ảnh

hưởng của nhiều tác động tiêu cực như mất cân bằng sinh thái, nơi ở, bị mất hoặc thu hẹp, ô nhiễm, không có thức ăn, không có nơi để đẻ trứng, sinh con...

- **Hệ sinh thái** là hệ thống hoàn chỉnh tương đối ổn định các quần thể sinh vật sống chung và phát triển trong một môi trường nhất định, quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó.

- **Đa dạng sinh học** là sự phong phú của sự sống trên Trái Đất, nơi có hàng triệu loài thực vật, động vật và vi sinh vật, là những gen chứa đựng trong các loài và những hệ sinh thái vô cùng phức tạp cùng tồn tại trong môi trường.

- **Sách đỏ Việt Nam** là sách ghi danh sách các loài động vật, thực vật ở Việt Nam thuộc loại quý hiếm đang bị giảm sút số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng. Đây là những căn cứ khoa học quan trọng để Nhà nước ban hành những Nghị định và chỉ thị về việc quản lí, bảo vệ và những biện pháp cấp bách để bảo vệ phát triển những loài động, thực vật hoang dã ở Việt Nam. Sách đỏ Việt Nam được công bố lần đầu tiên vào năm 1992. Đây là chương trình của viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam phối hợp với liên minh bảo tồn Thiên nhiên quốc tế (IUCN) thực hiện với sự tài trợ của Quy SIDA (Thụy Điển). Các tiêu chuẩn được sử dụng trong sách đỏ Việt Nam được xây dựng trên nền các tiêu chuẩn của sách đỏ IUCN.

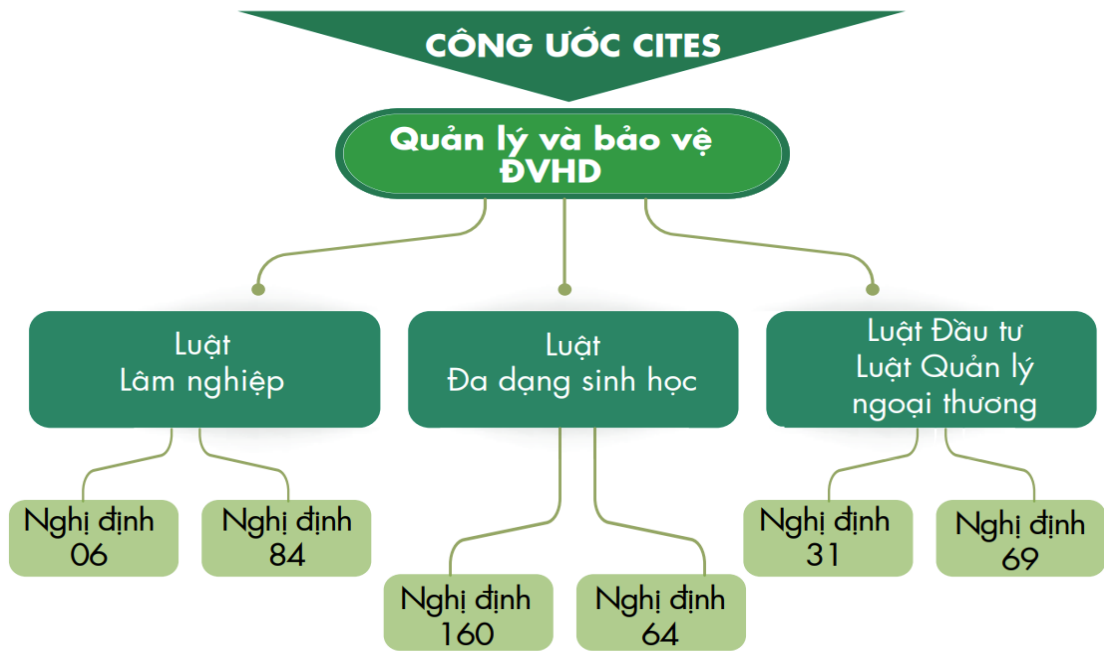
- **Giáo dục bảo vệ ĐVHD**: Là một quá trình thông qua các hoạt động giáo dục nhằm cung cấp cho người học sự hiểu biết về môi trường tự nhiên và động vật hoang dã; hình thành thái độ, hành vi tích cực; tham gia vào các hoạt động chăm sóc, bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng.

- **Mô hình GDBVĐVHD**: Mô hình giáo dục BVĐVHD là một tổ hợp bao gồm các thành tố của quá trình giáo dục và mối quan hệ tương tác giữa chúng trong một cơ sở giáo dục, giữa cơ sở giáo dục với các bên liên quan để cùng thực hiện quá trình tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động tích cực của HS trong việc bảo vệ ĐVHD. Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được xây dựng theo quy trình của công nghệ dạy học bao gồm 3 giai đoạn chính: (1) đầu vào; (2) quá trình và (3) đầu ra và mối quan hệ vận hành giữa các thành tố. Mô hình này phải chỉ ra được các thành tố, mối quan hệ giữa các thành tố và vận hành để đảm bảo chất lượng giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên và được thể hiện ngắn gọn, trực quan.

- **Truyền thông về GDBVĐVHD**: Truyền thông là quá trình giao tiếp hai chiều, thông qua một hoặc nhiều phương tiện, hình thức truyền thông, hướng đến một mục tiêu cụ thể, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm làm thay đổi thái độ, niềm tin, hành vi của con người trong cộng đồng. Truyền thông thay đổi hành vi trong GD BV ĐVHD là quá trình giao tiếp, chia sẻ thông tin, kiến thức, thái độ, tình cảm, kỹ năng, xây dựng và hình thành thông điệp về BV ĐVHD giữa người truyền và người nhận thông tin nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ một cách tích cực để dẫn tới sự thay đổi về hành vi mong muốn ở người nhận theo mục đích của chủ thể truyền thông.

2. Định chế quốc tế và luật pháp Việt Nam về bảo tồn ĐVHD

Để thực hiện nghĩa vụ thành viên của Công ước CITES, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bảo vệ động thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm, ở nhiều mức độ từ chính sách đến văn bản luật và dưới luật. Tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam và các chế tài răn đe để bảo vệ động thực vật hoang dã, có thể phân chia thành thành 2 nhóm chính: 1) Các quy định về quản lý, 2) Các quy định về xử lý vi phạm.



Sơ đồ 1: Khung luật pháp Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ ĐVHD

2.1. Các quy định về quản lý

Các văn bản quy phạm liên quan đến quản lý động thực vật hoang dã có thể được kể đến, như:

– Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)

Luật Đa dạng sinh học có hiệu lực từ 01/7/2009. Chương IV của Luật này với 18 Điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật. Luật Đa dạng sinh học quy định nghiêm cấm các hành vi như săn bắt, đánh bắt và khai thác các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học. Luật này cũng nghiêm cấm các hành vi săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

– Luật Lâm nghiệp năm 2017

Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004). Theo quy định của Luật Lâm nghiệp, các hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật bị nghiêm cấm. Đồng thời, Luật Lâm

nghiệp cũng quy định việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng vì mục đích thương mại phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước CITES. Việc kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thực vật rừng hoang dã, động vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước CITES phải bảo đảm truy xuất nguồn gốc và quản lý theo chuỗi từ khai thác, trồng cây, gây nuôi đến chế biến và tiêu dùng (Điều 72).

– *Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ* (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo *Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ*) về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Nghị định quy định hệ thống các tiêu chí để đánh giá và xác định loài động vật hoang dã đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, loài được đưa vào Danh mục nếu (i) số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng và (ii) là loài đặc hữu có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử.

– *Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ* (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo *Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ*) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Nghị định quy định Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi Công ước CITES tại Việt Nam. Đây là văn bản quy định trực tiếp và khá đầy đủ về việc thực thi Công ước CITES.

- *Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.*

- *Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.*

- *Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.*

- *Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật.*

- *Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã.* Chỉ thị này khẳng định việc tăng cường thực thi pháp luật quốc gia, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật

hoang dã nguy cấp và các điều ước quốc tế liên quan là quan điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhất quán của Việt Nam trong thực tiễn nhằm thực thi có trách nhiệm các cam kết quốc tế liên quan.

2.2. Các quy định về xử lý vi phạm và chế tài răn đe

2.2.1. Quy định liên quan đến xử lý hình sự

– Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có 2 Điều quy định liên quan đến động vật hoang dã, quý hiếm, đó là “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” (Điều 234) và “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” (Điều 244).

Theo Điều 234, các hành vi phạm tội như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật/ bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES có thể bị phạt tù lên đến 12 năm; đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì có thể bị phạt tiền đến 6.000.000.000 đồng, và có thể bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Theo Điều 244, các hành vi phạm tội như săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật/ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; hoặc săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước CITES có thể bị phạt tù lên đến 15 năm; đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì có thể bị phạt tiền đến 10.000.000.000 đồng, và có thể bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

– Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự

Nghị quyết này có 8 Điều, hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2018.

2.2.2. Quy định liên quan đến xử phạt hành chính

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi liên quan đến động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm được quy định ở nhiều văn bản khác nhau liên quan đến tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và lĩnh vực quản lý. Trong phạm vi quy định về xử phạt hành chính và chế tài răn đe, có thể đề cập đến các nhóm hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã và chế tài răn đe, như sau:

(1) Vi phạm trong quảng cáo để kinh doanh động vật hoang dã, bộ phận, sản phẩm động vật hoang dã thuộc Danh mục của Công ước CITES có thể bị xử phạt đến

100.000.000 đồng (Dựa theo điểm a, Khoản 2, Điều 33, Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, cụ thể: *Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định*).

(2) Vi phạm trong săn, bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật có thể bị xử phạt đến 400.000.000 đồng (Quy định tại Điều 21, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

Quy định của Điều 21 (Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) xử phạt tiền mức tối đa đến 400.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có tang vật là động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB với số lượng 02 cá thể lớp thú hoặc từ 05 đến 06 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 06 đến 09 cá thể động vật lớp khác.

(3) Vi phạm trong vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật có thể bị xử phạt đến 500.000.000 đồng; đối với vận chuyển trái phép động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có thể bị xử phạt đến 360.000.000 đồng (Quy định tại Điều 22, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

(4) Vi phạm trong tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật có thể bị xử phạt đến 500.000.000 đồng; đối với tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng có thể bị xử phạt đến 360.000.000 đồng (Quy định tại Điều 23, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

(5) Vi phạm quy định về quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có thể bị xử phạt đến 100.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản đến 06 tháng (Quy định tại Điều 8, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản).

Có thể nhận định rằng, Việt Nam đã rất tích cực và có nhiều cố gắng trong việc thực thi Công ước CITES, trong đó có việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở các cấp độ khác nhau. Hệ thống chính sách và quy định pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã của Việt Nam đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý và thực thi các chế tài răn đe đối với các hành vi vi phạm về buôn bán động vật, thực vật hoang dã. Các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã của Việt Nam cũng luôn được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các công cụ pháp luật về chế tài răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật về buôn bán động vật, thực vật hoang dã.

Những nỗ lực nêu trên của Việt Nam trong việc thực thi Công ước CITES đã được CITES thế giới ghi nhận và đánh giá cao.

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Động vật hoang dã (ĐVHD) đóng vai trò quan trọng trong cân bằng hệ sinh thái đặc biệt là tại Việt Nam, quốc gia được đánh giá cao về đa dạng sinh học. Tuy nhiên, tình hình khai thác trái phép ĐVHD ngày càng diễn ra mạnh mẽ đe dọa nhiều loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng. Bảo tồn ĐVHD là việc bảo vệ các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng, để đảm bảo rằng giới tự nhiên sẽ được bảo vệ để che chở cho các thế hệ tương lai và giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của ĐVHD và môi trường hoang dã đối với con người và các loài vật trên hành tinh này. Hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD đang thu hút nhiều sự quan tâm của các quốc gia cũng như các tổ chức bảo vệ động vật. Nhiều công trình nghiên cứu cũng như các chương trình hoạt động giáo dục bảo vệ động vật đã và đang được triển khai thực hiện nhằm góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học động thực vật trên trái đất thông qua thay đổi nhận thức của con người. Tài liệu phân tích kinh nghiệm về GD bảo tồn ĐVHD ở một số quốc gia trên thế giới: Trung Quốc, Nhật Bản, Úc, Singapore, **New Zealand, Anh**,... là những bài học hữu ích mà Việt Nam có thể tham khảo.

2.1. Trung Quốc

Những thay đổi mạnh mẽ trên toàn cầu đối với môi trường đã gây ra sự suy giảm đa dạng sinh học chưa từng có, với hơn 28% loài được Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đánh giá có nguy cơ tuyệt chủng³. Trung Quốc- một trong những quốc gia đa dạng sinh học lớn trên thế giới, đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu. Hội nghị các bên lần thứ 15 (COP15) về Công ước Đa dạng sinh học (CBD) sắp tới là cơ hội để Trung Quốc đưa ra những cam kết đầy tham vọng nhưng thực tế nhằm tăng cường các hoạt động quản lý và bảo tồn động vật hoang dã quốc gia⁴.

2.1.1. Một số kết quả đạt được

a) Phục hồi loài và bảo vệ môi trường sống

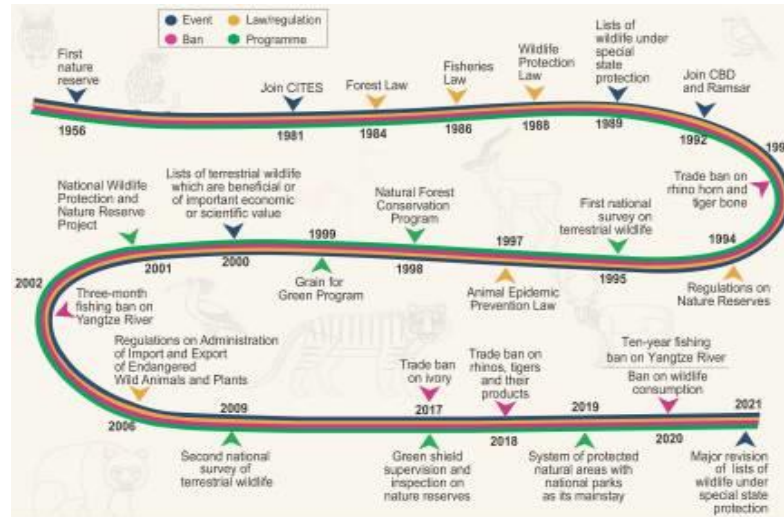
Động vật hoang dã ở Trung Quốc được bảo vệ và quản lý từ các cấp chính quyền khác nhau tùy theo phân loại và xếp loài⁵. Bắt đầu với việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên vào năm 1956, Trung Quốc triển khai các biện pháp quan trọng để bảo vệ động vật hoang dã, bao gồm việc ban hành và sửa đổi luật pháp và quy định, thiết lập khung pháp lý với các loài cụ thể được liệt kê theo nguy cơ tuyệt chủng hoặc giá trị sinh thái, khoa học hoặc xã hội. Ký kết các công ước quốc tế và hiệp định đa phương, thực hiện các lệnh cấm, dự án và khảo sát cấp quốc gia. Các loài hàng đầu như gấu trúc khổng lồ, mèo lớn, khi mũi hếch, vượn, cá heo và động vật móng guốc, được bổ sung vào danh sách

³ IUCN Red List . Numbers of threatened species by major groups of organisms (1996–2021). <https://www.iucnredlist.org/>. (Accessed on 2020-4).

⁴ Jane Goodall (2017). “World Environment Day China works toward a brighter future”. Truy cập từ http://tz.china-embassy.gov.cn/chn/sgdt/201708/t20170805_6172637.htm

⁵ <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC8310758/figure/fig1/>

bảo tồn. Sau khi dịch Covid-19 bùng phát, cơ quan lập pháp hàng đầu của Trung Quốc đã ngay lập tức đưa ra quyết định cấm tiêu thụ động vật hoang dã trên toàn quốc, trấn áp hoạt động buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp và thúc đẩy bảo vệ môi trường. Sau đó, chính phủ đã cập nhật Danh mục quốc gia về Tài nguyên di truyền gia súc và gia cầm vào năm 2020 và Danh sách động vật hoang dã cần được bảo vệ đặc biệt vào năm 2021, với số lượng loài được bảo vệ tăng từ ~ 500 lên ~ 1500, bao gồm hơn 20% các loài bị đe dọa⁶.



Sơ đồ 2: Dòng thời gian của luật/quy định (màu cam), chương trình quốc gia (màu xanh lá cây), lệnh cấm (màu tím) và các sự kiện lớn (màu xanh) liên quan đến quản lý và bảo tồn động vật hoang dã ở Trung Quốc.

b) Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực trạng bảo tồn

Hiện nay, Trung Quốc tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đóng góp cho quá trình bảo tồn đa dạng sinh học. Các ngành nghề giữ vai trò khác nhau, các tập đoàn bắt đầu hỗ trợ sáng kiến bảo tồn, bao gồm giám sát các loài và tài nguyên thiên nhiên có nguy cơ tuyệt chủng, thành lập các trung tâm nhân giống, phát triển các chương trình nhân giống và tái thả giống bảo tồn, thành lập các quỹ từ thiện để thúc đẩy bảo tồn động vật hoang dã, thành lập chuỗi cung ứng công nghiệp xanh nhằm thúc đẩy các sản phẩm thân thiện với môi trường và triển khai đổi mới công nghệ kỹ thuật số, tạo điều kiện bảo tồn đa dạng sinh học⁷. Dự án Ant Forest là một mô hình minh họa tốt về sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động bảo tồn, huy động sự tham gia của công chúng để giảm lượng khí thải carbon và hỗ trợ trồng cây. Đến năm 2019, >500 triệu người dùng đã tham gia, 122 triệu cây được trồng ở các khu vực khô cằn và bán khô hạn ở Trung Quốc. Những thành tựu này đã mang lại cho chương trình danh hiệu hàng đầu trong hạng mục hành động vì môi trường của Liên Hợp Quốc. Năm 2017, một tập đoàn gồm 23 tổ chức bao gồm Quỹ SEE đã thành lập 'Liên minh Khu bảo tồn Thiên nhiên Khó thịnh vượng chung' để kêu gọi công chúng bảo vệ 1% diện tích đất quốc gia vào năm 2030. Cuối năm 2019, tổng

⁶ Ping XG, Zeng Y. *Sci China Life Sci* 2020; 50: 33–43. 10.3390/ijms21114002

⁷ Wang Q, Qu J, Wang Bet al.. *Sci Total Environ* 2019; 696: 134008. 10.1016/j.scitotenv.2017.10.150

cộng 39 Khu Bảo vệ đã được thành lập, với diện tích 7630 km², chiếm 0,079% diện tích đất liền toàn quốc.

c) Sự tham gia của cộng đồng và tri thức truyền thống

Các sáng kiến bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng là một khía cạnh tăng trưởng khác ở Trung Quốc. Người dân tham gia khảo sát về niềm tin và thái độ đối với môi trường, tham gia thiết lập các khu bảo vệ thiên nhiên, cũng như các sáng kiến giáo dục môi trường diện rộng. Tín ngưỡng truyền thống cũng đã được sử dụng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Các khu bảo tồn cộng đồng (CCA), như Rừng Phong Thủy, tận dụng niềm tin tâm linh để bảo vệ các địa điểm có ý nghĩa tôn giáo hoặc giảm thiểu việc khai thác tài nguyên vốn được bảo vệ bởi những điều cấm kỵ về tôn giáo hoặc văn hóa. Các CCA này thường có quy mô nhỏ nhưng có thể là môi trường sống quan trọng cho các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc đóng vai trò là hành lang kết nối các Khu bảo tồn lớn hơn tạo điều kiện cho động vật hoang dã phân tán hoặc di cư. Sự tham gia của cộng đồng vào các Khu Bảo vệ này giúp bảo vệ tốt hơn trong vùng núi thiêng⁸.

2.1.2. Một số sáng kiến, kế hoạch bảo tồn ĐVHD

a) Thiết lập hàng đầu khu vực cần bảo tồn

Hiện nay, Trung Quốc đang thiết lập hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên với công viên quốc gia là trụ cột, thiên nhiên là yếu tố nền tảng với nhiều công viên tự nhiên khác nhau. Hơn nữa, Vành đai đỏ Bảo tồn Sinh thái, được phối hợp và liên kết với khung quy hoạch sử dụng đất khác, cũng đang được tiến hành. Những thiết kế cấp cao nhất này sẽ tích hợp và tối ưu hóa các Khu Bảo vệ hiện có nhằm bao quát nhiều khu vực quan trọng hơn trong dịch vụ hệ sinh thái và động vật hoang dã, đồng thời mở rộng cải thiện mức độ đại diện phù hợp. Ngoài ra, việc thành lập vườn quốc gia biển là hết sức cần thiết để tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học biển⁹. Trong khi đó, các loại đất khác có giá trị bảo tồn, như đất nông nghiệp, cần được đưa vào kế hoạch bảo vệ¹⁰.

Cần thiết lập các khu bảo tồn và hành lang bảo tồn xuyên biên giới cho các loài di cư qua biên giới quốc tế như hổ và báo Amur, gấu trúc đỏ Trung Quốc, voi Châu Á, khỉ mũ hếch Myanmar và vượn mào đen Đông Á, tiến tới xây dựng tương lai chung cho mọi sự sống ở các khu vực xuyên biên giới.

b) Bảo tồn và quản lý dựa trên cơ sở khoa học

Việc thiếu thông tin về lịch sử nhân khẩu học, đa dạng di truyền và chiến lược thích ứng của các loài có nguy cơ tuyệt chủng đã hạn chế việc phát triển các giải pháp bảo tồn và hoạt động phục hồi. Một ví dụ điển hình đáng chú ý là gấu trúc khổng lồ, chính sách và quản lý dựa trên thông tin khoa học đã góp phần hạ cấp loài này từ 'Có nguy cơ tuyệt chủng' xuống 'Dễ bị tổn thương'¹¹. Vì vậy, các quyết định quản lý và chính sách trong tương lai nên dựa trên chất lượng khoa học cơ bản. Cần có ủy ban khoa học đa ngành để

⁸ Shen X, Li S, Chen Net al.. *Biol Conserv* 2012; 145: 160–70. 10.1016/j.biocon.2011.10.027

⁹ Zhou W, Wang M, Huang Met al.. *Science* 2021; 371: 685–6. 10.1038/s41598-020-76913-6

¹⁰ Li L, Hu R, Huang Jet al.. *Nat Ecol Evol* 2020; 4: 772–4. 10.1038/s41559-020-1161-2

¹¹ Swaisgood RR, Wang D, Wei FW.. *Conserv Lett* 2018; 11: e12355. 10.1111/conl.12355

cung phân tích, đánh giá và đề xuất việc ra quyết định, như sửa đổi luật bảo vệ động vật hoang dã, đặt ra các mục tiêu bảo tồn và xây dựng các chương trình bảo tồn quốc gia. Những thay đổi về phân loại loài theo liệt kê cần được giải quyết kịp thời và danh sách các loài được bảo vệ cần được cập nhật thường xuyên để có thể thu hẹp khoảng cách và xây dựng các biện pháp can thiệp quản lý với tất cả các loài có nguy cơ. Ngoài ra, cần tăng cường quản lý các loài thông thường dựa trên cơ sở khoa học. Với việc thực hiện các dự án quốc gia và sự vắng mặt của các loài ăn thịt cỡ lớn và vừa, sự tăng trưởng nhanh chóng của một số loài động vật ăn cỏ, chẳng hạn như lợn rừng, đang ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của hệ sinh thái. Cần có sự can thiệp quản lý khoa học đối với các loài vượt quá khả năng chứa của môi trường.

c) Giám sát, chia sẻ thông tin và đánh giá dài hạn

Mặc dù một số mạng lưới giám sát động vật hoang dã đang hoạt động, nhưng các khoảng trống và chồng chéo trong giám sát vẫn phổ biến trong thực tế, đồng thời các chỉ số, phương pháp và hướng dẫn điều chỉnh các mạng lưới này không nhất quán do thiếu thiết kế hạng nhất. Quan trọng nhất là dữ liệu giám sát không được chia sẻ, tích hợp và phân tích đầy đủ để hướng dẫn các quyết định và chính sách quản lý. Ngoài ra, mặc dù mạng lưới giám sát dịch bệnh động vật hoang dã trên cạn, bao gồm 350 trạm quan trắc cấp quốc gia, 768 tỉnh và nhiều cấp huyện đã được thành lập hơn 10 năm, nhưng năng lực kiểm soát và giám sát dịch bệnh động vật hoang dã vẫn chưa đủ.

Để lấp đầy những khoảng trống này, cần tối ưu hóa và tích hợp hơn nữa các mạng lưới giám sát động vật hoang dã hiện tại, đảm bảo chia sẻ thông tin tự do. Các công nghệ mới như viễn thám tầm thấp bằng máy bay không người lái hoặc vệ tinh nhỏ và viễn thám hồng ngoại nhiệt nên được kết hợp với các phương pháp giám sát truyền thống để thu được các quan sát tổng hợp ở quy mô nhỏ nhằm hiểu rõ hơn về những thay đổi nhịp nhàng trong động vật hoang dã và môi trường sống. Bên cạnh đa dạng loài, đa dạng di truyền cũng cần được theo dõi để xây dựng chiến lược bảo tồn khoa học và hợp lý¹². Do bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự suy giảm và tuyệt chủng của các loài¹³, nên cần có các khung khoa học mới như cập nhật hệ thống giám sát hiện tại, thành lập các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và ngân hàng tài nguyên di truyền để phát hiện các bệnh lây truyền từ động vật sang người ở giai đoạn đầu. Hơn nữa, Trung Quốc đã thực hiện nhiều chương trình bảo tồn; tuy nhiên, hệ thống chỉ số khoa học dựa trên chỉ số để đánh giá hiệu quả của các chương trình này vẫn chưa được thiết lập. Cần thường xuyên ghi lại kết quả của các biện pháp can thiệp quản lý và biện pháp bảo vệ để hướng dẫn thiết kế và thực hiện các biện pháp bảo tồn trong tương lai.

d) Thúc đẩy sự đóng góp của người dân và doanh nghiệp

Hiểu biết và các hình thức tham gia của người dân có tiềm năng lớn trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao kiến thức khoa học, cải thiện quản lý tài nguyên thiên

¹² Hu Y, Fan H, Chen Y et al.. *Sci Adv* 2021; 7: eabd5725. 10.1126/sciadv.abe4827

¹³ Liu J, Xiao H, Lei F et al.. *Science* 2005; 309: 1206. 10.1126/science.1115273

nhiên và bảo vệ môi trường¹⁴. Các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và học thuật Trung Quốc nên tận dụng nhiều hơn các hình thức này để thúc đẩy sự tham gia của người dân vào tìm hiểu và thực hành bảo tồn, thúc đẩy việc nội địa hóa đạo đức môi trường và đào tạo các đại sứ ủng hộ mục tiêu bảo tồn. CCA thường tiết kiệm chi phí hơn so với các khu bảo tồn thiên nhiên vì việc tuân thủ quản lý môi trường xuất phát từ thái độ của cộng đồng hơn là quy định của chính phủ. Chính phủ nên kết hợp và thúc đẩy cách tiếp cận dựa vào cộng đồng và các sáng kiến giáo dục này bất cứ khi nào có thể. Hơn nữa, Trung Quốc hiện có những mô hình tốt về trách nhiệm xã hội và thực hành xanh của doanh nghiệp, và những cách tiếp cận này cần được quảng bá rộng rãi và được các tập đoàn khác áp dụng. Việc doanh nghiệp tham gia các sáng kiến bảo tồn đa dạng sinh học, chiến dịch nâng cao nhận thức, chuỗi công nghiệp xanh và các sản phẩm xanh sẽ rất quan trọng đối với tương lai của di sản thiên nhiên Trung Quốc

Tiến bộ trong việc quản lý và bảo tồn động vật hoang dã ở Trung Quốc được hình thành trên việc thiết lập khung pháp lý và thực thi luật pháp, quy định cũng như các chương trình bảo tồn dựa trên cơ sở khoa học trong suốt 40 năm qua. Sự phục hồi quần thể và tái thả một số loài tiêu biểu cũng như những nỗ lực tăng cường gần đây nhằm chống buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp đã tạo tiền lệ tốt cho những loài khác. Tuy nhiên, việc bảo tồn và quản lý hiệu quả động vật hoang dã vẫn còn nhiều thách thức, trong đó có nhiều thách thức mà toàn cầu phải đối mặt. Trung Quốc may mắn có di sản với lịch sử lâu dài gắn liền con người và thiên nhiên trong triết lý của UNM. Việc lồng ghép hệ thống niềm tin này là rất quan trọng để thúc đẩy những tiến bộ cấp thiết quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Việc xây dựng Nền văn minh Sinh thái dựa trên di sản lịch sử này tạo cơ hội cho chính phủ tận dụng niềm tin của người dân, đáp ứng những thách thức bảo tồn hiện nay. Tín ngưỡng cổ xưa của Trung Quốc có liên quan đến ngày nay và sẽ giúp Trung Quốc cũng như các quốc gia khác nhận ra sự chung sống hài hòa giữa loài người và thiên nhiên để xây dựng một tương lai chung cho mọi sự sống trên Trái đất.

2.1.3. Một số xu hướng nghiên cứu trong tương lai

Động vật hoang dã là một phần quan trọng của hệ sinh thái tự nhiên và là nguồn tài nguyên quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Bảo vệ sự an toàn của tài nguyên ĐVHD gắn liền với sự tồn tại và phát triển của loài người. Ngày nay, nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên động vật hoang dã ở Trung Quốc ngày càng trở nên khó khăn và còn nhiều vấn đề tồn tại¹⁵. Nếu không tăng cường nỗ lực bảo vệ và kiểm soát mức độ sử dụng tài nguyên hiệu quả thì về sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chiến lược phát triển xã hội và phát triển bền vững. Đồng thời, sự phát triển của công nghệ thông tin và công nghệ dữ liệu lớn cũng mang đến những cơ hội mới cho việc bảo vệ động vật hoang dã. Để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ động vật hoang dã, cần nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong quá trình bảo tồn động vật hoang dã. Sự phát triển trong tương lai của hoạt động

¹⁴ Irwin A. *Nature* 2018; 562: 480–2. 10.1038/d41586-018-07106-5

¹⁵ <https://link.springer.com/article/10.1007/s11356-023-26982-7>

bảo tồn động vật hoang dã cần tập trung vào các vấn đề: **Áp dụng Dữ liệu lớn vào bảo tồn ĐVHD; Hệ thống hỗ trợ quyết định và bảo vệ thông minh đa kênh; Cải tiến quản lý và thực thi luật bảo tồn ĐVHD; Thúc đẩy phát triển nhân tài đa ngành; Ứng dụng giám sát và nhận dạng thông minh.**

Công tác bảo tồn động vật hoang dã đang dần tiến tới kỷ nguyên dữ liệu lớn. Thông qua trí tuệ nhân tạo, học máy, xử lý ngôn ngữ thần kinh và các phương tiện kỹ thuật khác, nghiên cứu về môi trường sinh thái, quần thể động vật và từng loài động vật có thể được thực hiện.

Là nguồn tài nguyên sinh học quan trọng, động vật và thực vật hoang dã chiếm một vị trí then chốt trong thế giới tự nhiên. Chúng đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì cân bằng sinh thái, cải thiện môi trường tự nhiên, thúc đẩy sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, duy trì đa dạng sinh học.

2.2. Nhật Bản

Ở Nhật Bản, nỗ lực giáo dục về tác động của ô nhiễm và về thế giới tự nhiên nói chung đã được người dân địa phương ở nhiều nơi ủng hộ vào những năm 1950 khi sự tàn phá môi trường tự nhiên và ô nhiễm công nghiệp trở thành sản phẩm phụ nghiêm trọng của quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng. Cuối những năm 1970, giáo dục thiên nhiên, giáo dục ô nhiễm và giáo dục môi trường bắt đầu giao nhau và khái niệm giáo dục mở rộng từ ô nhiễm sang môi trường. Trong những năm 1980, các vấn đề môi trường toàn cầu đã trở thành mối quan tâm lớn và Hội đồng Giáo dục Môi trường, với phương châm “Môi trường tốt hơn được xây dựng bởi tất cả mọi người”, được Tổ chức Môi trường thành lập vào năm 1988 để nhấn mạnh ý tưởng hợp tác vì môi trường¹⁶ (Tổ chức Môi trường Chính phủ của Nhật Bản, 1988). Năm 2003, Luật Tăng cường Động lực Bảo vệ Môi trường và Thúc đẩy Giáo dục Môi trường được ban hành. Mục đích là đưa ra nguyên tắc cơ bản trong việc hỗ trợ các hoạt động bảo tồn môi trường, khuyến khích bảo tồn môi trường và giáo dục môi trường, làm rõ trách nhiệm của công dân, cơ quan tư nhân, Nhà nước và chính quyền địa phương, đồng thời thiết lập chính sách cơ bản khuyến khích hỗ trợ bảo tồn môi trường và thúc đẩy giáo dục môi trường, từ đó góp phần mang lại cuộc sống lành mạnh và có văn hóa cho thế hệ hiện tại và tương lai¹⁷ (Bộ Môi trường, Chính phủ Nhật Bản, 2003). Theo luật này, một số dự án và chương trình CE (Giáo dục Bảo tồn) đã được thúc đẩy trong nhiều lĩnh vực khác nhau của xã hội.

Năm 2005, Thập kỷ Giáo dục vì Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc bắt đầu phát triển ESD (**Giáo dục vì Phát triển Bền vững**) bằng cách thực hiện đề xuất của các tổ chức phi chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Nhật Bản lần đầu tiên trình bày vấn đề này tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững (WSSD) tổ chức tại Johannesburg

¹⁶ Environmental Agency Government of Japan, 1988. Quality of Environment, 1998.

¹⁷ Ministry of the Environment Government of Japan, 2003. Law for Enhancing Motivation on Environmental Conservation and Promoting of Environmental Education (Law No. 130, Effective on July 25, 2003). <http://www.env.go.jp/en/laws/policy/edu_tt.pdf>

năm 2002. Đề xuất của Nhật Bản được đưa ra để triển khai ESD và các Trung tâm Chuyên môn Khu vực về ESD (RCE), do Đại học Liên hợp quốc (UNU) đề xuất như một phương tiện để thúc đẩy Thập kỷ Giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc (DESD), 2005–2014. RCE là mạng lưới các tổ chức giáo dục chính thức và không chính thức hiện có được huy động để cùng thúc đẩy ESD ở cấp khu vực và địa phương.

Ở Nhật Bản, một lợi thế quan trọng đối với CE là lịch sử văn hóa lâu đời của Nhật Bản mang lại giá trị xã hội cao cho thiên nhiên và động vật hoang dã¹⁸ (Kobori và Primack, 2003, Kitamura¹⁹, 1995). Việc các địa điểm và sinh vật tự nhiên được văn hóa và xã hội Nhật Bản coi là quan trọng đã tạo động lực mạnh mẽ cho người dân và sinh viên Nhật Bản tìm hiểu về bảo tồn (Kobori và Primack, 2003, Viện Thiết kế Môi trường²⁰, 2008). Do đó CE có thể được lồng ghép chặt chẽ hơn vào sinh kế hàng ngày so với những nơi khác trên thế giới. Hơn nữa, là một xã hội công nghệ cao, Nhật Bản có khả năng thu thập dữ liệu, phân tích thông tin mạnh mẽ, tích cực tích hợp dữ liệu và kết quả vào hoạt động bảo tồn và trên hết là truyền đạt những dữ liệu này giữa các tổ chức và công chúng. Do đó, nhiệm vụ của các nhà sinh học bảo tồn với tư cách là nhà giáo dục, tận dụng những yếu tố độc đáo này để quảng bá CE trong công chúng.

Ba xu hướng CE ở Nhật Bản đang áp dụng những năng lực này: (1) thúc đẩy học tập thực hành bằng cách khôi phục hệ sinh thái tự nhiên tích hợp nguồn lực của các cơ sở giáo dục và người dân địa phương, chú trọng sự tham gia của công chúng; (2) công chúng thừa nhận rằng nhiều loài phổ biến đang cần được bảo tồn tích cực nếu chúng vẫn xuất hiện trong cảnh quan Nhật Bản; (3) kết hợp CE vào ESD thông qua mạng RCE liên kết các bên liên quan về tổ chức và cộng đồng²¹.

2.2.1. Tập trung vào động vật hoang dã phổ biến để thúc đẩy bảo tồn môi trường sống

Nghiên cứu điển hình: Khôi phục ao chuồn chuồn.

Sự mất mát và phân tán các môi trường sống thích hợp là nguyên nhân chính làm suy giảm nhiều loài ở khu vực thành thị. Trong trường hợp này, việc thiết lập mạng lưới môi trường sống phù hợp là vấn đề then chốt trong bảo tồn sinh học. Tại thành phố Yokohama, 300 ao chuồn chuồn trong sân trường tiểu học và công viên nội thành đã được tạo ra hoặc khôi phục để tạo thành những bước đệm sinh thái như một phần của mạng lưới sinh thái lớn hơn²² (Primack et al., 2000). Tuy nhiên, nhiều ao đã xuống cấp do không được bảo trì. Việc giải quyết các vấn đề nảy sinh ở Công viên Karasuyama trong quá trình Khôi phục Ao Chuồn Chuồn đã trở thành nền tảng của chương trình CE²³ (Kobori, 2006),

¹⁸ H. Kobori, R.B. Primack. Participatory conservation approaches for *Satoyama*, the traditional forest and agricultural landscape of Japan. *Ambio*, 32 (2003), pp. 307-311

¹⁹ M. Kitamura Forest and Japanese. Shogakkan Co., Tokyo Inc (1995)

²⁰ Institute of Environmental Design, 2008. Japanese 24 and 72 seasonal divides originated from ancient Japanese calendar. Seibundo-Shinkousha Inc., Tokyo.

²¹ <https://www-sciencedirect-com.dbvista.idm.oclc.org/science/article/pii/S0006320709001992#bib1b>

²² R.B. Primack, H. Kobori, S. Mori Dragonfly pond restoration promotes conservation awareness in Japan. *Conservation Biology*, 14 (2000), pp. 1553-1554

²³ H. Kobori. Education for sustainability at a Japanese University emphasizing problem-solving and partnerships with local communities. *Environmental Education*, 15 (2006), pp. 82-85

kết hợp ba chiến lược sau: (a) Khuyến khích sinh viên đại học đối mặt với các vấn đề cộng đồng. (b) Thực hiện chương trình cải thiện môi trường thông qua quan hệ đối tác bao gồm chính quyền địa phương, tổ chức phi chính phủ, trường đại học, người dân địa phương và viện nghiên cứu. (c) Tận dụng các tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) để quản lý môi trường, cụ thể là ISO 14001, trong quá trình CE bằng cách lồng ghép tất cả các hoạt động giáo dục vào chu trình Kế hoạch → Thực hiện → Kiểm tra → Hành động (PDCA). Chu kỳ này phổ biến trong các tổ chức của Nhật Bản như chính quyền địa phương và tiểu bang, trường học và các ngành công nghiệp.

Chương trình được thực hiện tại Viện Công nghệ (Mi-tech), thuộc Khoa Nghiên cứu thông tin và Môi trường. Với mục đích hỗ trợ sinh viên có kinh nghiệm thực tế trong việc tổ chức hoạt động cộng đồng bảo tồn môi trường, dự án Mi-tech CE này bao gồm tám bước cơ bản để giáo dục môi trường, theo khung của Jacobson et al. (2006)²⁴:

- (1) Nhận thức và mối quan tâm vấn đề.
- (2) Tìm hiểu điều kiện hiện tại.
- (3) Học các kỹ năng cần thiết để thực hiện khảo sát.
- (4) Phát hiện vấn đề.
- (5) Tìm kiếm biện pháp giải quyết vấn đề.
- (6) Triển khai các biện pháp.
- (7) Theo dõi, đánh giá tính hiệu lực và hạn chế của các biện pháp.
- (8) Truyền tải thông tin trực tuyến và thông qua các cuộc họp.

Trong suốt một năm rưỡi, các cuộc khảo sát về ao nhân tạo và con suối ở Công viên Karasuyama được thực hiện hàng tháng từ các bên liên quan, bao gồm các thử nghiệm về 11 đặc tính hóa lý liên quan đến chất lượng nước và đánh giá sinh học.

2.2.2. Kết nối cộng đồng với Bảo tồn động vật hoang dã ở Nhật Bản

Một nghiên cứu điển hình về một loài chim có nguy cơ tuyệt chủng Okinawa Rail²⁵ (Hypotaenidia okinawae).

Với tư cách là chủ nhà của Hội nghị thượng đỉnh đa dạng sinh học Nagoya 2010, Nhật Bản tái khẳng định nỗ lực nhằm bảo tồn đa dạng sinh học cho thế hệ tương lai. Tái xây dựng quan hệ với thiên nhiên và tăng cường giáo dục bảo tồn là những ưu tiên chính của Nhật Bản trong chương trình nghị sự bảo tồn đa dạng sinh học nhằm nâng cao kết quả cho các loài bị đe dọa và cộng đồng địa phương. Nghiên cứu này phân tích sự tham gia của cộng đồng với Okinawa Rail (*Hypotaenidia okinawae*)- một loài chim đặc hữu đang bị đe dọa nghiêm trọng tại khu rừng Yanbaru, phía bắc Okinawa, liên quan đến thực tế bảo tồn ở Nhật Bản.

Kể từ khi phát hiện ra loài chim này vào năm 1981, cộng đồng ở Yanbaru đã phát triển mối quan hệ bền chặt với loài này, họ nhận ra Okinawa Rail như một biểu tượng quan trọng của bản sắc văn hóa khu vực và là tài sản sinh thái độc đáo thu hút du khách và gắn

²⁴ S.K. Jacobson, M.D. McDuff, M.C. Monroe. Conservation Education and Outreach Activities. Oxford University Press, New York (2006)

²⁵ New Voices in Japanese Studies Volume 9, <http://doi.org/10.21159/nvjs.09>, pg.1-27

kết các sự kiện cộng đồng. Chính phủ và cộng đồng đầu tư các điều kiện vật chất giáo dục bảo tồn và các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về loài chim này. Để nâng cao giá trị lâu dài của cơ sở vật chất hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn dựa trên cơ sở khoa học, đã có thể là điều kiện thuận lợi để tăng cơ hội học tập xã hội, kết hợp mục tiêu giáo dục và bảo tồn, và khuyến khích quan hệ đối tác.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội và chính trị phức tạp ở Okinawa, sự tác động đáng kể của các hoạt động mà con người đối với Okinawa Rail cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác cộng đồng trong các hoạt động bảo tồn và củng cố giá trị của các phương pháp tiếp cận liên ngành, thể hiện những khác biệt giữa các nền văn hóa trong bảo tồn đa dạng sinh học.

Ở Nhật Bản, Giáo dục Bảo tồn trở nên quan trọng hơn, hướng tới đảo ngược xu hướng suy thoái môi trường sống và mất đa dạng sinh học ở nông thôn và đô thị. Giáo dục Bảo tồn có thể được sử dụng như một phương tiện hiệu quả để phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp con người mở rộng trải nghiệm trực tiếp. Điểm mạnh của Giáo dục Bảo tồn ở Nhật Bản là gắn với lịch sử lâu đời cùng tồn tại với thiên nhiên thông qua nghề trồng lúa và nền văn hóa tương ứng trong 2500 năm.

Một điểm mạnh khác của CE ở Nhật Bản là chúng ta vẫn còn tỷ lệ loài đặc hữu và đa dạng sinh học khá cao so với các nước phát triển khác, đặc biệt là các nước châu Âu. Thông qua hoạt động CE, mọi người có cơ hội đánh giá cao giá trị của đa dạng sinh học, hỗ trợ tăng cường các nỗ lực bảo tồn, phục hồi tự nhiên và thúc đẩy sử dụng bền vững đất đai và tài nguyên thiên nhiên.

Việc tích hợp CE và ESD giúp tăng cường bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tốt hơn bằng cách yêu cầu phối hợp nỗ lực giữa các bên liên quan: chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. ESD có thể tạo điều kiện kết nối giữa các lĩnh vực, các ngành khác nhau trong cộng đồng và huy động nguồn nhân lực để bảo tồn cố gắng và thực hiện CE hiệu quả trong các hoạt động giáo dục chính thức và không chính thức. Hiệu suất của hệ sinh thái và bảo vệ sinh thái tốt hơn cũng phụ thuộc vào sự lựa chọn chính sách về đầu tư, thương mại, trợ cấp, thuế và quy định, trong số những điều kiện khác cần thiết khi xây dựng một xã hội bền vững.

2.3. Australia

Theo thống kê của Chính phủ Úc, hiện quốc gia này có hơn 1.700 loài và quần xã sinh thái có nguy cơ bị tuyệt chủng (Chính phủ Úc, DSEWPC, 2010)²⁶. Sở thú Victoria (ZV) đang giải quyết cuộc khủng hoảng này bằng cam kết cứu nguy 20 loài tại địa phương, nếu không có sự can thiệp, chúng này sẽ bị tuyệt chủng trong vòng mười năm tới. Nhiệm vụ của ZV cam kết bảo tồn động vật hoang dã và những nơi hoang dã, đồng thời kết nối mọi người và động vật hoang dã.

Điều quan trọng trong sự thành công đáp ứng cam kết này là đảm bảo cộng đồng địa phương bang Victoria biết về những con vật này, quan tâm đến chúng và hành động

²⁶ Australian Government, Department of Sustainability, Environment, Water, Population and Communities (2010). Natural Management Ministerial Council, Australia's Biodiversity Conservation Strategy 2010 – 2030.

bảo vệ loài. Kiến thức hiện tại và sự quan tâm loài này đạt tỷ lệ rất thấp ở người dân vùng Victoria, chiến dịch Yêu địa phương bạn (LYL) là một cách để nâng cao hồ sơ cá nhân. Việc giải quyết thách thức này yêu cầu ZV hướng mục tiêu đến nhiều đối tượng khác nhau và thử nghiệm một loạt các biện pháp giáo dục và kỹ thuật thay đổi hành vi.

Hai nghiên cứu điển hình minh họa các phương pháp giáo dục mới, được thử nghiệm để đáp ứng thách thức này²⁷. Nghiên cứu 1 tập trung thu hút những cá nhân có thể chưa bao giờ đến thăm sở thú. Việc sử dụng kỹ thuật du kích trong sáng kiến “Cướp ếch” đã giáo dục và thu hút một lượng lớn khán giả thực hiện nhiệm vụ của Sở thú là cứu một loài ếch địa phương. Nghiên cứu 2 tập trung vào cách thức tham gia và học tập, được khởi xướng như một phần của chuyến tham quan sở thú, từ đó hình thành “trung tâm học tập” trong cộng đồng rộng lớn. Trường học thực hiện các chương trình liên quan đến chiến dịch LYL để trở thành chuyên gia ủng hộ cho một hoặc một số trong 20 loài có nguy cơ.

- **Nghiên cứu điển hình 1 – “Cướp ếch”.** Nghiên cứu sơ bộ trong cộng đồng bang Victoria cho thấy mức độ phản hồi và nhận biết rất thấp về các loài trong chiến dịch LYL. Yêu cầu cách tiếp cận khác để nâng cao vai trò của loài ếch và thu hút những người dân Victoria hiếm khi/chưa bao giờ ghé thăm bất kỳ sở thú nào trong số ba sở thú của ZV. Việc kích hoạt “Rob the Frog” đã được thử nghiệm vào Ngày lễ tình nhân năm 2016 như một cách để thu hút cư dân đô thị tìm hiểu điều kiện khó khăn loài ếch phía Nam-ếch Corroboree, giáo dục người dân về những hiểm họa mà loài ếch hứng chịu và tạo điều kiện thuận lợi cho loài thông qua các mạng truyền thông xã hội.
- **Nghiên cứu điển hình 2 – Trung tâm học tập cộng đồng.** ZV phát triển chương trình giúp trường học và cộng đồng cùng hợp tác trong trung tâm học tập cộng đồng (CLH) để giúp chống lại sự tuyệt chủng thông qua trải nghiệm thường xuyên thảo luận về thông điệp bảo tồn.

Trung tâm học tập cộng đồng (CLH) là sự hợp tác giữa hệ thống giáo dục trường học và các nhóm cộng đồng (cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và hoạt động từ thiện) để hỗ trợ học tập và phúc lợi cho thanh thiếu niên. Sự phát triển của phụ thuộc vào đặc trưng trường học và các nhóm cộng đồng.

Chương trình được thử nghiệm tại Vườn thú Werribee Open Range (WORZ) và có sự tham gia của 100 học sinh từ 10-12 tuổi từ các trường học địa phương, qua ba học kỳ bắt đầu vào tháng 5 năm 2014. Học sinh đóng vai Người đấu tranh chống lại sự Tuyệt chủng, loài được bảo vệ là chuột túi phía đông (EBB). Thách thức được đưa ra là: giáo dục bạn bè của cộng đồng về EBB và phát triển các hành động hữu hình, liên tục nhằm giải quyết các mối đe dọa mà EBB gặp phải.

Những nghiên cứu bổ sung này sử dụng sự tương phản kỹ thuật để kết nối số lượng người tham gia nhiều nhất có thể trong cùng một chiến dịch LYL. Đặc trưng trong tiếp cận ngắn hạn là giới thiệu một loài ít được biết; chương trình dài hạn, chuyên sâu sẽ sử

²⁷ IZE journal no.52 – 2016, pg.45-49

dụng CLH, như một phần của TOC (Lý thuyết của Thay đổi), nhằm mục tiêu thay đổi hành vi ở học sinh và giảm bớt mối đe dọa đối với động vật hoang dã địa phương.

Sở thú là nơi có tiềm năng tạo sự thay đổi lớn trong cộng đồng, luôn hỗ trợ cung cấp kiến thức ít người biết, nhưng cần được liên tục đánh giá tác động giáo dục và hành vi của các chương trình và thử nghiệm phương pháp mới, tương tác tại chỗ/ bên ngoài khán giả. Hai chương trình này minh họa hai cách bổ sung mang tính chất tương phản, mà các sở thú có thể hướng tới đa dạng đối tượng và giúp họ tham gia cùng chiến dịch.

Những pha nguy hiểm kỳ quặc và sáng tạo như “Cướp ếch” có thể đo lường tác động ngắn hạn nhưng cũng cần được xây dựng thành các mục tiêu dài hạn hơn. Trong chiến dịch LYL, nhiều sáng kiến đã được lên kế hoạch, được thực hiện bởi ZV, được hỗ trợ bởi nghiên cứu liên tục mức độ hiểu biết và quan tâm đối với các loài này.

Tương tự, CLH TOC có thể là bản thiết kế chi tiết cho sở thú trên toàn cầu để giúp bảo vệ động vật hoang dã bản địa khỏi vấn đề tuyệt chủng bằng cách hướng đích, trao quyền và hỗ trợ học sinh, trường học và các nhóm cộng đồng có quan hệ thân thiết với các loài và môi trường sống địa phương cụ thể. Dựa trên kết quả thử nghiệm, chúng tôi khuyến nghị đề xuất nghiên cứu sâu, dài hạn để khẳng định rằng việc triển khai TOC này trong các chương trình giáo dục bảo tồn ở vườn thú có thể thay đổi hành vi của du khách, góp phần giải quyết sự suy giảm các loài bản địa có nguy cơ tuyệt chủng.

- **Nghiên cứu điển hình 3: ‘Camps of a Lifetime!’ Vườn thú Taronga**

Năm 2013 và 2015, các tình nguyện viên của Thanh niên Taronga tại Sở thú (YATZ) tham gia Trại cuộc đời (‘Camps of a Lifetime!’)²⁸ và hỗ trợ những người chăm sóc chim tại Vườn thú Taronga thả cứu hai nhóm chim được nuôi nhốt riêng biệt về Công viên Quốc gia Mount Pilot cùng với loài chim ăn mật (*Anthochaera phrygia*). Từng là loài đặc hữu ở bờ biển phía đông Australia, số lượng loài chim này bị suy giảm nghiêm trọng trong 40 năm qua và hiện đang bị đe dọa nghiêm trọng trong Sách đỏ IUCN.

Khi ở trong trại, YATZ cũng đến thăm trường học địa phương gần địa điểm thả và hướng dẫn học sinh về loài chim mới này. Trại thể hiện vai trò quan trọng trong việc thu hút và giữ chân các tình nguyện viên YATZ, đồng thời nâng cao đáng kể sự hiểu biết và cam kết của người tham gia đối với việc bảo tồn. Nhiều người trở thành người lãnh đạo chương trình và nỗ lực tích cực tham gia và giáo dục người khác về các chương trình và sáng kiến bảo tồn.

Chương trình YATZ với chiến dịch bảo tồn vườn thú, bắt đầu hỗ trợ vườn thú vào năm 2001 với 20 thanh thiếu niên, điểm chính là các Cuộc phiêu lưu (chương trình chăm sóc kỳ nghỉ trong 5-10 năm đào tạo nghề và kinh nghiệm chăm sóc vườn thú) và giáo dục YATZeD (không chính thức, 347 thành viên tích cực được hướng dẫn về giáo dục bảo tồn).

Nội dung cốt lõi 'hỗ trợ người dân thực hiện hành động tích cực để bảo tồn động vật hoang dã và môi trường'. YATZ tham gia nhiều hoạt động chăm sóc vườn thú, hỗ trợ

²⁸ IZE journal no.52 – 2016, pg.6-8

Chiến dịch Bảo tồn Sở thú, hỗ trợ các Cuộc phiêu lưu. 100% người tham dự trại đã kết bạn với nhau, đam mê bảo tồn động vật hoang dã được tiếp sức. Họ tiếp tục đam mê và năng động trong cộng đồng và trường học; nhiều người tạo lập ‘nhóm xanh’; bắt đầu các chiến dịch gây quỹ và chia sẻ mối quan tâm với trường học, tại các cuộc họp. Kết quả tích cực, đáng khích lệ và nhiều YATZ tin rằng những trải nghiệm này là những điều tốt nhất được thực hiện, giúp thế hệ trẻ tự tin trở thành công dân toàn cầu. Thanh thiếu niên có cơ hội tham gia các chương trình này, tiếp cận thực địa trực tiếp, khơi dậy niềm đam mê bảo tồn và tạo ra những kỷ niệm đẹp.

2.4. Singapore

Để tăng cường tính bền vững môi trường, Chính phủ Singapore đặt ra các mục tiêu mới khuyến khích quản lý cộng đồng, tăng vùng tự nhiên tới năm 2030 (Bộ Môi trường và Tài nguyên nước, và Bộ Phát triển Quốc gia, 2015)²⁹.

Chương trình Tương lai động vật hoang dã³⁰ nỗ lực kết nối cư dân thành phố với thiên nhiên. Độ tuổi tham gia từ 15 đến 21 tuổi. Mục tiêu chương trình: Giải quyết chủ nghĩa vị lợi, thay đổi cách nhìn về động vật hoang dã và môi trường sống tự nhiên. Chương trình giúp học sinh: Xây dựng mối liên hệ với ĐVHD; Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa hiện nay đối với việc bảo tồn ĐVHD; Tăng cường hiểu biết về vai trò của vườn thú và thủy cung trong bảo tồn; Tạo điều kiện thuận lợi cho tích lũy kinh nghiệm về bảo tồn ĐVHD. Chương trình này bắt đầu từ năm 2014, học sinh (tất cả 16 tuổi) từ trường nữ sinh địa phương, thời gian: 4 ngày 1 đêm trại, địa điểm: 4 công viên WRS (Sở thú Singapore, Night Safari, River Safari và Vườn chim Jurong).

Các hoạt động đa dạng, tạo ra những trải nghiệm độc đáo với động vật trong bộ sưu tập của công viên và kích thích tư duy các cuộc thảo luận. Để đảm bảo học sinh nhận được trải nghiệm phong phú, các hoạt động được trình bày xen lẫn việc lấy loài làm trung tâm và cảm xúc trong thiên nhiên, lấy sinh thái làm trung tâm và dựa trên kết nối. Phân loại hoạt động thành ba cấp độ trải nghiệm: “Dạy học thông qua Chia sẻ”, “Hoạt động thực hành” và “Bảo tồn ngoài Vườn thú”. Bảo tồn động vật hoang dã bản địa, bảo tồn hiện nay trong WRS và hướng dẫn nghề nghiệp là chủ đề định kỳ trong toàn bộ chương trình.

- *Dạy học thông qua chia sẻ*

Ở cấp độ lấy loài làm trung tâm, học sinh tham gia các buổi nói chuyện và tham quan do cán bộ vườn thú, chuyên gia bảo tồn và cán bộ giáo dục dẫn dắt. Những hoạt động này thường là quan sát động vật và chia sẻ cá nhân. Mục tiêu của chuỗi hoạt động này là giới thiệu bảo tồn động vật hoang dã ở mức độ cá nhân và cảm xúc. Các hoạt động gồm:

- Quan sát động vật
- Buổi nói chuyện của cán bộ vườn thú và chuyên gia bảo tồn
- Thăm quan nơi động vật ở

²⁹ Ministry of the Environment and Water Resources and Ministry of National Development, (2015). Sustainable Singapore Blueprint. Singapore

³⁰ IZE journal no.52 – 2016, pg.16-19, website: www.izea.net

- Nghiên cứu hành vi động vật
- Hội thảo tương tác

- *Hoạt động thực hành*

Để nuôi dưỡng ý thức bảo vệ động vật hoang dã và môi trường sống hoang dã, một loạt hoạt động thực hành được triển khai, trong đó học sinh thực hiện các hành động hữu ích trực tiếp cho động vật hoặc bắt đầu quá trình học tập cá nhân.

- Trải nghiệm làm cán bộ chăm sóc động vật
- Nghiên cứu hành vi động vật
- Khảo sát động vật hoang dã

- *Bảo tồn ngoài vườn thú*

Để giúp học sinh suy nghĩ xa hơn việc bảo tồn trong vườn thú và thủy cung, chương trình tổ chức các cuộc thảo luận về các chủ đề gây tranh cãi liên quan đến bảo tồn. Những cuộc thảo luận này khuyến khích học sinh khám phá thế giới quan cá nhân, tôn trọng ý kiến khác và khám phá các giải pháp thay thế về hiểm họa môi trường. Một số chủ đề thảo luận là:

- *Các quyết định trong bảo tồn động vật hoang dã – Bảo tồn cái gì và như thế nào*
- *Bảo tồn bền vững*

Một trong những mục tiêu của chương trình này là giúp học sinh tham gia mở rộng quan điểm và thay đổi thái độ. Khi tham gia chương trình, các em đã nắm được khái niệm thiếu đa dạng sinh học có thể ảnh hưởng đến con người. Tuy nhiên, liệu học sinh có hiểu chi tiết khái niệm chung này hay không. Kiến thức của người tham gia về động vật hoang dã bản địa tăng lên khá rõ sau chương trình. Họ không những có thể kể tên các loài động vật bản địa cụ thể, mà còn hiểu biết nhiều hơn các vấn đề bảo tồn động vật hoang dã bản địa.

Học sinh hiểu sâu hơn về vai trò của vườn thú và thủy cung trong công tác bảo tồn. Học sinh nhận ra rằng các tổ chức động vật hoang dã rất quan trọng trong việc nhân giống, nghiên cứu và cơ sở vật chất giáo dục. Niềm tin khích lệ các hành động bảo tồn cần được xây dựng dựa trên kiến thức khoa học chính xác và ý thức trách nhiệm đạo đức. Học sinh tham dự chương trình theo lợi ích cá nhân, có thái độ tích cực đối với động vật. Chương trình Tương lai động vật hoang dã dường như rất thu hút thanh thiếu niên tham gia học tập thực sự, dựa trên kinh nghiệm về bảo tồn động vật hoang dã.

2.5. New Zealand

Aotearoa-New Zealand là quốc gia với hệ sinh thái đa dạng, phong phú và độc đáo, được OECD³¹ công nhận có giá trị và quan trọng. Tuy nhiên, nhiều loài thực vật và động vật chỉ có ở Aotearoa-New Zealand có nguy cơ tuyệt chủng cao. Tình trạng này phần lớn

³¹ Organisation for Economic Cooperation and Development (OECD) (2007). OECD environmental performance reviews: New Zealand 2007. Retrieved from https://www.oecd-ilibrary.org/environment/oecd-environmental-performance-reviews-new-zealand-2007_9789264030589-en

do tác động của con người, do quyết định thiếu hiểu biết trước đây khi du nhập các loài động vật³² (Wright, 2011).

Bảo tồn hệ sinh thái Aotearoa-New Zealand cũng là trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục quốc gia chính thức. Chương trình Nhà trường môi trường đã phát triển với hơn 1403 trung tâm mầm non, trường học trên toàn quốc^{33,34}, tập trung vào hoạt động học tập và hành động vì môi trường dành riêng cho từng trường học địa phương, từ năm 1993. Để đáp ứng mục tiêu khôi phục và duy trì hệ sinh thái độc đáo của Aotearoa-New Zealand, nhiều học sinh tiểu học (từ 5–13 tuổi) tham gia học tập về bảo tồn trong chương trình giáo dục chính quy. Học về bảo tồn là hình thức giáo dục môi trường cụ thể tập trung vào hành động bảo vệ môi trường³⁵ (Thomas, Teel, Bruyere & Laurence, 2019).

Đôi khi, các chương trình giáo dục bảo tồn sẽ là quá trình tìm hiểu, tham gia kiểm soát số lượng động vật du nhập nghiêm ngặt, khuyến khích trẻ em khám phá và nâng cao các giá trị bảo tồn, cụ thể là đánh giá cao sự đa dạng trong di sản, tính bền vững sinh thái, sự tham gia vì lợi ích chung, công bằng, đổi mới và tôn trọng các loài.

Phần lớn người dân New Zealand lựa chọn bảo vệ và khôi phục di sản thiên nhiên qua việc hỗ trợ kiểm soát động vật có vú du nhập. Vì vậy, sự hiểu biết về kiểm soát các loài động vật có vú du nhập là vấn đề quan trọng và hợp pháp trong giáo dục bảo tồn ở các trường tiểu học ở Aotearoa-New Zealand. Giáo dục bảo tồn bao gồm việc kiểm soát chặt chẽ các loài động vật có vú này sẽ giúp trẻ em khám phá và góp phần xây dựng các giá trị đã nêu trong Chương trình giảng dạy của New Zealand.

Qua khám phá đa dạng sinh học độc đáo ở Aotearoa-New Zealand, học sinh sẽ học cách tôn trọng sự đa dạng di sản thiên nhiên. Trẻ em có thể được khuyến khích hơn nữa việc phát triển giá trị sinh thái bền vững qua tìm hiểu ảnh hưởng của động vật có vú du nhập đối với di sản thiên nhiên di trú, đồng thời đánh giá cao sự tham gia vì lợi ích chung, từ đó tham gia vào các hoạt động theo thông báo, giúp khôi phục và bảo vệ di sản thiên nhiên. Qua các cuộc thảo luận, các em có thể khám phá giá trị khôi phục sự công bằng cho các loài động vật và thực vật bản địa của Aotearoa-New Zealand bằng cách bảo vệ chúng khỏi các loài động vật có vú du nhập, một cách nhân đạo và có đạo đức. Việc kiểm soát nghiêm ngặt các loài động vật có vú du nhập có thể được thực hiện theo cách khuyến khích tôn trọng động vật, đặc biệt khi các nhà giáo dục tiếp tục làm gương về tính nhân đạo. Cuối cùng, để giải quyết vấn đề về động vật có vú du nhập và tác động của chúng đối với

³² Wright, J. (2011). Evaluating the use of 1080: Predators, poisons and silent forests. Retrieved from <https://www.pce.parliament.nz/media/1294/evaluating-the-use-of-1080.pdf>

³³ Birdsall, S., & Kelly, T. (2022). "Conservation education in Aotearoa-New Zealand: A values perspective". *Australian Journal of Environmental Education*, 38(2), 178-191 doi:10.1017/ae.2022.19.

³⁴ Enviroschools (n.d.). Nau mai ki Enviroschools. Retrieved from <https://enviroschools.org.nz/>

³⁵ Thomas, R.E.W., Teel, T., Bruyere, B., & Laurence, S. (2019). Metrics and outcomes of conservation education: A quarter century of lessons learned. *Environmental Education Research*, 25(2), 172–192. DOI [10.1080/13504622.2018.1450849](https://doi.org/10.1080/13504622.2018.1450849)

di sản thiên nhiên ở Aotearoa-New Zealand, cần phát triển những tiến bộ công nghệ và những tiến bộ này phụ thuộc vào việc người dân New Zealand quan tâm tới đổi mới công nghệ trong vấn đề bảo tồn môi trường.

Quá trình học tập nhằm nuôi dưỡng các giá trị trong giáo dục bảo tồn rất hữu ích với học sinh. Khi học sinh được quan sát loài thực vật và động vật yêu thích, hợp tác với các thành viên khác trong cộng đồng, từ đó góp phần khôi phục hệ sinh thái độc đáo ở Aotearoa-New Zealand. Học sinh không chỉ tìm hiểu về hệ thực vật và động vật độc đáo hiện có tại địa phương mà còn hình dung các loài trong tương lai, tìm hiểu đánh giá sự đa dạng loài trước khi quyết định nên nuôi dưỡng loài nào. Qua đó, người học sẽ hình thành tư duy tư duy phê phán và phát triển các giá trị khi đưa ra quyết định lựa chọn loài. Trong quá trình khám phá, tiếp xúc với các nhóm thổ dân, trẻ em sẽ xây dựng góc nhìn đa văn hóa và tìm hiểu về di sản Māori đặc trưng địa phương. Bằng cách này, giáo dục bảo tồn với quan điểm giá trị không chỉ giúp trẻ em trở thành những người học tập suốt đời, mong muốn được chăm sóc môi trường suốt đời mà còn chung tay gìn giữ môi trường bền vững.

2.6. Vương quốc Anh

Việc bảo tồn động vật hoang dã và môi trường sống ngày càng trở nên quan trọng trong thế kỷ 21. Phá hủy và làm mất môi trường sống, sử dụng trái phép động vật hoang dã, khai thác quá mức tài nguyên và thiếu nhận thức về bảo tồn đều có tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Dự kiến tới năm 2050 sẽ còn rất ít loài sinh vật biển lớn và phần lớn các rạn san hô, đầm lầy ngập mặn sẽ bị suy thoái. Khả năng vận chuyển động vật hoang dã ở nhiều khu vực được bảo vệ sẽ giảm đáng kể do sự nóng lên toàn cầu, ô nhiễm, các loài xâm lấn và săn bắn bất hợp pháp³⁶. Để bảo tồn toàn cầu, một cách tiếp cận bền vững cần phải phát triển luật pháp và đạo đức nghiêm ngặt, cùng với việc điều chỉnh thái độ của con người. Giáo dục bảo tồn và các kỹ thuật tiếp cận cộng đồng bao gồm học tập và tư duy, phát triển kỹ năng và thực hiện các hoạt động theo yêu cầu. Trách nhiệm của Vườn thú trong việc hướng dẫn du khách thông qua 'giáo dục hiệu quả' về nguyên nhân và các loại mối đe dọa, sự suy giảm loài và các biện pháp bảo tồn mang tính toàn diện hơn. Vai trò của Hiệp hội Động vật Luân Đôn và hai Vườn thú của Hiệp hội này sẽ là hình mẫu trong phát triển các hoạt động bảo tồn và kỹ thuật đánh giá có giá trị khoa học/quan trọng, cũng như tác động của chúng đối với khu bảo tồn các loài trong tự nhiên. Các chương trình giáo dục quốc tế chủ yếu hướng tới xóa đói giảm nghèo và đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại kết quả đầu ra bền vững

- *Các chương trình giáo dục bảo tồn động vật hoang dã*: Khái niệm giáo dục công, mục tiêu chính của các vườn thú, trở nên phổ biến vào giữa -đến cuối thế kỷ 20.

36

Một nghiên cứu ở Hoa Kỳ cho thấy trước những năm 1950 chỉ có 4% vườn thú và thủy cung có bộ phận giáo dục so với 77% vào năm 1977³⁷ (Hensel 1978; Sterling và cộng sự, 2007³⁸). Các chương trình giáo dục với vai trò bảo tồn thì học sinh tiểu học sẽ tham gia, các chủ đề như sự thích nghi của động vật và các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Cách tiếp cận này khiến học sinh trở nên “có trách nhiệm” hoặc “đáp ứng” với tính bền vững của động vật hoang dã. Một cách tiếp cận khác sau đó là phát triển lượng khán giả có nhận thức về các khái niệm liên quan tới bảo tồn. Ví dụ: đối tượng người lớn sẽ có tác động trực tiếp³⁹ (Lovejoy, 1974), và nhiều vườn thú do đó hướng sự tập trung của họ vào phụ huynh, giáo viên và sinh viên đại học⁴⁰ (Tompson, 1989).

Hiện nay, các vườn thú tổ chức hiệu quả các chương trình giáo dục liên quan tới hoạt động bảo tồn⁴¹ (Zimmermann và cộng sự, 2007). Vườn thú điển hình có thể bao gồm: trưng bày động vật, động vật biểu diễn, trưng bày tương tác, phát triển phòng thí nghiệm trải nghiệm thực tế, chương trình nổi bật và giao tiếp với nhân viên. Kellert và Dunlap⁴² (1989) đã chỉ ra rằng thái độ người xem trước và sau khi đến sở thú có thể tác động tích cực nếu loài vật được trưng bày trong môi trường tự nhiên của chúng; trong môi trường bình thường, con người có thể sợ hãi hoặc không quan tâm tới động vật hoang dã. Nhiều vườn thú hiện đại hướng tới cung cấp các dự án bảo tồn, bằng cách giáo dục, thông tin và truyền cảm hứng tới du khách về vấn đề này. Một số vườn thú thiết kế thông điệp giới thiệu, kích lệ du khách tạo môi trường sống cho động vật hoang dã, lựa chọn vật nuôi thích hợp, áp dụng các phương thức du lịch thân thiện với môi trường và tiếp tục lan tỏa cộng đồng. Ở cấp độ giáo dục cao hơn, sự thành công của các chương trình hợp tác giữa các trường đại học, vườn thú, thủy cung công cộng và công viên động vật hoang dã đều xuất phát từ mục tiêu giáo dục chung. Các chương trình giáo dục được thiết kế theo các vấn đề bảo tồn chung.

- *Kỹ thuật tiếp cận và giáo dục bảo tồn:* Nhu cầu giáo dục và tiếp cận bảo tồn ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của các nỗ lực bảo vệ môi trường. Một số tác động: thúc đẩy hành vi bền vững, cải thiện sự hỗ trợ của công chúng và giảm thiểu hành vi phá hoại và săn trộm, nâng cao sự tuân thủ các quy định về môi trường, tăng khả năng phục vụ giải trí và ảnh hưởng đến chính sách và quyết định. Sự hỗ

³⁷ Hensel, K. A. (1978). Education in zoos and aquariums -trends and projections. In American Association of Zoological Parks and Aquariums Annual Conference Proceedings. Pp. 117-124

³⁸ Sterling, E., J. Lee, and T. Wood (2007). Conservation education in zoos: an emphasis on behavioural change. In Zoos in the 21st Century: Catalysts for Conservation? pp. 37-50 (eds Zimmermann, A., Hatchwell, M., Dickie, L. and West C.). Cambridge University Press, Cambridge.

³⁹ Lovejoy, T. E. (1974). The functions of zoological gardens. Annual Report, Jersey Wildlife Preservation Trust, 11, 14-15.

⁴⁰ Tompson, C. G. (1989). Hope for the future: strategies for effective conservation education. Zoo Biol, 8, 171-175.

⁴¹ Zimmermann, A., M. Hatchwell, L. Dickie, and C. West (editors). (2007). Zoos in the 21st Century: Catalysts for Conservation? Cambridge University Press, Cambridge

⁴² Kellert, S. R. and J. Dunlap (1989). Information Learning at the Zoo: A Study of Attitude and Knowledge Impacts. Zoological Society of Philadelphia, Philadelphia

trợ và tham gia của công chúng giữ vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu bảo tồn. Trọng tâm của các chương trình tiếp cận cộng đồng bảo tồn dựa trên thông tin liên lạc và thông tin hướng đến đối tượng không bị giam cầm trong môi trường mới. Các kỹ thuật và nguồn lực được sử dụng trong các chương trình tiếp cận là các ấn phẩm, bài thuyết trình, áp phích và triển lãm nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về các vấn đề bảo tồn.

Một hoạt động tiếp thị bảo tồn khác giao dịch với các sản phẩm hoặc dịch vụ theo lợi ích đối tượng cụ thể. Cách tiếp cận này bao gồm bản tin, các cuộc họp chung, quảng cáo, truyền hình, bảng quảng cáo và Internet.

Một số chương trình giảng dạy ở trường bao gồm các vấn đề về bảo vệ hệ sinh thái, nhưng nhiều nơi không có chương trình chung tập trung yêu cầu mục tiêu bảo tồn. Các cơ quan bảo tồn và các tổ chức xây dựng chương trình giáo dục và tiếp cận cộng đồng, nhấn mạnh vào tài nguyên thiên nhiên và động vật hoang dã. Giáo dục bảo tồn thuộc lĩnh vực giáo dục môi trường, một số năng lực có thể được xác định như nhận thức, thức, thái độ, kỹ năng và sự tham gia⁴³ (UNESCO, 1978).

Quy trình Lập kế hoạch-thực hiện-đánh giá đơn giản (PIE) - có thể được áp dụng trong việc thiết kế giáo dục và các chương trình tiếp cận cộng đồng⁴⁴ (Jacobson và cộng sự, 2006).

Tiếp cận tư duy hệ thống là một phương thức khác phát triển chương trình giáo dục này, nhằm mục đích xây dựng trách nhiệm hành vi. Để phát triển cộng đồng bền vững, cần có sự hiểu biết về cách cộng đồng và các hệ sinh thái được tổ chức và vận hành⁴⁵ (Capra, 2000).

Tại Trung tâm Kiến thức Sinh thái, California Hoa Kỳ, trường học cộng đồng và gia sư áp dụng tiếp cận tư duy hệ thống cải cách giáo dục. Tiếp cận dựa trên dự án địa phương được áp dụng khi xác định vấn đề địa phương đặc thù. Học sinh có thể học từ nhiều nguồn lực và con người khác nhau, phát triển nhận thức về các vấn đề môi trường có tác động đáng kể đến khu vực. Trung tâm cũng sử dụng một mô hình trong chương trình học khuyến khích tư duy hệ thống. Các thành tố chính trong mô hình bao gồm: tầm nhìn, hành động, địa điểm và cộng đồng. Tầm nhìn bao gồm việc học lý thuyết và tư duy hệ thống, duy trì tầm nhìn rõ ràng và một ngôn ngữ chung, dựa trên sinh thái, khoa học và hệ thống. Hành động bao gồm học tập dựa trên dự án thông qua việc tiến hành một hành động sinh thái dự án gần trường học. Giáo dục tại chỗ khắc sâu ý thức về địa điểm sinh thái và văn hóa thông qua trải nghiệm và khám phá. Cộng đồng được chia sẻ khả năng

⁴³ Unesco. (1978). Final report. Intergovernmental Conference on Environmental Education, United Nations Educational, Scientific, and Cultural Organisation with United Nations Environment Programme in Tbilisi, USSR, 14-16 October 1997. UNESCO, ED/MD/49, Paris.

⁴⁴ Jacobson, S. K., D. M. McDuff and M. C. Monroe, (2006). Conservation Education and Outreach Techniques. Oxford University Press, Oxford.

⁴⁵ Capra, F. (2000). Ecoliteracy: A systems approach to education. In Learning in the Real World. Ecoliteracy: Mapping the Terrain, Learning in the Real World. pp. 27-35 Learning in the Real World Centre, Berkeley, California.

lãnh đạo, gồm việc học tập tích cực với giáo viên, người hỗ trợ. Điều này khuyến khích lãnh đạo toàn trường và xây dựng các mối quan hệ cộng đồng giúp duy trì chương trình.

Các kỹ thuật học tập liên quan tới bảo tồn và tiếp cận cộng đồng đã được đề cập ở trên. Việc áp dụng các kỹ thuật này, góp phần định hình thái độ, kiến thức và kỹ năng cải thiện sự thay đổi môi trường và xã hội, sẽ tác động tích cực đến đời sống con người và vùng lân cận. Sáu kỹ thuật được sử dụng là học tập phục vụ cộng đồng, nghiên cứu vấn đề, học tập theo dự án, nghiên cứu dựa vào cộng đồng (CBR), kiến thức công dân và lập bản đồ.

- *Hiệp hội Động vật Luân Đôn – vai trò Hiệp hội đối với Bảo tồn và Giáo dục Động vật hoang dã*

Hiệp hội Động vật Luân Đôn (ZSL)⁴⁶ là một tổ chức từ thiện, đăng ký ở Anh và xứ Wales với tổng số 1774 nghiên cứu sinh trong đó 81 người nước ngoài. Các nhà khoa học, đội quản lý động vật và bác sĩ thú y có kỹ năng tốt và kinh nghiệm lâu năm về bảo tồn và nghiên cứu khoa học trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường. Nguồn nhân lực đa dạng này là trụ cột cho hoạt động ZSL thành công. Nhiệm vụ chính của ZSL là 'thúc đẩy và đạt mục tiêu bảo tồn động vật và môi trường sống trên toàn thế giới'.

Ba nhiệm vụ chính gồm sưu tập các loài đang sống, khoa học bảo tồn và các chương trình bảo tồn. Một trong những mục tiêu của ZSL là trở thành trung tâm hàng đầu về nghiên cứu - bảo tồn sinh học và tổ chức phúc lợi động vật thông qua việc triển khai các chương trình bảo tồn cấp quốc gia và quốc tế.

Với vai trò của tổ chức giáo dục, ZSL sắp xếp các cuộc họp, bài giảng khoa học, hội nghị chuyên đề và các ấn phẩm; trao giải thưởng cho người có đóng góp nổi bật trong lĩnh vực động vật hoang dã và bảo tồn. ZSL cũng hoạt động tích cực trong việc điều hành hoạt động giáo dục và các chương trình thông tin, đặc biệt cho học sinh và gia đình. Ngoài ra ZSL nỗ lực nâng cao hiểu biết của công chúng về động vật và phúc lợi liên quan. ZSL có bốn ấn phẩm khoa học – Bảo tồn động vật, Tạp chí Động vật, bộ sách Sinh học Bảo tồn và Niên giám vườn thú Quốc tế.

Các chương trình bảo tồn của ZSL đang được thực hiện ở Anh và các nước trên toàn thế giới. Công tác bảo tồn liên quan đến việc duy trì lâu dài quần thể các loài trong hệ sinh thái và môi trường sống tự nhiên. Theo chủ đề giáo dục, ZSL tiến hành các chương trình tiếp cận cộng đồng, các bài thuyết trình tương tác được thực hiện tại các trường học. Các cán bộ giáo dục của ZSL trò chuyện với mẫu phẩm sinh học (xương, hộp sọ và da) và cũng sử dụng một đến hai động vật sống nếu thuận lợi. Điều này tạo nên yếu tố hồi hộp cho trẻ em và kích thích việc học tập của chúng. ZSL cũng tổ chức các khóa học dành cho người lớn, đào tạo cán bộ vườn thú và trải nghiệm công việc cho thanh thiếu niên trong cộng đồng.

2.6. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

⁴⁶ <http://www.zsl.org>

Từ kinh nghiệm GDBV ĐVHD ở một số quốc gia trên, nghiên cứu về bảo tồn ĐVHD ở Việt Nam cần tập trung vào các hướng chủ yếu là: 1/Nội dung giáo dục bảo tồn ĐVHD; 2/Mô hình bảo tồn ĐVHD; và 3/Hoạt động truyền thông về tầm quan trọng, cách thức bảo tồn ĐVHD.

- *Nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD*: Các hoạt động giáo dục chính gồm: Nâng cao nhận thức của trẻ em về bảo tồn bền vững; Đào tạo giáo viên về các vấn đề môi trường; và thúc đẩy dạy học dự án. Chương trình bao gồm các hoạt động trải nghiệm đa dạng dành cho học sinh tới những khu bảo tồn, các cuộc thi hàng năm, và khóa đào tạo ngắn ngày cho GV. Các lĩnh vực và độ phức tạp của tài liệu tương ứng với cấp học: với cấp Tiểu học, người dạy và người học được tiếp cận các chủ đề cụ thể, gần gũi, liên quan đến từng loài ĐVHD như bướm, cá heo, voi, hổ, gấu bắc cực, rùa biển. Lên trung học, đối tượng được tiếp cận những lĩnh vực tổng hợp, phức tạp hơn như đa dạng sinh học, hành tinh, các chiến binh chống lãng phí thực phẩm...

- *Mô hình giáo dục bảo tồn ĐVHD*: Thành lập Trung tâm giáo dục và tin tức có nhiệm vụ xây dựng các chương trình giáo dục nhằm trang bị những hiểu biết cần thiết về ĐVHD và cung cấp các nhu yếu phẩm cấp thiết để bảo tồn ĐVHD. Cung cấp các dịch vụ: Thiết kế bài giảng về các chủ đề bảo tồn; xuất bản phim về cuộc sống hoang dã; hướng dẫn viên trong công viên giúp du khách hiểu biết hơn về thế giới tự nhiên; tổ chức lớp học tại công viên để học sinh được trải nghiệm và tham gia các hoạt động bảo vệ hệ sinh thái; Tổ chức: thi viết luận về bảo tồn ĐVHD dành cho học sinh, sinh viên; lễ hội âm nhạc quốc gia; giáo dục cộng đồng; truyền thông; triển lãm... Kêu gọi cộng đồng trong nỗ lực bảo vệ cuộc sống hoang dã. Đối với bảo tồn toàn cầu, cách tiếp cận bền vững là phát triển luật pháp và đạo đức đi kèm với điều chỉnh thái độ con người. Giáo dục bảo tồn và kỹ thuật tiếp cận bao gồm học tập và tư duy, phát triển kỹ năng và thực hiện các hoạt động được tác giả đề xuất triển khai theo mô hình: 1/ Các sở thú có trách nhiệm hướng dẫn, giảng dạy cho khách tham quan về: nguyên nhân và sự đe dọa, sự sụt giảm và các phương pháp bảo tồn ĐVHD; 2/Cung cấp tư liệu giáo dục về bảo vệ thiên nhiên hoang dã; 3/Tổ chức các hội thảo dành cho giáo viên về cách thức giảng dạy phù hợp các nội dung tài liệu, thu thập phản hồi về chất lượng tài liệu; 4/Phát triển và phân phối các tài liệu giáo dục bảo tồn; 5/Mô hình giáo dục bảo tồn động vật tại địa phương.

- *Hoạt động truyền thông về ĐVHD*: Ý thức bảo vệ ĐVHD được khuyến khích thông qua việc theo dõi các chương trình bảo vệ động vật, đến thăm sở thú và học hỏi từ cha mẹ. Học sinh có ý thức bảo vệ ĐVHD cao hơn, hành vi tương ứng để bảo vệ ĐVHD được phát triển. Sự tham gia của học sinh vào các hoạt động bảo vệ động vật chịu ảnh hưởng của hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường và cả nền tảng giáo dục trong gia đình. Do đó, để nâng cao ý thức và hành vi bảo vệ ĐVHD cho học sinh THCS, cần tăng cường sự tham gia chung của gia đình và xã hội.

III. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

1. Thông tin chung về khảo sát

1.1. Mục tiêu khảo sát

- Tìm hiểu nhận thức về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông;
- Tìm hiểu về thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

1.2. Thời gian và địa điểm khảo sát

1.2.1. Thời gian khảo sát

Nhiệm vụ tiến hành khảo sát thực trạng trong tuần đầu tháng 10 năm 2022 (từ 5/10 đến 10/10).

1.2.2. Địa điểm khảo sát

Nhiệm vụ đã tiến hành lựa chọn khảo sát tại hai tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên là tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Với mỗi tỉnh lựa chọn 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02-03 trường THPT tham gia khảo sát. Thông tin cụ thể về các cơ sở giáo dục được liệt kê trong bảng dưới đây:

Tỉnh	Cơ sở giáo dục
Đắk Lắk	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Buôn Ma Thuột
	Tiểu học Chu Văn An
	Tiểu học Trần Quốc Tuấn
	THCS Thị trấn Phước An
	THCS EA Yông
	THPT Lê Quý Đôn
	THPT Nguyễn Bình Khiêm
	THPT Nguyễn Công Trứ
Lâm Đồng	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt
	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng
	Tiểu học Đoàn Thị Điểm
	Tiểu học Mê Linh
	THCS Quang Trung
	THCS Nguyễn Du
	THPT Trần Phú
	THCS&THPT Đồng Đa

1.3. Đối tượng và Phương pháp khảo sát

- Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm: CBQL (Sở, phòng, trường), GV, HS trường TH, THCS, THPT khu vực Tây Nguyên; Các đơn vị liên ngành liên quan như: Sở Tài Nguyên Môi trường, phòng Tài nguyên Môi trường; cộng đồng (phụ huynh, các ban, ngành, đoàn thể tại cộng đồng...)

- Phương pháp khảo sát: Nhiệm vụ thiết kế bộ công cụ khảo sát bao gồm: (1) Phiếu hỏi, (2) Phiếu tọa đàm, (3) Phiếu phỏng vấn sâu đối với CBQL, GV, HS, phụ huynh của trường TH, THCS, THPT khu vực Tây Nguyên và một số đơn vị ban, ngành, đoàn thể liên quan ở cộng đồng.

1.4. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát xoay quanh các vấn đề chính như sau:

- Thực trạng nhận thức và sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các bên liên quan;
- Thực trạng về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường;
- Thực trạng về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD;
- Thực trạng về hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD của nhà trường, cộng đồng;
- Nhu cầu, mong đợi về hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của địa phương.

1.5. Phương pháp phân tích số liệu

Tất cả dữ liệu thu thập về được kiểm tra, sắp xếp, mã hóa và đặt tên lại các câu hỏi trùng nhau ở các đối tượng. Sau đó dữ liệu sẽ được gộp thành một file duy nhất để tiến hành các bước xử lý dữ liệu tiếp theo.

Phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu là:

Thống kê mô tả nhằm đưa ra một bức tranh khái quát về thực trạng GD ĐVHD theo các đối tượng được hỏi.

- Tính phần trăm – đối với các câu hỏi có/không hoặc lựa chọn giữa 2 phương án; hoặc các câu hỏi đánh giá mức độ.

- Điểm trung bình – đối với các câu hỏi về mức độ theo thang 5 mức sẽ được gán điểm 1 đến điểm 5, sau đó tính điểm trung bình; điểm trung bình này giúp chúng tôi có cái nhìn khái quát nhất về xu hướng của dữ liệu. Khi đó ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng (Interval Scale) sẽ được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị khoảng cách} &= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n \\ &= (5-1) / 5 \\ &= 0.8 \end{aligned}$$

Bảng giá trị trung bình và mức ý nghĩa được tính như sau:

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1.00 - 1.80	Mức 1
1.81 - 2.60	Mức 2
2.61 - 3.40	Mức 3
3.40 - 4.20	Mức 4
4.21 – 5.00	Mức 5

Bảng giá trị ước thang đo được chỉ ra như sau:

Các câu hỏi có mức độ từ 1 đến 5 sẽ được gán điểm với từng mức của thang đo. Điểm trung bình của mỗi nội dung sẽ được xếp loại với từng mức, cụ thể:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
≤ 1.8	1.81 – 2.6	2.61 – 3.4	3.41 – 4.2	> 4.2
Chưa bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Không có năng lực	Có năng lực nhưng còn hạn chế	Có năng lực đảm bảo thực hiện được	Có năng lực tốt	Có năng lực rất tốt

- Độ lệch chuẩn: Độ lệch chuẩn càng lớn thì tệp dữ liệu có biến thiên nhiều – có nghĩa là câu hỏi của đối tượng tham gia trả lời khác nhau nhiều.

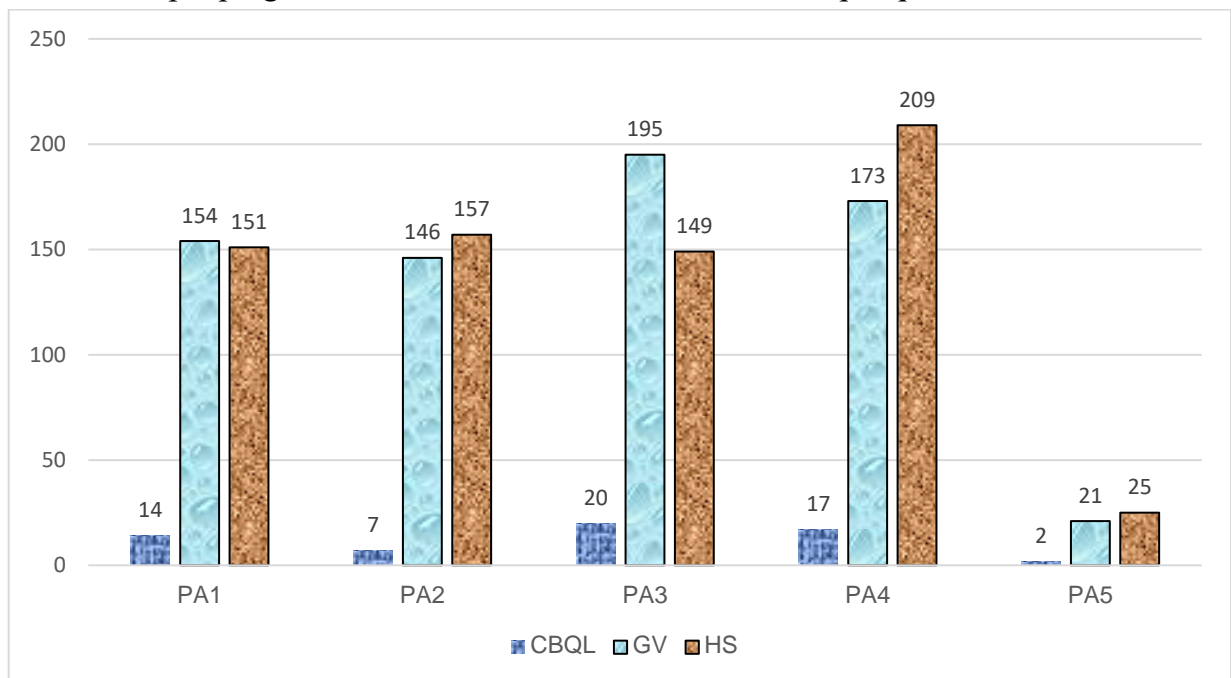
- Kiểm định T- test: Kiểm định sự khác biệt trung bình giữa các biến định tính với nhau, giá trị sig T-Test < 0.05 chúng ta kết luận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm/câu trả lời giữa các đối tượng, giá trị sig T-test > 0.05 chúng ta kết luận không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm/câu trả lời giữa các đối tượng.

2. Kết quả khảo sát

Những nội dung phân tích cụ thể về kết quả khảo sát đã được trình bày trong một báo cáo riêng của nhiệm vụ. Sau đây, nhiệm vụ xin tóm lược một số nội dung chính về kết quả khảo sát thực trạng:

2.1. Thực trạng nhận thức và sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các bên liên quan

Câu hỏi nhận định của các đối tượng (CBQL, GV và HS trung học) về ĐVHD là câu hỏi cho phép người được hỏi có nhiều sự lựa chọn. Kết quả qua khảo sát như sau:



Biểu đồ 1: Nhận thức của các đối tượng về ĐVHD

Trong đó:

PA1: ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo.

PA2: ĐVHD là loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là loại được phép chăn nuôi tại các hộ gia đình.

PA3: ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

PA4: ĐVHD là những động vật không phải do con người nuôi và chăm sóc.

PA5: ĐVHD là tất cả những con vật sống ở xung quanh chúng ta.

Quan sát trên biểu đồ có thể thấy PA3 và PA4 được các đối tượng lựa chọn nhiều nhất, sau đó là PA1, PA2 và được lựa chọn ít nhất là PA5. Kết quả đó cho thấy: đa số các đối tượng được hỏi cho rằng *ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm* và *ĐVHD là những động vật không phải do con người nuôi và chăm sóc*. Ngoài ra, nhiều đối tượng cũng nhận định *ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo* và *ĐVHD là loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là loại được phép chăn nuôi tại các hộ gia đình*. Nhận định *ĐVHD là tất cả những con vật sống ở xung quanh chúng ta* ít được các đối tượng lựa chọn.

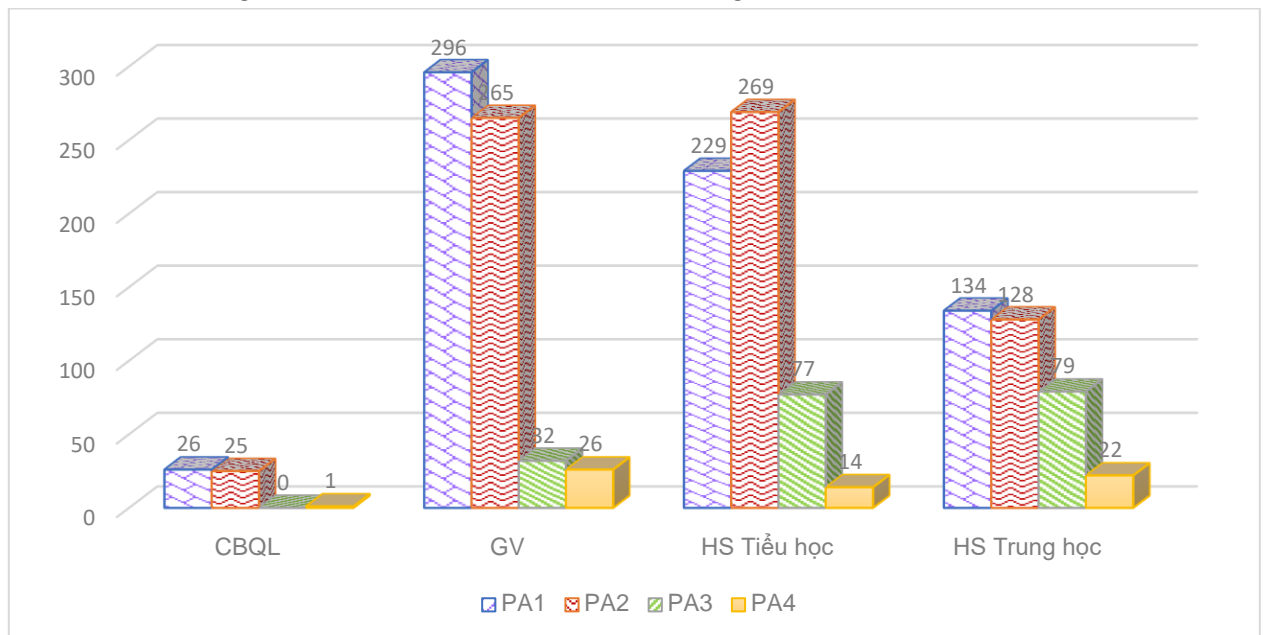
Như vậy, các phương án đúng với trả lời câu hỏi trên là PA1, PA2, PA3 và PA4. Kết quả qua khảo sát đã cho thấy về cơ bản các đối tượng được hỏi đã có nhận định đúng về ĐVHD khi lựa chọn các phương án này. Tuy nhiên, vẫn còn một ít CBQL (2/30 lượt), GV (21 lượt/329 người), HS trung học (25 lượt/329 người) có sự nhầm lẫn hoặc chưa hiểu đúng về ĐVHD khi lựa chọn PA5.

2/ Với câu hỏi: **Theo Thầy/Cô, những loại động vật nào dưới đây là ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên**, kết quả qua khảo sát với CBQL, GV và HS (Tiểu học, trung học) như sau:

Bảng. Nhận định của các đối tượng về ĐVHD										
Loài động vật	CBQL		Giáo viên		Học sinh Trung học		Học sinh Tiểu học		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bò xám			177	52.1	91	26.5	93	60.4	361	43.1
Voi	30	100	293	86.2	266	77.6	127	82.5	716	82.6
Bò rừng	30	100	245	72.1	180	52.5	112	72.7	567	65.3
Trâu rừng	27	81.8	219	64.4	151	44.0	115	74.7	512	59.1
Hươu vàng	24	72.7	185	54.4	133	38.8	95	61.7	437	50.4
Chà vá	14	42.4	93	27.4	66	19.2	70	45.5	243	28.0
Trĩ sao	0		188	55.3	127	37.0	86	55.8	401	46.3
Công	21	63.6	126	37.1	107	31.2	62	40.3	316	36.4
Cá bóng tượng	0		21	6.2	45	13.1	42	27.3	108	12.5
Tổng	30	100.0	340	100.0	343	100.0	154	100.0	867	100

Đa số đối tượng được hỏi đã lựa chọn chính xác các loài ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên như voi, bò rừng, trâu rừng, bò xám... với tỷ lệ lựa chọn cao (trên 70%) ở tất cả các đối tượng. Trong câu hỏi trên, các loài ĐVHD nói trên đều cần được bảo vệ, tuy nhiên, đối với khu vực Tây Nguyên thì *Cá bống tượng* không phải là ĐVHD quý hiếm. Do đó, phương án *Cá bống tượng* ở câu hỏi này là lựa chọn không chính xác. Mặc dù vậy, vẫn có 21 lượt/340 GV tương ứng với 6.2%; 45 lượt/343 HS trung học tương ứng với 13.1%; 42 lượt/154 HS tiểu học tương ứng với 27.3% lựa chọn phương án này. Như vậy, trên tổng số 867 đối tượng được hỏi thì có 108 lượt trả lời sai khi lựa chọn *Cá bống tượng*.

3/ Câu hỏi: Vì sao cần bảo vệ động vật hoang dã? Rừng ở Tây Nguyên là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam. Tây Nguyên nói riêng, là một trong những nơi có sự đa dạng cao về động vật quý hiếm. Tuy nhiên sự đa dạng này đang suy giảm. Các loài động vật quý hiếm như chim, sếu, hươu, voi... bị săn bắt trái phép cùng với diện tích rừng tự nhiên ngày một thu hẹp đã khiến cho rất nhiều loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Do đó, việc bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng là việc cần thiết và cấp thiết. Đứng trước vấn đề này, nhận thức của các đối tượng CBQL, GV, HS tiểu học, HS trung học như sau:



Biểu đồ 2: Nhận thức của các đối tượng về lí do cần bảo vệ ĐVHD

Trong đó:

PA1: Vì đây là các loài quý hiếm, dễ bị tuyệt chủng.

PA2: Mang lại nhiều ích lợi cho hệ sinh thái.

PA3: Mang lại nguồn thực phẩm đa dạng cho con người.

PA4: Để có nhiều nguyên liệu chế biến thuốc, phụ kiện, đồ trang trí,...

Câu hỏi này đã có 840 người trả lời, trong đó có 28 CBQL, 320 GV, 340 HS trung học và 152 HS tiểu học. Câu hỏi có 4 phương án để các đối tượng lựa chọn (nhiều hơn 1 phương án) tùy vào nhận thức của mình.

Với đáp án của câu hỏi này, qua khảo sát có thể thấy nhận định của các đối tượng phần lớn là chính xác, tỷ lệ nhận định đúng cao nhất thuộc về nhóm CBQL. Vẫn có một

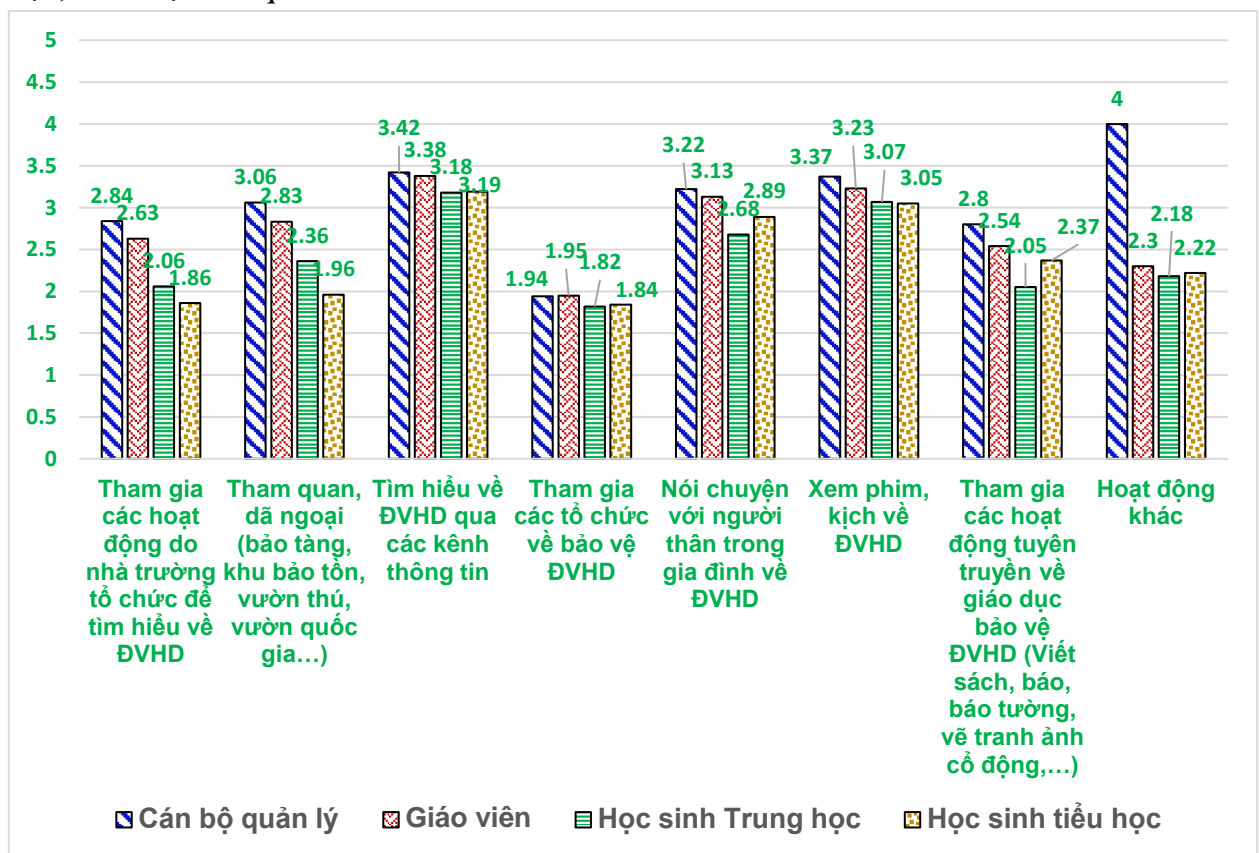
số GV, HS – nhất là HS tiểu học còn có sự nhầm lẫn hoặc nhận thức chưa đúng về lí do cần bảo vệ ĐVHD. Tỷ lệ chưa chính xác của CBQL là 1 lượt/28 người tương ứng 3.6%; GV là 58 lượt/320 người tương ứng với 18.1%; HS trung học là 91 lượt/340 người tương ứng với 26.7%; HS tiểu học là 101 lượt/152 người tương ứng với 66.5%.

Nhận xét chung: Với 3 câu hỏi nhận thức sự hiểu biết về bảo vệ ĐVHD của các đối tượng CBQL, GV, HS trung học và HS tiểu học có thể nhận thấy: đa số các đối tượng được hỏi đã có nhận thức đúng, chính xác về ĐVHD, vai trò và lí do cần bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận GV và HS (cả trung học và tiểu học) còn có sự nhầm lẫn, chưa xác định đúng vấn đề này. Do đó, cần có giải pháp tăng cường nhận thức cho các đối tượng này như thông qua tuyên truyền, tích hợp các bài học, các hoạt động NGLL... Bên cạnh đó, cần có tài liệu và hướng dẫn/tập huấn cho GV; tài liệu, học liệu, thiết bị dạy học cho HS; CSVC cho nhà trường... để giáo dục bảo vệ ĐVHD.

2.2. Thực trạng về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường

2.2.1. Thực trạng những hoạt động nâng cao nhận thức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường

Tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được xác định từ chính nhận thức của CBQL và GV các nhà trường, với câu hỏi về thực trạng “Thầy/ cô cho biết đã tham gia những hoạt động như thế nào để nâng cao nhận thức về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã”; cùng câu hỏi này chúng tôi tiến hành hỏi trên đối tượng là HS trung học và HS tiểu học, thu được kết quả:

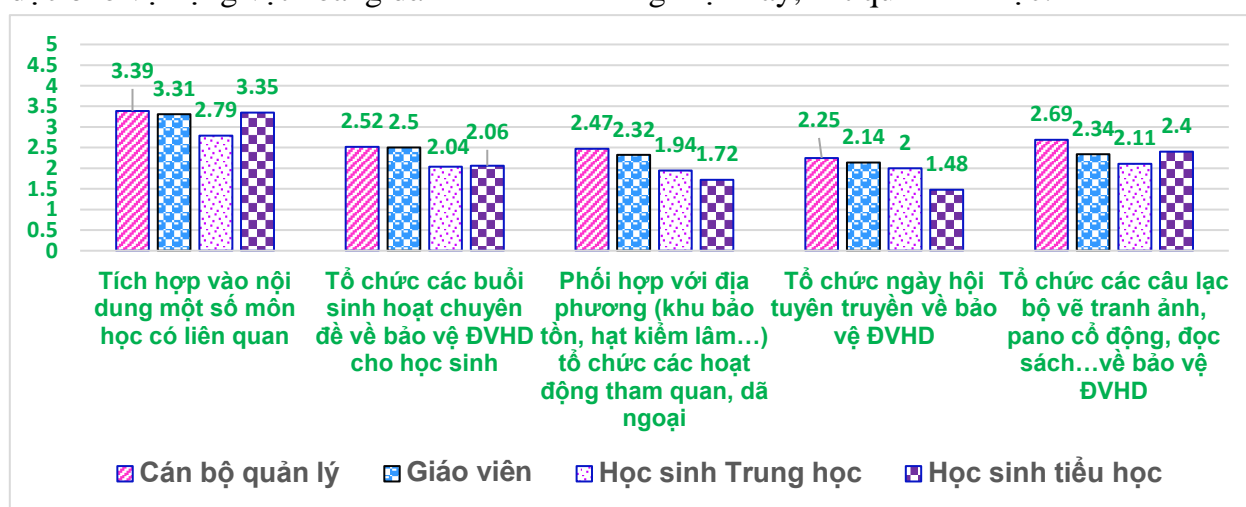


Biểu đồ 3: Nhận thức của CBQL và GV về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Với những phương án trả lời của câu hỏi về nhận thức về nhận thức về động vật hoang dã và giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, cơ bản không có sự chênh lệch giữa đối tượng là CBQL và GV; giữa HS trung học và HS tiểu học. Tuy nhiên, mức độ nhận thức có sự khác biệt giữa các đối tượng được hỏi. Đối với CBQL và GV phương án được trả lời nhiều nhất là việc là việc tìm hiểu về bảo vệ động vật hoang dã hay về động vật hoang dã tập trung thông qua các kênh thông tin (3.41; 3.38); cũng chiếm tỉ lệ trung bình cao nhất ở hai đối tượng là HS trung học và HS tiểu học thì việc tìm hiểu về động vật cũng qua các kênh thông tin (3.18; 3.19).

2.2.2. Thực trạng triển khai những hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Từ những số liệu trong báo cáo và thực tiễn dạy học tại các nhà trường, khảo sát thực trạng tập trung vào một số nội dung cơ bản về thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường hiện nay, kết quả thu được:



Biểu đồ 4: Thực trạng triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong đó:

PA1: Tích hợp vào một số môn học có liên quan

PA2: Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh

PA3: Phối hợp với địa phương (khu bảo tồn, hạt kiểm lâm...) tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại

PA4: Tổ chức ngày hội tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã

PA5: Tổ chức các câu lạc bộ vẽ tranh ảnh, pano cổ động, đọc sách... về bảo vệ động vật hoang dã

Với câu hỏi đặt ra “Trường của Thầy/ Cô đã triển khai hoạt động liên quan đến giáo dục bảo vệ động vật hoang dã như thế nào?”. Câu trả lời tập trung nhiều nhất của CBQL và GV là phương án: Tích hợp vào nội dung một số môn học có liên quan (3.39; 3.31); Ngoài ra các phương án còn lại là Phối hợp với địa phương (khu bảo tồn, hạt kiểm lâm...) tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại; Tổ chức ngày hội tuyên truyền về bảo

vệ động vật hoang dã; Tổ chức các câu lạc bộ vẽ tranh ảnh, pano cổ động, đọc sáchvề bảo vệ động vật hoang dã. Điều này cho thấy, xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường đã chủ động triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, triển khai trong nhiều hoạt động phong phú của nhà trường, tập trung là đưa nội dung giáo dục này tích hợp trong các môn học khác của chương trình.

Tuy nhiên, khi phỏng vấn sâu CBQL và GV tại một số nhà trường chúng tôi nhận được một số phản hồi, nêu bật những khó khăn và thuận lợi trong việc triển khai tại các nhà trường:

Ý KIẾN CỦA MỘT SỐ CBQL:

“Tại địa phương do có các khu rừng bảo tồn, với những thuận lợi về các kênh thông tin khá phong phú nên nhận thức của HS đã có nên tăng về động vật hoang dã và bảo vệ động vật hoang dã; Những các hoạt động của nhà trường chỉ mới triển khai ở mức độ hưởng ứng các cuộc thi được phát động ở các sở ban ngành của địa phương mà chưa thiết kế được những nội dung dạy học tích hợp cũng như các nội dung cụ thể được đưa vào kế hoạch nhà trường trong năm học”

“Nhà trường gặp khó khăn lúng túng trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động có liên quan đến tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, cụ thể: thiếu tài liệu; chưa thiết kế được các hoạt động cụ thể; tích hợp trong một số môn học chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, thiếu nguồn kinh phí để tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề/câu lạc/ tham quan....”

MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA GV:

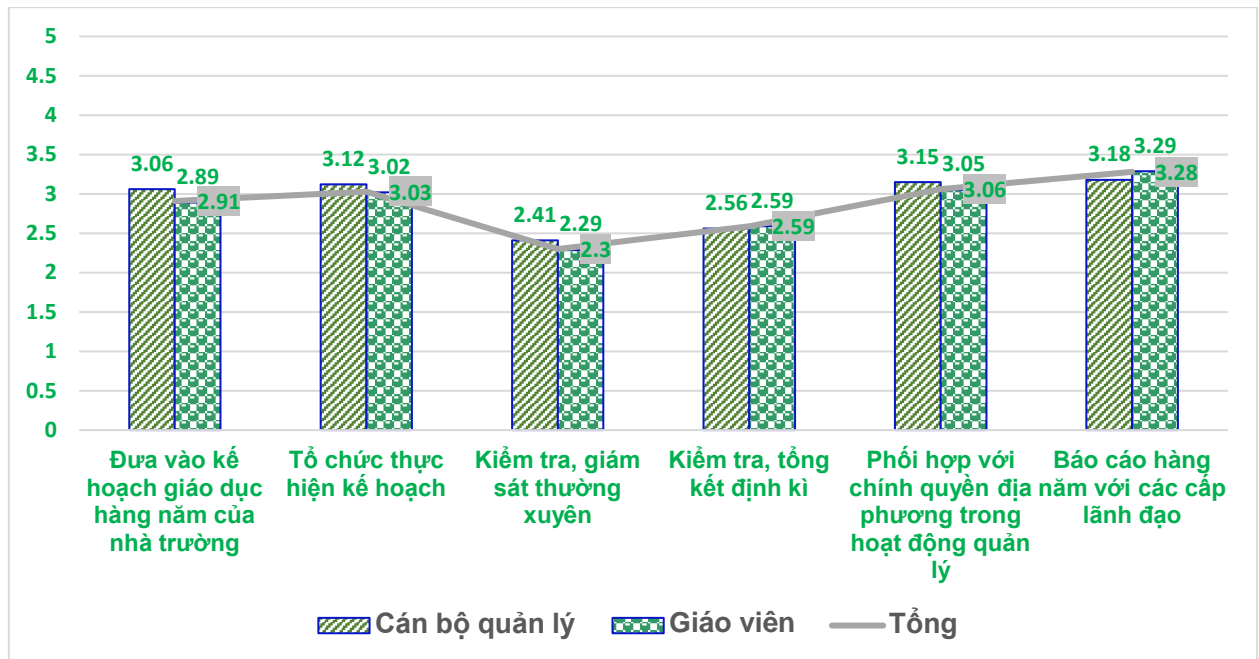
“Hạn chế trong việc phối hợp với các tổ chức, địa phương và gia đình trong việc triển khai các nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã đối với học sinh”

“ Học sinh cấp tiểu học hứng thú với các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã hơn so với học sinh các cấp học khác; Tuy nhiên, hạn chế về kinh phí trong việc tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, tham quan và ngoại khóa”

“GV gặp khó khăn về tài liệu và cách thức tổ chức khi thực hiện việc tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã vào các môn học trong chương trình cũng như tổ chức trong các tiết học tại nhà trường”

2.2.3. Thực trạng điều kiện hỗ trợ tổ chức giáo dục động vật hoang dã trong nhà trường

Nhằm tìm hiểu về những đặc điểm trong triển khai cũng như các điều kiện thực hiện việc triển khai tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong các nhà trường, chúng tôi tiến hành khảo sát CBQL và GV với câu hỏi: “*Thầy/cô cho biết các điều kiện sau đây đã hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở mức độ nào?*”



Biểu đồ 5: Các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong đó:

PA1: Đưa vào kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường

PA2: Tổ chức thực hiện kế hoạch

PA3: Kiểm tra, giám sát thường xuyên

PA4: Kiểm tra, tổng kết định kì

PA5: Phối hợp với chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý

PA6: Báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo

Khảo sát thực trạng các điều kiện hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, mức độ trả lời câu hỏi của CBQL và GV tuy có khác nhau, nhưng không có sự khác biệt giữa các lựa chọn. Việc đưa vào kế hoạch năm học, thực hiện theo kế hoạch, giám sát tổ chức, báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo và có khen thưởng cá nhân, tập thể có những thành tích xuất sắc trong hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã... là những điều kiện được xác định hỗ trợ cho việc tổ chức giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường; Ý kiến của CBQL và GV đều đồng nhất ở các phương án có sự chênh lệch không đáng kể (mức độ trung bình từ 2.30 – 3.06); Với các điều kiện hỗ trợ này việc tổ chức hoạt động giáo dục có nhiều điều kiện thuận lợi mang tính chủ quan.

Đặc biệt trong phân phỏng vấn sâu, chúng tôi có đưa ra câu hỏi “*Ngoài các điều kiện hỗ trợ như đã nêu trong câu hỏi, các thầy cô có tiến hành việc khen thưởng các cá nhân, tập thể trong các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường?*”.

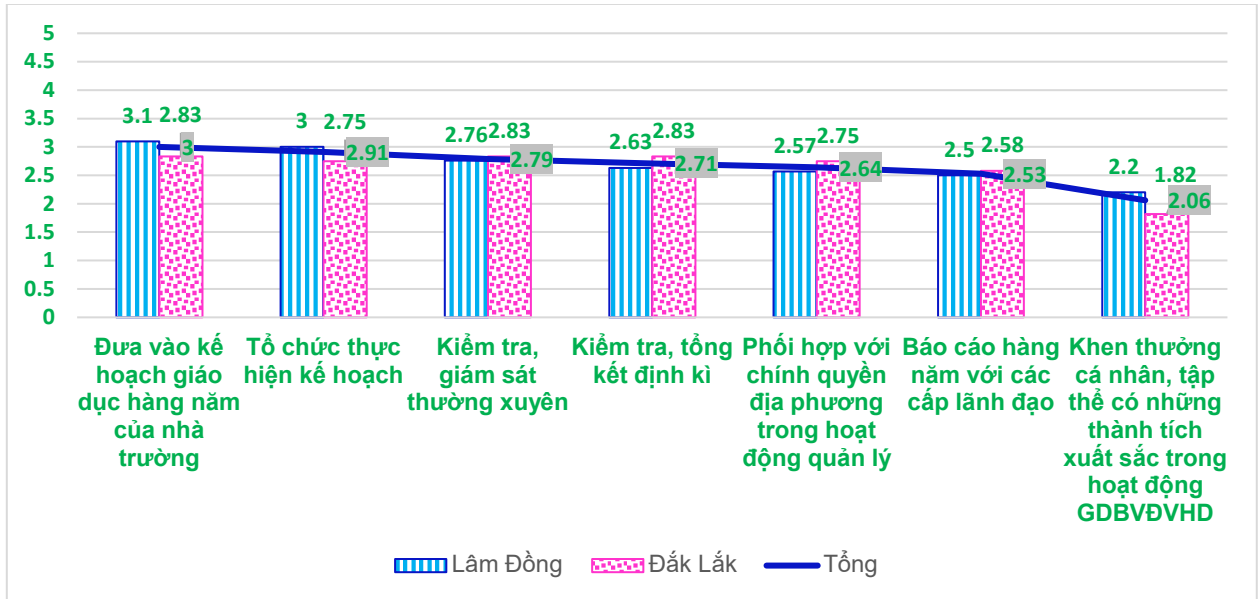
Chúng tôi nhận được một số câu trả lời, tập trung vào một số ý tóm gọn:

- *Các hoạt động có khen thưởng cá nhân tổ chức thường là từ các cuộc thi được phát động mang tính chất tuyên truyền của các sở ban ngành, ngành GD trong nguồn kinh phí hàng năm thường không có nội dung chi cho khen thưởng các chuyên đề hoặc các hoạt động giáo dục khác.*
- *Kinh phí thường không được xây dựng và phê duyệt do không có các kế hoạch năm học về nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong chương trình*
- *Nội dung chương trình giáo dục địa phương chưa đi sâu, tập trung thống nhất đưa ra ở các cấp học, nên nguồn kinh phí chưa có trong thường xuyên để bố trí các hoạt động giáo dục phù hợp và hiệu quả.*

Thực hiện khảo sát cùng một nội dung về điều kiện hỗ trợ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã. Với điều kiện có liên quan đến kiểm tra, giám sát thường xuyên ở cả hai địa phương đều còn hạn chế (2.63; 2.82) điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế triển khai: do chưa phải là nội dung độc lập nên khi tích hợp trong các môn học sẽ dẫn đến những khó khăn trong khâu giám sát, kiểm tra thường xuyên. Mức độ của điều kiện thực hiện ở các nhà trường trong địa bàn khảo sát thuộc hai tỉnh lần lượt là việc đưa vào kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường (3.14; 2.66); Báo cáo hàng năm với các cấp lãnh đạo (3.3.6; 3.2) sau đó là là việc tổ chức kế hoạch và phối hợp với chính quyền địa phương. Như vậy, nội dung hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các nhà trường đã thực ra là một vấn đề được quan tâm và triển khai, tuy nhiên còn gặp nhiều những khó khăn cả về phương diện chủ quan và khách quan, cần được hỗ trợ giải quyết.

2.2.4. *Triển khai quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường*

Xác định công tác triển khai quản lý hoạt động giáo dục là một trong những khâu mang lại hiệu quả trong công tác triển khai giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tại các nhà trường; nhằm tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý chúng tôi tiến hành hỏi đội ngũ CBQL với nội dung “*Thầy/ Cô đã triển khai những nội dung quản lý hoạt động bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường như thế nào, ở mức độ nào?*”

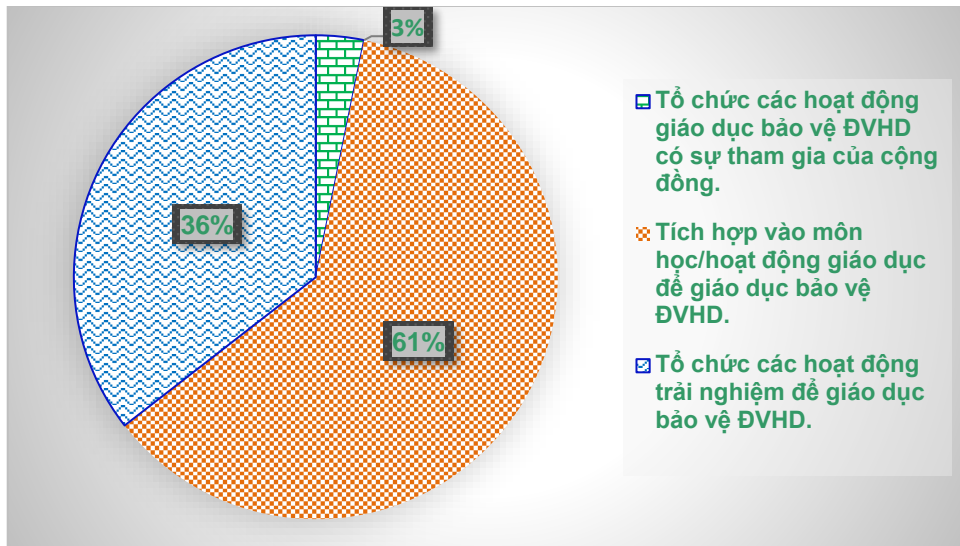


Biểu đồ 6: Thực trạng nội dung quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường

Trên thực tế khi thực hiện khảo sát nội dung quản lý hoạt động được hỏi với đối tượng là CBQL những người trực tiếp quản lý các hoạt động giáo dục tại nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy với các hoạt động quản lý tại các nhà trường thuộc hai địa phương đều tập trung vào các nội dung có liên quan đến lập kế hoạch năm học, đưa vào kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, kiểm tra giám sát và tổng kết định kỳ, việc phối hợp với địa phương trong công tác quản lý của các nhà trường với hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cũng được thực sự quan tâm và triển khai ở hai địa phương; cũng theo kết quả này thì việc khen thưởng các tổ chức và cá nhân còn ít nhiều hạn chế đối với công tác quản lý này.

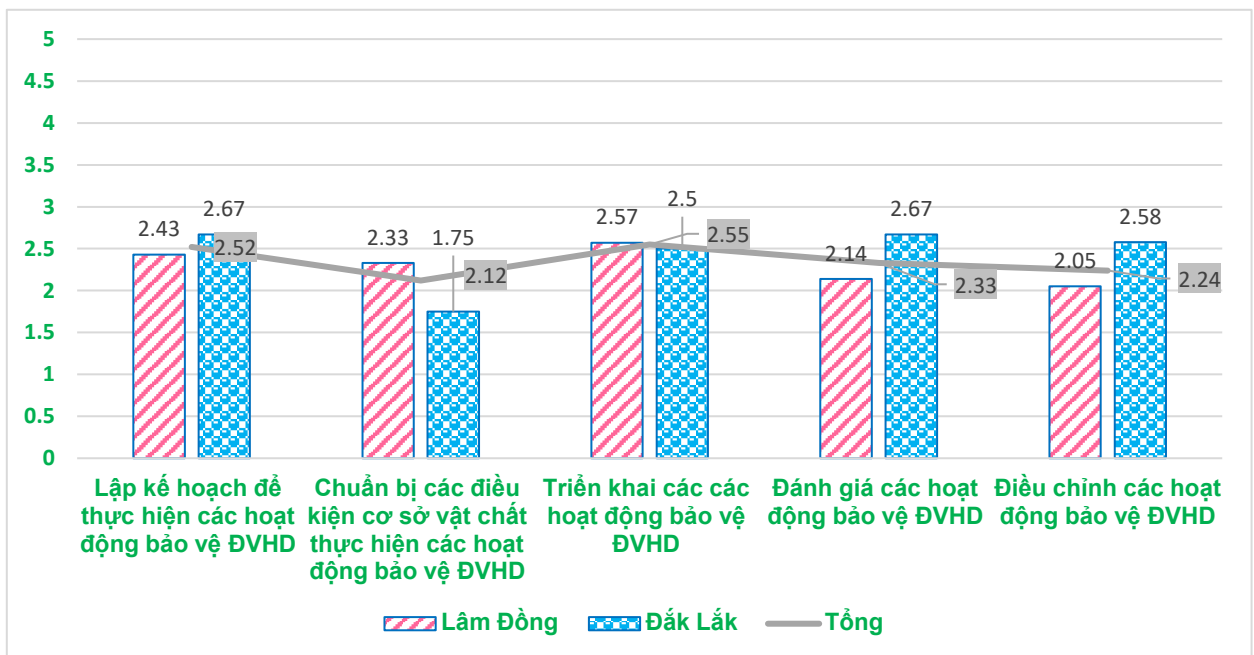
2.2.5. Thực trạng các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cụ thể đã từng tổ chức

Để tìm hiểu thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã chúng tôi có thiết kế câu hỏi “Thầy/cô đã từng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã nào sau đây?”. Với câu hỏi này chúng tôi tập trung hỏi đối tượng là CBQL các nhà trường, kết quả thu được:



Biểu đồ 7: Thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Câu trả lời tập trung vào hai phương thức tổ chức chủ yếu đó là: Tích hợp hoạt động giáo dục vào một số môn học và Tổ chức các hoạt động trải nghiệm về bảo vệ động vật hoang dã. Đây cũng thể hiện được xu thế dạy học hiện đại tập trung vào trải nghiệm của học sinh và phương pháp dạy học hiện tại tập trung vào tích hợp các môn học có cùng nội dung trên nền chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo các yêu cầu cần đạt.



Biểu đồ 8: Các bước tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Trong hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã các nhà trường trong phạm vi

khảo sát đã thực hiện, chúng tôi mong muốn tìm được các hình thức tổ chức giáo dục và mức độ thực hiện các hình thức đã được lựa chọn tại các nhà trường để làm căn cứ xây dựng những đề xuất hiệu quả cho công tác này, chúng tôi đưa ra câu hỏi “Thầy /Cô đã thực hiện hoạt động nào sau đây ở mức độ nào? – trong việc triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã”

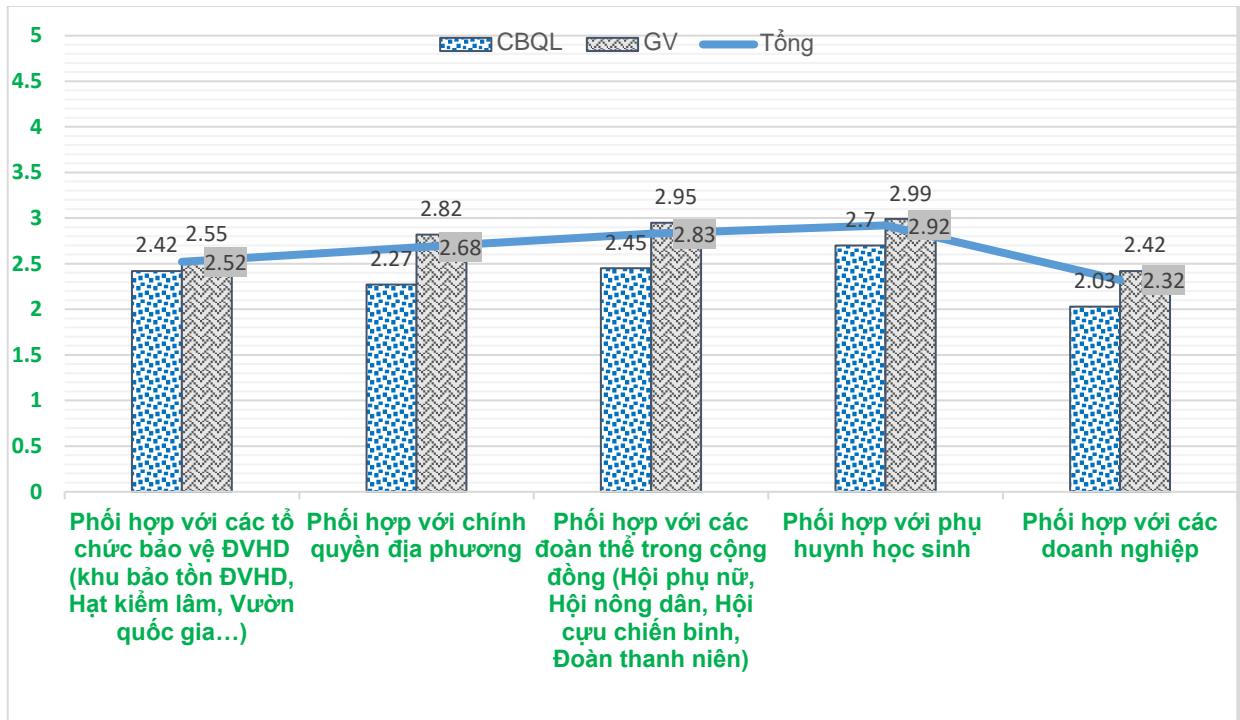
Chúng tôi nhận được câu trả lời ở các nhà trường của hai địa phương có sự chênh lệch về mức độ và các hình thức lựa chọn. Với Lâm Đồng hình thức lựa chọn ưu tiên là Triển khai các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã (2.57) và lần lượt còn lại là: Lập kế hoạch (2.43), Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất (2.33); Đánh giá (2.14) và điều chỉnh hoạt động (2.05); Với Đắk Lắk thứ tự lựa chọn các hình thức: Lập kế hoạch và Đánh giá hoạt động được tập trung lựa chọn (2.67) và lần lượt: Điều chỉnh hoạt động (2.58), Triển khai hoạt động (2.50) và chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất (1.75)

Tuy nhiên, các phương án được xác định có sự chênh lệch ở các nhà và địa phương nhưng vẫn cùng một mức độ là mức độ 2. Điều này cho thấy các hình thức tổ chức thực hiện được nêu ra đều được quan tâm triển khai và thực hiện trong thực tiễn ở các nhà trường.

2.3. Thực trạng về mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD

2.3.1. Sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

Hiện nay, ở các nhà trường phổ thông chưa có các mô hình cụ thể về giáo dục bảo vệ ĐVHD mà chỉ có các hoạt động giáo dục hướng tới giáo dục bảo vệ ĐVHD đã và đang triển khai rộng khắp. Để triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD rất cần có sự chung tay của cả cộng đồng được thể hiện ở việc các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và người dân địa phương cùng có những hành động thích hợp và thiết thực để bảo vệ ĐVHD.



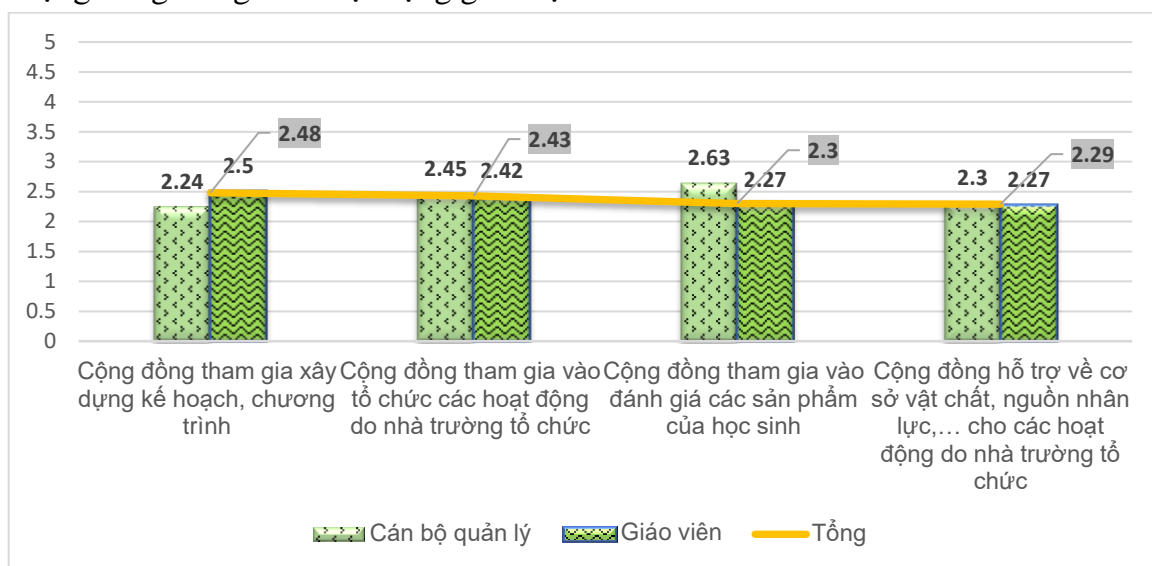
Biểu đồ 9: Điểm trung bình về mức độ tham gia của các đơn vị ở cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh ở trường

Từ biểu đồ trên, có thể thấy giá trị trung bình về mức độ tham gia của các đơn vị ở cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường dao động từ 2.03 đến 2.99 đều nằm trong mức độ hiếm khi và thỉnh thoảng, không có đơn vị nào có sự phối hợp thường xuyên và rất thường xuyên với nhà trường trong các hoạt động giáo dục BVMT. Xét trên tổng số người trả lời phiếu, không có sự chênh lệch nhiều về giá trị trung bình giữa giữa các đơn vị trong cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường. Xét trên khía cạnh từng đối tượng đánh giá về sự phối hợp này, đội ngũ CBQL cho rằng việc phối hợp với doanh nghiệp, phụ huynh học sinh, các đoàn thể trong cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức bảo vệ ĐVHD là khá khó khăn khi sự phối hợp này chỉ ở mức độ hiếm khi. Trong khi đó, phụ huynh học sinh là đối tượng được đánh giá phối hợp ở mức tốt nhất trong các đơn vị ở cộng đồng, tuy nhiên mức độ phối hợp cũng chỉ ở mức thỉnh thoảng. Đối với đội ngũ giáo viên, hai đơn vị được đội ngũ này đánh giá phối hợp nhiều nhất là phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong cộng đồng, tuy nhiên cũng vẫn chỉ ở mức độ thỉnh thoảng; Việc phối hợp với các tổ chức bảo vệ ĐVHD và doanh nghiệp là ít nhất, ở mức độ hiếm khi.

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL và giáo viên trong việc nhận định về sự phối hợp với chính quyền địa phương (sig.=0.006) và phối hợp với đoàn thể trong cộng đồng (sig.=0.027).

Để các hoạt động giáo dục có thể lan tỏa và bền vững ở cộng đồng thì cộng đồng phải được tham gia vào tất cả các quá trình của hoạt động giáo dục BVMT từ xây dựng kế hoạch chương trình, tổ chức các hoạt động do nhà trường tổ chức đến việc đánh giá các sản phẩm của học sinh hay hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lực cho các hoạt động do nhà

trường tổ chức. Biểu đồ dưới đây đưa ra số liệu về điểm trung bình về mức độ tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục BVMT.



Biểu đồ 10: Điểm trung bình về mức độ tham gia của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHĐ cho học sinh ở trường

Số liệu cho thấy, giá trị trung bình về mức độ tham gia cộng đồng trong vào các bước của quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục BVMT dao động từ 2.24 đến 2.48 đều nằm trong mức độ hiếm khi, không có bước nào trong GD bảo vệ ĐVHĐ nhận được sự phối hợp thường xuyên và rất thường xuyên của nhà trường với cộng đồng. Điều đó chứng tỏ chưa có sự tham gia tích cực và thường xuyên của cộng đồng trong các hoạt động liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHĐ với nhà trường từ khâu xây dựng kế hoạch, đến việc tham gia tổ chức các hoạt động, hay đánh giá các sản phẩm của học sinh cũng như hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lực cho các hoạt động do nhà trường tổ chức.

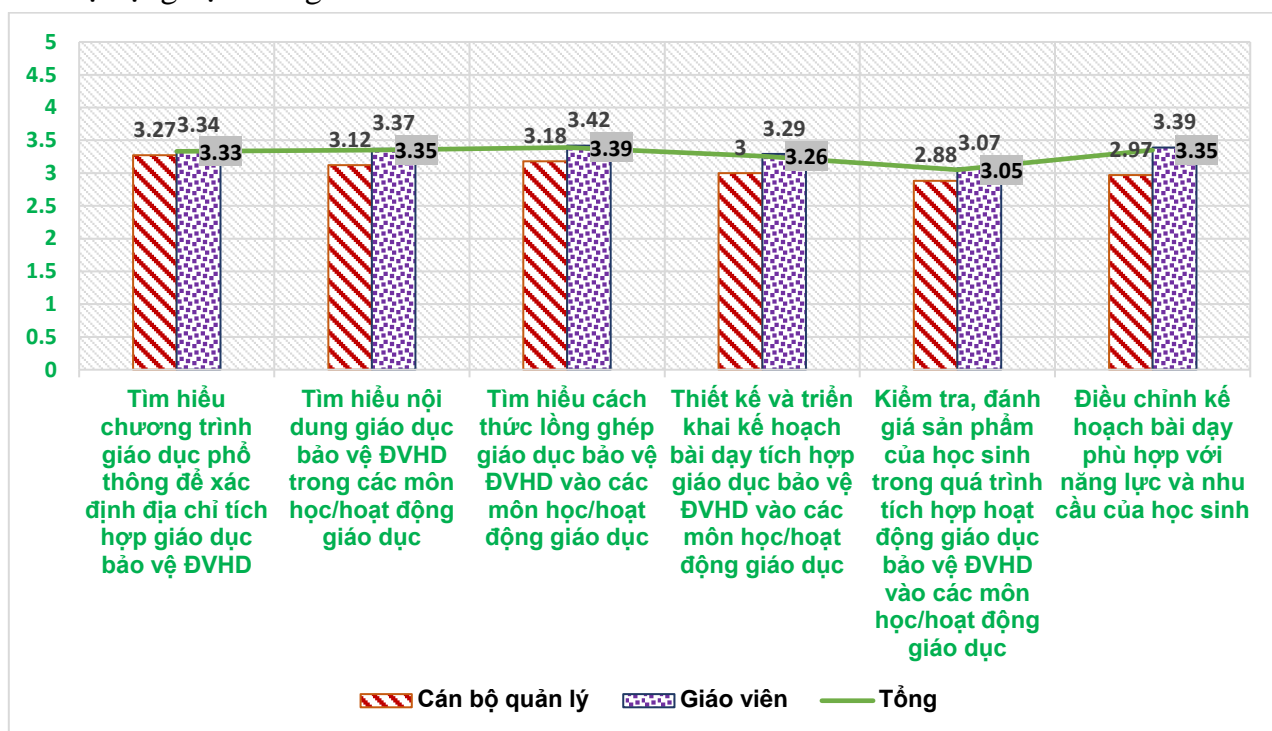
- Bố mẹ cũng chỉ biết các môn văn hóa các con học trên lớp, còn về các hoạt động khác thì ít được biết.
- Bố mẹ chỉ biết khi các con về kể lại với bố mẹ. Như hôm trước Con về có hỏi mẹ. Để BV ĐVHĐ thì cần làm gì? Nếu con quan tâm đến vấn đề đấy thì chắc là nhà trường có tổ chức, có phổ biến ĐVHĐ hoặc là lồng ghép trong các môn học
- Còn việc PH tham gia hoạt động GD BV ĐVHĐ với nhà trường thì chưa có.

Tọa đàm với PHHS, Trường THCS Ea Yông, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

2.3.2. Tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHĐ trong các môn học và hoạt động giáo dục

Trong những năm qua, nội dung bảo vệ động vật sẽ đã được tích hợp vào nhiều môn học và các hoạt động giáo dục ở các cấp học, nhằm giúp học sinh thấy được vẻ đẹp, sự đa dạng, giá trị của thế giới động vật hoang dã Việt Nam. Đồng thời, những nội dung tích hợp sẽ giúp học sinh nhận thức được mối đe dọa và các hành động có thể thực hiện

nhằm bảo vệ đôi với các loài động vật. Từ đó, học sinh có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng bảo vệ động vật hoang dã.



Biểu đồ 11: Điểm trung bình của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học và hoạt động giáo dục

Biểu đồ cho thấy, giá trị trung bình chung của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD dao động từ 2.88 đến 3.42 là nằm trong mức thỉnh thoảng. Cả cán bộ quản lý và giáo viên đều cho rằng những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp như: Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông để tìm hiểu địa chỉ tích hợp; Tìm hiểu nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD trong môn học/ hoạt động giáo dục; Tìm hiểu cách thức lồng ghép giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học/hoạt động giáo dục; Thiết kế và triển khai kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học/hoạt động giáo dục; Kiểm tra, đánh giá sản phẩm của học sinh trong quá trình tích hợp hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD vào các môn học/hoạt động giáo dục; Điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và nhu cầu của học sinh đều chỉ ở mức thỉnh thoảng.

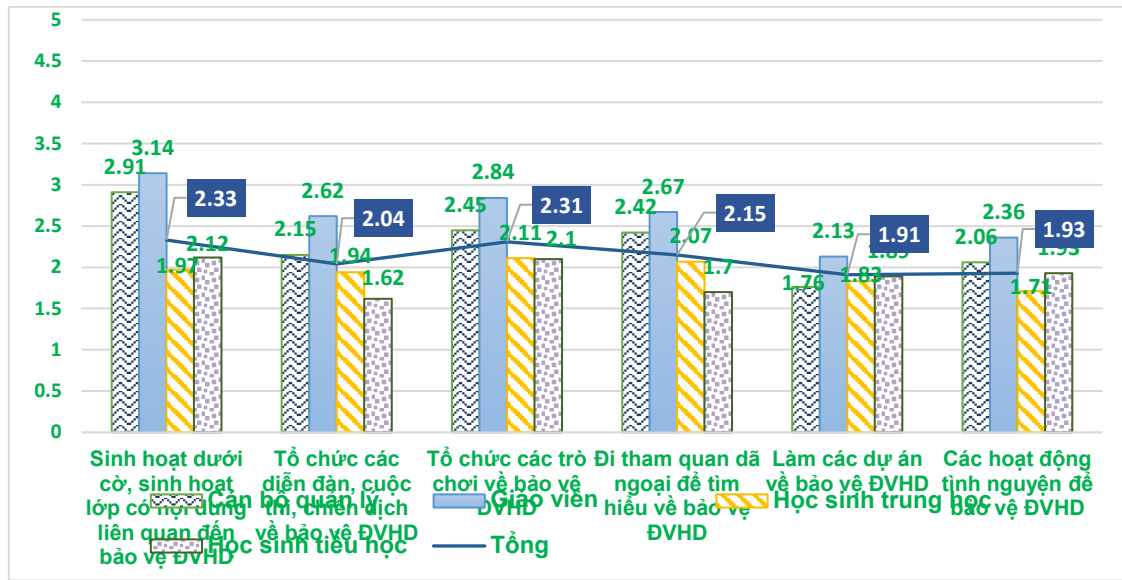
Một số môn học thuận lợi cho việc tích hợp hoạt động này như Sinh học, Địa lí, Văn học GDCD với mức độ tích hợp/lồng ghép cũng đủ kiến thức để học sinh nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD. Một số bài của giáo dục địa phương thì thuận lợi hơn, có thể tổ chức thành dự án để triển khai cho các em.

PVS giáo viên, Trường THCS thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL và giáo viên trong việc nhận định về điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và nhu cầu của học sinh (sig.=0.025).

2.3.3. Lồng ghép nội dung bảo vệ ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm

Ngoài việc tích hợp các nội dung bảo vệ ĐVHD vào các môn học/ hoạt động giáo dục thì việc lồng ghép các nội dung bảo vệ ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm cũng được các nhà trường thực hiện trong các năm học.



Biểu đồ 12: Điểm trung bình về những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để giáo dục bảo vệ ĐVHD

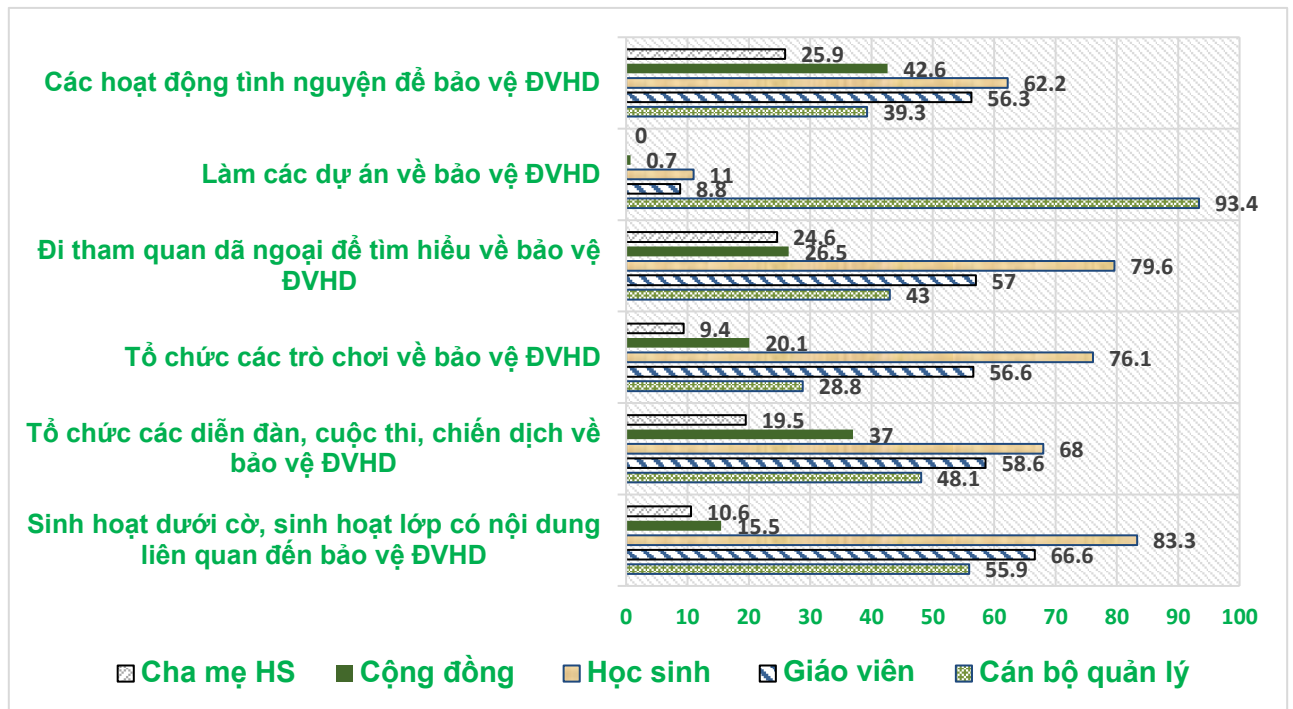
Điểm trung bình chung cho thấy những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để giáo dục bảo vệ ĐVHD dao động từ 1.91 đến 2.33, đều nằm ở khoảng hiếm khi. Đội ngũ giáo viên cho rằng việc thực hiện các hoạt động trải nghiệm được tiến hành ở mức độ nhiều nhất so với các đối tượng còn lại, tiếp đến là đội ngũ CBQL, tiếp theo là học sinh trung học và cuối cùng là học sinh tiểu học. Nội dung “Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp có nội dung liên quan đến bảo vệ ĐVHD” và “Tổ chức các trò chơi về bảo vệ ĐVHD” là hoạt động được đánh giá là thực hiện nhiều nhất so với các hoạt động còn lại; ngược lại nội dung “Làm các dự án về bảo vệ ĐVHD” và “Các hoạt động tình nguyện để bảo vệ ĐVHD” được đánh giá thực hiện ít nhất so với các hoạt động còn lại.

Trước đợt dịch, mỗi năm một lần, thường vào dịp kỉ niệm ngày thành lập Đoàn, Đội, nhà trường sẽ tổ chức cho học sinh dã ngoại bằng cách đi bảo tàng, Viện Sinh học hoặc du lịch sinh thái.

Tọa đàm Giáo viên, tỉnh Lâm Đồng

Kiểm định T-test cho thấy sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng CBQL, giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học trong việc nhận định về những hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD được tổ chức tại nhà trường, cụ thể: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp có nội dung liên quan đến bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Tổ chức các diễn đàn, cuộc thi, chiến dịch về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Tổ chức các trò chơi về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Đi tham quan dã ngoại để tìm hiểu về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000); Làm các dự án về bảo vệ ĐVHD (sig.=0.021); Các hoạt động tình nguyện để bảo vệ ĐVHD (sig.=0.000);

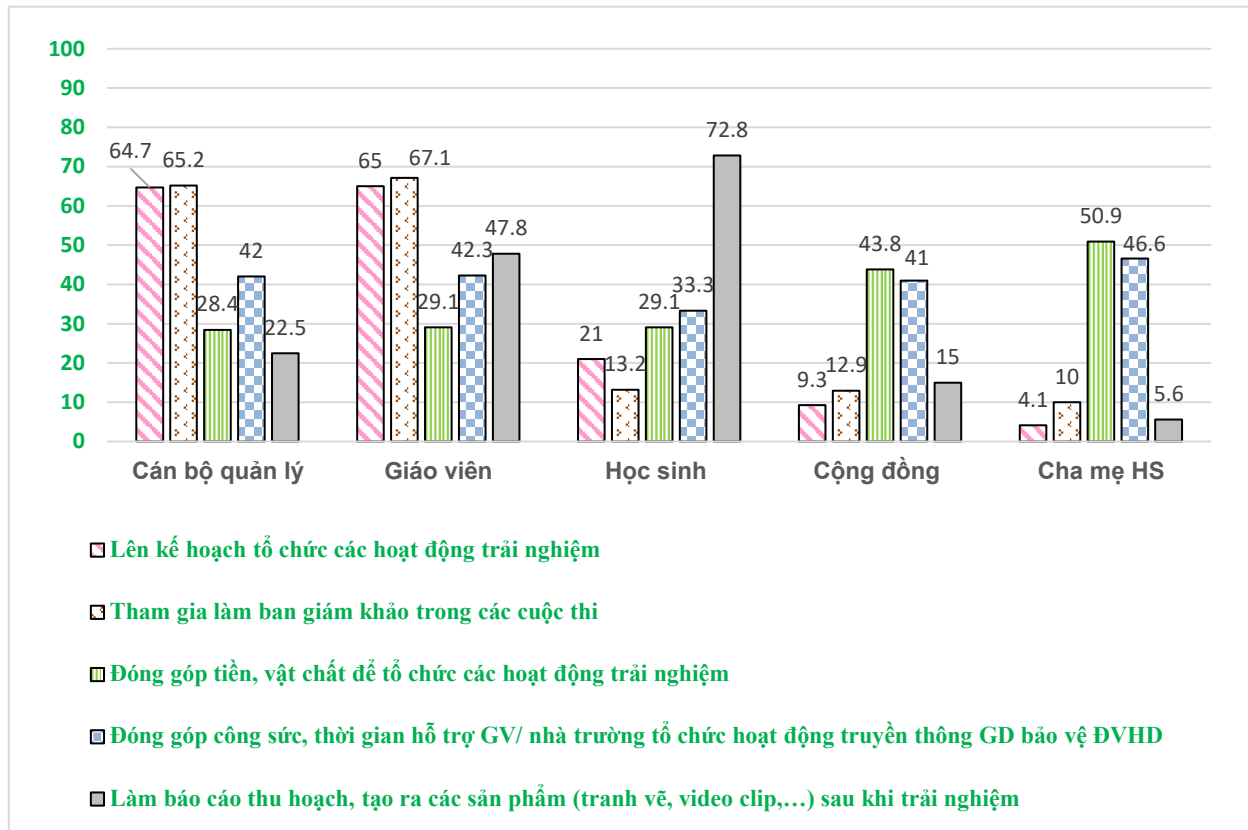
Các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng có rất nhiều các đối tượng tham gia vào và ở các mức độ khác nhau. Biểu đồ dưới đây mô tả giá trị trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường.



Biểu đồ 13: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường

Xét trên mặt bằng chung, cha mẹ học sinh là những người ít tham gia vào các hoạt động trải nghiệm nhất, tiếp đến là cộng đồng; ngược lại là đối tượng học sinh và giáo viên tham gia nhiều nhất vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường. Đối tượng CBQL lại được đánh giá giá cao nhất khi tổ chức thực hiện các dự án về giáo dục bảo vệ ĐVHD, GV và học sinh thì tham gia một cách đầy đủ ở tất cả các hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, cha mẹ học sinh và cộng đồng lại không tham gia ở các hoạt động dự án giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Cách thức các đối tượng ở nhà trường và cộng đồng tham gia và đóng góp trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng khác nhau, cụ thể:

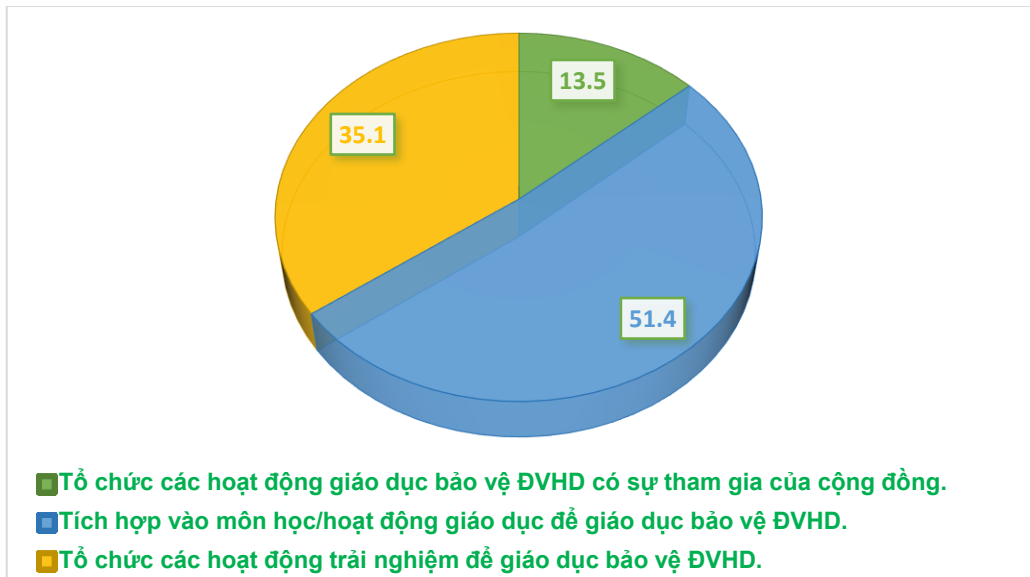


Biểu đồ 14: Điểm trung bình của các đối tượng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD ở nhà trường

Đối với đội ngũ CBQL và giáo viên, việc lên kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và tham gia làm ban giám khảo trong các cuộc thi là hai nội dung được các đối tượng này thực hiện nhiều nhất. Đối với học sinh, việc làm báo cáo thu hoạch, tạo ra các sản phẩm như tranh vẽ, video clip sau trải nghiệm là hoạt động diễn ra thường xuyên nhất. Cộng đồng và cha mẹ học sinh thực hiện việc đóng góp tiền, vật chất để tổ chức các hoạt động trải nghiệm và đóng góp công sức, thời gian hỗ trợ giáo viên/ nhà trường tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD.

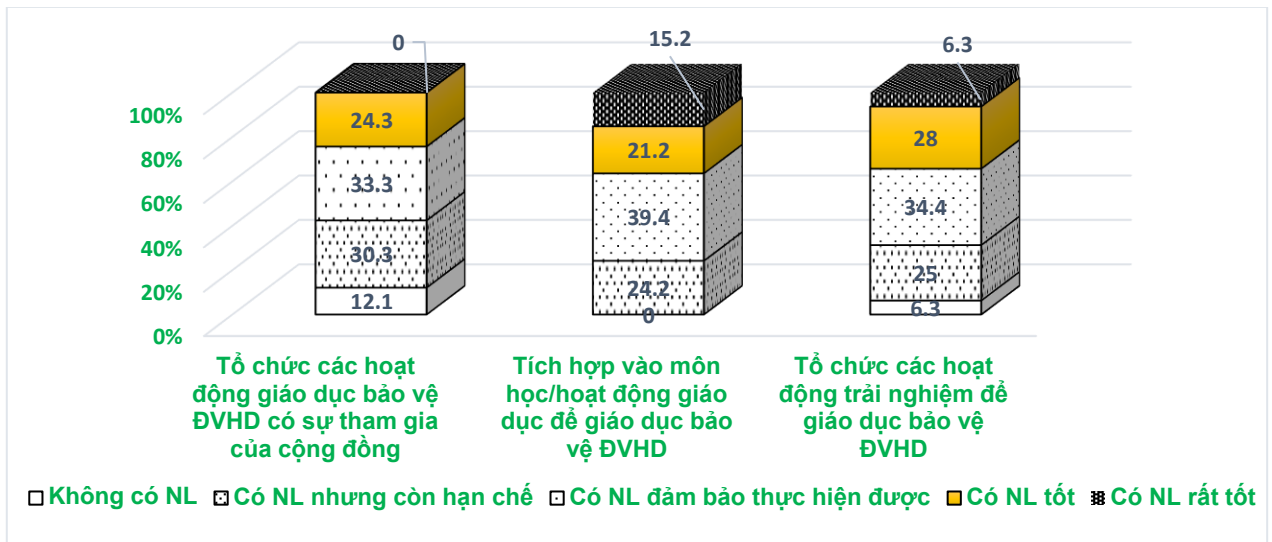
2.3.4. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

Biểu đồ dưới đây cho thấy, trong các hoạt động tập huấn cho giáo viên liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD, nội dung tích hợp vào các môn học/ hoạt động giáo dục để giáo dục bảo vệ ĐVHD được tập huấn nhiều nhất (51.4%), tiếp đến là hoạt động trải nghiệm để giáo dục bảo vệ ĐVHD (35.1%) và cuối cùng là các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD có sự tham gia của cộng đồng (chỉ có 13,5%).



Biểu đồ 15: Tỷ lệ phần trăm mô tả các hoạt động tập huấn cho giáo viên liên quan đến giáo dục bảo vệ ĐVHD

Để hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD đạt hiệu quả, giáo viên phải linh hoạt, sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trên cơ sở định hướng theo tài liệu giáo dục của Bộ GD&ĐT, giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD học một cách sáng tạo để học sinh nâng cao được năng lực và thái độ về bảo vệ ĐVHD. Biểu đồ dưới đây thể hiện sự đánh giá của đội ngũ CBQL đối với Giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

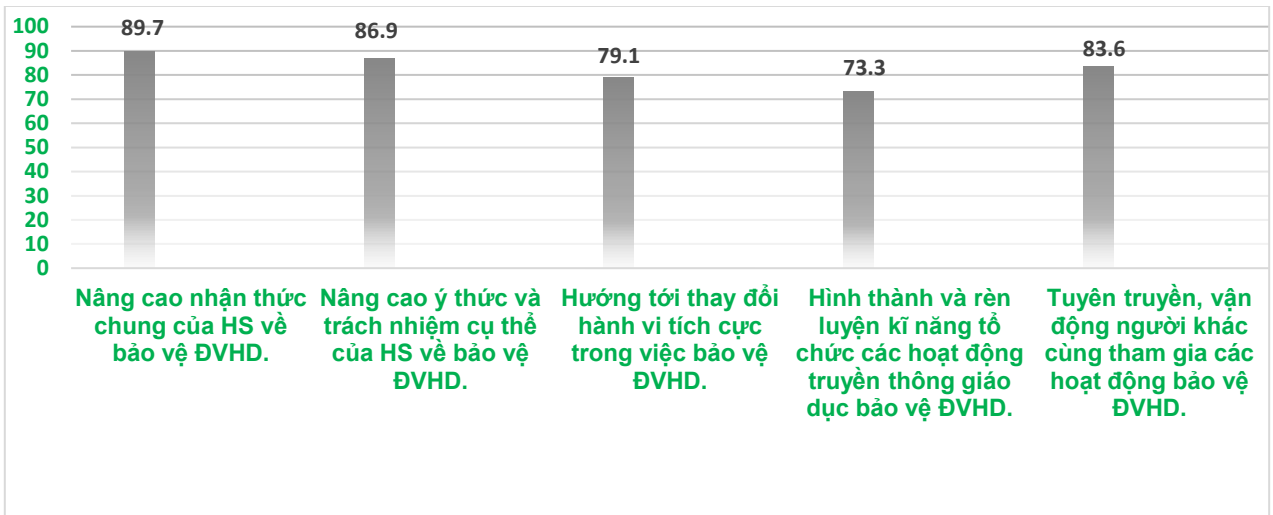


Biểu đồ 16: Điểm trung bình của CBQL đánh giá về năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của giáo viên

2.4. Thực trạng về hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD của nhà trường, cộng đồng

2.4.1. Mục tiêu cơ bản các của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Đối với mục tiêu cơ bản của các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, nhóm nghiên cứu đã thiết kế các câu hỏi trong phiếu hỏi để khảo sát CBQL và GV. Kết quả thu được như sau:



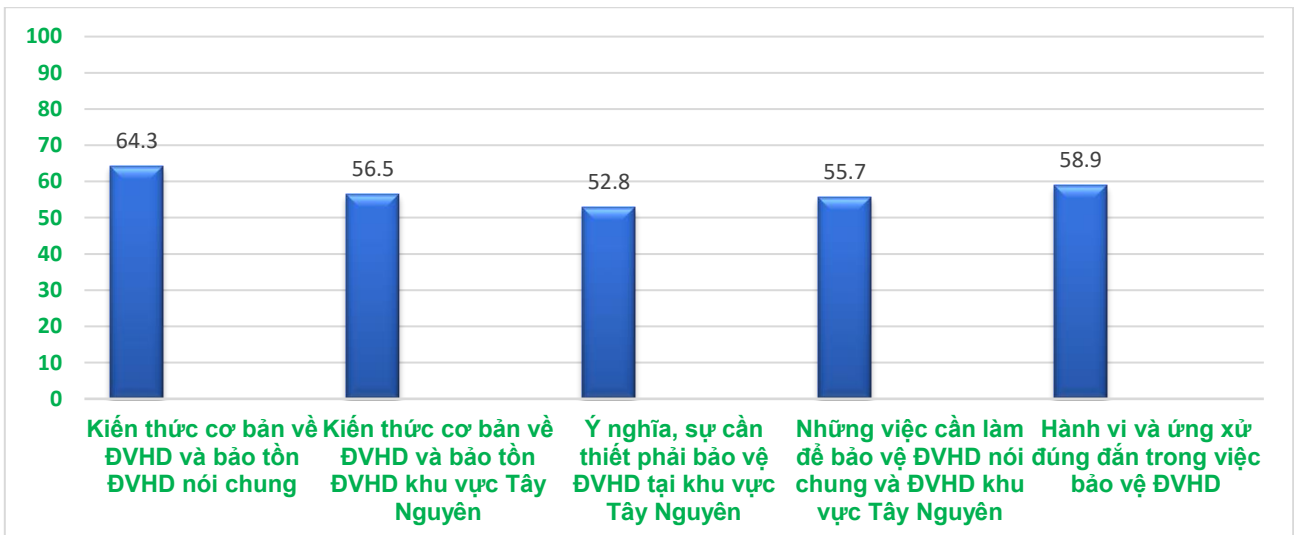
Biểu đồ 17: Mục tiêu cơ bản các của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Quan sát biểu đồ có thể thấy, CBQL và GV đánh giá mục tiêu “Nâng cao nhận thức chung của HS về bảo vệ ĐVHD” ở mức độ cao nhất là 89.7%, tiếp theo là mục tiêu “Nâng cao ý thức và trách nhiệm cụ thể của HS về bảo vệ ĐVHD” (86.9%) và “Tuyên truyền, vận động người khác cùng tham gia các hoạt động bảo vệ ĐVHD”. Hai mục tiêu được đánh giá thấp hơn là “Hướng tới thay đổi hành vi tích cực trong việc bảo vệ ĐVHD” (79.1%) và “Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD” (73.3%).

2.4.2. Thực trạng tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

2.4.2.1. Nội dung của các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

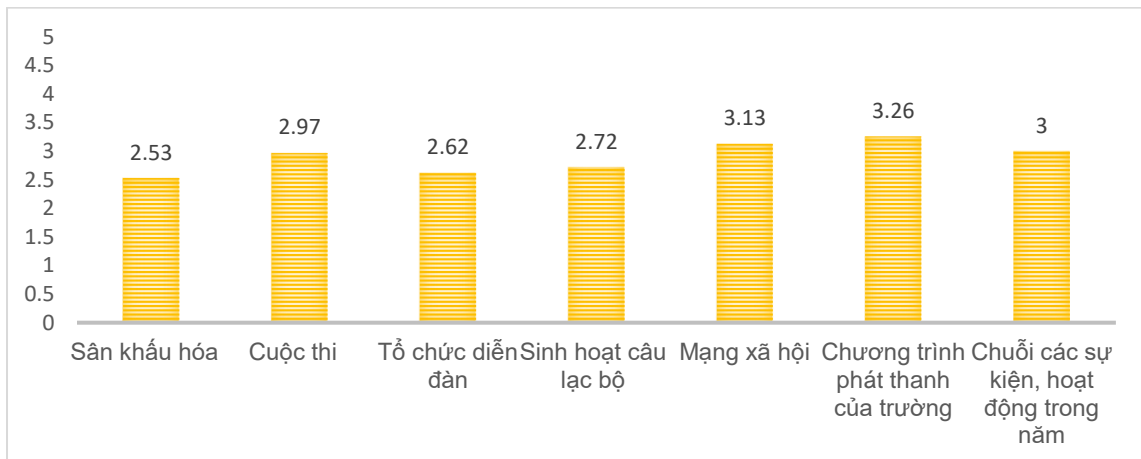
Đối với nội dung của các hoạt động truyền thông, nhóm nghiên cứu đã thiết kế câu hỏi dành cho CBQL, GV, HS trung học, HS tiểu học. Kết quả thu được như sau:



Biểu đồ 18: Nội dung các hoạt động truyền thông đã tổ chức

Dựa trên kết quả khảo sát, có thể thấy, nội dung “Kiến thức cơ bản về ĐVHD và bảo tồn ĐVHD nói chung” có mức độ phổ biến nhất trong các hoạt động truyền thông với tỉ lệ lựa chọn là 64.3%. Các nội dung còn lại có mức độ chênh lệch không nhiều (trong khoảng từ 52.8% đến 58.9%).

Đối với câu hỏi dành cho CBQL về năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV trong trường, kết quả thu được như sau:

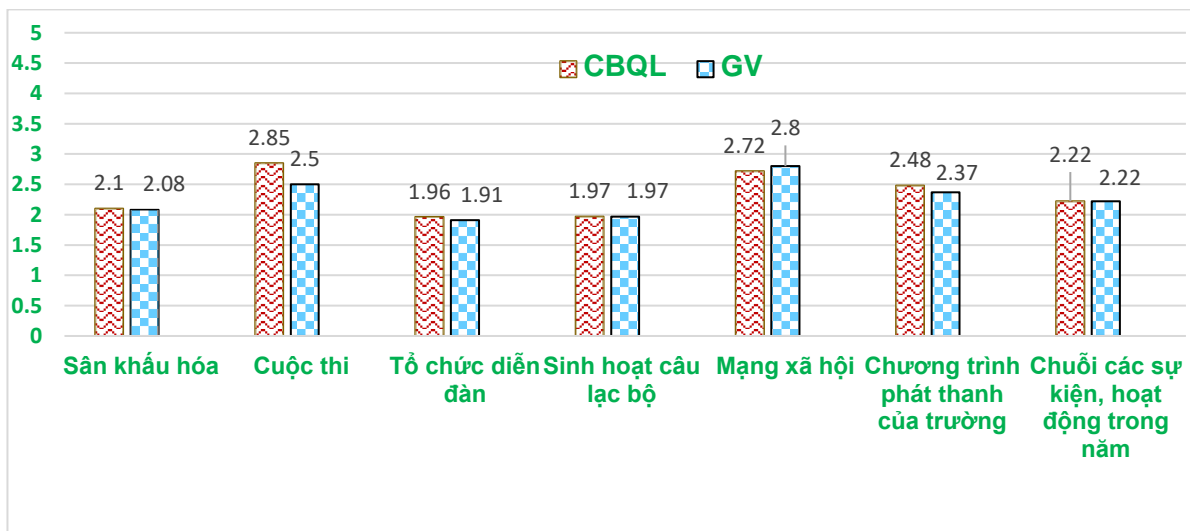


Biểu đồ 19: Năng lực tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của GV

Như vậy có thể thấy, theo đánh giá của CBQL, những năng lực tổ chức hoạt động truyền thông của GV trong trường không có quá nhiều sự chênh lệch. Đối với mức độ đạt chung, đa số CBQL đánh giá năng lực tổ chức của GV trong trường là mức 3, chỉ có năng lực tổ chức hoạt động sân khấu hóa là ở mức 2. Năng lực tổ chức của GV được đánh giá ở mức cao nhất là 3.26 đối với năng lực tổ chức hoạt động truyền thông qua chương trình phát thanh của trường. Năng lực tổ chức của GV được đánh giá ở mức thấp nhất là năng lực tổ chức hoạt động truyền thông sân khấu hóa với mức đánh giá là 2.53.

2.4.2.2. Các hình thức tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Mức độ thực hiện các hình thức truyền thông



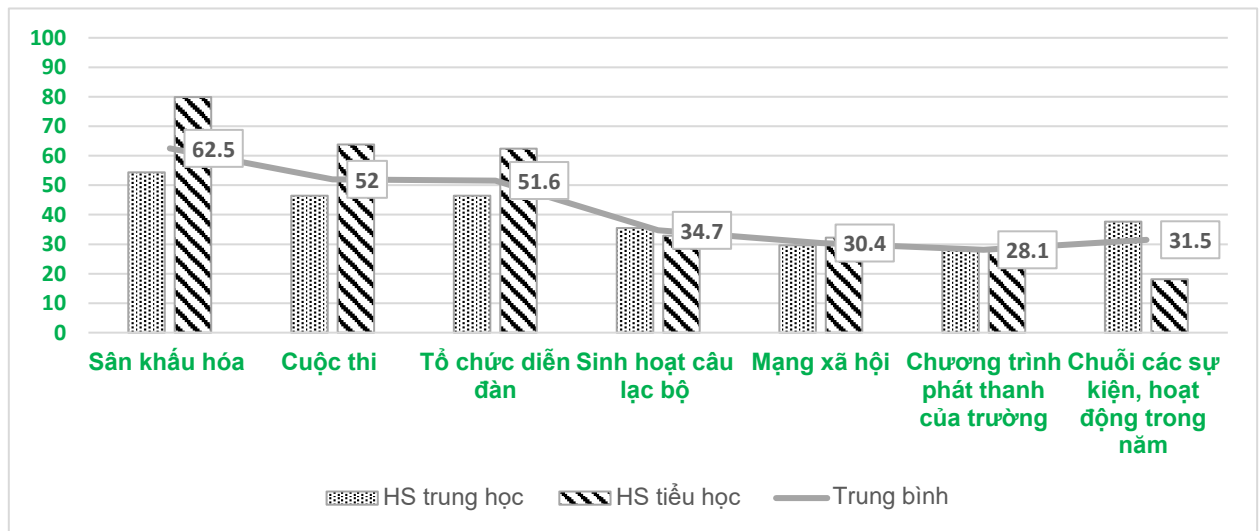
Biểu đồ 20: Điểm trung bình về mức độ thực hiện các hình thức truyền thông

Như vậy có thể thấy, hai hình thức truyền thông được CBQL và GV lựa chọn nhiều nhất là “Truyền thông qua mạng xã hội” (2.72 và 2.8) và Tổ chức cuộc thi (2.85 và 2.5). Các hình thức tổ chức cuộc thi được nhắc đến ở đây bao gồm nhiều hình thức như thi viết, vẽ, chụp ảnh, làm video clip,...

Qua quá trao tọa đàm, phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy, việc sinh hoạt câu lạc bộ truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD hầu như chưa có. Các trường học có hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, nhưng chủ yếu là các câu lạc bộ liên quan đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc câu lạc bộ Tiếng Anh, Toán, chưa có câu lạc bộ về bảo vệ môi trường nói chung hay câu lạc bộ truyền thông bảo vệ ĐVHD nói riêng.

Theo chia sẻ của CBQL và GV các nhà trường ở Đăk Lăk và Lâm Đồng, một số hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD đã thực hiện như: tuyên truyền dưới cờ, vẽ tranh, các cuộc thi do đoàn đội tổ chức: rác thải tái chế, cuộc thi thời trang giấy,...

b) Hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD



Biểu đồ 21: Ý kiến của HS về hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD

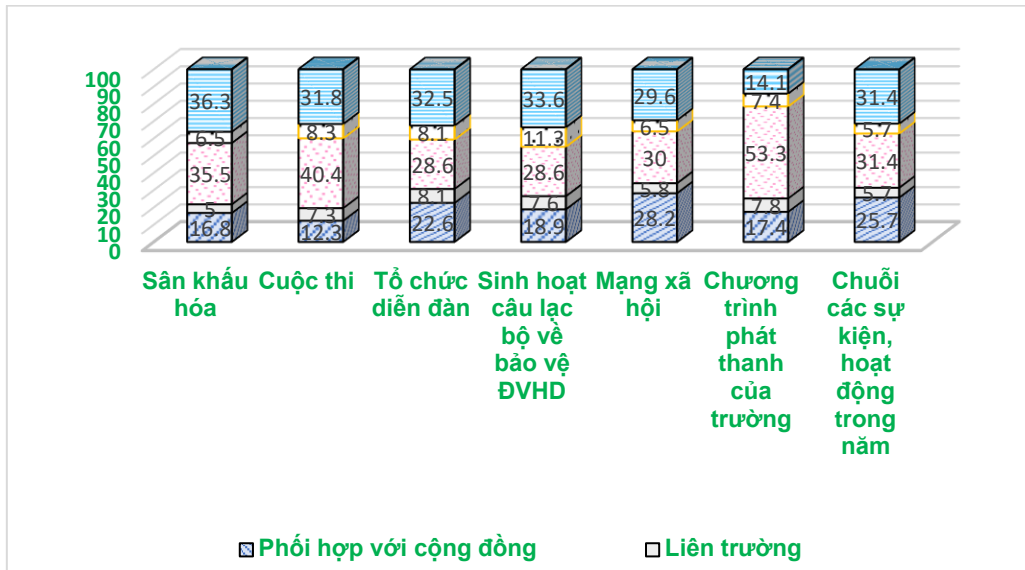
Theo ý kiến của HS, hình thức truyền thông phù hợp trong giáo dục bảo vệ ĐVHD là sân khấu hóa, với tỉ lệ lựa chọn trung bình là 62.5%, tiếp đến là tổ chức cuộc thi (52%), tổ chức diễn đàn (51.6%). Hình thức HS cho là ít phù hợp nhất là truyền thông qua chương trình phát thanh của trường (28.1%).

c) Phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS

Đối với câu hỏi về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD dành cho CBQL và GV, hai quy mô được CBQL và GV lựa chọn nhiều nhất là cấp lớp và cấp trường. Đối với hình thức sân khấu hóa, tỉ lệ lựa chọn là 36.3% và 35.5%; đối với hình thức tổ chức cuộc thi, tỉ lệ lựa chọn là 31.8% và 40.4%. Đối với hình thức Tổ chức diễn đàn, tỉ lệ lựa chọn là 32.5% và 28.6%. Đối với hình thức sinh hoạt câu lạc bộ về bảo vệ ĐVHD, lựa chọn là 33.6% và 28.6%. Đối với Hình thức truyền thông qua chương trình phát thanh của trường, tỉ lệ lựa chọn là 14.1% và 53.4%. Hình thức này cũng có sự phối hợp với cộng đồng với tỉ lệ lựa chọn là 17.4%. Đặc thù của hình thức truyền thông qua chương trình phát thanh của trường chủ yếu được tổ chức ở phạm vi trong trường hình

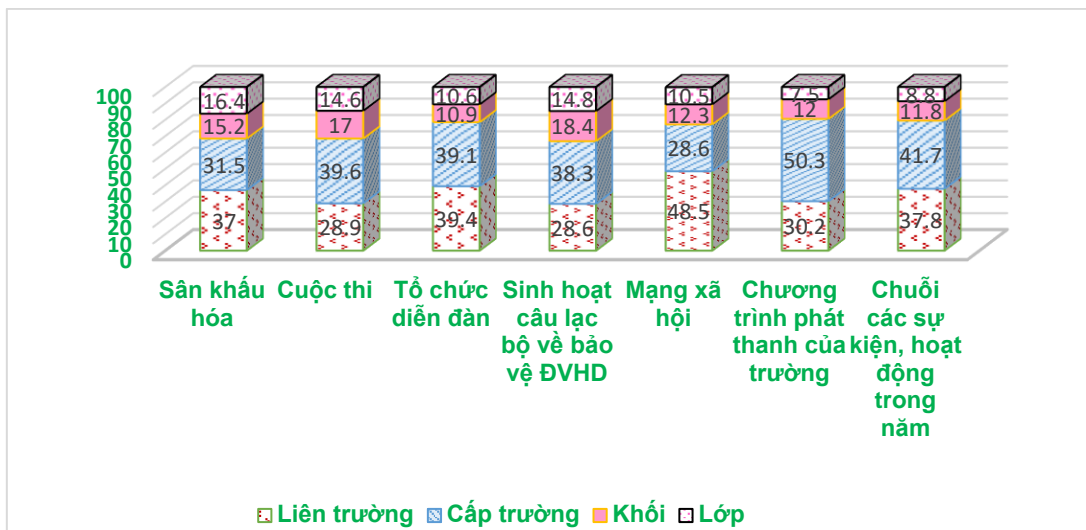
thức này liên quan liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường và phạm vi hoạt động của hệ thống phát thanh trong trường. Trường sẽ chia lịch phụ trách hoạt động truyền thanh đến các lớp theo chủ đề từng tháng được thống nhất trong kế hoạch. Đối với hình thức truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm, tỉ lệ lựa chọn là 31.4% và 31.4%.

Quy mô tổ chức ít phổ biến hơn của các hoạt động truyền thông đó là quy mô liên trường và quy mô khối với tỉ lệ CBQL và GV lựa chọn ít nhất, dao động trong tỉ lệ từ 5% đến 11.3%.



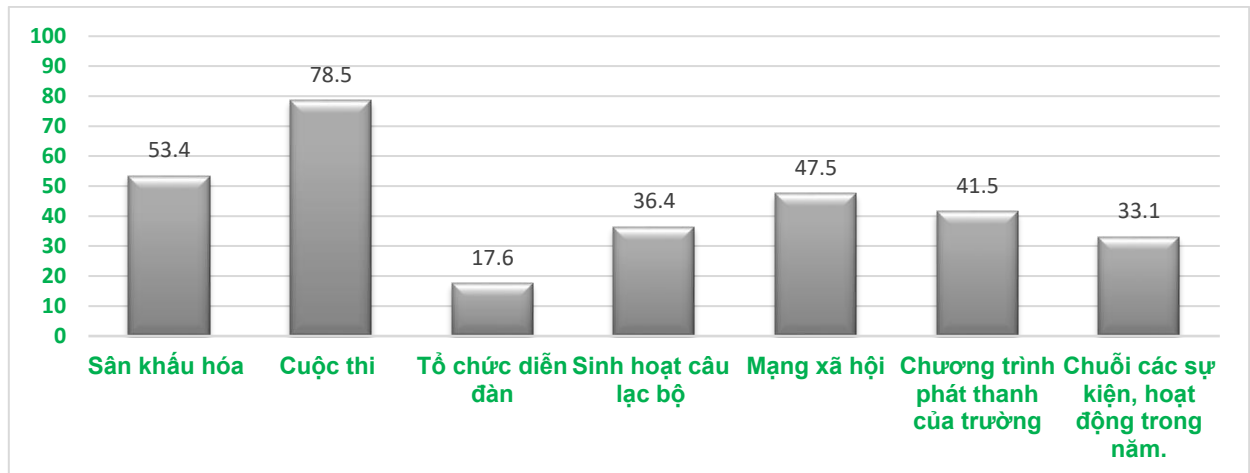
Biểu đồ 22: Ý kiến của CBQL, GV về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Theo ý kiến của HS trung học, đối với phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, HS thích được tổ chức ở quy mô liên trường và cấp trường, phạm vi khối và lớp ít được HS lựa chọn hơn. Kết quả khảo sát được thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 23: Ý kiến của HS trung học về phạm vi tổ chức của các hình thức truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

d) Hiệu quả của các hình thức truyền thông



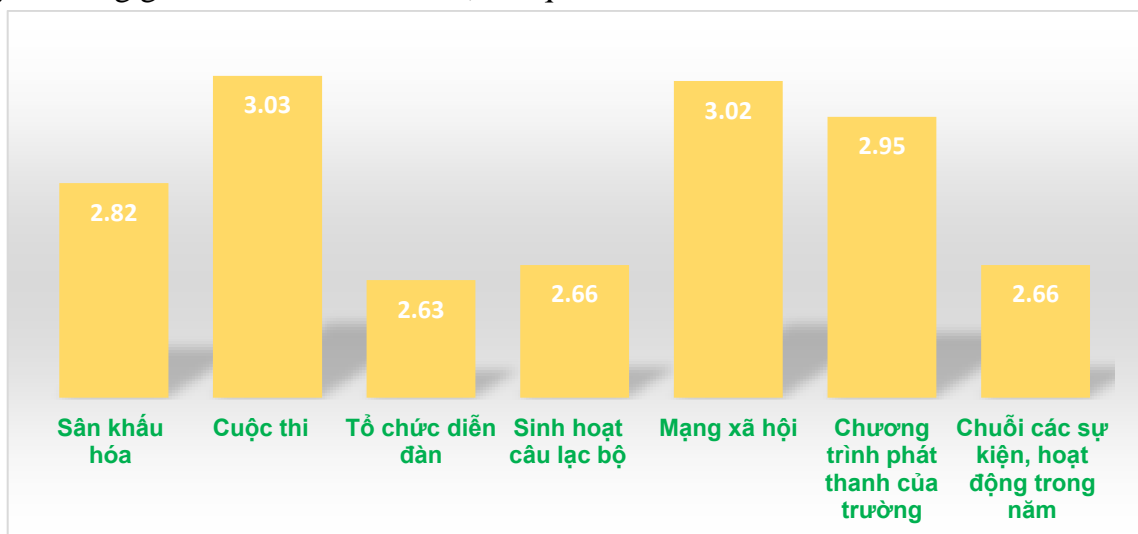
Biểu đồ 24: Ý kiến của CBQL và GV về hiệu quả của các hình thức truyền thông trong việc giáo dục HS về bảo vệ ĐVHD

Theo kết quả khảo sát, hình thức tổ chức cuộc thi được CBQL và GV lựa chọn với tỉ lệ nhiều nhất là 78.5%, hình thức có tỉ lệ lựa chọn nhiều thứ hai là hình thức sân khấu hóa (53.4%). Các hình thức khác có tỉ lệ lựa chọn như sau: Mạng xã hội (47.5%); Chương trình phát thanh của trường (41.5%); sinh hoạt câu lạc bộ (36.4%); chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (33.1%). Hình thức truyền thông có tỉ lệ lựa chọn thấp nhất là tổ chức diễn đàn (17.6%).

2.4.2.3. Mức độ tham gia của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Khảo sát ý kiến của GV về mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, kết quả khảo sát như sau:

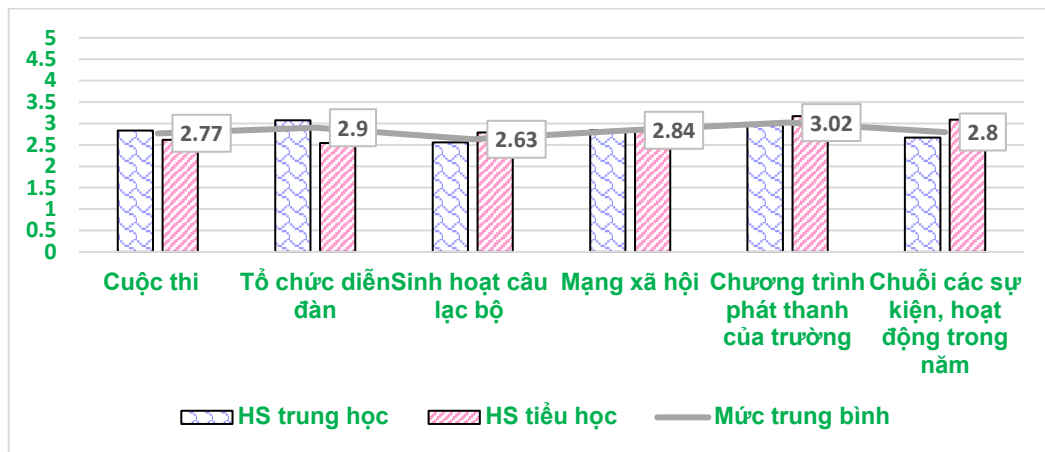


Biểu đồ 25: Ý kiến của GV về mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Hai hoạt động truyền thông được GV đánh giá là có mức độ tham gia của HS cao nhất là truyền thông thông qua các cuộc thi (mức 3.03) và truyền thông qua mạng xã hội

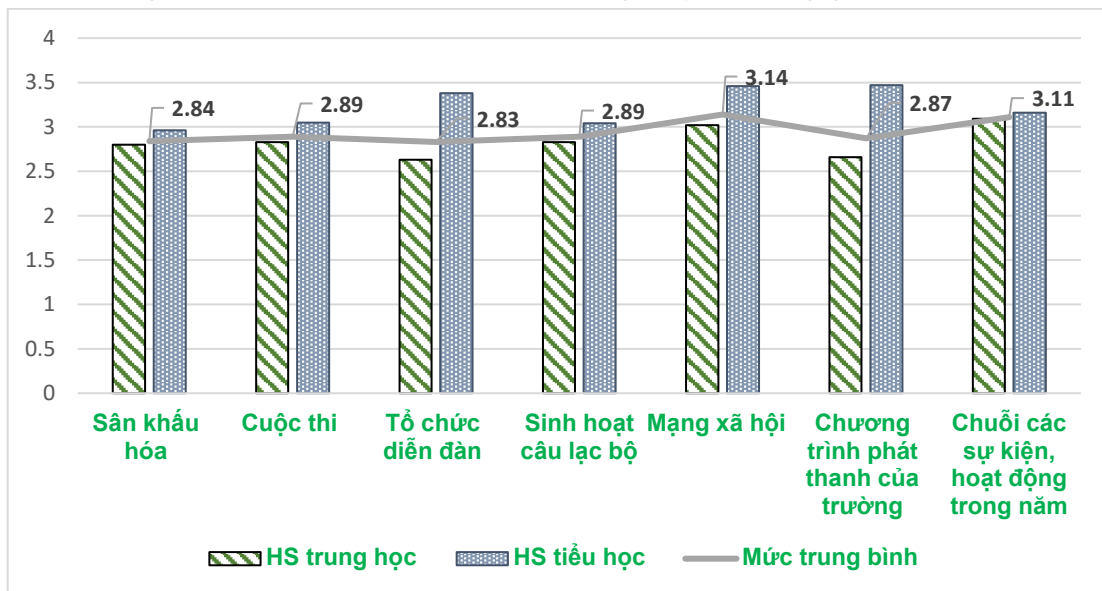
(mức 3.02). Ba hình thức ít có sự tham gia của HS nhất là sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.66), truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (mức 2.66) và tổ chức diễn đàn (mức 2.63).

Đối với kết quả khảo sát HS trung học và HS tiểu học, mức độ tích cực của HS khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ đối với các hoạt động khác nhau không có quá nhiều sự chênh lệch. Mức độ tích cực được HS đánh giá ở mức cao nhất (mức 3.02) đối với hoạt động truyền thông thông qua chương trình phát thanh của trường, và ít tích cực nhất đối với hoạt động truyền thông sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.63). Kết quả được thể hiện chi tiết ở biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 26: Ý kiến của HS về mức độ tích cực khi tham gia các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ

b) Mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ



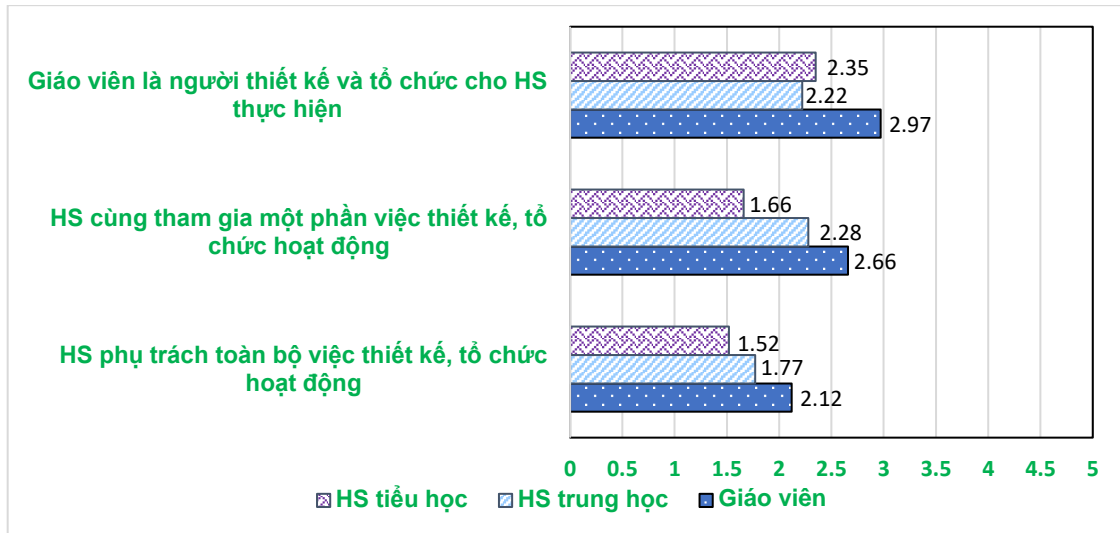
Biểu đồ 27: Ý kiến của HS về mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ

Theo kết quả khảo sát, mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHĐ từng tham gia đều ở mức độ 3. Trong đó có hai hoạt động được HS trung học và HS tiểu học đánh giá ở mức độ hứng thú cao nhất là truyền thông qua

mạng xã hội (mức 3.14) và truyền thông qua chuỗi các sự kiện, hoạt động trong năm (mức 3.11).

2.4.2.4. Vai trò của HS trong các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD



Biểu đồ 28: Vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông

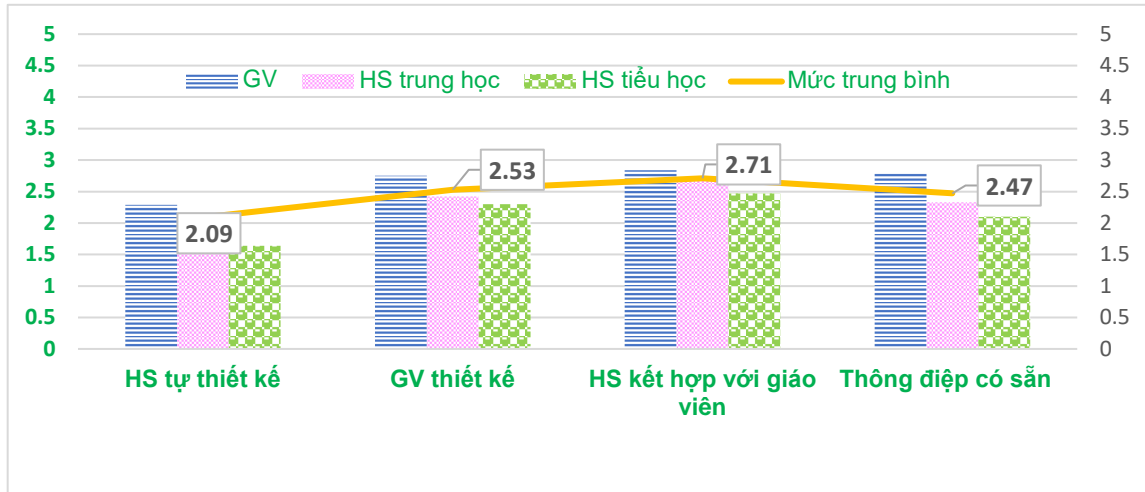
Theo kết quả khảo sát, vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông, phương án “GV là người thiết kế và tổ chức cho HS thực hiện” được GV, HS trung học và HS tiểu học có mức độ lựa chọn nhiều nhất với mức độ lần lượt là 2.97, 2.22 và 2.35; tiếp theo là phương án “HS cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động” với mức độ lần lượt là 2.66, 2.28 và 1.66. Phương án “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” có mức độ lựa chọn ít nhất với mức độ lần lượt là 2.12, 1.77 và 1.52.

Đối với kết quả khảo sát của giáo viên, vai trò của HS trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động truyền thông được thể hiện như sau: Mức độ “HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động” có điểm trung bình thấp nhất trong lựa chọn của GV (2.12); mức độ “HS cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động” ở với mức trung 2.66; và mức độ “Giáo viên là người thiết kế và tổ chức cho HS thực hiện” có điểm trung bình cao nhất (2.97).

Kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học đối với các nội dung: Học sinh phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động (sig.= 0.000); Học sinh cùng tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động (sig.= 0.000); giáo viên là người thiết kế và tổ chức cho học sinh thực hiện (sig.= 0.000).

Như vậy có thể thấy, trong thực tế mức độ HS phụ trách toàn bộ việc thiết kế, tổ chức hoạt động là ít phổ biến hơn, học sinh trung học chủ động hơn HS tiểu học trong việc tham gia một phần việc thiết kế, tổ chức hoạt động. Kết quả này phù hợp với đặc điểm học tập, nhận thức và sự trưởng thành hơn về kỹ năng của HS trung học so với HS tiểu học.

b) Người thiết kế các thông điệp trong các hoạt động truyền thông



Biểu đồ 29: Người thiết kế các thông điệp trong các hoạt động truyền thông

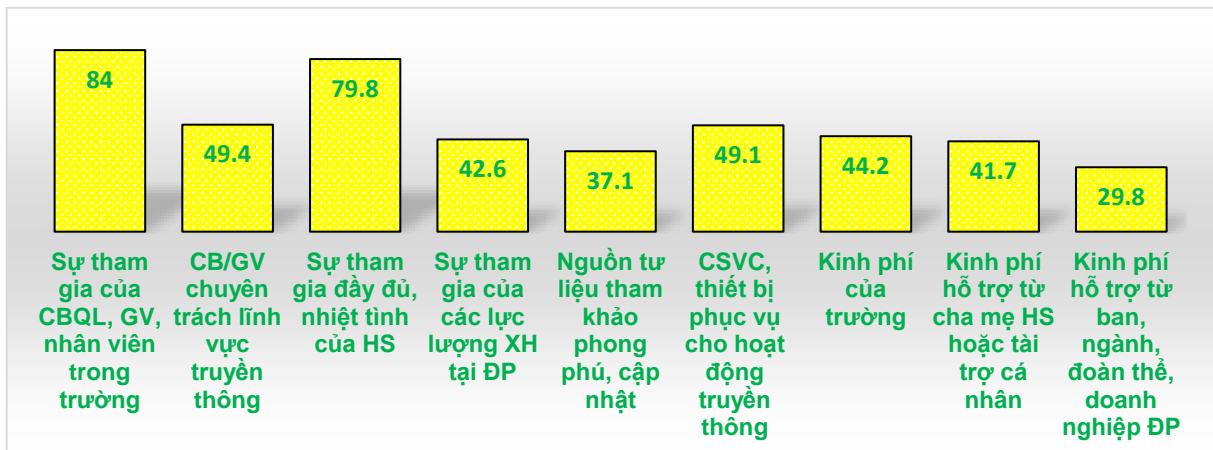
Theo kết quả khảo sát về mức trung bình trong các lựa chọn của GV, HS trung học và HS tiểu học đối với các phương án người thiết kế các thông điệp truyền thông trong các hoạt động truyền thông như sau: Phương án “HS kết hợp với GV” được lựa chọn nhiều nhất với mức trung bình là 2.71, tiếp theo là phương án “GV thiết kế” (2.53) “Thông điệp có sẵn” (2.47), HS tự thiết kế (2.09). Như vậy, mức độ HS chủ động tự thiết kế các thông điệp được đánh giá là ít phổ biến nhất.

Kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đối tượng giáo viên, học sinh trung học và học sinh tiểu học đối với các nội dung: Học sinh tự thiết kế (sig.= 0.000); Giáo viên thiết kế (sig.= 0.000); học sinh kết hợp với giáo viên (sig.= 0.008) và thông điệp có sẵn (của chương trình, hoạt động truyền thông) (sig.= 0.000).

2.4.3. Sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

2.4.3.1. Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

a) Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường

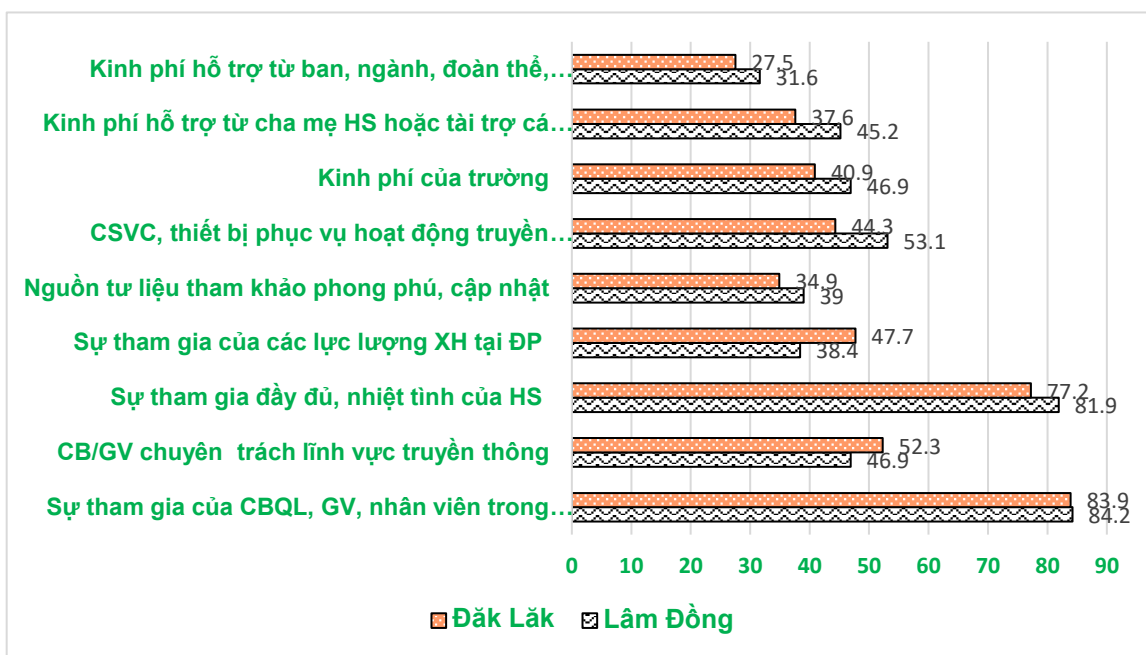


Biểu đồ 30: Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường

Theo ý kiến của CBQL và GV, hai nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường có tỉ lệ trả lời cao nhất là “Sự tham gia của CBQL, GV, nhân viên trong nhà trường” (84%) và “Sự tham gia đầy đủ, nhiệt tình của HS” (79.8%). Các nguồn lực này chủ yếu là nguồn nhân lực với sự tham gia của các đối tượng chính trong trường là CBQL, GV, nhân viên và HS.

Đối với các nguồn tài lực, kinh phí chủ yếu đến từ nguồn kinh phí của trường (44.2%), kinh phí hỗ trợ từ cha mẹ HS hoặc tài trợ cá nhân (41.7%), còn kinh phí hỗ trợ từ ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp địa phương cũng khá khiêm tốn (29.8%).

b) Nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của các nhà trường ở Đắk Lắk và Lâm Đồng

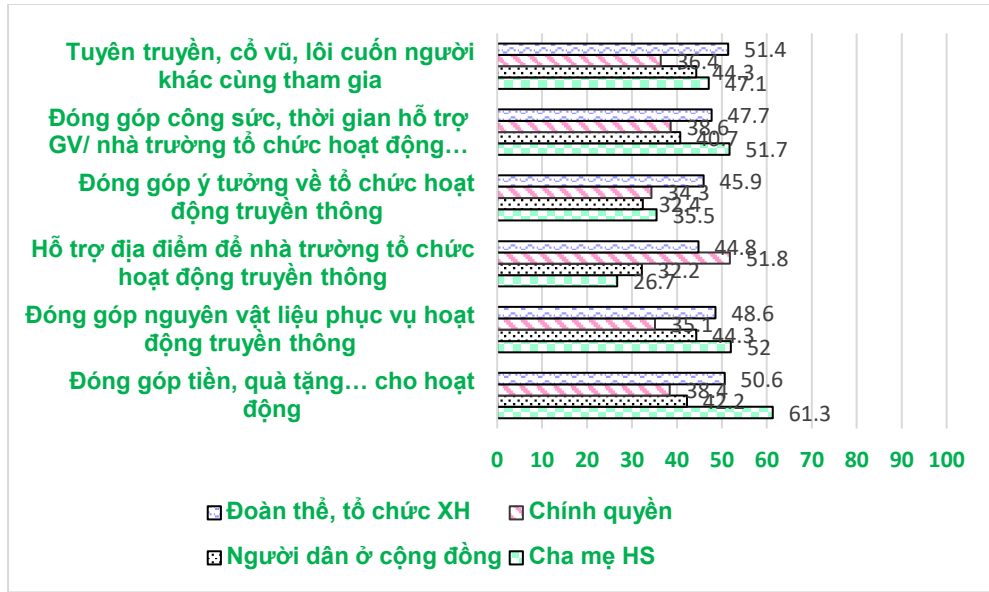


Biểu đồ 31: Các nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường ở Đắk Lắk và Lâm Đồng

Theo kết quả khảo sát, hầu hết các yếu tố về nguồn lực hỗ trợ hoạt động truyền thông của nhà trường ở Lâm Đồng thuận lợi hơn ở Đắk Lắk, từ kinh phí, CSVC, nguồn từ tư liệu tham khảo, sự tham gia của HS và CBQL, GV, nhân viên trong trường. Chỉ có 2 yếu tố tỉ lệ Đắk Lắk cao hơn, đó là có cán bộ/GV chuyên trách về lĩnh vực truyền thông và sự tham gia của các lực lượng xã hội tại địa phương.

2.4.3.2. Cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế câu hỏi dành cho CBQL và GV về cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng trong cộng đồng với các nhóm đối tượng sau đây: Cha mẹ HS; người dân ở cộng đồng; chính quyền; đoàn thể, tổ chức xã hội. Kết quả thu được được thể hiện ở biểu đồ sau:

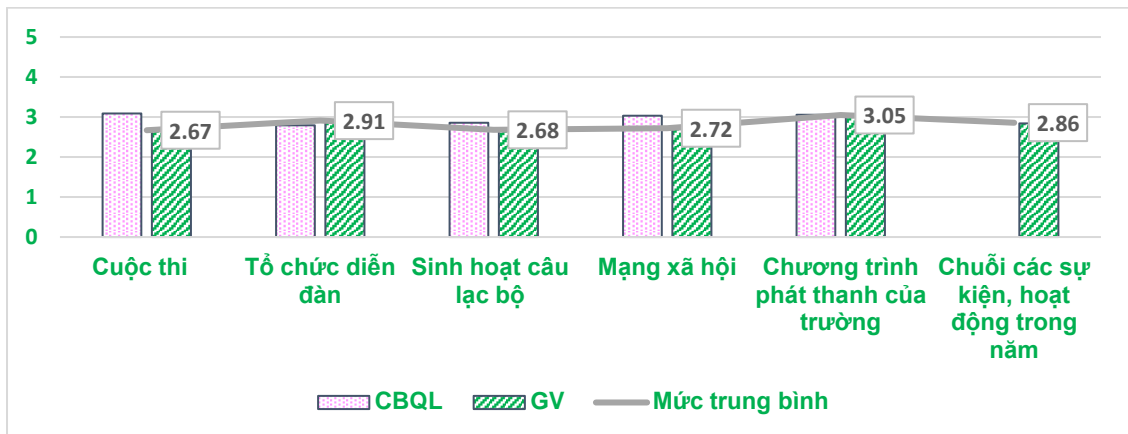


Biểu đồ 32: Cách thức tham gia và đóng góp trong việc tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD của các đối tượng

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với việc tuyên truyền, cổ vũ, lôi cuốn người khác cùng tham gia, các đoàn thể, tổ chức là nhóm tích cực nhất (51.4%); đối với việc đóng góp công sức, thời gian hỗ trợ GV/nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông GD bảo vệ ĐVHD, cha mẹ HS là nhóm tích cực nhất (51.7%); đối với việc đóng góp ý tưởng về tổ chức hoạt động truyền thông, các đoàn thể tổ chức XH là nhóm tích cực nhất (45.9); đối với việc hỗ trợ địa điểm để nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông, chính quyền là nhóm tích cực nhất (51.8%); đối với việc đóng góp nguyên vật liệu phục vụ hoạt động truyền thông, cha mẹ HS là nhóm tích cực nhất (52%); đối với việc đóng góp tiền, quà tặng... cho hoạt động, thì cha mẹ HS cũng là nhóm tích cực nhất (61.3%).

2.4.3.3. Mức độ tham gia của giáo viên, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

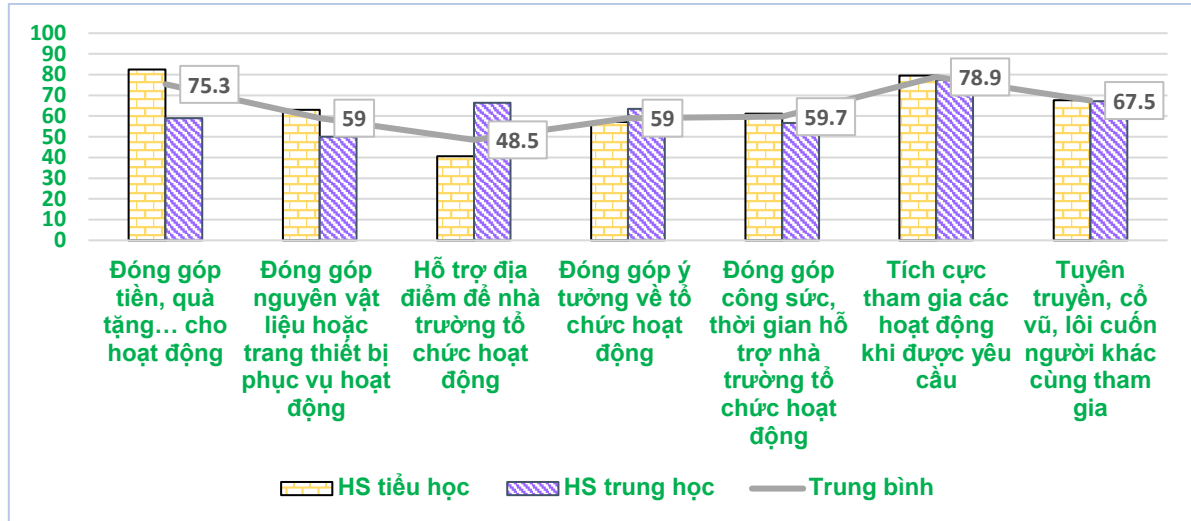
Theo ý kiến của CBQL và GV, mức độ tham gia của giáo viên, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD được thể hiện trong biểu đồ sau:



Biểu đồ 33: Ý kiến của CBQL và GV về mức độ tham gia của GV, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Theo ý kiến của CBQL và GV, mức độ tham gia của GV, phụ huynh và cộng đồng đối với các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD, truyền thông qua chương trình phát thanh của trường là có mức độ tích cực cao nhất (mức 3.05), mức độ tham gia ít tích cực nhất của GV, phụ huynh và cộng đồng là đối với hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ (mức 2.68) và tổ chức cuộc thi (mức 2.67).

2.4.3.4. Sự tham gia, đóng góp của cha mẹ trong các hoạt động truyền thông của nhà trường



Biểu đồ 34: Sự tham gia, đóng góp của cha mẹ HS trong các hoạt động truyền thông của nhà trường

Như vậy, theo kết quả khảo sát, đóng góp của cha mẹ HS trong các hoạt động truyền thông của nhà trường chủ yếu ở trong hai hoạt động là Tích cực tham gia các hoạt động khi được yêu cầu (78.9%) và Đóng góp tiền, quà tặng... cho hoạt động (75.3%). Hoạt động ít được cha mẹ HS hỗ trợ nhất là Hỗ trợ địa điểm để nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông (48.5%).

2.5. Nhu cầu, mong đợi về hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD của địa phương

2.5.1. Mong muốn của học sinh về việc tham gia các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Bảng 1: Mong muốn của HS về hoạt động GDBVĐVHD

TT	Mong muốn	Lâm Đồng		Đăk Lăk		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tham gia các hoạt động tìm hiểu về ĐVHD cho HS.	148	84.1	114	81.4	262	82.9
2	Học các chủ đề về ĐVHD.	55	77.5	56	74.7	111	76.0
3	Xem phim, kịch về ĐVHD.	58	81.7	61	81.3	119	81.5
4	Viết sách, báo, tạp chí, báo tường, vẽ tranh ảnh cổ động	23	32.4	53	70.7	76	52.1
5	Tham gia các diễn đàn về BV ĐVHD (tại trường)	82	46.6	73	52.1	155	49.1

6	Sắm vai thực hành cách nói chuyện với người thân hoặc bạn bè về bảo vệ ĐVHD	61	34.7	61	43.6	122	38.6
7	Tìm hiểu về các lợi ích của ĐVHD.	109	61.9	82	58.6	191	60.4

Kết quả tại bảng cho thấy, nhìn chung các học sinh tham gia khảo sát tại 2 địa bàn khu vực Tây Nguyên đều có mong muốn được tham gia tất cả các hoạt động GDBVĐVHD. Qua đó, có thể thấy đây là một điều kiện thuận lợi để các nhà trường, các tổ chức giáo dục BVĐVHD tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh nâng cao hiểu biết, có kỹ năng tham gia các hoạt động này, khi mà chính bản thân các em luôn có thái độ sẵn sàng với vấn đề này.

Nghiên cứu sâu hơn, kết quả tại bảng 1 cho thấy, xếp ở thứ bậc 1 thì học sinh muốn được tham gia vào hoạt động về tìm hiểu động vật hoang dã, tiếp theo đó là xem phim, kịch để có hiểu biết về động vật hoang dã. Ở gần vị trí cuối cùng, có 49,1% số học sinh mong muốn “Tham gia các diễn đàn về BV ĐVHD (tại trường)”; và ở thứ bậc cuối cùng chỉ có 38,6% số học sinh có mong muốn được “Sắm vai thực hành cách nói chuyện với người thân hoặc bạn bè về bảo vệ ĐVHD”. Kết quả này cho thấy, về cơ bản số đông học sinh muốn được tìm hiểu về động vật hoang dã, điều này cho thấy có thể cho tới thời điểm tham gia khảo sát, nhiều học sinh vẫn chưa có hiểu biết gì về động vật hoang dã.

2.5.2. *Mong muốn của GV và CBQLGD và phụ huynh học sinh về các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động GDBVĐVHD*

Bảng 2: Mong muốn của GV và CBQLGD về các điều kiện đảm bảo hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động GDBVĐVHD

TT	Mong muốn	Lâm Đồng		Đắk Lắk		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD.	138	79.8	128	78.0	266	78.9
2	Hỗ trợ đồ dùng, thiết bị để thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	128	74.0	126	76.8	254	75.4
3	Được bồi dưỡng về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	110	63.6	128	78.0	238	70.6
4	Hỗ trợ kinh phí cho giáo viên để tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD.	136	78.6	117	71.3	253	75.1
5	Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh về giáo dục bảo vệ ĐVHD.	62	35.8	84	51.2	146	43.3

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, nhìn chung CBQLGD và GV đều có mong muốn được hỗ trợ về tài liệu giáo dục, các phương tiện, đồ dùng thiết bị có liên quan và phù hợp với hoạt động giáo dục này. Bên cạnh đó, họ cũng mong muốn được tham gia các khóa bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn cách đánh giá kết quả của hoạt động này trong hoạt

động giáo dục nhà trường nhằm đạt mục tiêu giáo dục phẩm chất, năng lực học sinh một cách toàn diện.

3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng

Qua tìm hiểu thực trạng giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên và những mong muốn, đề xuất của CBQL và GV, có thể rút ra một số vấn đề chính như sau:

a) CBQL và GV đều nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên, vì hiện nay nguy cơ suy giảm các loài ĐVHD đang hiện hữu. Việc giáo dục bảo vệ ĐVHD từ các cơ sở giáo dục sẽ giúp HS nâng cao nhận thức, có thái độ và hành vi đúng đắn, phù hợp trong việc bảo vệ ĐVHD, đồng thời là lực lượng tuyên truyền, lan toả ý thức và thái độ để gia đình và cộng đồng.

b) Mong muốn của CBQL và GV về các giải pháp tăng cường năng lực cho đội ngũ để thực hiện tốt việc giáo dục bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường khu vực Tây Nguyên tập trung vào một số nội dung sau:

- Trong các đề xuất hỗ trợ tăng cường năng lực cho đội ngũ, ở vị trí số 1 là “cung cấp các tài liệu về giáo dục BVĐVHD”; xếp ở vị trí thứ 2 là “Hỗ trợ đồ dùng, thiết bị để thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD”; vị trí thứ 3 là “Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh về giáo dục bảo vệ ĐVHD”. Nhiều trường mong muốn được hỗ trợ để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD hiệu quả hơn bao gồm: Tài liệu về giáo dục bảo vệ ĐVHD; Được bồi dưỡng về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD. Ngoài ra, cần hơn nữa sự chung tay của cha mẹ học sinh trong việc đồng hành cùng giáo viên, nhà trường giáo dục ý thức trách nhiệm với động vật hoang dã cũng như tham gia các hoạt động hỗ trợ các em học sinh.

- Nhiều trường học mong muốn có kinh phí tổ chức, có hướng dẫn chi tiêu nguồn kinh phí (Phòng GD&ĐT Krông Pắc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk). Bên cạnh đó, các nhà trường và GV cũng mong muốn xây dựng các chương trình truyền thông về tác hại của việc săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức. Ngoài ra nội dung, hình thức tuyên truyền cần phong phú, sinh động...để thu hút học sinh. Bảo vệ động vật hoang dã chính là bảo vệ đa dạng sinh học và bảo vệ trái đất - ngôi nhà chung của muôn loài. Vì vậy, cần sự tham gia và chung tay của cộng đồng, chia sẻ và lan tỏa thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã đến nhiều người để góp phần bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học.

- Các cán bộ quản lý cấp phòng và Sở GD mong muốn có sự lồng ghép vào các môn học như: Sinh học, xây dựng chuyên đề, tổ chức chương trình giáo dục địa phương; không ưu tiên cho việc xây dựng một chương trình độc lập. Nội dung bảo vệ động vật hoang dã: cần có các chủ trương; và các văn bản cần được đưa chính thống vào các văn bản chỉ đạo; với GV muốn làm cần có các kiến thức sát với điều kiện của Địa phương (vd: Vườn Quốc gia Cát Tiên, Biduop trong rừng cần bảo vệ động vật nào; cần có tài liệu liên thông cho các cấp học).

- Các trường cũng đề xuất cần có hình thức tuyên truyền bằng pano áp phích để các con hiểu được tại sao phải bảo vệ ĐVHD, tại sao phải đa dạng sinh học, bảo vệ ĐVHD để

làm gì, đem lại lợi ích gì: lợi ích trước mắt là gì, lợi ích lâu dài là gì. Hoạt động ngoại khóa cũng nên được tổ chức, nên có chuyến đi thực tế để các cháu có thể biết được các ĐVHD quý hiếm và việc bảo tồn, bảo vệ chúng. Việc giáo dục, tuyên truyền còn có thể được thực hiện theo cách cho học sinh dựng hoạt cảnh, xây dựng nhân vật trong hoạt cảnh là các loài ĐVHD, học sinh đóng vai các con ĐVHD; thay vì đi dã ngoại, không có điều kiện, sức khỏe, kinh phí thì các con có thể tham gia tại trường thông qua các hình thức khác, không nhất thiết phải đi dã ngoại.

Những vấn đề đặt ra khi tìm hiểu thực trạng và nhu cầu của CBQL, GV về giáo dục bảo vệ ĐVHD cũng chính là những giải pháp sẽ được làm rõ hơn ở những phần sau của báo cáo.

PHẦN 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

Các giải pháp giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên đã được trình bày cụ thể trong các sản phẩm của nhiệm vụ. Dưới đây xin được báo cáo tóm tắt những nội dung cơ bản của từng giải pháp, bao gồm: (1) Xây dựng và triển khai mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD; (2) Tổ chức các hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD; (3) Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL và GV về tổ chức các hoạt động giáo dục BVĐVHD trong nhà trường PT khu vực Tây Nguyên.

I. XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN

Mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên bao gồm mô hình tổng thể và các mô hình hoạt động cụ thể. Trong khuôn khổ báo cáo tổng kết, xin được tập trung trình bày mô hình tổng thể.

1. Căn cứ xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

1.1. Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật

Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản Luật là cơ sở pháp lý để hạn chế cũng như có những hình thức xử phạt nghiêm minh về các hoạt động săn bắn trái phép, buôn bán ĐVHD, phá hoại môi trường sống... Các văn bản Luật đã tạo ra hành lang pháp lý để thực thi các hoạt động, chương trình hành động khẩn cấp nhằm bảo vệ hệ sinh thái cũng như các loại ĐVHD trên toàn quốc nói chung cũng như ở khu vực Tây Nguyên nói riêng. Không những vậy, Việt Nam còn phối hợp với các nước trên thế giới đã xây dựng mạng lưới Thực thi Luật động vật hoang dã (WEN) để có thể bảo vệ được các loài hoang dã, bảo vệ môi trường cùng với các hoạt động nâng cao nhận thức, nhằm ngăn chặn với vấn nạn buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp trong quốc gia cũng như qua biên giới, khu vực. Ở Việt Nam, Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về Bảo vệ ĐVHD phân loại thành hai nhóm chính bao gồm:

- **Điều ước quốc tế:** Bao gồm các điều ước quốc tế có quy phạm pháp luật điều chỉnh về bảo vệ ĐVHD mà Việt Nam hiện là thành viên như Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và Công ước về Đa dạng sinh học (CBD). Trong đó, CITES là công ước có các nội dung trực tiếp điều chỉnh hoạt động buôn bán quốc tế đối với ĐVHD.
- **Pháp luật quốc gia:** Bao gồm văn bản quy phạm pháp luật như Bộ luật, Luật, Nghị định, Thông tư và Nghị quyết quy định các vấn đề có liên quan về bảo vệ ĐVHD. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia, thành 03 lĩnh vực sau: Pháp luật về quản lý; Pháp luật về xử lý hành vi vi phạm; Pháp luật về xử lý tang vật

1.2. Căn cứ vào yêu cầu của thực tiễn

Công tác bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên được coi là trọng điểm quốc gia, thông qua nhiều bộ Luật và chương trình hành động khẩn cấp nói trên. Tuy nhiên nguy cơ tuyệt chủng của ĐVHD vẫn hiện hữu và trở nên ngày càng trầm trọng. Trong các hoạt động bảo tồn ĐVHD khu vực Tây Nguyên, hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông được xác định là khâu trọng yếu bởi lẽ, một trong những lực lượng góp phần quan trọng trong bảo tồn ĐVHD là nhà giáo dục, học sinh, cha mẹ và người thân.

Thực tế việc giáo dục bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên nói riêng có những hạn chế cơ bản sau:

- Thiên nhiên (môi trường tự nhiên) liên tục biến đổi, nhưng người dân nói chung và nhà giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh nói riêng ít được cập nhật thông tin. Họ hầu như chưa biết, và chưa có những biện pháp thiết thực ứng phó với những thay đổi đó;

- Dù rằng có nhiều công trình, dự án đã đề cập đến vấn đề bảo tồn ĐVHD trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào đề cập một việc biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông nói chung, dành riêng cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Việc biên soạn và tích hợp những nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào Chương trình GDPT 2018 cần được ưu tiên.

- Dù rằng giáo dục môi trường đã là một trong các nội dung giáo dục được tích hợp vào từ Chương trình GDPT 2006, nhưng cho đến nay vẫn chưa công trình nào nghiên cứu và xây dựng được mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD nói chung và cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Cũng như chưa chú trọng đến hoạt động truyền thông và hiệu quả của nó.

2. Vai trò của việc xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Bảo tồn động vật hoang dã là việc bảo vệ các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng, để đảm bảo rằng giới tự nhiên sẽ được bảo vệ để che chở cho các thế hệ tương lai và giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của động vật hoang dã và môi trường hoang dã đối với con người và các loài vật trên hành tinh này. Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được thực hiện nhằm mục đích chung là đảm bảo giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được thực hiện trong nhà trường có sự kết hợp rõ ràng giữa dạy học trên lớp và học tập trải nghiệm ngoài lớp học, kết hợp giữa giáo dục nhà trường và giáo dục tại địa phương và cộng đồng để cải thiện chất lượng môi trường, nhân mạnh mối liên kết giữa các hoạt động địa phương với chất lượng của môi trường, đảm bảo rằng giáo dục môi trường có liên quan đến cuộc sống của người dân, cải thiện môi trường.

Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cũng phải đảm bảo nguyên tắc và cách tiếp cận chính của giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường, đó là việc xây dựng mô hình dựa vào việc dạy học trên lớp, học tập trải nghiệm và vai trò của cộng đồng đối với địa phương, bao gồm:

- 1) Tích hợp hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong lớp học;
- 2) Trải nghiệm giáo dục bảo vệ động vật hoang dã;

3) Giáo dục môi trường dựa vào cộng đồng.

Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được xây dựng theo quy trình của công nghệ dạy học bao gồm 3 giai đoạn chính: (1) đầu vào; (2) quá trình và (3) đầu ra và mối quan hệ vận hành giữa các thành tố. Mô hình này phải chỉ ra được các thành tố, mối quan hệ giữa các thành tố và vận hành để đảm bảo chất lượng giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã nhằm mục tiêu là thông qua các hoạt động giáo dục trong nhà trường nhằm hình thành thái độ, kỹ năng và thói quen sống thân thiện với động vật hoang dã trên cơ sở khai thác các điều kiện tự nhiên, điều kiện vật chất và văn hóa xã hội có sẵn tại địa phương. Nghiên cứu của A. Meadows cho rằng, đối với bảo tồn toàn cầu, một cách tiếp cận bền vững là phát triển luật pháp và đạo đức đi kèm với điều chỉnh thái độ con người. Do vậy, mục đích cuối cùng là phát triển các năng lực và phẩm chất bảo vệ động vật hoang dã của học sinh, cụ thể là: (1) năng lực bảo vệ động vật hoang dã bao gồm nhận thức về bảo vệ động vật hoang dã, hành vi bảo vệ động vật hoang dã, tuyên truyền/kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã... và (2) phẩm chất bảo vệ động vật hoang dã: có ý thức bảo vệ động vật hoang dã, không đồng tình với những hành vi gây ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của cộng đồng hoang dã; sẵn sàng tham gia bảo vệ động vật hoang dã.

Thông qua xây dựng và vận hành mô hình những người làm giáo dục, lãnh đạo chính quyền, các tổ chức xã hội đoàn thể và người dân trong cộng đồng hiểu đúng hơn về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, dần thay đổi hành vi, thái độ của cán bộ quản lý, giáo viên và người dân trong cộng đồng về vai trò, chức năng của cộng đồng đối với hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Nguyên tắc xây dựng mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

3.1. Đảm bảo mục tiêu của giáo dục bảo vệ động vật hoang dã

Theo quan niệm của đề tài, mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã bao hàm cả ý nghĩa về vật chất và phi vật chất phục vụ cho mục tiêu giáo dục bảo vệ động vật hoang dã. Mô hình này giúp cho quá trình học tập, trải nghiệm và đối chiếu giữa lý thuyết với thực tiễn về các nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trở nên dễ dàng, thuận lợi, sát thực và đỡ tốn kém.

Thứ hai, mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã phù hợp với con đường giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh hiện nay. Một số con đường giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường được áp dụng ở khu vực Tây Nguyên như: lồng ghép, tích hợp theo các mức độ khác nhau, thông qua hoạt động trải nghiệm và giáo dục thông qua các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong mô hình cũng cần được đảm bảo phù hợp với những hoạt động này để thuận lợi trong quá trình triển khai.

Thứ ba, đảm bảo nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông, phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông. Mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới là

“Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại”.

3.2. Đảm bảo tính khoa học

Mô hình là hình ảnh mô phỏng khái quát, trực quan thể hiện những đặc trưng, cấu trúc, thành tố trong quá trình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã và cách thức vận hành mối quan hệ giữa chúng nhằm phát triển năng lực và phẩm chất bảo vệ động vật hoang dã của học sinh. Việc xây dựng mô hình trước hết phải đảm bảo tính khoa học.

Trước hết, việc xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên phải đảm bảo dựa trên cơ sở lí luận và thực tiễn về mô hình. Thứ hai, việc nghiên cứu xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường ở khu vực Tây Nguyên trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo mô hình tiên tiến của thế giới và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhưng không làm thay đổi bản chất của giáo dục bảo vệ môi trường. Thứ ba, mô hình xây dựng phải thể hiện được những đặc trưng, cấu trúc và cách thức vận hành của các thành tố về quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã bao gồm 3 hoạt động: tích hợp trên lớp, hoạt động trải nghiệm và hoạt động cộng đồng sao cho đạt hiệu quả cao nhất đối với việc phát triển năng lực cho người học. Trong quá trình xác lập mô hình, cần phải tuân theo quy trình: Xác định các thành phần của mô hình → Xác định cấu trúc của các phần trong mô hình → Xác định mối liên hệ của các thành phần trong mô hình và lựa chọn hình thức biểu đạt phù hợp.

3.3. Đảm bảo tính khái quát và trực quan

Tính khái quát của mô hình đòi hỏi mô hình thể hiện được các thành tố cốt lõi và phải biểu đạt ngắn gọn các đặc trưng của chúng. Để thực hiện nguyên tắc này, trong khi nghiên cứu, lựa chọn các thành tố mô hình cần lựa chọn các thành tố quan trọng trong mỗi á hệ thống của mô hình và loại bỏ các thành tố thứ yếu. Ví dụ để xác định biểu đạt quá trình thực hiện giáo dục môi trường động vật hoang dã cần xác định các mô hình nhỏ hay các hoạt động chính để giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh và biểu đạt chúng một cách khái quát chứ không thể đưa tất cả các hoạt động cụ thể lên mô hình.

Tính trực quan là một trong những tính chất của mô hình để giúp người sử dụng mô hình dễ nhận biết các thành phần cấu trúc và mối quan hệ giữa chúng. Để đảm bảo được yêu cầu này, trong quá trình xây dựng mô hình trước hết cần loại bỏ những yếu tố không cần thiết để tránh rườm rà; Thứ hai, khi xây dựng mô hình phải lựa chọn hình thức để thể hiện trực quan, hình tượng các thành tố và mối quan hệ giữa chúng trong mô hình.

3.4. Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi

Quan điểm thực tiễn trong việc xây dựng mô hình phải xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn và phục vụ cho thực tiễn. Thực tiễn trong giáo dục môi trường nói chung và giáo dục

bảo vệ động vật hoang dã ở nước ta nói riêng hiện nay có sự chuyển trọng tâm từ chú trọng trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng sang phát triển năng lực và phẩm chất cho người học về bảo vệ động vật hoang dã. Sự chuyển hướng này phù hợp với xu thế chung của thế giới và những yêu cầu đặt ra đối với đổi mới giáo dục phổ thông sau 2018. Vì vậy, mô hình nghiên cứu và xác lập cần phải thể hiện các quan điểm, xu hướng đổi mới trong đổi mới giáo dục phổ thông ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên phải phù hợp với cơ sở và điều kiện phổ biến trong việc giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở hiện nay ở nước ta, nhất là khu vực Tây Nguyên. Vì vậy, khi xây dựng mô hình cần phải nghiên cứu kỹ các cơ sở và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong ở nước ta nhất là đối với khu vực Tây Nguyên, đối chiếu so sánh với yêu cầu trong giáo dục bảo vệ động vật hoang dã của các nước tiên tiến, từ đó có các biện pháp chuẩn hóa theo điều kiện của Việt Nam để mô hình mới được xây dựng có khả năng áp dụng vào thực tiễn.

3.5. Đảm bảo tính hiện đại

Đặc trưng này của mô hình được biểu hiện ở chỗ mô hình thể hiện được các quan điểm giáo dục hiện đại, đồng thời việc giáo dục bảo vệ động vật hoang dã tạo điều kiện cho việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực, độc lập, chủ động và sáng tạo của người học.

(1) Quan điểm dạy học tích hợp

Để tiến hành dạy học tích hợp bảo vệ động vật hoang dã, cần phải xác định các nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, cách thức tổ chức giáo dục theo hướng tích hợp vào chương trình giáo dục phổ thông thông qua các bài học trên lớp và hoạt động ngoại khoá. Các nội dung tích hợp vừa thể hiện kiến thức đơn môn, vừa có kiến thức liên môn. Đây chính là cơ hội để phát triển các năng lực cho HS thông qua việc vận dụng kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề.

(2) Quan điểm học tập trải nghiệm

Giáo dục động vật hoang dã dựa vào trải nghiệm được hiểu như sau: là quá trình hình thành ở người học những kiến thức, thái độ và hành vi đúng đắn với động vật hoang dã dựa trên vốn kinh nghiệm của cá nhân kết hợp với việc sử dụng các giác quan để quan sát, cảm nhận các sự vật và hiện tượng có liên quan. Trong quá trình đó, giáo viên là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để học sinh trải nghiệm, tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu về kiến thức, thái độ và thể hiện hành vi. Trong khái niệm này có sự kết hợp giữa hai nội dung của khái niệm Giáo dục động vật hoang dã và học tập dựa vào trải nghiệm. Bên cạnh việc hình thành các kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đúng đắn với môi trường thì việc học tập phải đảm bảo khai thác được vốn kinh nghiệm và việc sử dụng giác quan của người học trong quá trình học tập.

Với định nghĩa trên, trong nghiên cứu này sẽ đề cập đến hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã dựa vào trải nghiệm được hiểu theo nghĩa là hoạt động dạy học, trong đó, giáo viên là người thiết kế, tổ chức để học sinh trải nghiệm, vận dụng tối đa vốn kinh

nghiệm cá nhân, kết hợp sử dụng các giác quan vào hoạt động học tập nhằm chiếm lĩnh kiến thức, thể hiện thái độ và hành vi đúng đắn với động vật hoang dã.

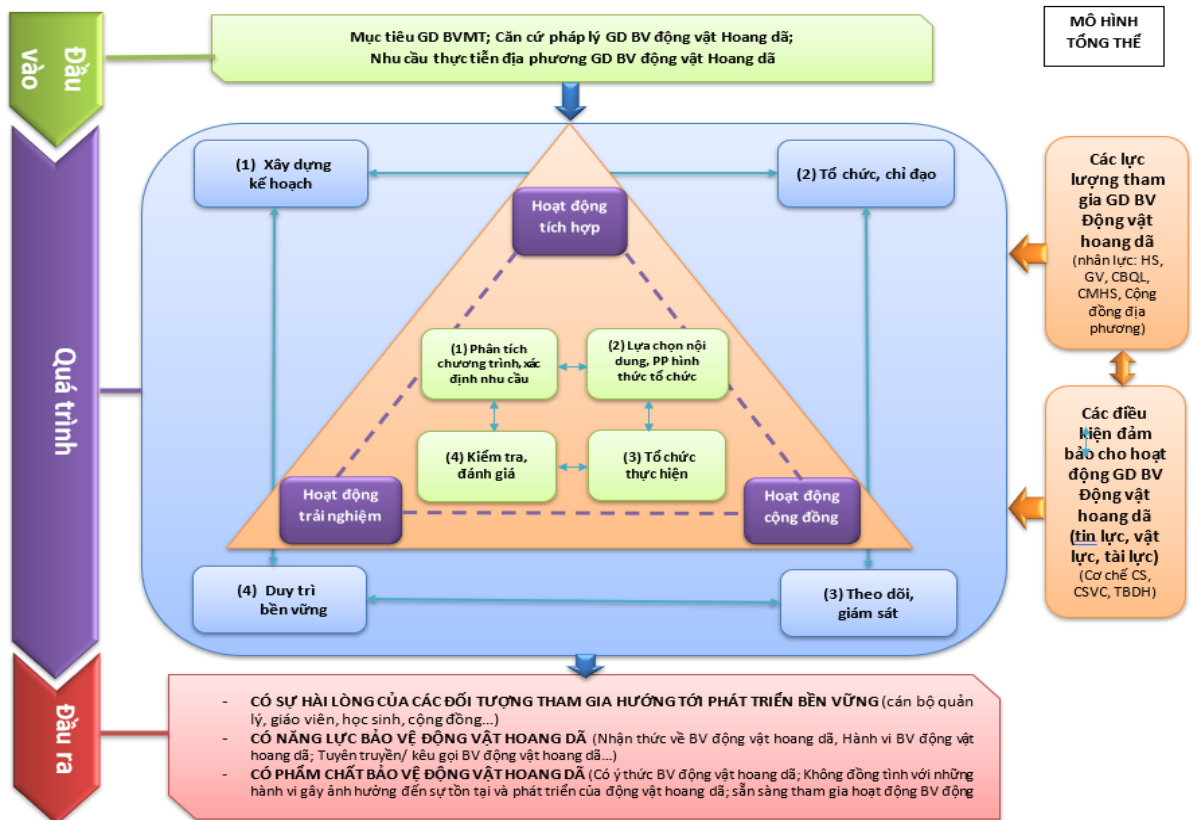
(3) *Quan điểm học tập phục vụ cộng đồng*

Giáo dục môi trường dựa vào cộng đồng (community based environmental education - CBEE) không chỉ chỉ là việc “giáo dục dựa vào cộng đồng” mà còn là một kế hoạch giáo dục được tạo ra là kết quả của sự tham gia của cộng đồng và được thiết kế để phù hợp với lợi ích của cộng đồng. Các mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã dựa vào cộng đồng được thực hiện nhằm mục đích chung là đảm bảo giáo dục bảo vệ động vật hoang dã có sự kết hợp rõ ràng với cộng đồng, mở rộng năng lực cộng đồng để cải thiện chất lượng môi trường, nhấn mạnh mối quan hệ giữa các hoạt động địa phương với chất lượng của môi trường, đảm bảo rằng giáo dục bảo vệ động vật hoang dã có liên quan đến cuộc sống của người dân, cải thiện môi trường.

Giáo dục môi trường dựa vào cộng đồng được xây dựng dựa trên sự phát triển của cộng đồng với quy trình bao gồm: giải quyết vấn đề, xây dựng cộng đồng và tương tác với hệ thống và tập trung vào việc tạo ra các hành động tích cực, thay vì chỉ trích hoặc phản đối các chính sách hiện hành.

5. Cấu trúc của mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Nhiệm vụ đã tiến hành nghiên cứu và xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông và được sơ đồ hóa theo mô hình sau:



Hình 1: Mô hình tổng thể về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông ở khu vực Tây Nguyên

Để xác định các thành tố của mô hình giáo dục BV ĐVHD cho học sinh trường phổ thông cần tính đến sự tham gia của tất cả các thành tố liên quan. Thông thường, các thành tố này được mô tả cụ thể trong tiến trình vận hành mô hình giáo dục BV ĐVHD cho học sinh trường phổ thông, cụ thể:

* *Đầu vào*: bao gồm mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường, các căn cứ pháp lý về Giáo dục BV ĐVHD, nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục BV ĐVHD cho nhà trường phổ thông.

* *Quá trình*: Bao gồm các hoạt động giáo dục BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông thông qua 3 mô hình hoạt động giáo dục:

- Mô hình giáo dục BV ĐVHD thông qua các hoạt động tích hợp vào các môn học
- Mô hình giáo dục BV ĐVHD thông qua HĐTN ở nhà trường Tiểu học và HĐTN, HN/ HĐ GD ở trường THCS và THPT
- Mô hình giáo dục BV ĐVHD dựa vào cộng đồng

Mô hình tổng thể sẽ là sự kết hợp giữa các mô hình giáo dục BV ĐVHD theo các hoạt động giáo dục. Tùy vào đặc điểm của địa phương, cộng đồng; đặc điểm tâm lý lứa tuổi cũng như đặc điểm chương trình, nội dung học tập của học sinh mà sẽ ưu tiên xây dựng và triển khai các mô hình theo hoàn cảnh cụ thể của nhà trường.

Mỗi mô hình hoạt động giáo dục sẽ đều được thiết kế dựa trên 4 bước cơ bản, đó là: (1) Xây dựng kế hoạch, (2) Tổ chức chỉ đạo; (3) Theo dõi, giám sát (4) Duy trì bền vững. Bốn bước trên đều hướng đến kết quả đầu ra và đạt được mục tiêu đầu vào của mô hình. Tuy nhiên, tùy vào cách tiếp cận của từng mô hình mà những mô hình theo hoạt động giáo dục này sẽ có những điểm riêng biệt.

Các bước	Mô tả tiến trình các bước
Bước 1: Xây dựng kế hoạch	+ Lập kế hoạch hành động từ thực trạng địa phương và quan điểm tiếp cận của mô hình, trên tinh thần khai thác tiềm năng địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong đó làm rõ về nội dung, tiến độ, nguồn lực, vai trò của các bên liên quan.
Bước 2: Tổ chức chỉ đạo	+ Triển khai các nội dung theo tiến độ về thời gian đã được xác lập trong khâu lập kế hoạch + Phát triển các liên kết để gia tăng hiệu quả: liên kết giữa các nhóm cộng đồng, giữa các địa phương, liên kết với các chuyên gia, các đối tác. + Theo dõi quá trình triển khai và đảm bảo các yếu tố vật chất, nguồn lực giáo dục và an toàn cho học sinh khi tổ chức các hoạt động giáo dục BV ĐVHD + Giải quyết và điều chỉnh khi có vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai

Bước 3: Theo dõi, giám sát	+ Kiểm tra và đánh giá về tính khả thi, tính phù hợp, tính hiệu quả qua thông qua các hoạt động giáo dục BV ĐVHD dựa trên các tiêu chí đưa ra
Bước 4: Cải tiến và duy trì bền vững	+ Đưa ra các điều chỉnh thích hợp với điều kiện sẵn có. + Rút ra các bài học kinh nghiệm phù hợp + Tiếp tục duy trì và cải thiện các hoạt động đã có + Xây dựng và tiếp nối các hoạt động tiếp theo để tạo sự liên mạch và bền vững cho các hoạt động

Mặc khác, để thực hiện được mô hình này rất cần sự tham gia của tất cả các lực lượng trong nhà trường và ngoài cộng đồng chung tay vào để mô hình phát triển và duy trì bền vững. Bên cạnh đó, các điều kiện đảm bảo như cơ sở vật chất, tiềm lực kinh phí cũng như sự ủng hộ của các mạnh thường quân, các điều kiện tự nhiên – xã hội cũng góp phần hỗ trợ đắc lực cho mô hình có thể vận hành trơn tru và duy trì được lâu dài.

* *Đầu ra*: Chính là sự hài lòng của tất cả các đối tượng tham gia vào mô hình, bao gồm: cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cộng đồng (cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hạt kiểm lâm,...).

Cụ thể là:

Cán bộ quản lý: tổ chức triển khai được các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở đơn vị mình quản lý, kết nối được giáo viên, học sinh và cộng đồng tham gia các hoạt động này, sẵn sàng tham gia các hoạt động giáo dục và bảo vệ động vật hoang dã, đề xuất được phương án điều chỉnh mô hình (nếu có).

Giáo viên: triển khai được các hoạt động giáo dục để tổ chức bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh theo hướng tích hợp, trải nghiệm hoặc dựa vào cộng đồng. Đồng thời, gắn kết, kết nối được với cộng đồng để cùng thực hiện các hoạt động này, sẵn sàng tham gia các hoạt động giáo dục và bảo vệ động vật hoang dã, đề xuất được phương án điều chỉnh mô hình (nếu có).

Học sinh: có được những hiểu biết cơ bản về động vật hoang dã và các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã ở Tây Nguyên; thực hành được các kỹ năng và có ý thức bảo vệ động vật hoang dã; biết cách tuyên truyền về việc bảo vệ động vật hoang dã, sẵn sàng tham gia các hoạt động về bảo vệ động vật hoang dã.

Cộng đồng tham gia cùng với nhà trường để giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh, bảo tồn được các động vật hoang dã quý hiếm, tham gia cùng với nhà trường trong quá trình giáo dục để cùng theo dõi, giáo dục, giúp học sinh tiến bộ, sẵn sàng tham gia phối hợp trong các hoạt động giáo dục và bảo vệ động vật hoang dã.

Tiến trình từ đầu vào đến quá trình đến đầu ra là một chu trình khép kín và có sự nối tiếp, hết tiến trình cũ sẽ quay lại tiếp tục một tiến trình mới được hoàn thiện hơn, thích ứng hơn với các biến động của cộng đồng xã hội.

6. Cách thức vận hành của mô hình

Để mô hình triển khai được vào trong thực tiễn cần thấy được mối quan hệ, sự vận hành của các thành tố của mô hình trong một hệ thống chỉnh thể, đồng bộ. Các mô tả sự vận hành của các thành tố được thể hiện dưới dạng *Mô hình thực hiện*, chú ý đến sự vận hành và quá trình thực hiện.

Để xác định một mô hình GDBV ĐVHD từ bình diện này, trước hết phải chỉ ra các thành tố cơ bản của quá trình hoạt động và sắp xếp các thành tố theo quá trình tác động từ đầu vào đến đầu ra (điểm đầu và điểm cuối), của chuỗi các hoạt động GDBV ĐVHD, mô tả từng yếu tố; chỉ ra các mối quan hệ qua lại giữa các thành tố đó; trình bày tóm tắt các yếu tố cơ bản của mô hình. Mô hình GDBV ĐVHD cần được xem xét để không chỉ đảm bảo tính tương tác của các thành tố nội tại mà còn chú ý đến xu hướng xây dựng mô hình gắn với các yếu tố và điều kiện tác động, cách triển khai mô hình đảm bảo hiệu quả,...

Nếu sắp xếp theo quá trình tác động từ đầu vào đến đầu ra (hoạt động thông qua chủ thể và đối tượng tác động) thì sự vận hành của mô hình được mô tả như sau đây:

(1)- Xác định mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường, các căn cứ pháp lý về Giáo dục BV ĐVHD, nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục BV ĐVHD cho nhà trường phổ thông: CBQL và GV cần tìm hiểu các căn cứ pháp lý về Giáo dục BV ĐVHD cũng như xác định mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường cho phù hợp với đối tượng HS; Đồng thời phối hợp với CMHS, cộng đồng địa phương tìm hiểu nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục BV ĐVHD cho nhà trường phổ thông.

(2) Xác định HĐ GDBV ĐVHD: dựa vào căn cứ pháp lý, mục tiêu, và nhu cầu thực tế, CBQL và GV xác định hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BV ĐVHD, bao gồm hoạt động tích hợp, lồng ghép vào chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục cụ thể; HĐ trải nghiệm; HĐ ngoài cộng đồng.

(3) Các cấp quản lý tổ chức chỉ đạo thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch: CBQL và GV căn cứ vào mục tiêu giáo dục BV ĐVHD và thực tế nhu cầu của địa phương cũng như đối tượng HS cụ thể để từ đó xây dựng mục tiêu, nội dung, lựa chọn phương thức tổ chức, phương thức giám sát.

- Tổ chức chỉ đạo: CBQL, GV phối hợp với cộng đồng (hội phụ nữ, CB ủy ban,...) chỉ đạo và tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch với các HĐ tương ứng, trong đó chú trọng đến các hoạt động nhằm lan tỏa ý thức BV động vật hoang dã; khích lệ các hành vi và tuyên truyền BV động vật hoang dã.

- Theo dõi, giám sát: Thực hiện giám sát và đánh giá tính khả thi, tính phù hợp, tính hiệu quả qua thông qua các hoạt động giáo dục BV ĐVHD dựa trên các tiêu chí đưa ra.

- Duy trì bền vững: Trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong quá trình vận hành, duy trì và phát triển mô hình cũng được tính đến. Trong đó, trách nhiệm cụ thể cho từng chủ thể được xác lập dựa theo phương thức:

Cán bộ quản lý: Đưa các nội dung GDBV ĐVHD vào KHGD nhà trường; Chỉ đạo các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, ...) và tổ chuyên môn xây dựng kế KHGD BV ĐVHD trong kế KHGD của tổ chuyên môn, kế KHGD cá nhân và vận hành mô hình GDBV ĐVHD ở mức phù hợp với chức năng nhiệm vụ được và khả năng thực tế; tạo các điều kiện thuận lợi để mô hình được nhân rộng và duy trì bền vững trong nhà trường. Chủ động giới thiệu, tuyên truyền tới CMHS và cộng đồng về mô hình GDBV ĐVHD của nhà trường, vừa để vận động tham gia xây dựng, vừa để vận hành mô hình ở mức phù hợp trên tinh thần tự nguyện, phát huy khả năng của các đối tượng này. Giám sát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của mô hình GDBV ĐVHD cho phù hợp và hiệu quả hơn với điều kiện của nhà trường;

Tổ trưởng chuyên môn, GV phụ trách các đoàn thể: Tùy vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình để tham gia chỉ đạo, phối hợp, giám sát triển khai mô hình có hiệu quả, bám sát theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường. Trực tiếp xây dựng KHGD của tổ chuyên môn và trực tiếp hướng dẫn GV thực hiện các hoạt động GDBV ĐVHD theo kế hoạch đã xây dựng. Hướng dẫn GV phối hợp với CMHS, chính quyền địa phương, cộng đồng... để duy trì tính bền vững của mô hình và phát triển mô hình theo hướng vừa đảm bảo những nội dung cốt lõi trong vấn đề GDBV ĐVHD vừa có tính linh hoạt trong phương thức triển khai và các hoạt động cụ thể để đáp ứng một cách phù hợp với những thay đổi của thực tiễn.

GV: Dựa trên kế hoạch của tổ chuyên môn để hiện thực hóa kế hoạch GDBV ĐVHD trong kế hoạch cá nhân. Chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch tổ chức các HĐGD theo hướng tích hợp các nội dung GDBV ĐVHD. Trực tiếp hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động GDBV ĐVHD thông qua hoạt động dạy học và HĐ trải nghiệm cũng như HĐ ở cộng đồng. Chủ động phối hợp với CMHS để phối hợp thực hiện các hoạt động GDBV ĐVHD.

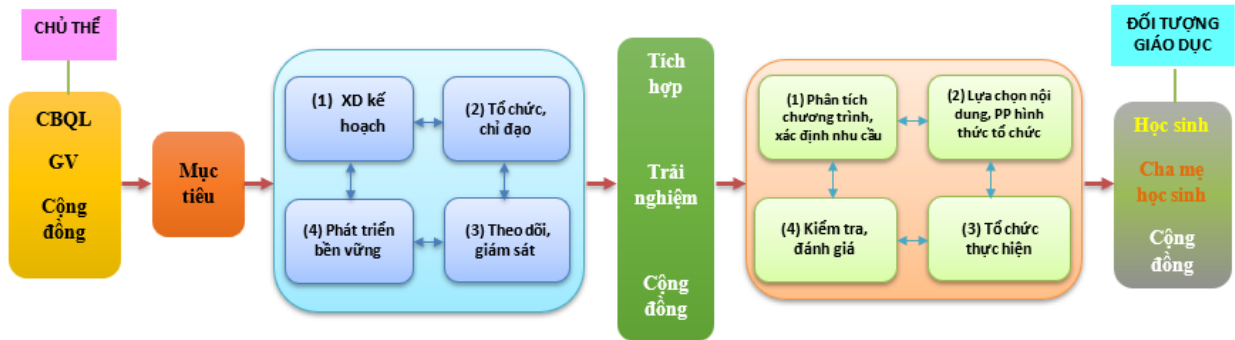
HS: Trực tiếp thực hiện các hoạt động GDBV ĐVHD.

Chính quyền địa phương: Xây dựng chính sách phù hợp để trực tiếp tham gia và phối hợp với các hoạt động GDBV ĐVHD của nhà trường.

CMHS và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trường đóng: cùng phối hợp và trực tiếp tham gia các hoạt động GDBV ĐVHD với nhà trường tùy theo sự điều kiện, khả năng trên tinh thần chủ động và tự nguyện.

Các đối tượng liên quan tổ chức thực hiện: CBQL và GV của CSGD cần phân tích chương trình và xác nhận nhu cầu thực tiễn khác nhau của từng cơ sở giáo dục để từ đó: Lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp, dự kiến sử dụng phương tiện cơ sở vật chất nào, số lượng bao nhiêu; Tổ chức thực hiện và Kiểm tra, đánh giá. Việc kiểm tra đánh giá được làm thường xuyên để nhằm mục đích rà soát điều chỉnh và cần đảm bảo hoạt động diễn ra thường xuyên và liên tục.

Sự vận hành của các thành tố trong mô hình được sơ đồ hóa như hình 2:



Hình 2: Sự vận hành của các thành tố trong mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên

7. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong xây dựng và triển khai mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Vai trò, trách nhiệm của các đối tượng tham gia trong mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên được thể hiện:

- Các nhà khoa học/chuyên gia: Làm việc với địa phương, hướng dẫn cơ sở giáo dục và cộng đồng, cùng với họ xây dựng mô hình; giúp họ hiểu đúng mục đích và bản chất của mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông; hướng dẫn cơ sở giáo dục, GV tiểu học cách tổ chức các hoạt động bảo vệ ĐVHD theo hướng chuyển giao dần về kinh nghiệm, tính chủ động và trách nhiệm. Sau khi GV nắm được cách thực hiện, bản thân họ sẽ là lực lượng hướng dẫn lại cho những GV khác và hướng dẫn cách cùng tham gia cho phụ huynh và cộng đồng.
- Lãnh đạo chính quyền địa phương: Xây dựng chính sách phù hợp để thực hiện mô hình và trực tiếp tham gia và các hoạt động của mô hình.
- CBQL cơ sở giáo dục: Trực tiếp tổ chức, chỉ đạo, giám sát GV tham gia thực hiện mô hình. Khi tình hình môi trường địa phương có sự thay đổi, kéo theo sự thay đổi của các vấn đề, các hoạt động trong mô hình GD BVMT thì CBQL cơ sở giáo dục cần kịp thời và chủ động có sự trao đổi với các đối tượng tham gia mô hình đồng thời hỗ trợ GV phát triển (thay thế, điều chỉnh) các hoạt động trong mô hình cho phù hợp với sự thay đổi đó. Về lâu dài, CBQL cơ sở giáo dục còn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, cha mẹ người học, cộng đồng, để duy trì tính bền vững của mô hình và phát triển mô hình theo hướng vừa đảm bảo những nội dung cốt lõi trong vấn đề giáo dục ĐVHD, vừa có tính linh hoạt trong phương thức triển khai và các hoạt động cụ thể để đáp ứng một cách phù hợp với những thay đổi của thực tiễn.
- GV phổ thông: cùng với các CBQL, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.
- HS phổ thông: Là đối tượng thụ hưởng trực tiếp. Bản thân các em sẽ được thực hiện tất cả các bước của mô hình từ xây dựng kế hoạch đến thực hiện và thụ hưởng thành quả của các hoạt động giáo dục BV ĐVHD.
- Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn (Đoàn Thanh niên, hội phụ nữ, hạt/ trạm kiểm lâm...) tham gia các hoạt động cụ thể theo phân công.

- Ngoài ra, những người dân ở cộng đồng cũng góp phần to lớn trong việc thúc đẩy các hoạt động GD BVMT.

8. Các điều kiện đảm bảo trong xây dựng và triển khai mô hình bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

8.1. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến nguồn lực con người

Nguồn lực con người có thể hiểu là tổng thể những tiềm năng năng lực của mỗi cá nhân và cộng đồng đã, đang và sẽ tạo ra sức mạnh để thúc đẩy xã hội phát triển. Trong báo cáo này, nguồn lực về con người có thể hiểu bao gồm tất cả các cá nhân, đơn vị, cụ thể ở đây là nhà trường, CBQL, GV, HS, gia đình và các lực lượng xã hội khác trong cộng đồng. Nguồn lực con người sẽ tham gia vào các hoạt động giáo dục BV ĐVHD trong đó trọng tâm là giáo dục HS phổ thông có ý thức, thái độ, kỹ năng bảo vệ BV ĐVHD dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của tất cả các lực lượng trong cộng đồng. Trong thành tố nguồn lực con người, để duy trì và phát triển nguồn lực này thì việc phân rõ vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các lực lượng ở cộng đồng trong BV ĐVHD cho HS phổ thông là rất cần thiết. Bởi vì, mỗi cá nhân hay đơn vị trong cộng đồng đều có vị trí và chức năng riêng biệt sẽ ảnh hưởng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, ảnh hưởng nhiều hoặc ít ảnh hưởng đến công tác giáo dục BV ĐVHD cho HS phổ thông. Và với vị trí, quyền hạn của cá nhân, đơn vị trong cộng đồng sẽ giúp gia tăng sự kết nối của các hoạt động giáo dục BV ĐVHD ở nhà trường đối với cộng đồng, tăng cường sự tham gia và gắn kết của tất cả các lực lượng vì mục tiêu chung về bảo vệ môi trường của cộng đồng. Việc huy động được tối đa nguồn nhân lực trong cộng đồng, tăng cường sự hợp tác của cộng đồng là điều cần thiết và quyết định cho sự thành công, tính bền vững của mô hình giáo dục BV ĐVHD cho học sinh phổ thông. Rõ ràng, nếu để một mình nhà trường hướng dẫn, hỗ trợ HS phổ thông sẽ không đảm bảo được tính bền vững lâu dài, mà rất cần sự chung tay hỗ trợ của cả cộng đồng.

- Công tác quản lý, chỉ đạo: Đối với giáo dục phổ thông, những người chỉ đạo trực tiếp việc triển khai thực hiện nội dung chương trình các hoạt động giáo dục ở địa phương là các cấp quản lý từ Sở GD&ĐT đến Phòng GD&ĐT và lãnh đạo trường phổ thông. Trong đó ở nhà trường, hiệu trưởng vừa là nhà thiết kế và người chỉ đạo tổ chức thực hiện thể hiện qua văn bản xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng lực lượng, giám sát và đánh giá, khen thưởng động viên... đội ngũ GV trong nhà trường. Ngoài ra, hiệu trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức, điều hành và phối hợp với các lực lượng tham gia thực hiện các hoạt động GD BVMT nói chung và hoạt động giáo dục BV ĐVHD nói riêng. Do đó công tác quản lý, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo giáo dục có vai trò quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự thành công (hoặc thất bại) trong triển khai các hoạt động giáo dục BV ĐVHD cho học sinh phổ thông.

- Nhận thức, kiến thức và phương pháp dạy học của đội ngũ GV trực tiếp tham gia công tác giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho HS: GV trực tiếp giảng dạy là những người trực tiếp lựa chọn, xác định các nội dung, tổ chức cho HS các hoạt động GD BVMT dựa vào cộng đồng. GV cũng chính là người tạo điều kiện để HS được bộc lộ kinh nghiệm trong quá trình học tập, được chia sẻ với các bạn kinh nghiệm của bản thân về sự vật, hiện

tượng. Bên cạnh đó, kinh nghiệm của người học có thể được hình thành thông qua các hoạt động ở gia đình nên GV cũng là người có mối liên hệ chặt chẽ với gia đình HS. GV là người định hướng để HS có các kinh nghiệm về sự vật, hiện tượng có liên quan đến nội dung mà HS sắp học hoặc kiểm nghiệm các kiến thức đã học thông qua các hoạt động tại gia đình, cộng đồng. Chính vì vậy, nhận thức, kiến thức và phương pháp dạy học của GV có ảnh hưởng rất nhiều đến việc triển khai áp dụng các nội dung GD BVMT dựa vào cộng đồng cho HS tiểu học.

- Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục ở nhà trường và cộng đồng: Các lực lượng như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hạt/ Trạm kiểm lâm, phòng môi trường... có vai trò đặc biệt trong quá trình tổ chức các hoạt động GD BVMT dựa vào cộng đồng. Các hoạt động giáo dục này đòi hỏi HS phổ thông phải được tiếp xúc trực tiếp với môi trường học tập. Sự phối hợp các lực lượng giáo dục trên tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai các kế hoạch GD BVMT của nhà trường cho HS. Môi trường học tập ở cộng đồng là rất phong phú, HS không chỉ được trải nghiệm trong lớp học, trong trường học mà còn ở ngoài lớp (gia đình, trong môi trường tự nhiên, xã hội, thôn xóm). Do đó, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường có vai trò phối hợp quan trọng trong việc tạo thuận lợi về địa điểm, mức độ an toàn khi tổ chức cho HS tham gia học tập dựa vào trải nghiệm ở cộng đồng. Ngoài ra, các lực lượng xã hội cũng có thể đóng góp, hỗ trợ cho nhà trường về phương tiện vận chuyển, kinh phí, người hướng dẫn... khi nhà trường hoặc GV tổ chức cho các em HS phổ thông ở những nơi công cộng, khu sinh thái, khu bảo tồn,...

8.2. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến nguồn lực khác (vật lực, tài lực...)

- Điều kiện cơ sở vật chất thuận lợi, an toàn cho HS học tập sẽ mang lại hiệu quả tốt để các em có thể trải nghiệm tìm hiểu các sự vật, hiện tượng trong quá trình học tập của mình.

- Điều kiện về cơ sở vật chất ở nhà trường phục vụ cho các hoạt động giáo dục BV ĐVHD ở trong trường phổ thông: vườn trường, bãi tập, phòng máy tính, màn hình đa phương tiện, máy chiếu, hệ thống internet, các đạo cụ phục vụ cho công tác truyền thông...
- Song song, việc trang bị tài liệu hướng dẫn cho HS, cho GV tham khảo về GD BVMT dựa vào cộng đồng cũng có ý nghĩa quan trọng không kém. Đó chính là cơ sở để GV, CBQL có thể tự học, tự bồi dưỡng và trao đổi chuyên môn nghiệp vụ nhằm tổ chức một cách hiệu quả hơn các hoạt động GD BVMT dựa vào cộng đồng. Thông qua các tài liệu này, các tổ chức, đoàn thể ở cộng đồng cũng thấy rõ được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phối kết hợp với nhà trường cho các hoạt động GD BVMT không chỉ được thực hiện ở nhà trường và còn được duy trì và phát triển ở trong cộng đồng.
- Nguồn kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục BV ĐVHD ở trong trường phổ thông cũng rất quan trọng. Đây là một trong những yếu tố tiên quyết góp phần hỗ trợ lớn cho các hoạt động giáo dục BV ĐVHD diễn ra ở nhà trường phổ thông.

8.3. Các điều kiện đảm bảo liên quan đến các yếu tố tự nhiên, xã hội

- Các nhân tố môi trường tự nhiên: Đó là các yếu tố có liên quan đến thiên nhiên, thực vật, động vật, vật chất và con người ở xung quanh học sinh. Các yếu tố này ở từng khu vực địa lý khác nhau sẽ khác nhau. Sự khác nhau đó có ảnh hưởng nhất định đến vốn kinh nghiệm của từng HS, đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục BV ĐVHD cho học sinh phổ thông. Điều kiện về vật chất sẵn có ở địa phương phục vụ cho các hoạt động giáo dục BV ĐVHD ở trong trường phổ thông: Các trang trại của người dân, khu rừng nhỏ trên địa bàn, hoặc các gia đình có vườn/bãi, khu trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất...; các phương tiện, dụng cụ để người học hoạt động,...

- Các nhân tố môi trường xã hội: Các hoạt động ở địa phương, gia đình cũng góp phần quan trọng vào việc định hướng hành vi của HS phổ thông đối với môi trường. Các hoạt động môi trường ở địa phương là cơ hội cho HS tiểu học được trải nghiệm để kiểm nghiệm những điều đã học ở trường, được giáo dục ở nhà, đồng thời là cơ hội để các em tích lũy vốn kinh nghiệm về sự vật, hiện tượng mà các em được tiếp xúc. Bên cạnh đó, những quy định về phong tục, tập quán địa phương, nề nếp gia đình trong việc BVMT nói chung cũng như BV ĐVHD nói riêng sẽ giúp các em định hình được các hành vi đúng đắn với môi trường, qua đó dần hình thành thói quen tích cực trong việc có ý thức và hành động BVMT.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN⁴⁷

1. Vai trò, ý nghĩa của hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD

Truyền thông là quá trình giao tiếp hai chiều, thông qua một hoặc nhiều phương tiện, hình thức truyền thông, hướng đến một mục tiêu cụ thể, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm làm thay đổi thái độ, niềm tin, hành vi của con người trong cộng đồng.

Truyền thông thay đổi hành vi trong GDBV ĐVHD là quá trình giao tiếp, chia sẻ thông tin, kiến thức, thái độ, tình cảm, kỹ năng, xây dựng và hình thành thông điệp về bảo vệ ĐVHD giữa người truyền và người nhận thông tin nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ một cách tích cực để dẫn tới sự thay đổi về hành vi mong muốn ở người nhận theo mục đích của chủ thể truyền thông.

Thông qua các hoạt động truyền thông GDBV ĐVHD, người được truyền thông đã được cung cấp các thông tin về ĐVHD, từ đó có những hành vi bảo vệ ĐVHD. Đó là:

- Nhận thức được vấn đề:
- + Khu vực Tây Nguyên là nơi có nhiều loài ĐVHD đa dạng quý hiếm.
- + Một số loài ĐVHD quý hiếm ở Việt Nam, ở khu vực Tây Nguyên đang có nguy cơ tuyệt chủng, cần phải đặc biệt chú ý chăm sóc, bảo vệ như : bò xám, voi, bò tót, bò

⁴⁷ Do giới hạn số trang của Báo cáo tổng kết, xin mời xem thêm chi tiết phần này ở Sản phẩm ứng dụng về các hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD.

rừng, trâu rừng, hươu cà toong, hươu vàng, chà vá chân đen, chà vá chân xám, vượn má hung, công, trĩ sao, gà lôi,...

+ Nguyên nhân của tình trạng này là do rừng bị ngày càng bị thu hẹp, các hoạt động tiêu cực của con người trong quá trình sinh sống và sản xuất đã làm mất đi, thu hẹp môi trường sống và làm cho các loại có nguy cơ bị tuyệt chủng, như hoạt động: phá rừng, đốt rừng, săn bắn, buôn bán ĐVHĐ và các sản phẩm của chúng;.....

+ Giải pháp bảo vệ ĐVHĐ.

- Thực trạng này cho thấy công tác truyền thông về BVĐVHĐ ở Tây Nguyên cần được thúc đẩy toàn diện hơn để nâng cao nhận thức cho tất cả mọi người về tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHĐ.

- Thể hiện thái độ về ý nghĩa của ĐVHĐ, về hoạt động làm cho ĐVHĐ bị đe dọa, về các hoạt động bảo vệ ĐVHĐ,...

- Mong muốn thực hiện các hoạt động góp phần bảo vệ ĐVHĐ và giáo dục, tuyên truyền, vận động người khác cùng tham gia,...

- Chuẩn bị cho các hoạt động bảo vệ ĐVHĐ

- Thực hiện các hoạt động bảo vệ ĐVHĐ và các hoạt động truyền thông GDBV ĐVHĐ.

Phân loại hình thức truyền thông

Hình thức truyền thông thường được phân loại theo hai hình thức: trực tiếp và gián tiếp.

- Truyền thông trực tiếp: Người truyền thông tiếp xúc trực tiếp với đối tượng truyền thông (ví dụ: : sân khấu hóa, cuộc thi, hùng biện, tọa đàm, tư vấn chuyên gia, nói chuyện chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, ...)

- Truyền thông gián tiếp: người truyền thông không trực tiếp truyền đi thông tin tới đối tượng truyền thông mà thông qua một phương tiện trung gian (ví dụ: tiểu phẩm, bài viết, poster, vẽ tranh, phim ảnh, photovoice,.....)

Các hình thức này có sự đan xen, và có thể kết hợp với nhau tạo thành một hình thức mới. Tùy thuộc vào mục đích truyền thông và thông điệp về GDBV ĐVHĐ, mỗi một hình thức truyền thông cụ thể đều có những mặt mạnh, lợi thế riêng, cũng như những vấn đề cụ thể cần lưu ý khi thực hiện.

+ Các trường phổ thông hiện nay đã và đang tổ chức nhiều hình thức truyền thông khác nhau về các nội dung giáo dục đa dạng.

+ Để phù hợp với nội dung GDBV ĐVHĐ khu vực Tây Nguyên và lứa tuổi HS, điều kiện của nhà trường và địa phương, chúng ta cần có sự lựa chọn hình thức truyền thông.

+ Tùy thuộc vào ưu điểm, hạn chế của mỗi hình thức truyền thông về bảo vệ ĐVHĐ, nhà trường có thể sử dụng một hình thức, hoặc kết hợp các hình thức để tăng hiệu quả truyền thông về bảo vệ ĐVHĐ (ví dụ: sử dụng một hình thức là trình diễn tiểu phẩm hoặc sáng tác văn nghệ cho các hoạt động có quy mô nhỏ ở lớp hoặc mang tính chủ đề liên quan đến môn học; sử dụng kết hợp nhiều hình thức cho các hoạt động truyền thông ở phạm vi toàn trường...)

+ Cần chú ý tăng cường sự tham gia của HS trong các khâu lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động truyền thông.

2. Mục đích và yêu cầu của hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD

- Mục đích của hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD:

+ Nâng cao nhận cho học sinh phổ thông về kiến thức, kỹ năng, thái độ, từ đó sẽ có hành vi phù hợp để bảo vệ ĐVHD;

+ Nâng cao nhận thức của HS phổ thông về ĐVHD Tây Nguyên về đặc điểm, vai trò, thực trạng những loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên đang bị đe dọa tuyệt chủng và những mối đe dọa đối với ĐVHD khu vực Tây Nguyên hiện nay.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức và vận động cộng đồng cùng chung tay bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên;

+ Xác định và thực hiện được một số việc làm phù hợp và thiết thực mà HS phổ thông có thể thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên;

+ Tạo cơ hội khơi dậy niềm đam mê, khả năng sáng tạo của HS phổ thông với các sản phẩm truyền thông về bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

- Các yêu cầu đối với hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD.

+ Các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD cần đảm bảo tính vừa sức với mức độ nhận thức của HS các cấp học.

+ Các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD cần được tổ chức trong thời điểm thích hợp, tránh tổ chức hoạt động truyền thông vào thời điểm các kì thi, làm phân tán sự tham gia của HS và GV.

+ Các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD cần huy động tối đa sự tham gia của HS vào các hoạt động, đảm bảo các em được tham gia và đóng góp vai trò của mình trong hoạt động, từ khâu lên kế hoạch đến thực hiện hoạt động. GV đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức.

+ Các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD cần huy động sự tham gia của cộng đồng, cha mẹ HS bởi vì đây là một kênh truyền thông hiệu quả để nhà trường tuyên truyền đến cộng đồng, gia đình HS về giáo dục bảo vệ ĐVHD, đồng thời tăng cường tính kết nối giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng.

3. Nội dung truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD

Truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD hướng đến các nội dung cơ bản sau:

(1) Kiến thức cơ bản về ĐVHD và bảo vệ ĐVHD.

- Quan niệm về động vật hoang dã
- Thực trạng bảo vệ ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên
- Công ước quốc tế về bảo tồn động vật hoang dã
- Qui định của Việt Nam về bảo vệ ĐVHD

(2) Các quy định về quản lý động thực vật hoang dã của chính phủ Việt Nam

(3) Lợi ích của bảo tồn ĐVHD và môi trường sống của chúng đối với cuộc sống con người.

(4) Những việc cần làm để bảo vệ ĐVHD nói chung và ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

4. Các hình thức và kĩ thuật tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD

4.1. Giới thiệu một số hình thức truyền thông phù hợp trong nhà trường

a) Hình thức truyền thông qua các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Quan niệm

Hình thức truyền thông qua các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) là sử dụng hoạt động trải nghiệm như là một phương tiện và công cụ để tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm GDBV ĐVHD.

Cách thức tổ chức truyền thông GDBV ĐVHD thông qua các HĐTN, HN rất đa dạng. HĐTN, HN ở cấp trung học được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ; với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội phụ nữ, cán bộ quản lí nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội... Tùy thuộc vào nội dung cụ thể, các loại hình hoạt động này đều có khả năng sử dụng để truyền thông tới HS hoặc cha mẹ, cộng đồng về GDBV ĐVHD.

Các HĐTN, HN có tính mở với hình thức thực hiện đa dạng và phong phú. Với nội dung đã xác định, bám sát yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của chương trình HĐTN, HN, có địa chỉ tích hợp, thời gian tổ chức, hình thức truyền thông... phù hợp thì GV và HS có thể sử dụng bất kì loại hình HĐTN, HN nào để truyền thông về GDBV ĐVHD. Ví dụ: trong tháng 5, nhà trường có kế hoạch tổ chức chuỗi sự kiện Chào mừng ngày môi trường thế giới 5/6, GV và HS có thể lựa chọn và tổ chức truyền thông thông qua việc kết hợp tiết sinh hoạt dưới cờ và tiết Hoạt động giáo dục theo chủ đề, hoặc kết hợp giữa Hoạt động câu lạc bộ và hoạt động trong tiết Sinh hoạt lớp để hướng dẫn HS thực hiện truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Các bước thực hiện

Bước 1. Rà soát và xác định được các YCCĐ trong chương trình HĐTN, HN có liên quan đến hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD (hoặc về chủ đề môi trường, thiên nhiên nói chung).

Bước 2. Xác định mục tiêu của truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD thông qua HĐTN, HN cụ thể.

Bước 3. Xác định nội dung truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD.

Bước 4. Lựa chọn loại hình HĐTN, HN và hình thức, kĩ thuật truyền thông; xác định thời điểm tổ chức truyền thông.

Bước 5. Tổ chức thực hiện và đánh giá.

b. Hình thức sân khấu hóa

Quan niệm

Sân khấu hóa được hiểu là việc sử dụng các phương tiện sân khấu trong quá trình giáo dục, tổ chức các hoạt động chung của trẻ em và người lớn dựa trên việc đọc và dàn dựng một tác phẩm văn học nhằm tạo điều kiện cho sự tham gia cảm xúc, chia sẻ niềm tin và các giá trị. Sân khấu được sử dụng như một phần của giáo dục bởi việc tạo ra một buổi biểu diễn không phải là một mục tiêu mà là một phương tiện để nuôi dưỡng và phát triển lĩnh vực cảm xúc của học sinh, một phương tiện phát triển tinh thần, một nền tảng cho hình thành kỹ năng giao tiếp và thử sức với các vai trò xã hội mới. (Inna Yu. Shustova, 2020)

Trong nhà trường, hình thức sân khấu hóa thường gắn với sân khấu hoá tác phẩm văn học và là một hoạt động trải nghiệm sáng tạo quen thuộc. Quá trình sân khấu hóa một tác phẩm văn học đòi hỏi những hiểu biết cơ bản về nghệ thuật sân khấu, kỹ thuật chuyển thể kịch bản, diễn xuất và sản xuất chương trình. (Lê Hải Anh, 2020)

Phương pháp sân khấu hoá dựa trên bản chất là có sự tham gia của con người và sân khấu hướng đến việc phát triển thái độ dựa trên cảm xúc và giá trị đối với bản thân, với người khác và với thế giới hơn là sự hiểu biết những điều hợp lý ở thực tế.

Các bước thực hiện

Bước 1: Lập kế hoạch trước khi soạn thảo chương trình, nội dung tác phẩm

Bước 2: Viết kịch bản

Bước 3: Sáng tạo hành động cho nhân vật

Bước 4: Tập diễn kịch

Một số lưu ý

Sân khấu hoá về giáo dục bảo vệ bảo vệ ĐVHD trong nhà trường phổ thông có thể mang tính chuyên nghiệp hoặc không chuyên, tuy nhiên, khi sử dụng hình thức sân khấu hoá thì cần phải có sự phối hợp âm thanh – ánh sáng – hóa trang đạo cụ. Đầu tư về thời gian cho công việc tập luyện, cố gắng không thay đổi nhiều về nội dung đã tập. Người đạo diễn phải tham gia toàn bộ khâu hóa trang, đạo cụ, âm thanh, ánh sáng... Ngoài ra, tác phẩm nhuận nhuyển, hoàn chỉnh mới đưa ra sân khấu.

c. Hình thức tổ chức cuộc thi

Quan niệm

Cuộc thi với chủ đề về “ Bảo vệ Động vật hoang dã” là một trong những - hình thức truyền thông hấp dẫn, lôi cuốn HS và đạt hiệu quả cao trong việc giúp các em HS có hiểu biết về động vật hoang dã và vai trò của chúng, từ đó giáo dục, rèn luyện và định hướng ý thức bảo vệ ĐVHD cho các em. Cuộc thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hoặc tập thể luôn hoạt động tích cực để vươn lên đạt được mục tiêu mong muốn. Chính vì vậy, tổ chức cuộc thi tìm hiểu cho HS về bảo vệ ĐVHD là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của GV trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục về bảo vệ ĐVHD cho HS.

Cuộc thi với chủ đề về Bảo vệ ĐVHD lôi cuốn HS tham gia một cách chủ động, sáng tạo, phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của các em; bồi dưỡng cho

các em kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin, giúp các em có động cơ học tập tốt, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức.

Ngoài ra cuộc thi với chủ đề về Bảo vệ Động vật hoang dã còn thu hút tài năng và sức sáng tạo của HS thông qua các tác phẩm mà các em trình bày, trình diễn.

Các bước thực hiện

Bước 1: Xác định chủ đề, mục tiêu, nội dung cuộc thi và đặt tên cho cuộc thi.

Bước 2: Xác định thời gian và thời điểm tổ chức cuộc thi.

Bước 3: Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, vận động cho cuộc thi.

Bước 4: Thành lập Ban tổ chức cuộc thi và mời Ban giám khảo.

Bước 5: Thiết kế nội dung chương trình cuộc thi.

Bước 6: Dự trù các điều kiện, cơ sở vật chất... cho cuộc thi.

Bước 7: Tổ chức cuộc thi.

Một số lưu ý

– Là một hình thức tích cực nhưng nếu lạm dụng cuộc thi tìm hiểu nó cũng dễ gây nhàm chán cho HS, do vậy cần phối hợp với các hình thức tổ chức hoạt động khác để hoạt động đa dạng, sinh động và hiệu quả hơn.

– Để cuộc thi với chủ đề về Bảo vệ ĐVHD đạt kết quả giáo dục mong muốn, người GV cần nắm chắc các nội dung cơ bản của hoạt động, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào thực tiễn của nhà trường.

Cuộc thi với chủ đề về Bảo vệ ĐVHD nên vận dụng theo quy mô lớp hoặc khối lớp và có kết hợp với các hình thức khác để hoạt động phong phú hơn, thu hút được nhiều HS tham gia hơn, nhờ đó hiệu quả giáo dục sẽ cao hơn.

d. Hình thức tổ chức chuỗi sự kiện truyền thông

Quan niệm

Đây là hình thức tổ chức hoạt động truyền thông bao gồm một chuỗi các sự kiện nối tiếp nhau, cùng hướng tới một mục tiêu chủ đạo, nhằm tăng cường hiệu ứng truyền thông và đa dạng hóa các hoạt động, tạo cơ hội cho sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau trong nhà trường.

Chuỗi sự kiện truyền thông thường được tổ chức vào một dịp hoặc ngày kỷ niệm cụ thể trong năm học, có liên quan đến chủ đề cần truyền thông. Ví dụ: Chuỗi sự kiện truyền thông về bảo vệ ĐVHD có thể được thực hiện nhân dịp kỷ niệm Ngày thế giới bảo vệ ĐVHD 3/3, hoặc ngày Môi trường thế giới 5/6...

Các bước thực hiện

Bước 1. Xác định thời điểm để khởi động chuỗi sự kiện truyền thông và thông điệp chủ đạo.

Bước 2. Xác định các hoạt động sẽ thực hiện trong chuỗi sự kiện và thứ tự thực hiện, thông điệp cụ thể của mỗi hoạt động.

Bước 3. Thiết kế kịch bản chi tiết của cả chuỗi sự kiện và từng hoạt động thành phần.

Bước 4. Phân công người đầu mối phụ trách từng hoạt động trong chuỗi sự kiện.

Bước 5. Thực hiện chuỗi sự kiện theo kế hoạch.

Bước 6. Tổng kết, đánh giá chuỗi sự kiện truyền thông.

Một số lưu ý

- Để bảo đảm sự đa dạng và hiệu ứng truyền thông lan tỏa, một chuỗi sự kiện truyền thông nên bao gồm ít nhất từ 3 – 4 loại hình hoạt động, và kéo dài trong khoảng thời gian từ hai tuần trở lên.

- Lựa chọn người phụ trách tổng thể cả chuỗi sự kiện là rất quan trọng để bảo đảm cho sự đồng bộ và thành công của các hoạt động thành phần. Người tổng phụ trách chuỗi sự kiện nên là học sinh hoặc nhóm HS cốt cán, các giáo viên chỉ nên giữ vai trò tư vấn, hỗ trợ và giám sát.

- Ban tổ chức chuỗi sự kiện có thể phối hợp với các cơ quan, đơn vị ngoài nhà trường (như doanh nghiệp tại địa phương, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực môi trường...) để tăng tính lan tỏa của chuỗi sự kiện, đồng thời kêu gọi thêm nguồn tài trợ cho chuỗi sự kiện (dưới hình thức quà tặng, vật phẩm truyền thông, sách báo về chủ đề truyền thông...)

e. Hình thức câu lạc bộ

Quan niệm

Câu lạc bộ là nơi tập hợp những học sinh có cùng sở thích, cùng mối quan tâm về một chủ đề hoặc hoạt động nào đó. Các hoạt động của CLB nhằm đáp ứng nhu cầu, sở thích của thành viên, đồng thời kết hợp việc học tập tự nguyện (học không chính thức) với hoạt động vui chơi giải trí, hoặc tham gia các hoạt động cộng đồng.

CLB có thể trở thành một kênh truyền thông hiệu quả về GDBV ĐVHD và có tính lan tỏa cao nếu thu hút được nhiều HS cùng tham gia, tổ chức các hoạt động.

Các bước thực hiện

Các bước hình thành, tổ chức một câu lạc bộ nói chung thường bao gồm:

- Bước 1: Khảo sát tình hình, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng của HS.
- Bước 2: Xây dựng đề án hoặc kế hoạch thành lập câu lạc bộ.
- Bước 3: Bầu Ban chủ nhiệm: Dự kiến nhân sự tham gia Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ, phụ trách các Ban của câu lạc bộ (nếu có), và lực lượng tham gia câu lạc bộ.
- Bước 4: Xây dựng kế hoạch tổ chức câu lạc bộ: sinh hoạt định kỳ theo tuần, tháng, quý, và những ngày kỉ niệm (ví dụ, nếu là CLB về chủ đề môi trường, thiên nhiên, thì ngày kỉ niệm để tổ chức nhiều hoạt động CLB có thể là ngày động thực vật hoang dã thế giới 3/3 hoặc ngày Môi trường thế giới 5/6...)
- Bước 5: Tổ chức hoạt động cụ thể của CLB và tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động.

Để các hoạt động của CLB nhằm mục đích truyền thông về GDBV ĐVHD có được hiệu quả thiết thực và tính hấp dẫn, thành viên tham gia cần có những hiểu biết nhất định về tự nhiên, môi trường, và có niềm đam mê, hứng thú, mối quan tâm sâu sắc tới thế giới ĐVHD.

Như vậy, mỗi hình thức, loại hình truyền thông có những ưu điểm và hạn chế khác nhau. Tùy thuộc vào ưu điểm, hạn chế của mỗi hình thức truyền thông về bảo vệ ĐVHD, nhà

trường có thể sử dụng một hình thức, hoặc kết hợp các hình thức để tăng hiệu quả truyền thông về bảo vệ ĐVHD (ví dụ: sử dụng một hình thức là trình diễn tiểu phẩm hoặc sáng tác văn nghệ cho các hoạt động có qui mô nhỏ ở lớp hoặc mang tính chủ đề liên quan đến môn học; sử dụng kết hợp nhiều hình thức cho các hoạt động truyền thông ở phạm vi toàn trường...). Cần chú ý tăng cường sự tham gia của HS trong các khâu lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động truyền thông đối với các em.

+ Mỗi một nội dung về GDBV ĐVHD khu vực Tây Nguyên có thể được truyền thông tới HS qua một hoặc một số hình thức truyền thông khác nhau.

+ Mỗi hình thức truyền thông đều có những ưu điểm, hạn chế nhất định. Vì vậy, cần lựa chọn hình thức nào phù hợp, khả thi nhất với nội dung giáo dục và đối tượng tham gia ở cấp trung học.

+ Thiết kế được kịch bản chi tiết, khả thi sẽ giúp chúng ta tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD một cách khoa học và hiệu quả.

+ Lưu ý đến các yếu tố sự phù hợp văn hóa, bối cảnh, năng lực tham gia của HS... khi lựa chọn hình thức tương ứng với nội dung truyền thông về bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên (VD, các nội dung và hình thức truyền thông có lồng ghép các khía cạnh văn hóa bản địa, lối sống... của các dân tộc Tây Nguyên có thể sẽ tạo hứng thú và sự thân thiện hơn đối với HS tham gia).

4.2. Một số kỹ thuật truyền thông hiệu quả

a. Kỹ thuật thiết kế poster, tờ rơi, sách nhỏ

Quan niệm

Poster, tờ rơi, sách nhỏ về bảo vệ ĐVHD là những ấn phẩm chuyển tải thông tin qua các câu chữ và/hoặc thông qua những hình ảnh đồ họa (các biểu tượng hoặc bức hình, tranh vẽ). Các thông tin thường thể hiện qua những thông điệp ngắn, dễ nhớ.

Poster tập trung vào hình ảnh lớn, ấn tượng. Poster được thiết kế để dán, hoặc gắn lên các vị trí cố định với bề mặt phẳng. Một số vị trí có thể dán/gắn poster như: Cổng trường, hành lang lớp học, bản tin,... Poster cũng có thể được đăng tải trên các trang mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến để thu hút người xem và tương tác.

Tờ rơi, sách nhỏ thường sử dụng khổ nhỏ, để người đọc dễ dàng mang theo và tra cứu khi cần thiết.

Các bước thực hiện

- Lập kế hoạch làm poster, tờ rơi, sách nhỏ về bảo vệ ĐVHD, bao gồm:
- Thực hiện làm poster, tờ rơi, sách nhỏ:
- Trưng bày và tiếp cận người xem: Với lợi thế về hình ảnh và thông điệp của poster, tờ rơi, sách nhỏ nên các kênh truyền thông này có khả năng tiếp cận nhanh và hiệu quả đối với HS về bảo vệ ĐVHD.

Poster cần được trưng bày trong một thời gian, ở những nơi dễ quan sát, có nhiều HS qua lại để tăng hiệu quả truyền thông. Tờ rơi, sách nhỏ có thể được phát miễn phí cho các đối tượng truyền thông, tại những nơi có thể dễ tiếp cận như cổng trường, trong phạm vi hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa,...

Poster, tờ rơi, sách nhỏ ngày nay cũng có thể được phát hành trực tuyến trên các kênh diễn đàn, mạng xã hội để dễ dàng tiếp cận và thu hút giới trẻ, đồng thời tiết kiệm chi phí in ấn. Ví dụ về việc phát hành poster, tờ rơi, sách nhỏ trực tuyến như: chiến dịch truyền thông trên các kênh mạng xã hội thông qua phong trào đổi ảnh đại diện cá nhân có poster chứa đựng thông điệp bảo vệ ĐVHD,...; chia sẻ thông tin của tờ rơi, sách nhỏ trên diễn đàn nhà trường, trang mạng xã hội cá nhân,... là những cách làm hiệu quả để lan tỏa thông điệp về bảo vệ ĐVHD trong HS và cộng đồng.

b. Kỹ thuật làm báo tường, viết bài luận, bản tin

Quan niệm

Bài viết truyền thông (báo tường, viết bài luận, bản tin) về bảo vệ ĐVHD là hình thức sử dụng ngôn ngữ viết để chuyển tải một thông điệp về vấn đề cần truyền thông đến mọi người.

Riêng đối với báo tường (còn được gọi là “bích báo”) thường được làm trên giấy khổ lớn, đóng khung để có thể treo trên tường. Báo tường được thiết kế theo chủ đề nhất định với các hình thức thể hiện đa dạng như: truyện ngắn, tùy bút, thơ, truyện cười, tranh vẽ, bài hát, câu đố,... phù hợp với từng chủ đề được đề cập.

Các bước thực hiện

- Xác định mục tiêu
- Xác định chủ đề
- Xác định đối tượng mục tiêu
- Xác định thông điệp cốt lõi của bài viết
- Phác họa dàn ý (bố cục) bài viết
- Viết bài theo dàn ý
- Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết

c. Kỹ thuật tổ chức triển lãm

Quan niệm

Kỹ thuật tổ chức triển lãm là một trong những phương pháp, hình thức truyền thông hấp dẫn, lôi cuốn HS và đạt hiệu quả cao trong việc nâng cao nhận thức cho các em HS và cổ động công tác bảo tồn thiên nhiên và chống buôn bán ĐVHD. Tổ chức triển lãm nhằm lan tỏa rộng hơn đến các em HS cùng nâng cao nhận thức về vấn đề bảo vệ ĐVHD cũng như bảo vệ cuộc sống của hành tinh xanh. Chính vì vậy, tổ chức triển lãm cho HS về bảo vệ ĐVHD là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của GV trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục về bảo vệ ĐVHD cho HS.

Triển lãm với chủ đề bảo vệ ĐVHD có thể là một ấn phẩm truyền tải thông tin thông qua tranh vẽ, poster, ảnh, video hoặc hiện vật do chính các em HS sáng tác hoặc sưu tầm.

Ưu điểm của tổ chức triển lãm về chủ đề bảo vệ ĐVHD là cùng một chủ đề truyền thông nhưng có thể triển khai trên nhiều địa điểm, vì vậy thể loại này dễ dàng thông tin thường xuyên, kịp thời tin tức và sự kiện về ĐVHD đến các em HS. Triển lãm rất thích hợp với hoạt động truyền thông trong nhà trường phổ thông do các đặc điểm sau:

- Thể hiện nội dung bằng hình thức trực quan sinh động thu hút được sự chú ý của các em HS, hướng các em HS xem vào nội dung cần truyền thông một cách cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ.

- Với hình thức tổ chức triển lãm trong lớp học thường nhỏ gọn, dễ làm và làm nhanh phù hợp với điều kiện của nhà trường phổ thông, đáp ứng được tính kịp thời trong hoạt động truyền thông.

- Nội dung truyền thông thông qua kỹ thuật tổ chức triển lãm bảo vệ ĐVHD tập trung các thông tin về ĐVHD, những hành động tương tác đang làm, cần làm để chung tay bảo vệ ĐVHD, đảm bảo tính nhạy bén, tính thiết thực và được biến thành hành động cụ thể của các em HS.

- Trong hoạt động truyền thông thông qua kỹ thuật tổ chức triển lãm bảo vệ ĐVHD là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hình thức truyền thông trực tiếp với tuyên truyền miệng làm cho lời nói sinh động hơn, nhằm hướng tới mục tiêu hướng các em HS hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ ĐVHD từ đó có ý thức phòng chống hành vi buôn bán ĐVHD.

Các bước thực hiện

Bước 1: Lập kế hoạch tổ chức triển lãm về bảo vệ ĐVHD

Bước 2: Thực hiện vẽ tranh hoặc sưu tầm tranh ảnh, vật phẩm phù hợp cho buổi triển lãm

Bước 3: Viết thuyết minh và lời chú thích

Bước 4: Trưng bày tranh ảnh, vật phẩm và giới thiệu, thuyết trình.

d. Kỹ thuật tổ chức giao lưu, tọa đàm

Quan niệm

Tọa đàm là một buổi trao đổi, bàn luận, chia sẻ ý kiến/ kinh nghiệm... về một vấn đề nào đó giữa các chuyên gia trong một lĩnh vực cụ thể với người có nhu cầu lĩnh hội thông tin, kiến thức (hoặc những người quan tâm) về vấn đề đó. Ví dụ, nhằm truyền thông về chủ đề bảo vệ ĐVHD, chủ đề của tọa đàm có thể là: “Thực trạng sinh sống của ĐVHD tại địa phương và hành động của chúng ta”; “Tìm về thế giới tự nhiên”; “Chung tay hành động vì ĐVHD Tây Nguyên”, v.v.

Các thành viên tham gia tọa đàm được trình bày ý kiến hoặc bày tỏ quan điểm riêng của họ về chủ đề buổi tọa đàm để đi đến thống nhất hoặc tìm ra cách giải quyết cho vấn đề. Họ cũng có thể nêu ra những băn khoăn, thắc mắc, câu hỏi... để chuyên gia và mọi người cùng bàn luận, giải thích.

Một buổi tọa đàm thường có mục tiêu, chủ đề, chương trình cụ thể. Các ý kiến trong buổi tọa đàm có thể đồng thuận hoặc không hoàn toàn đồng thuận với nhau, nhưng đều bám sát và làm sáng tỏ các khía cạnh liên quan đến nội dung tọa đàm.

Các bước thực hiện

Bước 1: Xây dựng nội dung, kế hoạch, chương trình (kịch bản) buổi tọa đàm

Bước 2: Diễn tập thử một phần hoặc toàn bộ nội dung của tọa đàm để điều chỉnh kịch bản (nếu cần)

Bước 3: Tổ chức buổi tọa đàm

Bước 4: Kết thúc, đánh giá kết quả buổi tọa đàm

e. Kỹ thuật làm video clip, phim ngắn

Quan niệm

Video clip (hoặc phim ngắn) để truyền thông về bảo vệ ĐVHD là các đoạn phim/video với thời lượng từ vài phút đến vài chục phút (thường không quá 15-20 phút), được phát triển trên các thiết bị đa phương tiện, ghi lại hình ảnh, âm thanh một cách sinh động, thực tế, nhằm mục đích chuyển tải tới người xem một thực trạng hoặc một thông điệp có ý nghĩa liên quan đến việc bảo tồn ĐVHD.

Các bước thực hiện

- Chuẩn bị phương tiện chính để quay
- Lập nhóm làm clip/làm phim: mặc dù bạn có thể làm một mình, nhưng làm theo nhóm sẽ có nhiều lợi thế: có những ý tưởng độc đáo, sáng tạo; có thể phản biện cho nhau để hoàn thiện kịch bản, chỉnh sửa clip/bộ phim ngắn. Lý tưởng nhất là nhóm nên có những người am hiểu các khía cạnh khác nhau của việc làm clip/phim ngắn.
- Xây dựng kịch bản.
- Lựa chọn diễn viên: bạn cũng có thể làm diễn viên chính cho clip hoặc bộ phim của mình, hoặc lựa chọn diễn viên là những người bạn, người lớn xung quanh, phụ huynh, giáo viên, thành viên cộng đồng... Phim để truyền thông về ĐVHD sẽ sinh động và thuyết phục hơn nữa nếu có “diễn viên” chính là sự xuất hiện của các loài ĐVHD đó, và sự tham gia của các chuyên gia, người nuôi dưỡng, thuần hóa, bảo tồn... ĐVHD.
- Thực hiện các bước của quá trình quay – dựng video, dựng phim
- Hậu kỳ và chỉnh sửa, hoàn thiện video/phim ngắn

f. Kỹ thuật xây dựng kế hoạch, kịch bản truyền thông

Quan niệm

Kế hoạch, kịch bản truyền thông được hiểu đơn giản là một bản tổng hợp những thông tin, bao gồm mục tiêu, đối tượng, phương thức truyền thông, cùng các phương án cụ thể cho từng mục, từng giai đoạn khác nhau. Ý nghĩa của việc làm này là đưa ra hướng dẫn thực hiện các mục tiêu mà chiến dịch đã đề ra với truyền thông.

Các bước lập kế hoạch, kịch bản truyền thông

Một kế hoạch hoặc kịch bản truyền thông nói chung và truyền thông về bảo vệ ĐVHD thường bao gồm 8 bước sau:

- Bước 1: Phân tích tổng quan môi trường, bối cảnh thực hiện truyền thông
 - Bước 2: Xác định mục tiêu truyền thông
 - Bước 3. Xác định đối tượng truyền thông
 - Bước 4. Xác định thông điệp truyền thông
- Ví dụ về một số chủ đề và thông điệp truyền thông về GDBV ĐVHD

Chủ đề/nội dung

Thông điệp

Vai trò của ĐVHD và việc bảo vệ ĐVHD	ĐVHD có giá trị to lớn trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của con người, duy trì các quá trình sinh thái, tạo dựng các giá trị văn hoá, tinh thần, du lịch, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học. Chúng ta hãy cùng bảo vệ ĐVHD.
Mối đe dọa đối với ĐVHD	ĐVHD hiện nay đang gặp nhiều mối đe dọa khác nhau như: nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật, mất nơi sinh sống... Chúng ta hãy cùng dừng ngay các hành động tổn hại đến các loài ĐVHD quý hiếm.
Luật pháp bảo vệ ĐVHD	Rất nhiều loài ĐVHD quý hiếm đang được pháp luật bảo vệ. Các cá nhân có hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD, có thể bị phạt tiền tới 5 tỉ đồng, hoặc phạt tù tới 15 năm. Chúng ta hãy nhắc người lớn cẩn thận, không vi phạm các điều luật này để không bị xử phạt.
Hành động bảo vệ ĐVHD	Chúng ta có thể bảo vệ ĐVHD bằng nhiều hành động hàng ngày của mình như: không ăn thịt, sử dụng ĐVHD quý hiếm; không săn bắt, tàng trữ trái pháp luật ĐVHD quý hiếm; thông báo đến các cơ quan chức năng hoặc các tổ chức liên quan, khi thấy ĐVHD bị buôn bán, tiêu thụ trái phép; học tập tìm hiểu để bảo vệ ĐVHD; nói với mọi người về bảo vệ ĐVHD.

Bước 5. Xác định hình thức, phương pháp truyền thông

Bước 6. Xây dựng cách thức truyền thông chi tiết và dự kiến ngân sách

Bước 7. Phân tích rủi ro có thể xảy ra và cách ứng phó

Bước 8. Xác định tiêu chí đánh giá.

III. XÂY DỰNG TÀI LIỆU VÀ TỔ CHỨC TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO GIÁO VIÊN VỀ GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN

1. Xây dựng tài liệu

Tài liệu “Tập huấn về giáo dục bảo vệ ĐVHD trong trường trung học khu vực Tây Nguyên” được biên soạn giúp GV nâng cao nhận thức và năng lực tổ chức các hoạt động GD BVĐVHD phù hợp với bối cảnh ở địa phương, giúp HS hình thành và phát triển năng lực và có ý thức tích cực tham gia các hoạt động hữu ích để bảo vệ ĐVHD. Đối tượng sử dụng tài liệu là cán bộ quản lý và GV cốt cán của các tỉnh khu vực Tây nguyên tham gia tập huấn về GD BV ĐVHD, đồng thời là tài liệu tham khảo cho các cán bộ quản lý và GV nói chung. Tài liệu được xây dựng theo các mô đun, nhằm giúp GV có năng lực tích hợp nội dung GD BVĐVHD trong dạy học và tổ chức các HĐGD về BV ĐVHD.

Mô đun 1: *Một số vấn đề chung về BV ĐVHD và GD BV ĐVHD* giúp học viên nâng cao hiểu biết về các loài ĐVHD, sự cần thiết và những giải pháp BV ĐVHD.

Mô đun 2: *Xây dựng mô hình GD BVĐVHD trong trường trung học khu vực Tây Nguyên* hướng dẫn học viên xác định được mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết về GD BVĐVHD có thể áp dụng ở các trường trung học khu vực Tây Nguyên.

Mô đun 3 : *Hướng dẫn dạy học tích hợp nội dung BV ĐVHD vào một số môn học và HĐGD cấp trung học khu vực Tây Nguyên* hướng dẫn GV cách thức tích hợp khi tổ chức dạy học một số môn học và tổ chức các HĐGD về GD BV ĐVHD.

Mô đun 4: *Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về GD BV ĐVHD trong trường trung học khu vực Tây Nguyên* giúp GV có được kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông về GD BVĐVHD với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện ở nhà trường.

Tài liệu được xây dựng theo các hoạt động đồng thời cung cấp thông tin nguồn và các thông tin hỗ trợ cho học viên trong quá trình tìm hiểu.

2. Tổ chức tập huấn

2.1. Thông tin khóa tập huấn

2.1.1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên trong việc tổ chức giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

2.1.2. Yêu cầu

- Cán bộ quản lý và giáo viên thấy được tầm quan trọng của việc giáo dục bảo vệ ĐVHD. Nắm chắc các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo vệ ĐVHD.

- Cán bộ quản lý và giáo viên có khả năng tổ chức được các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

- Cán bộ quản lý và giáo viên có khả năng tập huấn được cho giáo viên khác về cách thức tổ chức được các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh phổ thông khu vực Tây Nguyên.

Thời gian tổ chức: Ngày 26 – 27/5/2023 (khai mạc 8h00 ngày 26/5/2023)

Địa điểm tổ chức: Khách sạn Hai Bà Trưng

(Số 8 Hai Bà Trưng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk)

2.1.3. Nội dung tập huấn

- Mô đun 1: *Một số vấn đề chung về BV ĐVHD và GD BV ĐVHD* giúp học viên nâng cao hiểu biết về các loài ĐVHD, sự cần thiết và những giải pháp BV ĐVHD.

- Mô đun 2: *Xây dựng mô hình GD BVĐVHD trong trường tiểu học/trung học khu vực Tây Nguyên* hướng dẫn học viên xác định được mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết về GD BVĐVHD có thể áp dụng ở các trường trung học khu vực Tây Nguyên.

- Mô đun 3: *Hướng dẫn dạy học tích hợp nội dung BV ĐVHD vào một số môn học và HĐGD cấp tiểu học/trung học khu vực Tây Nguyên* hướng dẫn GV cách thức tích hợp khi tổ chức dạy học một số môn học và tổ chức các HĐGD về GD BV ĐVHD.

- Mô đun 4: *Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về GD BV ĐVHD trong trường tiểu học/trung học khu vực Tây Nguyên* giúp GV có được kỹ năng tổ chức các hoạt

động truyền thông về GD BVĐVHD với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện ở nhà trường.

2.1.4. Thành phần tham gia tập huấn:

- 05 tỉnh (Đắk Lắk, Kon Tum và Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông), mỗi tỉnh 40 người.
- Đối tượng tập huấn:
 - Đại diện Lãnh đạo/Chuyên viên Phòng Tiểu học, Phòng Trung học – Sở GD&ĐT.
 - Đại diện Lãnh đạo/Chuyên viên một số phòng GD&ĐT.
 - Đại diện Lãnh đạo và giáo viên cốt cán một số trường tiểu học, THCS, THPT: Tại mỗi trường Tiểu học.

2.1.5. Khách mời tham dự tập huấn

- Đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đại diện Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Cán bộ Sở, phòng GD & ĐT Đắk Lắk

2.2. Chương trình tập huấn

- Thời gian tập huấn: 02 ngày, theo các nội dung và hoạt động như sau:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
Ngày thứ nhất: 26/5/2023		
Buổi sáng ngày thứ nhất, tập trung toàn thể tại Hội trường		
7h30 - 8h00	Đón tiếp học viên	Ban tổ chức
8h00 - 8h15	Khai mạc lớp tập huấn	PGS.TS. Trần Huy Hoàng - Phó Viện trưởng Viện KHGDVN
8h15 - 8h30	Phát biểu của đại diện Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk	Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk
8h30 - 8h 45	Học viên làm phiếu đánh giá đầu vào khóa tập huấn	Ban tổ chức
8h45 - 10h00	Module 1: Một số vấn đề chung về bảo vệ động vật hoang dã và giáo dục bảo vệ động vật hoang dã	Báo cáo viên, Học viên
10h00 - 10h15	Nghỉ giải lao	
10h15 - 11h30	Module 2: Xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường phổ thông khu vực Tây Nguyên	Báo cáo viên, Học viên

11h30 - 13h45	Ăn trưa: Các đại biểu tập trung ăn trưa tại Hội trường	
Buổi chiều ngày thứ nhất, chia song song 2 lớp (lớp tiểu học và lớp trung học)		
<i>Thời gian</i>	<i>Lớp tiểu học</i>	<i>Lớp trung học</i>
13h45 - 14h	Học viên và Báo cáo viên di chuyển về từng lớp; Ổn định tổ chức và chia nhóm	Học viên và Báo cáo viên di chuyển về từng lớp; Ổn định tổ chức và chia nhóm
14h00 - 15h30	Module 4: Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường tiểu học khu vực Tây Nguyên	Module 3: Hướng dẫn dạy học tích hợp nội dung bảo vệ động vật hoang dã vào một số môn học và hoạt động giáo dục cấp trung học khu vực Tây Nguyên
15h30 - 15h45	Nghỉ giải lao	
15h45 - 16h45	Thực hành tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường tiểu học khu vực Tây Nguyên	Dạy học tích hợp nội dung bảo vệ động vật hoang dã vào một số môn học và hoạt động giáo dục cấp trung học khu vực Tây Nguyên
Ngày thứ hai: 27/5/2023		
Buổi sáng ngày thứ hai, chia song song 2 lớp (lớp tiểu học và lớp trung học)		
<i>Thời gian</i>	<i>Lớp tiểu học</i>	<i>Lớp trung học</i>
8h00 - 9h45	Module 3 : Hướng dẫn dạy học tích hợp nội dung bảo vệ động vật hoang dã vào một số môn học và hoạt động giáo dục cấp tiểu học khu vực Tây Nguyên	Module 4: Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường trung học khu vực Tây Nguyên
9h45 - 10h00	Nghỉ giải lao	
10h00 - 11h30	Thực hành dạy học tích hợp nội dung bảo vệ động vật hoang dã vào một số môn học và hoạt động giáo dục cấp tiểu học khu vực Tây Nguyên	Thực hành tổ chức hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường trung học khu vực Tây Nguyên
11h30 - 14h00	Ăn trưa tập trung tại Hội trường	
Buổi chiều ngày thứ hai, tập trung toàn hội trường		

14h00 - 15h30	Thực hành tổng hợp: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm về dạy học tích hợp và truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong trường tiểu học khu vực Tây Nguyên
15h30 - 15h45	Nghỉ giải lao
15h45 - 17h00	- Tổng kết khoá tập huấn - Học viên làm phiếu đánh giá đầu ra khóa tập huấn

2.3 Kết quả tập huấn

Nhóm nghiên cứu đánh giá kết quả trên 03 phương diện: Tính chân thực, Tính phù hợp và Tính hiệu quả của khóa tập huấn

(1) Tính chân thực của kết quả tập huấn:

- Tập huấn được triển khai cho CBQL và giáo viên cốt cán thuộc 5 tỉnh khu vực Tây Nguyên.

- Quá trình tập huấn được chụp hình, quay video ghi lại một số hoạt động làm việc nhóm, thảo luận, trình bày ý kiến của học viên

- Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS

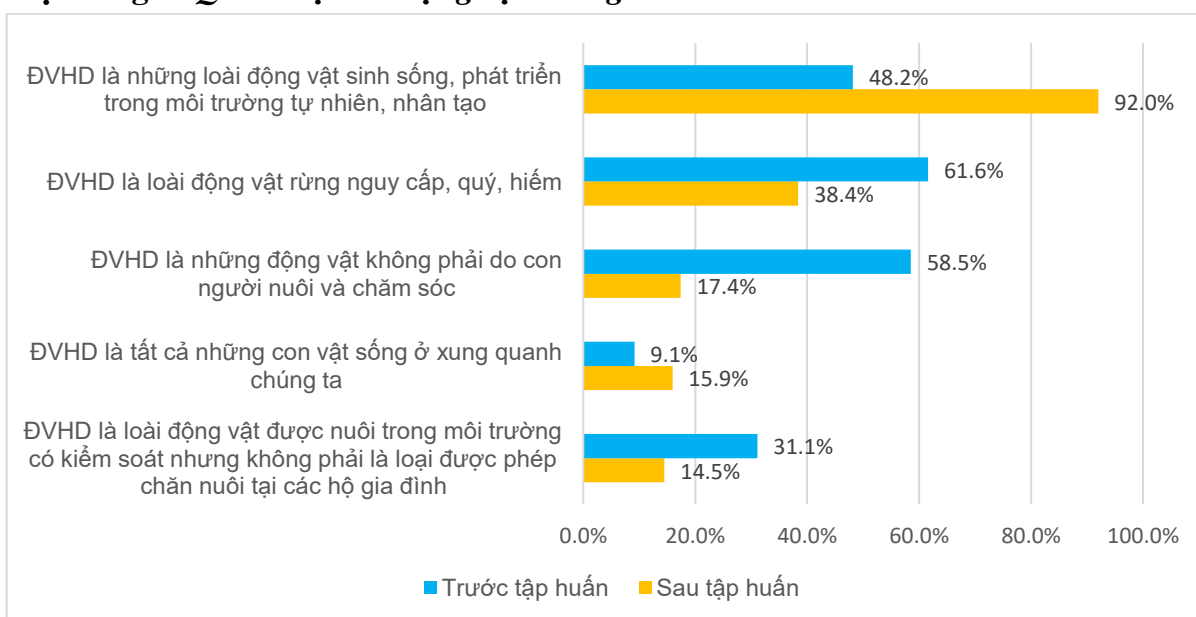
(2) Tính hiệu quả

Tính hiệu quả được đánh giá thông qua: So sánh kết quả trước và sau tập huấn; qua mức độ đạt mục tiêu tập huấn đề ra.

a. So sánh kết quả trước và sau tập huấn

Chúng tôi sử dụng bảng hỏi để lấy thông tin về kiến thức, kỹ năng và những hiểu biết về tầm quan trọng trong giáo dục BVĐVHD của CBQL và GV trước và sau khi tập huấn. Kết quả thu được đối với từng nội dung thông qua các biểu đồ dưới đây:

Nội dung 1: Quan niệm về động vật hoang dã



Hình 3. Quan niệm về ĐVHD

Trước tập huấn, ba khái niệm về ĐVHD được học viên lựa chọn nhiều nhất, với tỷ lệ chênh lệch không nhiều, theo thứ tự lần lượt là “ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” (61.6%), “ĐVHD là những động vật không phải do con người nuôi và chăm sóc” (58.5%) và “ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo” (48.2%).

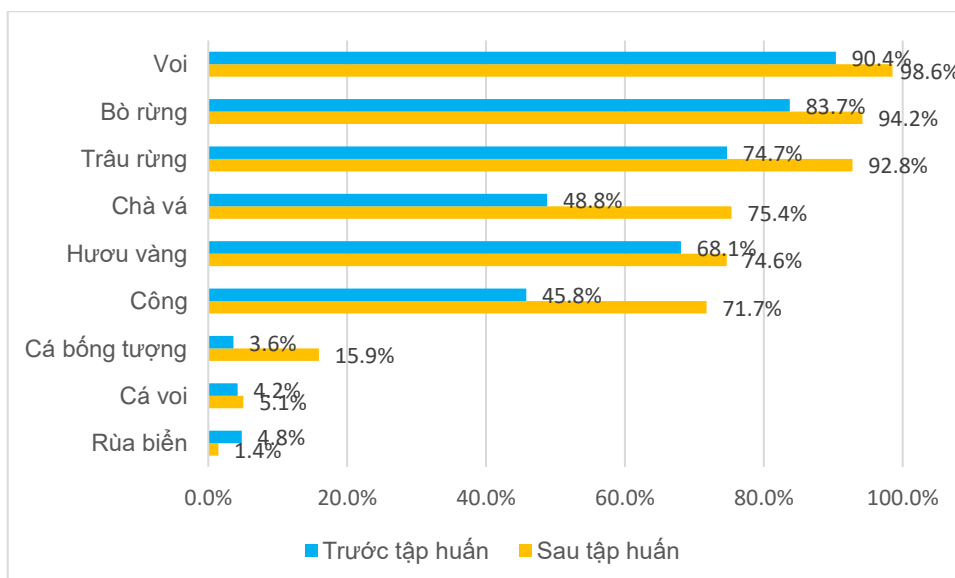
Sau tập huấn, quan niệm của học viên đã có sự thay đổi khá rõ rệt. Đa số (92.0%) học viên đồng ý với khái niệm “ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong môi trường tự nhiên, nhân tạo”. Chỉ có hơn một phần ba (38.4%) học viên cho rằng “ĐVHD là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm”. Tỷ lệ học viên lựa chọn các khái niệm còn lại chỉ dao động trong khoảng 14.5% - 17.5%.

Về cơ bản, CBQL và GVTH có nhận thức tương đối đầy đủ và đúng về quan niệm ĐVHD.

Nội dung 2: Những loại ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên

Mặc dù cả trước và sau tập huấn, nhóm voi, bò rừng, trâu rừng được lựa chọn nhiều nhất, tiếp đến là nhóm chà vá, hươu vàng, công, và cuối cùng là nhóm cá bống tượng, cá voi, rùa biển, nhưng tỷ lệ lựa chọn đã có sự thay đổi rõ rệt.

Cụ thể, nếu trước tập huấn chỉ có 74.7% - 90.4% học viên cho rằng voi, bò rừng và trâu rừng là ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên thì sau tập huấn đa số (92.8% - 98.6%) học viên đồng ý với nhận định này. Tương tự, trước tập huấn, chỉ có khoảng 45.8% - 68.1% học viên cho rằng chà vá, hươu vàng và công cũng là ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên nhưng sau tập huấn, đã có 71.7% - 75.4% học viên, tương ứng khoảng ba phần tư số học viên, đồng ý với nhận định này.

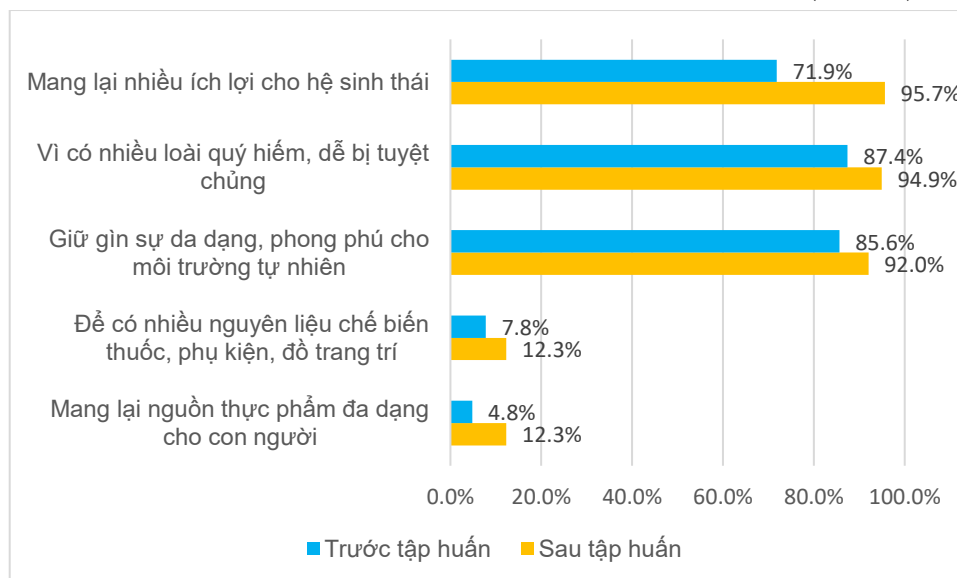


Hình 4. Những loại động vật ĐVHD quý hiếm ở Tây Nguyên

Nội dung 3: Lý do cần phải bảo vệ ĐVHD

Trước tập huấn, ba lý do cần phải bảo vệ ĐVHD được học viên lựa chọn nhiều nhất theo thứ tự lần lượt là “Vì có nhiều loài quý hiếm, dễ bị tuyệt chủng” (87.4%), tiếp đến là “Giữ gìn sự đa dạng, phong phú cho môi trường tự nhiên” (85.6%) và “Mang lại nhiều ích lợi cho hệ sinh thái” (71.9%).

Sau tập huấn, đa số (92.0% - 95.7%) học viên đã đồng ý với ba lý do trên, trong đó lý do “Mang lại nhiều lợi ích cho hệ sinh thái” được lựa chọn nhiều nhất (95.7%).



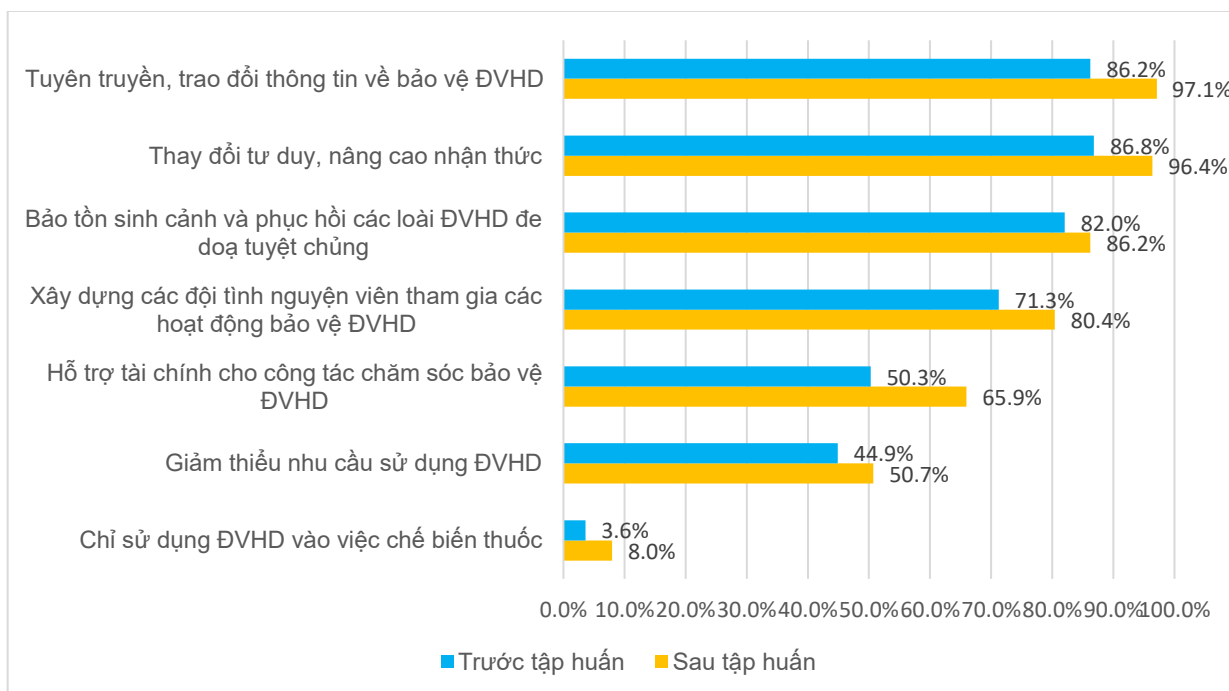
Hình 5. Lý do cần phải bảo vệ ĐVHD

Nội dung 4: Giải pháp để giáo dục bảo vệ ĐVHD

Nhìn chung, so với trước tập huấn, thứ tự các giải pháp được lựa chọn hầu như không có sự thay đổi nhưng tỷ lệ học viên đồng ý với các giải pháp đã tăng lên.

Hai giải pháp gồm “Tuyên truyền, trao đổi thông tin về bảo vệ ĐVHD” và “Thay đổi tư duy, nâng cao nhận thức” được lựa chọn nhiều nhất cả trước tập huấn và sau tập huấn, nhưng tỷ lệ học viên đồng ý với hai giải pháp này đã tăng lên, tương ứng từ 86.2% và 86.8% trước tập huấn lên 97.1% và 96.4% sau tập huấn. Đồng thời, nếu trước tập huấn, “Thay đổi tư duy, nâng cao nhận thức” là giải pháp được lựa chọn nhiều nhất (86.8%), thì sau tập huấn, “Tuyên truyền, trao đổi thông tin về bảo vệ ĐVHD” lại được học viên lựa chọn nhiều hơn (97.1%).

Tương tự, với bốn giải pháp gồm “Giảm thiểu nhu cầu sử dụng ĐVHD”, “Hỗ trợ tài chính cho công tác chăm sóc bảo vệ ĐVHD”, “Xây dựng các đội tình nguyện viên tham gia các hoạt động bảo vệ ĐVHD”, và “Bảo tồn sinh cảnh và phục hồi các loài ĐVHD đe dọa tuyệt chủng”, tỷ lệ học viên lựa chọn các giải pháp này cũng tăng lên, tương ứng từ 44.9% - 82.0% trước tập huấn lên 50.7% - 86.2% sau tập huấn. Trong đó, giải pháp “Hỗ trợ tài chính cho công tác chăm sóc bảo vệ ĐVHD” có sự thay đổi nhiều nhất, chỉ từ 50.3% học viên lựa chọn trước tập huấn lên 65.9% học viên lựa chọn sau tập huấn.



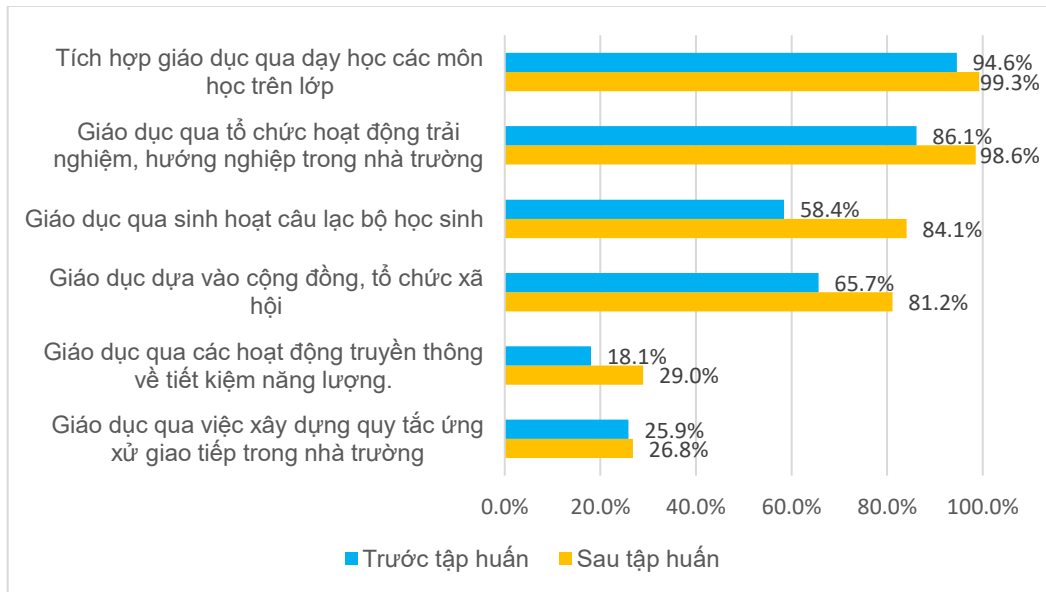
Hình 6. Giải pháp để giáo dục bảo vệ ĐVHD

Nội dung 5: Con đường/phương thức phù hợp để giáo dục bảo vệ ĐVHD

Nhìn chung, sau tập huấn, việc lựa chọn con đường/phương thức phù hợp để giáo dục bảo vệ ĐVHD của học viên càng có sự đồng thuận hơn. Nếu trước tập huấn chỉ có hai trong số sáu giải pháp được trên ba phần tư số học viên lựa chọn thì sau tập huấn, số lượng này đã tăng lên bốn.

Cụ thể, trước tập huấn, có 94.6% học viên lựa chọn giải pháp “Tích hợp giáo dục qua dạy học các môn học trên lớp” và chỉ 86.1% học viên lựa chọn giải pháp “Giáo dục qua tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường”, thì sau tập huấn, đại đa số (tương ứng 99.3% và 98.6%) học viên đồng ý với hai giải pháp trên.

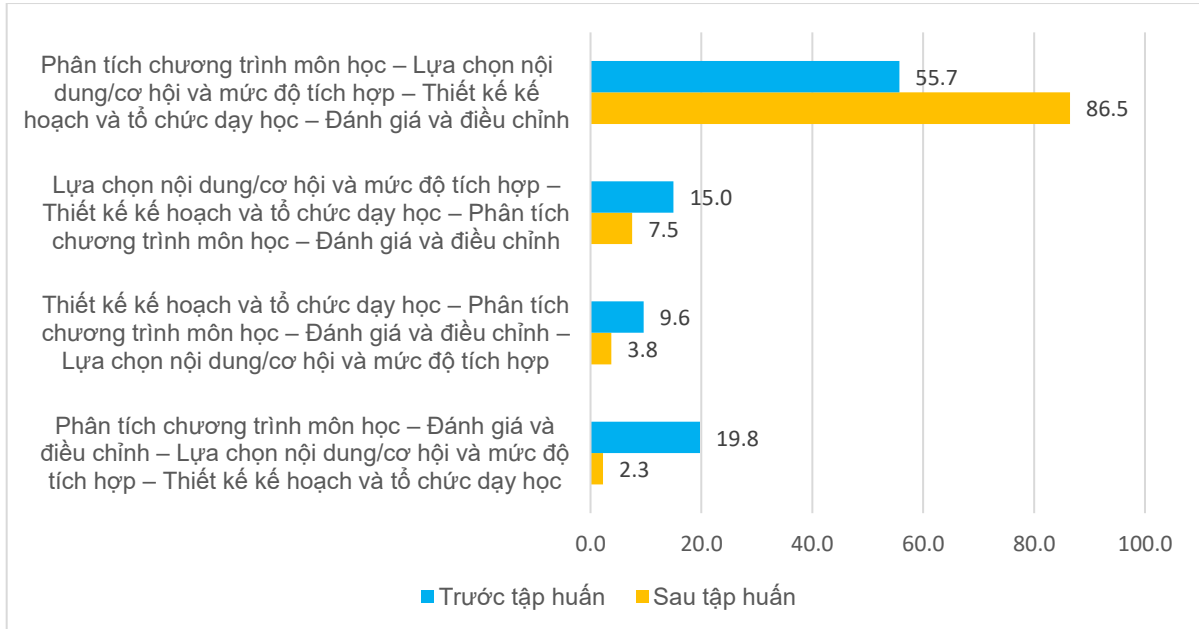
Tương tự, tỷ lệ học viên lựa chọn phương thức “Giáo dục dựa vào cộng đồng, tổ chức xã hội” cũng đã tăng lên, từ 65.7% trước tập huấn lên 81.2% sau tập huấn. Đặc biệt, trước tập huấn chỉ có hơn một nửa (58.4%) học viên lựa chọn phương thức “Giáo dục qua sinh hoạt câu lạc bộ học sinh”, thì sau tập huấn đã có 84.1% học viên lựa chọn phương thức này.



Hình 7. Con đường/phương thức phù hợp để giáo dục bảo vệ ĐVHD

Nội dung 6: Các bước thực hiện giáo dục BVĐVHD qua các môn học

Mặc dù cả trước và sau tập huấn, các bước thực hiện “Phân tích chương trình môn học – Đánh giá và điều chỉnh – Lựa chọn nội dung/cơ hội và mức độ tích hợp – Thiết kế kế hoạch và tổ chức dạy học” đều được học viên lựa chọn nhiều nhất, nhưng nếu trước tập huấn, chỉ có hơn một nửa (55.7%) học viên lựa chọn quy trình này, thì sau tập huấn, phần lớn (86.5%) học viên đã đồng ý với quy trình này.



Hình 8. Các bước thực hiện giáo dục BVĐVHD qua các môn học

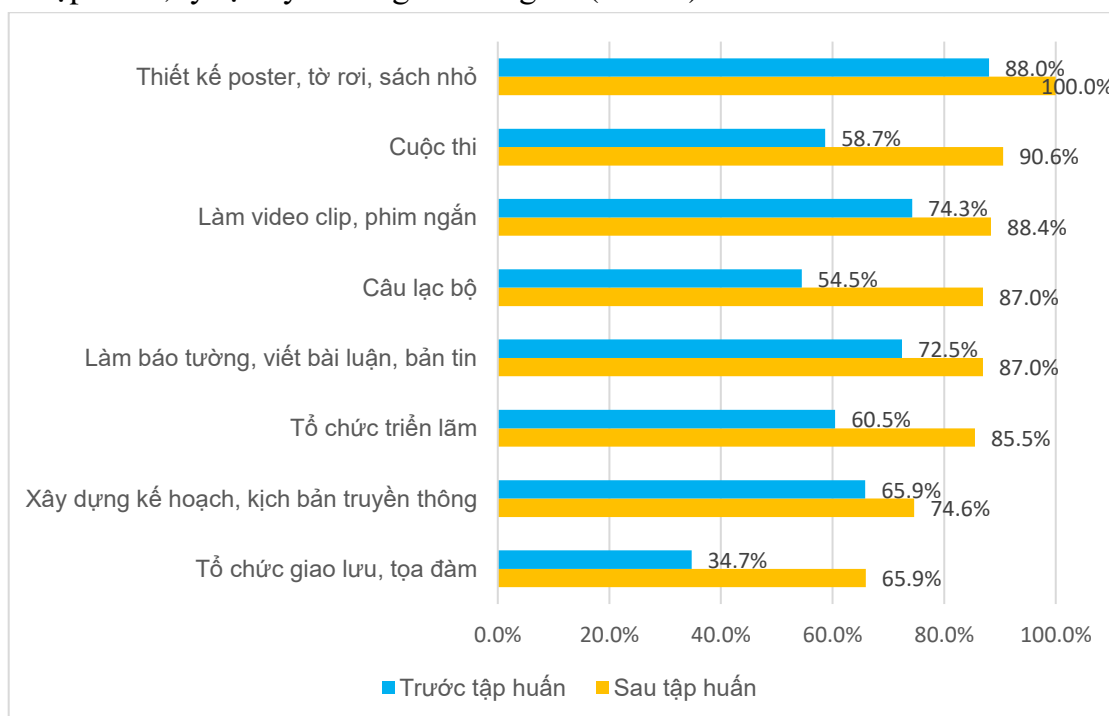
Nội dung 7: Kỹ thuật truyền thông được sử dụng trong hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

Trong số tám kỹ thuật truyền thông, nếu trước tập huấn, chỉ có duy nhất một kỹ thuật được phần lớn (88.0%) học viên lựa chọn, sáu kỹ thuật được từ hơn một nửa đến ba phần tư (54.5% - 74.3%) học viên lựa chọn, và một kỹ thuật chỉ có hơn một phần ba

(34.7%) học viên lựa chọn, thì sau tập huấn, đã có sáu kỹ thuật được phần lớn (85.5% - 100%) học viên lựa chọn và hai kỹ thuật còn lại cũng được từ hơn một nửa đến ba phần tư (65.9% - 74.6%) học viên lựa chọn.

Đáng chú ý, trước tập huấn chỉ có 88.0% học viên lựa chọn kỹ thuật “Thiết kế poster, tờ rơi, sách nhỏ” nhưng sau tập huấn, 100% học viên đều đồng ý với quan điểm này. Đây cũng là kỹ thuật được lựa chọn nhiều nhất cả trước và sau tập huấn.

Bên cạnh đó, nếu trước tập huấn chỉ có hơn một nửa học viên lựa chọn hai kỹ thuật là “Cuộc thi” và “Câu lạc bộ” (tương ứng 58.7% và 54.5%) thì sau tập huấn đã có phần lớn học viên lựa chọn hai kỹ thuật này (tương ứng 90.6% và 87.0%). Tương tự, trước tập huấn chỉ có hơn một phần ba (34.7%) học viên lựa chọn việc “Tổ chức giao lưu tọa đàm” thì sau tập huấn, tỷ lệ này đã tăng lên đáng kể (65.9%).



Hình 9. Kỹ thuật truyền thông được sử dụng trong hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD

2.4. Đánh giá chung về khóa tập huấn

2.4.1. Về nội dung tập huấn

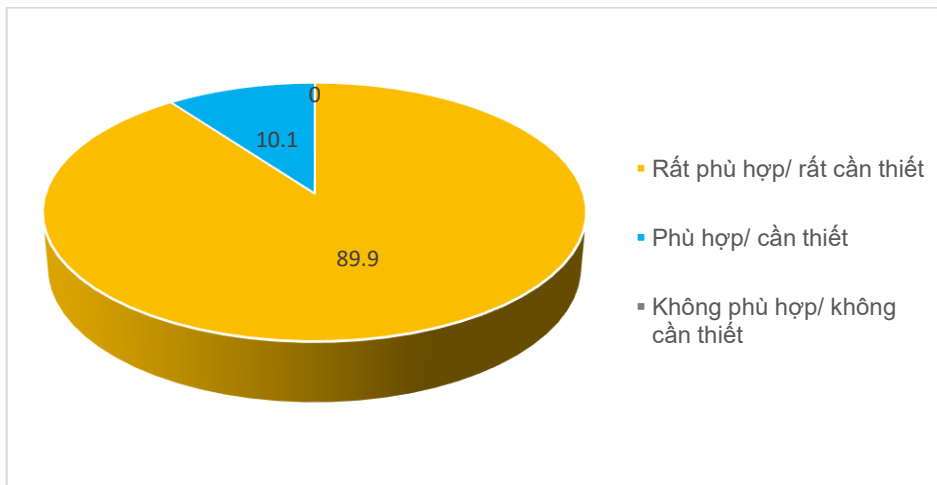
Tất cả (100%) học viên đều nhận thấy nội dung tập huấn là phù hợp/cần thiết hoặc rất phù hợp/rất cần thiết, trong đó phần lớn (89.9%) học viên đánh giá là rất phù hợp/rất cần thiết.

Tài liệu tập huấn: Đánh giá của người học về cấu trúc, văn phong trong tài liệu và nội dung tài liệu ở mức rất phù hợp/rất cần thiết (chiếm 79.4%), mức phù hợp và cần thiết (chiếm 20.6%). Không có học viên nào đánh giá tài liệu tập huấn không phù hợp về nội dung/không cần thiết. Một số giải thích cho đánh giá này của học viên được:

+ Học lí thuyết song song với thực hành.

+ Nội dung gần gũi, liên hệ với bài thực tế trong chương trình, giúp GV liên hệ thực tế với môn học mình phụ trách giảng dạy, phù hợp với phương pháp, kĩ thuật giảng dạy GDBVĐVHD.

Các học viên cũng đã chỉ ra một số minh chứng cho mức độ rất phù hợp/rất cần thiết của nội dung tập huấn, như: rất phù hợp với tình hình thực tế; trang bị cho người học khái niệm thực trạng về ĐVHD; định hướng một số mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD, cung cấp thông tin về một số biện pháp truyền thông hiệu quả đối với giáo dục bảo vệ ĐVHD; giúp học viên nắm được nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD, từ đó xây dựng kế hoạch dạy học môn học có tích hợp giáo dục bảo vệ ĐVHD để giáo dục ý thức, hành vi của HS.



Hình 10. Đánh giá về nội dung tập huấn

Như vậy, về kiến thức, học viên sau khóa tập huấn đã nắm khá đầy đủ và đúng so với mục tiêu khóa tập huấn đề ra.

- Về kĩ năng: Học viên đã được thực hành cá nhân, thực hành theo nhóm ở nhiều nội dung trong khóa tập huấn và các sản phẩm, những phần báo cáo, chia sẻ thông tin của học viên cho thấy họ đã thu nhận được những kiến thức cơ bản, chủ đạo của vấn đề tập huấn đồng thời học viên đã có kĩ năng thực hiện từng bước trong quy trình xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, xây dựng kế hoạch truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho khu vực Tây Nguyên.

- + “*Biết cách tổ chức và triển khai các hoạt động mà cô giáo giảng trên lớp.*”
- + “*Biết cách đánh giá thực trạng và vận dụng phù hợp với điều kiện của trường lớp*”
- + “*Áp dụng được vào trong quá trình lập kế hoạch truyền thông của nhà trường*”
- + “*Dựa vào cách thức và hướng dẫn này, CBQL, GV có thể thiết kế các mô hình giáo dục phù hợp với địa phương, với chính trường và địa phương của mình*”

- Về thái độ và định hướng sau khóa tập huấn:

Người học có nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về vấn đề và trách nhiệm của bản thân trong việc GDBVĐVHD

Sau khóa tập huấn, học viên có nhận xét kết quả thu được:

+ Học viên nắm được một số kiến thức cơ bản về tổ chức giáo dục bảo vệ ĐVHD cho học sinh, xác định được đặc điểm tâm sinh lí và trình độ của học sinh.

+ Biết được cách thiết kế các tình huống, các phương pháp, hình thức tích hợp nội dung GDBVĐVHD phù hợp với từng môn học và hoạt động giáo dục.

+ Giúp CBQL và GV nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức mô hình giáo dục phù hợp với điều kiện địa phương.

+ Thông qua các bài học, GV chủ động tích cực lồng ghép các nội dung tích hợp phù hợp để GDBVĐVHD.

+ Bắt đầu thay đổi được nhận thức của CBQL, GV về hoạt động GDBVĐVHD để chú trọng triển khai ở trường học.

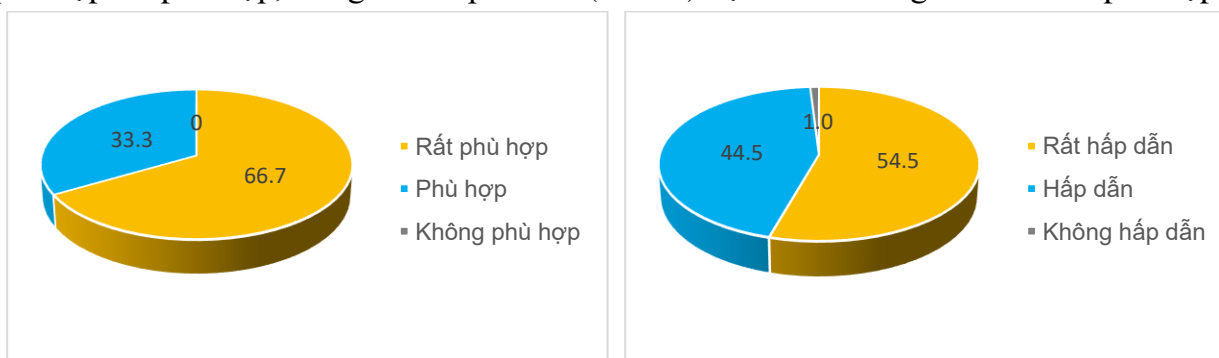
+ Học viên về sẽ bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL, GV trong tỉnh thiết kế kế hoạch GDBVĐVHD, hỗ trợ giám sát công tác GDBVĐVHD ở địa phương.

+ Giúp CBQL có được công cụ để kiểm tra, đánh giá xác thực việc tổ chức dạy và học nội dung GDBVĐVHD trong các bài/môn và hoạt động giáo dục.

+ Giúp nhà trường triển khai giảng dạy nội dung giáo dục địa phương có liên quan đến Giáo dục BVĐVHD theo đặc thù của khu vực Tây Nguyên

2.4.2. Về phương pháp tập huấn

Về mức độ phù hợp, tất cả (100%) học viên đều đánh giá phương pháp tập huấn là phù hợp/rất phù hợp, trong đó hai phần ba (66.7%) học viên đánh giá ở mức rất phù hợp.



Hình 11. Đánh giá về phương pháp tập huấn

- Phương pháp tập huấn: Học viên đánh giá cao về tác phong và PP tập huấn của giảng viên.

Về mức độ hấp dẫn, hầu hết (99.0%) học viên đánh giá phương pháp tập huấn là hấp dẫn/rất hấp dẫn. Tuy vậy, vẫn còn một số rất ít (1.0%) học viên cho rằng phương pháp không hấp dẫn.

Quan sát học viên nhóm giảng viên nhận thấy học viên hứng thú tham gia, cởi mở chia sẻ thông tin và những sản phẩm như trên phân tích và HV nộp lại đã cho thấy PP tập huấn nhóm áp dụng là phù hợp và hiệu quả.

Phương pháp tập huấn được học viên đánh giá rất phù hợp (chiếm 66,7%) và phù hợp (chiếm 33,3%).

Phương pháp tập huấn rất hấp dẫn (54.5% học viên đánh giá), hấp dẫn (46,5% học viên đánh giá). Chỉ có 1% học viên đánh giá phương pháp tập huấn không hấp dẫn.

2.5. Một số phát hiện qua hoạt động tập huấn

1. Việc phát tài liệu sau khi kết thúc buổi học 1 đã giúp học viên động não, tích cực trao đổi thảo luận, tư duy về những vấn đề chung về giáo dục BVĐVHD và phát triển năng lực bảo vệ ĐVHD cho học sinh, sau đó trao đổi lại với giảng viên tỏ rõ tính hiệu quả khi kết quả cho thấy học viên hiểu vấn đề hơn hoặc đã giúp giảng viên nhận ra học viên đang hiểu như thế nào và cần hỗ trợ họ ra sao- do đó cách làm này tiếp tục được duy trì và phát huy ở những lớp tập huấn tiếp theo.

2. Giảng viên chú ý phân tích kĩ lí thuyết *BV ĐVHD* và *GD BV ĐVHD* giúp học viên nâng cao hiểu biết về các loài ĐVHD, sự cần thiết và những giải pháp BV ĐVHD và yêu cầu học viên vận dụng lí thuyết vào *Xây dựng mô hình GD BVĐVHD trong trường tiểu học/trung học khu vực Tây Nguyên* hướng dẫn học viên xác định được mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết về GD BVĐVHD có thể áp dụng ở các trường trung học khu vực Tây Nguyên. Cách làm này đã giúp học viên hiểu lí thuyết kĩ hơn và đây cũng là cơ hội để giảng viên phát hiện những chỗ học viên chưa hiểu rõ, làm chưa đúng để điều chỉnh thông qua việc vận dụng lí thuyết vào thực hành.

3. Các nội dung thuộc module 3, 4 học viên hiểu và thực hành tốt tuy nhiên đối với module 4 - *tổ chức hoạt động truyền thông về GD BV ĐVHD trong trường tiểu học/trung học khu vực Tây Nguyên*, học viên cần có thêm thời gian để tổ chức thực hành xây dựng và tổ chức hoạt động truyền thông cho học sinh, rút kinh nghiệm theo nhóm đồng thời giảng viên cũng có nhiều thời gian hơn để phản hồi góp ý kĩ hơn với từng nhóm vì mỗi nhóm xây dựng mô hình truyền thông theo các khối lớp khác nhau, nội dung đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ nhận thức học sinh.

4. Học viên đến từ các tỉnh thành khác nhau nên thực tiễn địa phương về bảo vệ ĐVHD rất phong phú, đa dạng gắn với điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái của từng địa phương vì vậy khi xây dựng nội dung GDBVĐVHD phải phù hợp với nội dung bài học và thực tế địa phương vì vậy các chuyên gia tập huấn có kiến thức sâu và am hiểu về điều kiện tự nhiên của khu vực Tây Nguyên.

Kết luận:

- Như vậy với các phân tích và minh chứng nêu trên đã chứng tỏ tài liệu và việc triển khai tập huấn đảm bảo tính chân thực, tính phù hợp và tính hiệu quả.

- Bên cạnh những mục tiêu đề ra, qua phản ánh của người học, khóa tập huấn còn đạt được những kết quả tích cực khác:

+ Học viên phản ánh qua quá trình học họ có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các tỉnh bạn

+ Học viên có cơ hội trải nghiệm kĩ năng làm việc nhóm, chia sẻ ý kiến.

+ Học viên học hỏi cách tổ chức tập huấn từ các giảng viên

- Dựa trên thông tin góp ý từ học viên đồng thời qua quan sát đánh giá của nhóm giảng viên, tài liệu và PP tập huấn đã tiếp tục được điều chỉnh và hoàn thiện hơn với mục đích giúp người học tiếp thu và thực hành hiệu quả hơn.

PHẦN III.

THỬ NGHIỆM CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN

Sau khi tổ chức tập huấn, nhóm NC đã phối hợp với CBQL và GV triển khai hoạt động giáo dục BV ĐVHD tại các địa phương của khu vực Tây Nguyên. Để đánh giá tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn của các mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở trường phổ thông khu vực Tây Nguyên, trong thời gian từ 05-30/10/2023 nhóm NC đã tổ chức thử nghiệm các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã tại các trường TH, THCS, THPT của hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk. Nội dung thử nghiệm bao gồm: (1) tổ chức dạy học tích hợp; (2) tổ chức hoạt động giáo dục dựa vào cộng đồng và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; (3) tổ chức hoạt động truyền thông.

Các trường tham gia thử nghiệm bao gồm:

- Tại Lâm Đồng: trường TH Phan Như Thạch, trường THCS&THPT Đa Nhim.
- Tại Đắk Lắk: Trường Tiểu học Quang Trung – Thị xã Buôn Hồ; Trường THCS Hồ Tùng Mậu – huyện Buôn Đôn; Trường THPT Lê Quý Đôn.

Mục đích thử nghiệm:

- Đánh giá tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn của các mô hình (thông qua việc thử nghiệm dạy học và thử nghiệm tổ chức một số hoạt động giáo dục) và hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã ở các trường phổ thông khu vực Tây Nguyên
- Đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ số khi đánh giá mô hình thông qua bộ tiêu chí đánh giá mô hình
- Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, những điều kiện để triển khai hiệu quả các hoạt động GDBVĐVHD trong thực tiễn.

Sau đây là một số kết quả nổi bật của hoạt động thử nghiệm.

I. THỬ NGHIỆM DẠY HỌC

1. Nội dung dạy học tích hợp

Căn cứ mô hình bảo vệ động vật hoang dã thông qua các hoạt động dạy học tích hợp trong nhà trường phổ thông, các cơ sở giáo dục đánh giá tình hình GDBV ĐVHD của trường mình: xác định mục tiêu tích hợp bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường, nhu cầu thực tế địa phương về giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho nhà trường phổ thông và chương trình giáo dục của nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo, tổ chức đến các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, trong đó có lựa chọn chủ đề tích hợp GDBV ĐVHD; phương pháp dạy học tích hợp GDBV ĐVHD; phương tiện, cơ sở vật chất tổ chức tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD; phân tích chương trình môn học; Thiết kế kế hoạch bài học; (3) Tổ chức các hoạt động dạy học và (4) Kiểm tra đánh giá.

Các bài dạy tích hợp cụ thể như sau:

- Tại Đắk Lắk:

- Trường Tiểu học Quang Trung – Thị xã Buôn Hồ, đã lựa chọn xây dựng KHBD: “Động Vật cần gì để sống”; Môn Khoa học – Lớp 5, do GV Phạm Thị Thu Thủy thực hiện.

- Tại trường THCS Hồ Tùng Mậu – huyện Buôn Đôn, đã lựa chọn xây dựng KHBD: “Bảo vệ ĐVHĐ ở Đắk Lak” – Bài 14, Lớp 6. GV thực hiện: Đỗ Thu Hiền

- Tại Lâm Đồng:

- Trường TH Phan Như Thạch: Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, bài Thế giới động vật quanh em

- Trường THCS Đa Nhim: Môn KHTN lớp 6, chủ đề Đa dạng thế giới sống, bài Phân loại thế giới sống.

- Trường THPT Đa Nhim: môn Sinh học lớp 12, bài dạy Hệ sinh thái (GV Nguyễn Thị Thanh Loan).

2. Kết quả dạy học tích hợp

Qua các tiết dạy thử nghiệm, có thể rút ra một số nhận định sau:

GV đã sử dụng một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đa dạng, phong phú, sử dụng học liệu phù hợp. Có những hoạt động sáng tạo, tạo được hứng thú học tập cho HS (cho HS lựa chọn vị trí đẹp nhất để thực hiện hoạt động khởi động).

HS và GV có sự hợp tác và tương tác khá hiệu quả, GV và HS phối hợp nhuần nhuyễn chứng tỏ đã có sự thực hiện thường xuyên. Nhà trường nói chung và GV nói riêng đã quan tâm đến GD nói chung và GD ĐVHĐ nói riêng; GV trang trí bảng và chuẩn bị KHBH chu đáo, phù hợp với đối tượng HS;

Ý kiến của GV dạy thử nghiệm: trước đây GV đã có kinh nghiệm trong tổ chức dạy học tích hợp nhưng chủ yếu GD BVMT chưa thể hiện được các HĐ GV BVĐVHĐ; nếu HS được GD BVĐVHĐ một cách hệ thống và xuyên suốt từ lớp 1-12 sẽ thì sẽ có nhiều cơ hội GD cho HS ý thức tốt và tuyên truyền trong cộng đồng.

Theo nhận định của đại diện BGH nhà trường: GV đã thực hiện được các nội dung cần truyền tải và sử dụng hiệu quả một số phương pháp dạy học tích cực; vận dụng các phương pháp dạy học tích cực cho HS hoạt động thông qua việc sử dụng video, phù hợp với đối tượng HS, việc để cho HS tự ĐG, tuyên truyền sẽ hiệu quả hơn; GV đã đạt đc mục tiêu đã đề ra;

Dưới đây là một số hình ảnh về tiết dạy

- Trường TH Quang Trung, thị xã Buôn Hồ:

1. Hoạt động khởi động



2. Hoạt động hình thành kiến thức



HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập từ GV



HS hợp tác và tích cực tham gia hoạt động nhóm

HS nhận xét kết quả HĐ nhóm của các nhóm khác (ĐG đồng đẳng)

3. Hoạt động tổng kết, đánh giá



GV đánh giá kết quả làm việc của HS cuối giờ dạy

Học sinh lớp 6 Trường THCS Hồ Tùng Mậu hào hứng tham gia tiết học “Bảo vệ Động vật hoang dã ở Đắk Lắk”

1. Hoạt động khởi động



2. Hoạt động hình thành kiến thức

I. ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở ĐẮK LẮK

Tỉnh Đắk Lắk là một trong những vùng đất rừng phong phú và đa dạng sinh học ở Việt Nam. Theo báo cáo của Ban quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên tỉnh Đắk Lắk, hiện nay có khoảng 500 loài động vật sống trong rừng tỉnh Đắk Lắk, bao gồm nhiều loài quý hiếm và đang bị đe dọa. Các loài động vật này bao gồm động vật có vú, chim, bò sát, ếch, cá và các loài côn trùng.



I. ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở ĐẮK LẮK

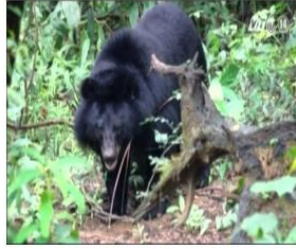


I. ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở ĐẮK LẮK



Đàn Trâu rừng

I. ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở ĐẮK LẮK



3. Hoạt động luyện tập

I. ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở ĐẮK LẮK

Các nhóm hoàn thành bảng dưới.

Thú	Chim	Bò sát	Cá
Voi, Khỉ, bò rừng, heo rừng, hổ...	Chim phượng, hoàng đất, chào mào, vẹt(kết), gà lôi, trĩ đại bang, cò...	Cá sấu, kì đà, rắn,tắc kè, rùa...	Cá lăng, mõm trâu, trạch, sọc dưa, cá bóng ...

4. Hoạt động vận dụng

VẬN DỤNG

Thiết kế pano, poster vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.

Tại trường THPT Đa Nhim, GV đã tổ chức học theo trạm, mỗi 1 trạm HS sẽ thực hiện nhiệm vụ khác nhau. HS nhận vé tàu từ GV, những học sinh có cùng 1 lịch trình sẽ là 1 nhóm. Khi tiếng còi tàu vang lên là thời gian hoạt động nhiệm vụ ở trạm đó kết thúc và HS phải di chuyển đến trạm tiếp theo trong lịch trình của mình. Tên của mỗi trạm là tên của 1 vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn tại địa phương.

Ví dụ: Trạm ma rừng Lữ Quán 2

GV yêu cầu học sinh sử dụng bảng mã morse, để tìm những thông điệp ẩn sau những bức tranh

Bảng mật mã morse

A	· —	N	— ·	1	— — — —	?	· · — — — —
B	— · · ·	O	— — — —	2	· — — — —	!	· — — — —
C	— · — · ·	P	— · — —	3	· · — — —	,	· — — — —
D	— · · ·	Q	— — — ·	4	· · · —	.	— — — —
E	·	R	— · — ·	5	· · · ·	;	· — — — —
F	· · — —	S	· · ·	6	— · · ·	:	· · — — —
G	— — ·	T	—	7	— — · ·	+	· — — —
H	· · · ·	U	· — —	8	— — — ·	-	— — — —
I	· ·	V	· · — —	9	— — — —	/	· · — — —
J	— — — —	W	· — — —	0	— — — —	=	· · — — —
K	— · — —	X	— · — —				
L	· — — ·	Y	— — — ·				
M	— — —	Z	— — · ·				

Bức tranh

Thông điệp

MÃ MORSE LÀ GÌ???



—●— ●●— ●— —●/ —●●●● ●/ ●●— —
 — ●●/ —●● ●— —● —●●● ●●/
 ●●● ●●— —●—/ —●● ●● ●— —/ —●● ●
 — —● ●●●●



— ●/ —●● ●● ●— —●—/ ●— —● ●—
 ●●●— ●—/ ●●●— ●● ● —/ —● ●— —/ —
 —●● ●— / — ●●— —●— ●—/ —●—●
 ●●●● ●●— —● —●



●●●● ●— —●—/ —●—● ●●●● ●●— —●
 —●/ — ●— —●—/ —●●● ●— —/ —
 ●●●— ●/ —●● ——— —● ———/ ●●●— ●—
 —/ ●●●● ——— ●— —● ———/ —●● ●—

3. Một số vấn đề đặt ra

Qua việc xây dựng và triển khai KHDH, GV cho biết còn gặp một trong số khó khăn về thiết kế KHBH, tuy nhiên GV đã có sự phối hợp chặt chẽ với CBNC để linh hoạt lựa chọn chủ đề để tổ chức DH tích hợp GDBV ĐVHD; về CSVC còn hạn chế.

Theo nhận định của đại diện Sở GD&ĐT: ở giai đoạn trước địa phương được tham gia HĐ BV ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng; GV thiết kế KHBH chu đáo, có thể tích hợp ở một số nội dung trong bài dạy, ko nhất thiết chỉ 1 nội dung vận dụng;

Nhận định của tổ trưởng tổ KHTN: KHBD cũng như các HĐ được tổ chức trong tiết dạy đã đáp ứng được mục tiêu của môn học cũng như mục tiêu về GDBV ĐVHD; hoạt động của thầy và trò trong tiết dạy được tổ chức và diễn ra nhịp nhàng; đã góp phần phát triển được năng lực và phẩm chất của HS; việc sử dụng một số tư liệu dạy học và hình ảnh minh họa khá phù hợp; HS được tích cực, chủ động và thoải mái thực hiện các HĐ, nhiệm vụ của GV, GV đã có động viên khuyến khích kịp thời; khuyến khích thêm HS bằng 1 tràng vỗ tay; GV tạo được các cơ hội cung cấp nhiều thông tin, song cần nhấn mạnh thêm thông tin về 1 số loài trong danh sách đỏ; HS hợp tác và phối hợp thực hiện nhiệm vụ khá tốt, GV có các hướng dẫn, động viên khích lệ kịp thời; tạo được một số cơ hội rèn thêm cho HS kỹ năng thuyết trình; trình bày, thiết kế bài trình bày có bố cục hợp lý, sáng tạo; khi cho HS quan sát video cần đưa ra các yêu cầu và đề nghị HS đưa ra nhận xét,

Nhận định của chuyên gia: Cần lập danh sách và phân loại về phân lớp động vật hoang dã (động vật có nguy cơ tuyệt chủng, động vật ở dạng báo động đỏ,...) cho HS, lưu ý một số động vật hoang dã và khác gần gũi với HS; khai thác thêm thông tin; ...

Tọa đàm với GV THPT cho biết: Có thể tích hợp GDBV ĐVHD ở một số môn học khác (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Sinh học,...); Lợi thế trong tổ chức GDBV ĐVHD: một số trường thuộc khu vực bản Đôn nên có lợi thế để nâng cao nhận thức cho HS; phối hợp với cộng đồng và chuyên gia tại Vườn Quốc gia Cát Tiên; tổ chức các cuộc thi, sân khấu hóa; đưa HS vào VQG để trải nghiệm về HĐ BV ĐVHD

II. THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Nội dung và hình thức tổ chức

Căn cứ vào mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã thông qua các hoạt động giáo dục và hoạt động dựa vào cộng đồng trong nhà trường phổ thông, các trường tại 2 địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh đa dạng, cụ thể:

- Tại Đắc Lắc
 - Trường TH Quang Trung: tổ chức Hội thi vẽ tranh tuyên truyền về GDBVĐVHD
 - Trường THCS Hồ Tùng Mậu: tổ chức sinh hoạt chuyên đề với chủ đề “Chung tay bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên (bao gồm các HĐ tuyên truyền, vẽ tranh, thuyết trình,...)
 - Trường THPT Lê Quý Đôn: tổ chức Lễ tổng kết và trao giải cuộc thi Tuyên truyền giáo dục bảo vệ ĐVHD (cuộc thi kéo dài trong vòng 3 tuần, có sự phối hợp của chính quyền địa phương).
- Tại Lâm Đồng:
 - Trường TH Phan Như Thạch: tổ chức HĐ tập thể Chung tay bảo vệ ĐVHD cho toàn bộ HS khối 4, gồm các HĐ: diễn tiểu phẩm, thi Rung chuông vàng, vẽ tranh và thuyết trình theo trạm, kí cam kết,...
 - Trường THCS Đa nhim: tổ chức Hội thi Rung chuông vàng với chủ đề Bảo vệ ĐVHD
 - Trường THPT Đa Nhim: tổ chức Diễn đàn Tuyên truyền bảo vệ ĐVHD, có sự tham gia của Chuyên gia đến từ vườn QG Biduop Núi Bà.

2. Kết quả thử nghiệm

Căn cứ mô hình bảo vệ động vật hoang dã dựa vào hoạt động trải nghiệm (ở trường Tiểu học), hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (ở trường THCS và THPT) và hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông, CBQL và GV của các CSGD căn cứ mục tiêu GD BV ĐVHD dựa vào HĐTN/ HĐGD, đồng thời phối hợp với CMHS tìm nguồn kinh phí, ưu thế về CSVC, nguồn lực để lựa chọn và thiết kế HĐTN/ HĐGD; CBQL và GV của CSGD xác định tổ chức HĐTN/ HĐGD theo hình thức nào, nội dung của HĐTN/ HĐGD là gì? Cần sử dụng phương tiện CSVC nào, số lượng bao nhiêu. Mỗi HĐ trên đều được lập kế hoạch chi tiết (thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, đơn vị phối hợp, tài trợ

(nếu có), nội dung của HĐTN liên quan đến nhận thức hay hành vi GDBV ĐVHD,...) trước khi tổ chức thực hiện, lưu ý đến độ an toàn cho các đối tượng tham gia. Việc kiểm tra đánh giá được làm thường xuyên để nhằm mục đích rà soát điều chỉnh và cần đảm bảo HĐ được diễn ra thường và liên tục.

Các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã được tổ chức tại các nhà trường đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và tăng cường hành động để bảo vệ các loài ĐVHD, đặc biệt là các loài ĐVHD quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng tại khu vực Tây Nguyên. Các HĐ được tổ chức với các hình thức đa dạng, hấp dẫn, có sự đầu tư của toàn nhà trường, đặc biệt đây đều là những hình thức tổ chức lần đầu được các trường trực tiếp thực hiện (trước đây thường mời các chuyên gia về nói chuyện), nên qua các HĐ này nhà trường đã có nhiều kinh nghiệm tốt để tổ chức các HĐ tiếp theo được hiệu quả.

Mỗi hoạt động giáo dục là một thông điệp gửi đến cho tất cả các đối tượng tham gia về ý thức và hành động để chung tay bảo vệ ĐVHD. Chẳng hạn, thông điệp được truyền đi tại Lễ tổng kết của trường THPT Lê Quý Đôn:

Chương trình truyền thông bảo vệ động vật hoang dã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và tăng cường hành động để bảo vệ các loài động vật quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng. Như chúng ta đã thấy, động vật hoang dã đang phải đối mặt với nhiều thách thức từ sự suy giảm môi trường sống, săn bắt trái phép và buôn lậu. Qua các chương trình như thế này tôi muốn nói rằng chúng ta không những hãy nói hãy tuyên truyền mà mỗi người trong chúng ta phải nhận thức rõ công tác giáo dục nhận thức của công chúng. Lan tỏa thông điệp về tầm quan trọng của bảo vệ đi đôi với bảo tồn động vật hoang dã bằng hành động của chính chúng ta.

Đến đây chương trình truyền thông bảo vệ động vật hoang dã của trường THPT Lê Quý Đôn xin được được phép kết thúc. Kết thúc là kết thúc buổi truyền thông của chúng ta nhưng việc bảo vệ các loài động vật sẽ còn mãi về sau. Bảo vệ - Bảo tồn là còn mãi. Xin chân thành cảm ơn các đại diện các cơ quan ban ngành, cảm ơn các thầy cô giáo và các em học sinh đã đến với buổi truyền thông hôm nay. Xin kính chúc sức khỏe- hạnh phúc và thành đạt.

Một số hình ảnh về các hoạt động:





Để các hoạt động giáo dục về BVĐVHD được thực hiện có hiệu quả, bên cạnh sự chung tay của các thành phần trong nhà trường còn cần sự phối hợp của chính quyền địa phương, đặc biệt là các tổ chức, đơn vị đang thực hiện chức năng bảo vệ ĐVHD (vườn QG, khu bảo tồn, hạt kiểm lâm,...). Thực tế cho thấy các thành tố cộng đồng đã xuất hiện hầu hết trong các hoạt động của các trường tuy nhiên cần làm rõ hơn vai trò phụ huynh và cộng đồng, cụ thể: PH tham gia, hướng dẫn các con tham gia các chuỗi hoạt động do nhà trường tổ chức; Đại diện hội phụ huynh mỗi lớp cần nắm bắt rõ kế hoạch thực hiện các hoạt động GDBV ĐVHD và phổ biến lại cho các phụ huynh trong lớp để cùng nhau thống nhất thực hiện. Người này cũng đóng vai trò là điều phối viên của ban tổ chức để quản lý mỗi hoạt động trong chương trình đảm bảo chương trình diễn ra thuận lợi, không gián đoạn; PH có thể ủng hộ về mặt tinh thần hoặc vật chất theo tinh thần tự nguyện theo sự kêu gọi của nhà trường nhưng đáp ứng được nhu cầu của nhà trường tránh hiện tượng hỗ trợ vật dụng mà nhà trường không cần dẫn đến lãng phí không đáng có; Đại diện của các đoàn thể như đoàn thanh niên tham gia trong công tác tổ chức, lên kế hoạch thực hiện nhằm cùng với các GV triển khai mô hình GDBV ĐVHD cho HS kể cả trong thời gian nghỉ hè; Hội phụ nữ, hội nông dân, đại diện chính quyền địa phương có thể tham gia bằng vật chất hoặc tinh thần thông qua việc hỗ trợ về tài chính hoặc về cơ chế giúp các trường có cơ sở pháp lý và nguồn quỹ tài trợ để thực hiện mô hình GDBV ĐVHD. Khuyến khích các hội viên tham gia vào các hoạt động do nhà trường tổ chức giúp cho các hoạt động này trở nên sôi động và đạt được hiệu quả truyền thông tốt hơn khi những người dân trong cộng đồng cùng tham gia các hoạt động GDBV ĐVHD.

III. THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

1. Mục đích thử nghiệm

+ Thử nghiệm tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động truyền thông để điều chỉnh và hoàn thiện tài liệu phù hợp với đối tượng sử dụng và nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD tại khu vực Tây Nguyên.

+ Thử nghiệm công tác tổ chức hoạt động truyền thông về nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD phù hợp với điều kiện thực tiễn trong các nhà trường phổ thông tại khu vực Tây Nguyên.

+ Cung cấp cho HS phổ thông những kiến thức cơ bản về ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên: đặc điểm, vai trò, thực trạng những loài ĐVHD khu vực Tây Nguyên; công ước quốc tế, quy định của Việt Nam về bảo vệ ĐVHD; các biện pháp và hành động bảo vệ ĐVHD. Từ đó nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hình thành kỹ năng, thực hiện các hành vi phù hợp để bảo vệ ĐVHD.

+ Giúp HS phổ thông xác định và thực hiện được một số việc làm phù hợp và thiết thực mà HS có thể thực hiện nhằm bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên;

+ Tạo cơ hội khơi dậy niềm đam mê, khả năng sáng tạo của HS phổ thông với các sản phẩm truyền thông về bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức và vận động cộng đồng cùng chung tay bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

2. Đánh giá kết quả thử nghiệm

2.1. Các kết quả cụ thể:

2.1.1. Về việc lập kế hoạch truyền thông:

- Nhà trường đã lập được một bản kế hoạch cụ thể và tương đối đầy đủ cho hoạt động truyền thông theo đúng hướng dẫn.
- Xác định được mục tiêu phù hợp với hoạt động thử nghiệm và hoạt động truyền thông giáo dục bảo vệ ĐVHD;
- Lựa chọn được đối tượng tham gia (HS) phù hợp với mục tiêu truyền thông và thực tiễn, điều kiện tại nhà trường;
- Lựa chọn và xác định được hình thức truyền thông phù hợp với mục tiêu, thực tiễn của nhà trường và đối tượng tham gia truyền thông (phát huy các thế mạnh, thuận lợi sẵn có của nhà trường);
- Thiết kế được các hoạt động cụ thể với trình tự hợp lý và xây dựng kịch bản chi tiết cho từng hoạt động.
- Phân công nhiệm vụ cho các đối tượng chủ trì, chịu trách nhiệm chính, tham gia phối hợp, tổ chức thực hiện (Ban giám hiệu, đoàn, đội, tổ chuyên môn, cá nhân) một cách rõ ràng, cụ thể.

2.1.2. Về công tác chuẩn bị

Các nhà trường chuẩn bị các điều kiện cho hoạt động truyền thông một cách chu đáo, chuyên nghiệp, chi tiết, phù hợp, công phu và bài bản.

2.1.3. Mức độ hào hứng, tích cực tham gia hoạt động truyền thông của HS

Các em HS tham gia sôi nổi, hào hứng qua từng diễn biến của hoạt động, đặc biệt là cuộc thi vẽ tranh, thuyết trình, thiết kế video, tiểu phẩm, thi rung chuông vàng, diễn đàn tìm hiểu về chủ đề Chung tay bảo vệ ĐVHD; đặc biệt, HS rất hào hứng và sôi nổi, tích cực tham gia nhiệt tình trả lời các câu hỏi của thầy cô, ban giám khảo trong hoạt động sinh hoạt chuyên đề, xem video, thuyết trình về chủ đề bảo vệ ĐVHD;...HS tham gia rất nhiệt tình, hăng say nghe thầy, cô thuyết trình và hưởng ứng các hoạt động tuyên truyền được đưa ra.

- Trong chuyên đề: Tuyên truyền bảo vệ ĐVHD cho học sinh lớp 6 do thầy Đỗ Văn Dương thuyết trình, dẫn chương trình cùng toàn thể giáo viên tổ Khoa học tự nhiên tổ chức. Một lần nữa các em HS được lắng nghe và quan sát về tình hình các loài ĐVHD, trực tiếp được thi vẽ tranh giữa các đội, thực sự đây vừa mang tính giáo dục các em gần gũi với thiên nhiên, vừa là sân chơi bổ ích hướng các em biết yêu thương động vật, biết giữ gìn hệ sinh thái - cân bằng hệ sinh thái chính là trực tiếp bảo vệ cuộc sống con người. Vì vậy hoạt động truyền thông về BV ĐVHD cho học sinh là rất cần thiết, các em hoạt động rất hào hứng và sôi nổi, hiệu quả giáo dục cao về yêu các loài động vật, yêu thiên nhiên đến với các em một cách tự nhiên (GV trường THCS Hồ Tùng Mậu).
- HS chăm chú theo dõi các nội dung mà GV chia sẻ trong chuyên đề, tích cực tham gia trả lời các câu hỏi liên quan đến chủ đề. Đặc biệt, HS đã tích cực, chủ động, nhiệt tình tham gia vào công tác chuẩn bị cho cuộc thi vẽ về chủ đề “Ngôi nhà của các loài ĐVHD”. Đến với cuộc thi, 42 HS thuộc 7 đội đại diện cho 7 lớp khối 6, các em đã hào hứng tham gia, sau khi thảo luận và thống nhất ý tưởng, chủ đề và thông điệp cho bức tranh, HS trong đội bắt đầu vẽ, 6 thành viên trong đội chơi đều vẽ, tô đề nhanh chóng hoàn thành sản phẩm của mình. Đến phần thi thuyết trình, lần lượt đại diện từng đội lên thuyết trình chủ đề của bức tranh (GV trường THCS Hồ Tùng Mậu).

Một số chia sẻ của HS sau khi tham gia các hoạt động truyền thông thử nghiệm

- Sau khi HS ở Đăk Lăk tham gia cuộc thi, khi được hỏi các em có thích hoạt động này không. Đồng thanh tất cả HS tham gia cuộc thi đều hô to “có thích ạ”. Lý do các em đưa ra cũng rất đa dạng và nhiều cảm xúc để lí giải cho sự hào hứng đối với cuộc thi này:
 - ✓ “em thích cuộc thi vì em thích vẽ”,
 - ✓ “vì cuộc thi ý nghĩa và bổ ích”,
 - ✓ “em muốn nói lên “nỗi lòng” của các loài động vật vì môi trường sống của chúng đang bị con người xâm chiếm”,

- ✓ “em muốn gửi gắm thông điệp “hãy bảo vệ ĐVHD” đến tất cả mọi người”,
- ✓ “cuộc sống của các loài động vật thật sinh động”,
- ✓ “các con vật thật đáng yêu”,.....

(Ý kiến của HS Đắc Lắc)

- Học sinh rất hứng thú và say mê qua các hoạt động như tiết học, vẽ tranh, hoạt động tuyên truyền về bảo vệ ĐVHD (GV trường Tiểu học Quang Trung thị xã Buôn Hồ - Đắc Lắc).
- Được tham gia cuộc thi Rung chuông vàng, HS rất thích – giờ nghỉ trưa vẫn tiếp tục bàn tán sôi nổi: đây là con gì, câu nào đúng, câu nào sai (GV trường Tiểu học Phan Như Thạch – TP Đà Lạt, Lâm Đồng).
- HS xem video về các loài ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng và mất dần không gian sống, các em rất xúc động, các em phát biểu rằng rất thương các loài ĐVHD, “chắc là các con vật đau lắm phải không cô”? (HS trường Tiểu học Phan Như Thạch – TP Đà Lạt, Lâm Đồng).

2.2. Về tính hiệu quả của hoạt động truyền thông bảo vệ động vật hoang dã

Các GV tham gia đều đánh giá cao tính hiệu quả của các hoạt động truyền thông. Thông qua các hoạt động truyền thông GDBV ĐVHD, HS có lòng yêu mến với các loài động vật sinh sống xung quanh, gần gũi với con người; nâng cao hiểu biết, có thái độ và ý thức tích cực hơn trong việc bảo vệ các loài động vật nói chung và các loài ĐVHD nói riêng. Đặc biệt cần quan tâm nhất đến các con vật nằm trong sách đỏ, báo động nguy cơ tuyệt chủng, đặc biệt nhất là đối với loài Voi ở buôn Đôn hiện nay. Vì thế các em cũng đã tham gia vào các hoạt động tuyên truyền do nhà trường tổ chức.

Hoạt động tuyên truyền bổ sung thêm nhiều kiến thức bổ ích cho HS để từ đó HS nâng cao ý thức bản thân bảo vệ ĐVHD, giúp HS xác định được những biện pháp bảo vệ ĐVHD và những hành động phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ ĐVHD.

Sau khi tham gia các hoạt động truyền thông, HS cũng sẽ hình thành và phát triển các kỹ năng truyền thông cơ bản để các em sẽ tiếp tục tuyên truyền tới các bạn HS, bố mẹ, người thân và người dân trong cộng đồng về bảo vệ ĐVHD.

Một số ý kiến chia sẻ của GV sau khi tổ chức và tham gia các hoạt động truyền thông thử nghiệm

- Theo tôi, hoạt động truyền thông GDBV ĐVHD mà tổ Khoa học tự nhiên vừa tổ chức mang lại hiệu quả cao nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh cũng như cộng đồng về bảo vệ các loài ĐVHD, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam (GV Trường THCS Hồ Tùng Mậu - huyện Buôn Đôn - Đắc Lắc).

- *Các em học sinh hiểu biết hơn về các loài ĐVHD là những loài như thế nào?, môi trường sống của các loài đang bị đe dọa, bị thu hẹp; ... Từ đó, các em có ý thức bảo vệ và bảo tồn ĐVHD (GV trường Tiểu học Quang Trung - thị xã Buôn Hồ - Đắk Lắk).*
- *Đây là sân chơi bổ ích để các em HS nâng cao hiểu biết về ĐVHD, thể hiện được tài năng và sở thích của bản thân; ... (GV trường THPT Lê Quý Đôn - Tp Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk).*
- *HS đa số là người bản địa, cuộc sống người dân gắn liền lâu đời với nương rẫy, cuộc sống gắn bó với rừng. Phụ huynh HS chưa nhận thức được về vai trò của đa dạng sinh học do đó cần tuyên truyền lâu dài để người dân nhận thức dần dần. Vì vậy việc giáo dục này là vô cùng cần thiết (GV, Trường THCS&THPT Đạ Nhim, Lạc Dương, Đắk Lắk).*

2.3. Nhận xét về những hình thức truyền thông hiệu quả và phù hợp nhất trong việc giáo dục về bảo vệ ĐVHD đối với HS của nhà trường

Theo thực tiễn tổ chức, kinh nghiệm và kỹ năng, GV tại các trường thực nghiệm đã lựa chọn các hình thức truyền thông phù hợp với đối tượng HS. Đó là: trường tiểu học, trường THCS, nhà trường tổ chức cuộc thi vẽ tranh; đối với HS THCS, nhà trường có bổ sung thêm phần thi thuyết trình. Trước khi tổ chức hoạt động vẽ tranh, nhà trường đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề để trang bị cho HS những nội dung liên quan trực tiếp đến chủ đề ĐVHD. Đối với HS THPT, nhà trường tổ chức hoạt động truyền thông ở mức độ cao hơn, phức tạp hơn, đó là: cuộc thi thiết kế video, giao lưu, tọa đàm, ... tạo thành một chuỗi các hoạt động truyền thông.

Ngoài ra, GV trong các nhà trường cũng đánh giá rằng, các hình thức truyền thông có tính hiệu quả lâu dài là: Tuyên truyền lồng ghép BV ĐVHD trong các tiết dạy; Tuyên truyền thông qua các buổi HĐTN thực tế; tuyên truyền trên các trang mạng xã hội, ...

Ý kiến chia sẻ của GV về các hình thức truyền thông

- *Hình thức truyền thông trực tiếp kết hợp với hình thức truyền thông gián tiếp, kết hợp với các phương tiện truyền thông đại chúng vì truyền thông trực tiếp thông qua các hội nghị, hội thảo chuyên đề cung cấp các thông tin bổ ích nhằm nâng cao sự hiểu biết từ đó nâng cao được ý thức của HS sau đó ta sẽ dùng truyền thông đại chúng tuyên truyền thông qua truyền hình, phát thanh, trên mạng xã hội để nhân rộng ra toàn trường, bạn này tuyên truyền cho bạn khác từ đó hình thành một ý thức tự nhiên phải bảo vệ ĐVHD (GV trường THCS Hồ Tùng Mậu - huyện Buôn Đôn - Đắk Lắk).*
- *Hoạt động trải nghiệm là rất thu hút HS: giáo dục cảnh đẹp địa phương, đến các địa điểm phù hợp thì HS sẽ ghi nhớ sâu sắc hơn, có thêm trải nghiệm, bồi dưỡng về lòng yêu thương, nhân ái với con người, kể cả với động vật (GV trường THPT Phan Như Thạch, TP Đà Lạt, Lâm Đồng).*

- *Mỗi hình thức sẽ có những ưu thế riêng, tùy vào cách thức triển khai. Nhưng điều quan trọng nhất của các hình thức là: hoạt động nào chạm đến cảm xúc của HS, và hoạt động nào HS được tự tay làm thì các con sẽ hào hứng và nhớ lâu. Như tất cả hoạt động hôm nay của trường là do HS chuẩn bị: báo tường, cây cam kết: các em được tự vẽ, tự sưu tầm các hình ảnh, GV chỉ hỗ trợ, hướng dẫn (GV trường TH Phan Như Thạch, TP Đà Lạt, Lâm Đồng).*

2.4. Về tính lan tỏa của hoạt động truyền thông

Trường Tiểu học Quang Trung (thị xã Buôn Hồ): trên trang facebook đã có giới thiệu về đường link của trang facebook của nhiệm vụ là “Chung tay bảo vệ ĐVHĐ”. Còn hoạt động truyền thông về Bảo vệ ĐVHĐ tại trường được thực hiện đợt tháng 10 thì chưa đăng bài trên cả hai phương tiện này.

Trường THCS Hồ Tùng Mậu (huyện Buôn Đôn): Trên trang facebook của nhà trường: đăng video, đăng bài về hoạt động. Trên trang web nhà trường: đăng tin tiết dạy thử nghiệm chương trình Bảo vệ ĐVHĐ do cô giáo Đỗ Thu Hiền_ TT thực hiện

Trường THPT Lê Quý Đôn đã đăng video về Hoạt động Truyền thông Bảo vệ ĐVHĐ lên trang web của nhà trường, phát trực tiếp buổi lễ trao giải trên trang facebook của nhà trường.

Ý kiến chia sẻ của GV về tính lan tỏa của hoạt động truyền thông

- *Hoạt động này cần được lan tỏa nhiều hơn vì đây là nội dung rất ý nghĩa (GV trường TH Phan Như Thạch, TP Đà Lạt, Lâm Đồng).*
- *Hi vọng được lan tỏa nhiều hơn, tuyên truyền đến các trường khác, các cấp học khác (GV trường TH Phan Như Thạch, TP Đà Lạt, Lâm Đồng).*

3. Một số đề xuất, khuyến nghị sau thử nghiệm

3.1. Đề xuất, khuyến nghị

- Nhiều GV cần được tập huấn trực tiếp về việc tổ chức hoạt động truyền thông nói chung và hoạt động truyền thông GDBV ĐVHĐ nói riêng. Bên cạnh đó, cần mở rộng đối tượng tập huấn cho nhiều đối tượng đa dạng trong cộng đồng,... để nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi và ý thức BVĐVHĐ một cách có hiệu quả hơn và sức lan tỏa rộng rãi hơn.

- Cần có nguồn tài liệu về GDBV ĐVHĐ dùng trong trường học; nguồn tài liệu đa dạng, chính thống, hình ảnh, video, tư liệu,... để HS, GV và người dân trong cộng đồng dễ dàng tiếp cận, tham khảo, sử dụng.

- Tuyên truyền bảo vệ ĐVHĐ cần đồng bộ, toàn diện, thường xuyên, lâu dài, có kế hoạch, bài bản, chú trọng đến cách thức để đạt hiệu quả thực sự (tránh tình trạng tuyên truyền chỉ có tác dụng về mặt lý thuyết, hoặc tính phong trào, không giúp thay đổi hành vi của người dân một cách thực chất).

- Cần linh hoạt và đa dạng trong lựa chọn hình thức truyền thông, kết hợp truyền thông trực tiếp và truyền thông gián tiếp, phát huy tính lan tỏa nhanh chóng và sự hữu ích của mạng xã hội.

- Kinh bố trí phí hoạt động cần kịp thời và phù hợp.
- Cần có sự quan tâm hơn các cấp lãnh đạo để tổ chức các hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD tại trường học một cách hiệu quả. Đồng thời, chính sự tham gia của lãnh đạo địa phương sẽ có tác dụng làm gương và khích lệ tinh thần thực hành bảo vệ ĐVHD một cách thuyết phục.
- Tăng cường hơn nữa việc phối kết hợp giữa các địa phương, giữa các bên liên quan gồm nhà trường, cha mẹ HS, cộng đồng, cơ quan/ doanh nghiệp/ tổ chức phi chính phủ... trong công tác GDBV ĐVHD.
- Khuyến khích HS và cha mẹ các em cùng tham gia, cùng đề xuất, cùng thực hiện các hoạt động hoặc dự án truyền thông về GD BVĐVHD để tạo sự đồng thuận trong cả nhà trường và cộng đồng, trong mỗi gia đình.

3.2. Về hướng triển khai tiếp theo các hoạt động truyền thông bảo vệ ĐVHD tại nhà trường

- GV sẽ tiếp tục tham gia và tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông về GDBV ĐVHD ở các phạm vi khác nhau phù hợp với mục đích, đối tượng và nội dung.
- Duy trì và thường xuyên lồng ghép giáo dục BVĐVHD vào các môn học có khả năng tích hợp cao như Lịch sử, Địa lí, GDCD, đặc biệt là trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp... Nếu có điều kiện sẽ tổ chức các dự án, các buổi HĐ trải nghiệm, tham quan thực tế... để HS càng ngày có ý thức tốt hơn và có động lực thay đổi hành vi về BVĐVHD.
- Phát huy và sử dụng website, facebook của nhà trường để lan tỏa hoạt động truyền thông về GDBV ĐVHD.
- Đa dạng nội dung và hình thức truyền thông về BVĐVHD, như: về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Công ước Quốc tế và về thực trạng thực hiện các hành vi nghiêm cấm: săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm;....
- Tăng cường sự liên kết, phối hợp với các tổ chức làm việc về bảo vệ, bảo tồn ĐVHD (hoặc các cơ quan, doanh nghiệp) để huy động sự tham gia và khai thác các nguồn lực cho hoạt động truyền thông về bảo vệ ĐVHD tại địa phương.

IV. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG QUA THỬ NGHIỆM

1) Về vận hành Mô hình tổng thể giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên: Có thể thấy, tương về các hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và giáo dục bảo vệ ĐVHD nói riêng rất phong phú và đa dạng, có thể dễ dàng tra cứu trên mạng internet. Chỉ cần gõ từ khóa bảo vệ môi trường trên công cụ tìm kiếm có thể ra hàng triệu kết quả khác nhau trong vòng 1 giây dưới dạng hình ảnh, video, bài viết... Tuy nhiên mỗi hoạt động đều có ưu điểm và khuyết điểm riêng, nên không thể áp dụng dập khuôn, cứng nhắc mọi hoạt động vào mô hình giáo dục môi trường của nhà trường mà cần có sự ứng dụng linh hoạt, có sửa đổi để đảm bảo tính khả thi, tính phù hợp với hoàn cảnh của từng địa phương. Hơn nữa các hành động này phải được tính toán kỹ lưỡng trong kế hoạch hành động của nhà trường từ đầu năm về nhân lực, tài lực, vật lực.

Nhà trường cần tính toán kỹ lưỡng các hoạt động trong khoảng thời gian và nguồn tài chính cho trước, xác định các hoạt động cần nhân lực như thế nào, cần sử dụng không gian và máy móc, thiết bị ra sao. Nhà trường có đủ nguồn lực đó không, nếu thiếu phải đi mượn hoặc mua sắm mới như thế nào. Để thực hiện các hành động đó cần tiêu tốn hết bao nhiêu tiền mặt, nhà trường có nguồn quỹ dành cho hoạt động này không, nếu thiếu cần phải huy động thêm bao nhiêu từ nguồn xã hội hóa và huy động từ những cơ quan, tổ chức nào, tránh việc phải sử dụng nguồn quỹ chi thường xuyên của nhà trường vào các hoạt động nằm ngoài chương trình của Bộ Giáo dục và đào tạo.

2) *Về Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã dựa vào hoạt động tích hợp trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên*: GV đưa các nội dung GDBV ĐVHD tích hợp vào kế hoạch giảng dạy từ đầu năm học để chủ động phối hợp với phụ huynh. Với mỗi bộ môn khác nhau, các GV có thể khéo léo, linh hoạt lồng ghép các nội dung này vào chương trình giảng dạy do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành, loại bỏ quan điểm đây là nội dung của môn khoa học. Ngoài ra sự tích hợp này cần được thông qua bởi bộ môn đảm bảo tính khoa học, đồng bộ và thống nhất giữa các GV trong trường. Tuy nhiên, để đảm bảo tính phù hợp và tính cấp thiết, các GV cần cập nhật liên tục những vấn đề môi trường của địa phương làm ví dụ trực quan cho các em, tránh việc sử dụng một giáo án từ năm học này qua năm học khác để dẫn đến sự nhàm chán, không thu hút sự chú ý của HS cũng như PH.

3) *Về Mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã dựa vào hoạt động trải nghiệm/ hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên*: Các trường có kế hoạch từ đầu năm học. Kế hoạch hoạt động trải nghiệm cần được xây dựng bởi các GV, đại diện hội phụ huynh và các đoàn thể, chính quyền địa phương để người dân có thể đóng góp vào việc lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch. Kế hoạch hoạt động trải nghiệm cần đảm bảo tính linh hoạt, tính đơn giản, và tiết kiệm để có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tiễn, đảm bảo mọi người dân đều có thể nắm bắt được và quan trọng là phù hợp với nguồn lực tài chính của nhà trường.

4) *Về các hoạt động truyền thông GDBV ĐVHD*: Các hoạt động truyền thông cần được tiến hành thường xuyên nhằm lan toả các thông điệp và cung cấp các tư liệu phong phú cho các đối tượng. HĐ truyền thông được thực hiện qua nhiều hình thức: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu: các quy định của pháp luật, tính đa dạng sinh học của địa phương, của đất nước và những gương điển hình tiên tiến trong bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; thông qua nhiều hình thức như: thi viết, thi sáng tác nghệ thuật, thi sân khấu hóa. Tổ chức trưng bày: Tranh, ảnh, hiện vật... giới thiệu các loại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm và đa dạng sinh học của địa phương, đất nước. Tổ chức thêm nhiều hội thảo, chuyên đề hơn về bảo vệ ĐVHD cũng như bảo vệ môi trường và nhân rộng ra toàn trường;...

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Mảnh đất Tây Nguyên được biết đến với diện tích núi đồi đất đỏ bazan rộng lớn, những con sông đầu nguồn và các khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Nơi đây cũng là ngôi nhà chung của nhiều loài động vật quý hiếm được pháp luật Việt Nam bảo vệ như Hổ, Beo lửa, Báo, Bò tót, Bò rừng, Voọc chà vá chân đen, chim Công xanh, và đặc biệt là Voi - loài gắn liền với văn hóa Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung. Trong số đó có nhiều loài quý hiếm được xếp vào danh sách bảo vệ của thế giới. Tuy nhiên suốt thời gian dài tình trạng săn bắt chim thú liên tục xảy ra, làm cho số lượng giảm đáng kể, có một số loài đặc biệt quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Đã có rất nhiều giải pháp bảo tồn ĐVHD ở Tây Nguyên mà chính quyền địa phương đang áp dụng như cấm săn bắt, tuyên truyền phổ biến tác hại, lợi ích không đáng có của thịt thú rừng hay thành lập các VQG, bảo tồn môi trường sống, thả thú về rừng..., nghiên cứu tái thả lại tự nhiên một số loài quý hiếm như trăn và cá sấu sẽ có ý nghĩa to lớn đối với bảo tồn. Một trong những giải pháp hữu ích là tăng cường giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về ĐVHD khu vực Tây Nguyên và hướng dẫn các hoạt động giáo dục về giáo dục về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên phù hợp với việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

Chương trình GDPT 2018 được xây dựng theo tiếp cận năng lực. Năng lực BVMT nói chung và BVĐVHD nói riêng mặc dù không được xác định một cách tường minh trong Chương trình, nhưng những biểu hiện của năng lực này cho thấy đó là những nội dung rất được chú trọng trong nhiều môn học. Việc GD BVĐVHD cho HS ở khu vực Tây Nguyên có thể được thực hiện bằng nhiều con đường, phương thức khác nhau. Nhằm giúp CBQL và GV nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức dạy học đáp ứng mục tiêu GD BVĐVHD khu vực Tây Nguyên, nhiệm vụ được triển khai với các kết quả đã đạt được như sau:

- Xây dựng được mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên, nhằm cung cấp cho CBQL và GV một số phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD trong các nhà trường PT khu vực Tây Nguyên và những hướng dẫn cụ thể để triển khai trong thực tiễn
- Biên soạn được tài liệu về “Giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên” trình bày một số kiến thức cơ bản về bảo vệ ĐVHD; giới thiệu một số loài ĐVHD đặc trưng của Tây Nguyên và giải pháp bảo vệ một số loài ĐVHD ở Tây Nguyên.
- Tổ chức tập huấn giáo viên về giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên nhằm cung cấp kiến thức và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên (tích hợp vào nội dung giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm trong chương trình).
- Thiết kế và tổ chức các hoạt động truyền thông về giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên, tăng cường các kênh truyền thông nhằm lan toả mô hình và các hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên trong các nhà trường

- Tổ chức phối hợp các lực lượng trong và ngoài các nhà trường trong việc giáo dục bảo vệ ĐVHD ở Tây Nguyên, tăng cường các hoạt động trải nghiệm tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu du lịch,... nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm về bảo tồn, bảo vệ ĐVHD của HS.

Các tài liệu và các hoạt động đã được triển khai cụ thể xuống một số trường TH, THCS, THPT của 5 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên. Quá trình và kết quả tập huấn đã chứng minh tính khả thi của các tài liệu và việc triển khai tập huấn đảm bảo tính chân thực, tính phù hợp và tính hiệu quả. Học viên có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các đồng nghiệp, có cơ hội trải nghiệm kỹ năng làm việc nhóm, chia sẻ ý kiến, học hỏi cách tổ chức tập huấn từ các giảng viên. Đồng thời dựa trên thông tin góp ý từ học viên đồng thời qua quan sát đánh giá của nhóm giảng viên, tài liệu và PP tập huấn đã tiếp tục được điều chỉnh và hoàn thiện hơn với mục đích giúp người học tiếp thu và thực hành hiệu quả hơn.

Các sản phẩm băng hình các bài giảng minh họa và video về quá trình triển khai tập huấn và thử nghiệm các hoạt động tại nhà trường đã được chuẩn bị và xây dựng một cách bài bản, có tác dụng tham khảo hữu ích đối với các nhà quản lý và giáo viên trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục BV ĐVHD khu vực Tây Nguyên. Đặc biệt, kênh truyền thông **“Chung tay bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên”** qua facebook đã có sức lan toả lớn đến các nhà trường TH, THCS, THPT khu vực Tây Nguyên, nhiều bài viết và hình ảnh được đông đảo CBQL, GV và HS ủng hộ, chia sẻ.

Có thể nói, vì một môi trường sống lành mạnh và sự đa dạng hệ sinh thái nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng, việc bảo tồn, phát huy gìn giữ những loài ĐVHD là thực sự cần thiết với môi trường sống của chính con người. Vì vậy, hãy bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức, thái độ, kỹ năng và hành vi của mỗi cá nhân ngay từ tuổi học trò mà nhà trường là một môi trường giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt.

II. KHUYẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý

- Tạo điều kiện và cho phép tiếp tục nhân rộng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ theo các con đường và phương thức đã đề xuất, giúp cho đội ngũ CBQL và GV chủ động thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên.

- Có văn bản hướng dẫn nội dung và cách thức triển khai hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên trong việc triển khai kế hoạch năm học để giúp các nhà quản lý chỉ đạo và quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên hiệu quả.

- Có hình thức và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên; mở rộng yêu cầu và nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD khu vực Tây Nguyên đến các cấp học theo CTGDPT mới 2018.

2. Đối với các cơ sở giáo dục

Để việc giáo dục bảo vệ ĐVHD được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn, các cơ sở giáo dục cần thực hiện tốt một số hoạt động sau:

- Triển khai các mô hình, phương thức giáo dục bảo vệ ĐVHĐ cho học sinh phổ thông được đề xuất trong tài liệu phù hợp với từng cấp học, lớp học và đối tượng học sinh.

- Quản lý tốt quá trình giáo dục bảo vệ ĐVHĐ cho học sinh trong các môn học và hoạt động giáo dục, tạo nên một hệ thống quản lý đồng bộ, tổng thể, góp phần triển khai có hiệu quả những định hướng và giải pháp chung, đồng thời chú ý đến các đặc điểm địa phương và các điều kiện thực tế của nhà trường.

- Ban giám hiệu nhà trường cần quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện (về thời gian, thiết bị dạy học, tài liệu,...) để giáo viên, học sinh luôn có ý thức và thường xuyên dạy và học nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHĐ khu vực Tây Nguyên. được tích hợp vào những môn những bài phù hợp sao cho có hiệu quả. Duy trì và thường xuyên lồng ghép giáo dục BVĐVHĐ vào các môn học có khả năng tích hợp cao như Tự nhiên và Xã hội, KHTN, Sinh học, nội dung giáo dục địa phương, Ngữ văn,...

- Khuyến khích GV sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp dạy học dựa trên tình huống tình huống và những PPDH phù hợp với các tình huống dạy học trong quá trình dạy học các môn học nói chung và giáo dục bảo vệ ĐVHĐ khu vực Tây Nguyên. nói riêng.

- Xây dựng môi trường thân thiện ở tất cả các cấp học, lớp học tại các địa phương, nhằm tạo cơ hội cho học sinh được trải nghiệm sự gần gũi với môi trường tự nhiên, nơi những loài ĐVHĐ có thể là bạn thân thiết của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, (2011), *Báo cáo quốc gia về Đa dạng sinh học*
2. Lê Mạnh Hùng, 2012. *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
3. Đỗ Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Bình, Trần Văn Quang, (2014), *Bảo vệ ĐVHD – Hướng dẫn tích hợp vào môn sinh học lớp 7* (sách giáo viên).
4. Đỗ Thị Thanh Huyền, (2015), *Chuyện của Gab* (sách dành cho học sinh).
5. Đỗ Thị Thanh Huyền, 2016. *Giáo dục bảo tồn biển Côn Đảo, Hướng dẫn thực hiện hoạt động với học sinh cấp 2*, Tổ chức bảo vệ ĐVHD (WAR), Nhà xuất bản Phương Đông.
6. Nguyễn Vũ Khôi. 2014. *Danh lục bằng hình ảnh các loài thú, bò sát, lưỡng cư tại khu vực Ba Hòn, Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
7. Lê Văn Lanh, Sầm Thị Thanh Phương, Bùi Xuân Trường, (Trung tâm Vườn quốc gia, Hội các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên VN) (2006), *Giáo dục môi trường – Tài liệu dành cho giáo viên và học sinh THCS*, NXB Giáo dục.
8. Nguyễn Tuyết Nga, (2016), *Giáo dục bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam qua hoạt động ngoài giờ lên lớp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Dự án PARC – Vườn quốc gia Yok Đôn, Đak Lak, (2003), *Bộ Tài liệu giáo dục môi trường dành cho học sinh Tiểu học và THCS* (từ lớp 3 đến lớp 9) thuộc Chương trình Giáo dục môi trường.
10. Dang Huy Phuong, Nguyen Quang Truong, Nguyen Truong Son & Nguyen Vu Khoi. 2007. A photographic guide to Mammals, Reptiles and Amphibians of Phu Quoc Island, Kien Giang Province, Vietnam. Ho Chi Minh City General Publishing House.
11. Qihe Yanga, Huiying Zhub, and Hesheng Yang, 2018, *An Investigation on Wildlife Protection Consciousness of Middle School Students in Meizhou City, South China*. The 4th Annual 2018 International Conference on Management Science and Engineering (MSE2018).
12. Tổ chức quốc tế đối xử nhân đạo với động vật (HSI), Bộ GD-ĐT, Bộ NN-PTNT (2019), *Bộ tài liệu giáo dục bảo tồn ĐVHD bị đe dọa tuyệt chủng cho học sinh tiểu học*.
13. Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Gaia và Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An, (2018), *Em yêu Cù lao Chàm* (sách dành cho học sinh).
14. Bùi Xuân Trường, Đỗ Thị Thanh Huyền, Sầm Thị Thanh Phương, (2020), *Sổ tay giáo dục truyền thông bảo tồn ĐVHD – Hướng dẫn thực hành cho các khu bảo tồn*.
15. Ngô Thị Tuyên (2003), Đề tài NCKH&CN cấp Bộ “*Phương thức khai thác giáo dục môi trường từ chương trình giáo dục bậc tiểu học*”, mã số B2003-51-07, Viện Khoa học Giáo dục VN.
16. Ngô Thị Tuyên (2003), Đề tài NCKH&CN cấp Bộ “*Tổ chức chiến dịch tăng cường nhận thức giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường*”, Viện Khoa học Giáo dục

Việt Nam

17. UNESCO Hà Nội, Sở GD-ĐT Thừa Thiên – Huế, (2015), *Học cách sống hòa hợp với thiên nhiên và giúp học sinh biết sống hòa hợp với thiên nhiên*.
18. UNESCO Hà Nội, Sở GD-ĐT Thừa Thiên – Huế, (2015), Bộ tài liệu và khóa học về Đa dạng sinh học: “*Học cách sống hòa hợp với thiên nhiên và giúp học sinh biết sống hòa hợp với thiên nhiên*”.
19. UNESCO, (2020), *Seclected resources on SDG15*.
20. Viện KHGDVN, (2013), Tài liệu *Nâng cao nhận thức và hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu cho Tổng phụ trách Đội*
21. VVOB, (2011), *Tài liệu tập huấn giáo dục môi trường cơ bản*.
22. Bùi Thanh Xuân, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Hoài Thu (2019). *Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của tài liệu và hoạt động giáo dục về bảo tồn ĐVHD bị đe dọa tuyệt chủng cho học sinh Tiểu học*.
23. Wildlife At Risk, Viện Hải Dương Học Nha Trang. 2016. Rắn biển Việt Nam – Sea snakes in Vietnam. Tra cứu tại <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/> Tra cứu tại <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/>
24. (1) Kon Ka Kinh Nation Park - An important Biodiversity Zone in the central highland, Vietnam. Available from: https://www.researchgate.net/publication/308409202_Kon_Ka_Kinh_Nation_Park_-_An_important_Biodiversity_Zone_in_the_central_highland_Vietnam [accessed Nov 19 2023].
25. (2) Nghị định 84/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, ngày 22/9/2021
26. (3) Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, ngày 22/01/2019 (10/3/2019)
27. WAR & Vườn quốc gia Côn Đảo, (2016), *Biển Côn Đảo của em* (sách dành cho học sinh).
28. WWF, (2007), *Giáo dục Bảo tồn động thực vật hoang dã khỏi buôn bán trái phép – Hướng dẫn thực hiện hoạt động với học sinh*.
29. https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong_bao_-_chuong_trinh_tinh_nguyen_vien_2020_12_may_2020.pdf truy cập ngày 11/7/2020.
30. https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/2020/thong_bao_-_chuong_trinh_tinh_nguyen_vien_2020_12_may_2020.pdf truy cập ngày 11/7/2020.
31. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/> truy cập ngày 11/7/2020.
32. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/> truy cập ngày 11/7/2020.
33. <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/> truy cập ngày 11/7/2020.
34. <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach/> truy cập ngày 11/7/2020.

35. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/tuyen-truyen-bao-ve-dong-vat-hoang-da-811921.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
36. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/tuyen-truyen-bao-ve-dong-vat-hoang-da-811921.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
37. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/hoi-thao-ve-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-hiem-767860.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
38. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/hoi-thao-ve-hoan-thien-phap-luat-bao-ve-dong-vat-hoang-da-quy-hiem-767860.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
39. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/cong-dong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-760402.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
40. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/cong-dong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-760402.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
41. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/phat-hanh-bo-tem-dong-vat-vuon-quoc-gia-kon-ka-kinh-671526.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
42. <https://vovworld.vn/vi-VN/xa-hoi-doi-song/phat-hanh-bo-tem-dong-vat-vuon-quoc-gia-kon-ka-kinh-671526.vov> truy cập ngày 12/7/2020.
43. <https://baotainguyenmoitruong.vn/hanh-dong-3-khong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-304641.html> truy cập ngày 12/7/2020.
44. <https://baotainguyenmoitruong.vn/hanh-dong-3-khong-chung-tay-bao-ve-dong-vat-hoang-da-304641.html> truy cập ngày 12/7/2020.
45. <https://nongnghiep.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da--lan-toa-cong-dong-d260267.html> truy cập ngày 12/7/2020.
46. <https://nongnghiep.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da--lan-toa-cong-dong-d260267.html> truy cập ngày 12/7/2020.
47. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/908758/tang-cuong-bao-ve-cac-loai-nguy-cap-quy-hiem>
48. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/908758/tang-cuong-bao-ve-cac-loai-nguy-cap-quy-hiem>
49. Aidan Keane, Andriamahatsiaro A. RamarolahyAidan Keane, Andriamahatsiaro A. RamarolahyAidan Keane, Andriamahatsiaro A. Ramarolahy, Julia P.G. JonesJulia P.G. JonesJulia P.G. Jones, E.J. Milner-Gulland, 2010.E.J. Milner-Gulland, 2010.E.J. Milner-Gulland, 2010. *Evidence for the effects of environmental engagement and education on knowledge of wildlife laws in Madagascar.*
50. A.Meadows (2011); *Wildlife conservation education and international programmes* đăng trên tạp chí the Journal of Animal and plant sciences, 21 (2 Suppl): 2011; p. 305-316
51. WWF, (2020), *Educational Resources on Wild Classroom.*
52. <https://edu-africa.com/students-abroad/educational-wildlife-conservation-programs/>
53. <https://edu-africa.com/students-abroad/educational-wildlife-conservation-programs/>
54. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/>

55. <https://www.svw.vn/vi/giao-duc-bao-ton/>
56. <https://www.wildlifeconservationtrust.org/our-work/communities/education/>
57. <https://www.wildlifeconservationtrust.org/our-work/communities/education/>
58. <https://africanwildlifeconservationfund.org/education-outreach/>
59. <https://africanwildlifeconservationfund.org/education-outreach/>
60. <https://uwec.ug/school-community/school-programs/>
61. <https://uwec.ug/school-community/school-programs/>
62. <https://www.nwf.org/Kids-and-Family/Connecting-Kids-and-Nature>
63. <https://www.nwf.org/Kids-and-Family/Connecting-Kids-and-Nature>
64. <http://www.kws.go.ke/content/conservation-education>
65. <http://www.kws.go.ke/content/conservation-education>
66. <http://limbewildlife.org/what-we-do/education/>
67. <http://limbewildlife.org/what-we-do/education/>
68. <https://fw.ky.gov/Education/Pages/Conservation-Education.aspx>
69. <https://fw.ky.gov/Education/Pages/Conservation-Education.aspx>
70. <https://www.wildnatureinstitute.org/environmental-education.html>
71. <https://www.wildnatureinstitute.org/environmental-education.html>
72. <https://africanconservation.org/project/conservation-education/>
73. <https://africanconservation.org/project/conservation-education/>